BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

----------ꕥ📖ꕥ----------

NGUYỄN XUÂN THỦY

QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Chuyên ngành **: Quản lý giáo dục**
Mã số **: 62.14.01.14**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Nguyễn Phúc Châu
2. PGS.TS Nguyễn Đức Sơn

Hà Nội - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Những nội dung, số liệu và kết quả trình bày trong luận án là hoàn toàn trung thực và chưa có tác giả nào công bố trong bất cứ một công trình nào khác.

Tác giả luận án

Nguyễn Xuân Thủy

LỜI CẢM ƠN

Công trình nghiên cứu này được thực hiện tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Vụ chức năng của Tổng cục dạy nghề, Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội; Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và các tỉnh lân cận.

Tác giả luận án xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, Phòng sau Đại học; Khoa Quản lý giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Ban Giám hiệu, Cán bộ quản lý, giảng viên của các Trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; các cơ quan, doanh nghiệp và các đồng nghiệp luôn động viên, quan tâm và giúp đỡ để hoàn thành luận án.

Tác giả xin bày tỏ sự biết ơn sâu sắc tới: PGS.TS Nguyễn Phúc Châu và PGS.TS Nguyễn Đức Sơn đã tận tình hướng dẫn khoa học và giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình thực hiện luận án.

Xin chân thành cảm ơn các Thầy giáo, Cô giáo, các nhà Khoa học và gia đình đã quan tâm giúp đỡ, đóng góp nhiều ý kiến quý báu, cổ vũ và động viên tác giả hoàn thành công trình khoa học này.

Tác giả luận án

Nguyễn Xuân Thủy

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ASEM	Diễn đàn hợp tác Á - Âu
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐR	Chuẩn đầu ra
CĐN	Cao đẳng nghề
CIPO	Context - Input - Process - Output/Outcome
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CSVC&TBĐT	Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo
GDCN	Giáo dục chuyên nghiệp
GDĐH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
GIZ	Tổ chức hợp tác phát triển Đức
HĐ	Hoạt động
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KH&ĐT	Khoa học và đào tạo
KT-XH	Kinh tế - xã hội
LĐ - TB & XH	Lao động - Thương binh và xã hội
NN & PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
SV	Sinh viên
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
TB	Trung bình
TBĐT	Thiết bị đào tạo
TPP	Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và văn hóa của Liên hiệp quốc
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Mục đích nghiên cứu 3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu 3
4. Giả thuyết khoa học 3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu 3
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu 4
7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 4
8. Những đóng góp của luận án 6
9. Luận điểm bảo vệ 7
10. Cấu trúc luận án 8
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA 9
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề 9
1.1.1. Những nghiên cứu về quản lý giáo dục, quản lý nhà trường và quản lý đào tạo nguồn nhân lực 9
1.1.2. Những nghiên cứu về đào tạo theo chuẩn đầu ra 11
1.1.3. Những nghiên cứu về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra 15
1.1.4. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề 19
1.2. Một số khái niệm cơ bản 20
1.2.1. Trường cao đẳng nghề 20
1.2.2. Chuẩn đầu ra trong đào tạo 20
1.2.3. Đào tạo, đào tạo theo chuẩn đầu ra 21
1.2.4. Quản lý, quản lý nhà trường, quản lý đào tạo, quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra 22
1.3. Vai trò, ý nghĩa và các yêu cầu cơ bản đối với đào tạo theo chuẩn đầu ra trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay 25
1.3.1. Vai trò và ý nghĩa đào tạo theo chuẩn đầu ra trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay 25
1.3.2. Các yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra 26

1.4. Các hoạt động chủ yếu trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra 31
1.4.1. Điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra 32
1.4.2. Phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra 33
1.4.3. Tuyển sinh 34
1.4.4. Giảng dạy của giảng viên 34
1.4.5. Học tập của sinh viên 35
1.4.6. Đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo 36
1.4.7. Phát huy và hạn chế tác động của môi trường 37
1.4.8. Đánh giá kết quả đào tạo 37
1.4.9. Đổi mới hoạt động đào tạo sau mỗi khóa đào tạo 38
1.5. Quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra 39
1.5.1. Quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra 39
1.5.2. Quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo 40
1.5.3. Quản lý hoạt động tuyển sinh 41
1.5.4. Quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên 42
1.5.5. Quản lý hoạt động học tập của sinh viên 43
1.5.6. Quản lý hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo 44
1.5.7. Quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo 45
1.5.8. Quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo 46
1.5.9. Quản lý hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo 47
1.6. Các yếu tố tác động đến quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra.....48
1.6.1. Các yếu tố khách quan 48
1.6.2. Các yếu tố chủ quan 50
Tiểu kết chương 1 51
Chương 2. CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.....52
2.1. Kinh nghiệm quản lý đào tạo nghề theo chuẩn đầu ra của một số quốc gia trên thế giới và của Việt Nam.....52
2.1.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam 52
2.1.2. Kinh nghiệm quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của một số trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 58

2.2. Giới thiệu quá trình khảo sát thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 61
2.2.1. Đối với khảo sát thực trạng đào tạo theo chuẩn đầu ra 61
2.2.2. Đối với khảo sát thực trạng quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra 63
2.3. Thực trạng đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 64
2.3.1. Thực trạng hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra.....64
2.3.2. Thực trạng hoạt động phát triển chương trình đào tạo 66
2.3.3. Thực trạng hoạt động tuyển sinh.....68
2.3.4. Thực trạng hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo 70
2.3.5. Thực trạng hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo 72
2.3.6. Thực trạng hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo.....74
2.3.7. Thực trạng hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo 76
2.3.8. Thực trạng hoạt động đánh giá kết quả đào tạo 78
2.3.9. Thực trạng hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo 80
2.4. Thực trạng quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 83
2.4.1. Thực trạng quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra....83
2.4.2. Thực trạng quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo 85
2.4.3. Thực trạng quản lý hoạt động tuyển sinh.....87
2.4.4. Thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo.....89
2.4.5. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo ...91
2.4.6. Thực trạng quản lý hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo 93
2.4.7. Thực trạng quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo 95
2.4.8. Thực trạng quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo 97
2.4.9. Thực trạng quản lý hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo.....99
2.4.10. Thực trạng mức độ tác động của các yếu tố có ảnh hưởng đến quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra.....102
2.5. Nhận định chung về thực trạng quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 104
2.5.1. Những mặt mạnh, thuận lợi và nguyên nhân 104

2.5.2. Những bất cập, khó khăn và nguyên nhân 105
Tiểu kết chương 2 107
Chương 3. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN 108
3.1. Nguyên tắc đề xuất các giải pháp quản lý 108
3.1.1. Nguyên tắc tuân thủ đường lối lãnh đạo của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, điều lệ và quy chế của ngành 108
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học 108
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi 109
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính logic 109
3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ 110
3.2. Các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong giai đoạn hiện nay 111
3.2.1. Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo 111
3.2.2. Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo 113
3.2.3. Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng chuẩn đầu ra 116
3.2.4. Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra 121
3.2.5. Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành nghề đào tạo 124
3.2.6. Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường 126
3.3. Mối quan hệ giữa các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra.....130
3.4. Khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp quản lý 131
3.4.1. Giới thiệu về quá trình tổ chức khảo nghiệm 131
3.4.2. Kết quả khảo nghiệm 132
3.5. Thử nghiệm một số nội dung trong các giải pháp quản lý 136
3.5.1. Thử nghiệm nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3 136

3.5.2. Thử nghiệm nội dung thứ 3 của giải pháp thứ 6 141
Tiểu kết chương 3 146
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....147
1. Kết luận.....147
2. Kiến nghị 148
NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN ÁN 151
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....152
CÁC PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Mức độ đạt được của hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra 65
Bảng 2.2. Mức độ đạt được của hoạt động phát triển chương trình đào tạo 67
Bảng 2.3. Mức độ đạt được của hoạt động tuyển sinh 69
Bảng 2.4. Mức độ đạt được của hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo 71
Bảng 2.5. Mức độ đạt được của hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo 73
Bảng 2.6. Mức độ đạt được của hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo..... 75
Bảng 2.7. Mức độ đạt được của hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo 77
Bảng 2.8. Mức độ đạt được của hoạt động về đánh giá kết quả đào tạo 79
Bảng 2.9. Mức độ đạt được của hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo 81
Bảng 2.10. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra 84
Bảng 2.11. Mức độ đạt được về quản lý phát triển chương trình đào tạo 86
Bảng 2.12. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động tuyển sinh 88
Bảng 2.13. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo 90
Bảng 2.14. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo 92
Bảng 2.15. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động về đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo 94
Bảng 2.16. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo 96
Bảng 2.17. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo 98
Bảng 2.18. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo 100
Bảng 2.19. Mức độ tác động của các yếu tố có ảnh hưởng đến quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra 103

Bảng 3.1. Mức độ cần thiết của các giải pháp.....133
Bảng 3.2. Mức độ tính khả thi của các giải pháp 134
Bảng 3.3. Mức độ tương quan giữa mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp quản lý.....135
Bảng 3.4. Kết quả nhận thức của giảng viên trước và sau khi có tác động quản lý theo nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3 138
Bảng 3.5. Kết quả giảng dạy của giảng viên trước và sau khi có các tác động quản lý theo nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3 140
Bảng 3.6. Kết quả nhận thức của các CBQL trước và sau khi có các tác động quản lý theo nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 6 143
Bảng 3.7. Kết quả xếp loại kết quả học tập của sinh viên 144

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 3.1. Mối quan hệ của các giải pháp quản lý 131

Biểu đồ 2.1. Kết quả đánh giá mức độ đạt được của các hoạt động trong quá trình đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT 83

Biểu đồ 2.2. Kết quả đánh giá mức độ đạt được của các hoạt động quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT.....102

Biểu đồ 3.1. So sánh nhận thức của giảng viên trước và sau khi có tác động quản lý theo nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3 139

Biểu đồ 3.2. So sánh kết quả giảng dạy của giảng viên.....140

Biểu đồ 3.3. So sánh nhận thức của các CBQL trước và sau khi có các tác động theo nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 6 144

Biểu đồ 3.4. So sánh kết quả học tập của sinh viên 145

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Lịch sử phát triển của xã hội loài người cho thấy sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội (KT-XH) của mỗi quốc gia phụ thuộc phần nhiều vào chất lượng nguồn nhân lực của quốc gia đó. Trong thời đại ngày nay, hội nhập và toàn cầu hoá, sự phát triển của kinh tế thị trường và đặc biệt là sự phát triển của khoa học và công nghệ (KH&CN) là những đặc trưng mang tính toàn cầu. Các đặc trưng đó dẫn đến yêu cầu mới về chất lượng nguồn nhân lực. Chất lượng nguồn nhân lực phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tại các cơ sở đào tạo phải đáp ứng được nhu cầu xã hội là một trong những yếu tố mang tính quyết định. Chính vì vậy, trong một số thập niên gần đây, nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam đang nỗ lực thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho chiến lược phát triển KT- XH.

Xu hướng đổi mới đào tạo nguồn nhân lực của nhiều quốc gia trong giai đoạn hiện nay là các cơ sở đào tạo phải quy định rõ nội dung kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, từng ngành, nghề đào tạo. Điều đó có nghĩa là phải xác định chính xác chuẩn đầu ra của từng ngành, nghề đào tạo trước khi đào tạo và triển khai đào tạo nhằm làm cho người học đạt được chuẩn đó - gọi là đào tạo theo chuẩn đầu ra (CĐR).

Hiện nay, vấn đề đổi mới giáo dục nghề nghiệp (GDNN) đáp ứng các yêu cầu mới về phát triển toàn diện các ngành kinh tế mũi nhọn tại Việt Nam đang được Đảng và Nhà nước rất quan tâm. Từ năm 2013, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp là "*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học*" là "*cần xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo. Coi đó là cam kết bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục và đào tạo; là căn cứ giám sát, đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo*"[19]. Tiếp đó, Ban bí thư

Trung ương Đảng đã có Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao; trong đó có yêu cầu *"Đổi mới phương pháp dạy và học của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp,... Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Công khai chuẩn đầu ra trong cả nước"*[20]. Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 của Chính phủ cũng đưa ra một trong các nội dung chủ yếu của giải pháp đổi mới quản lý giáo dục là "*Tập trung vào quản lý chất lượng giáo dục: chuẩn hóa đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu mới về khoa học giáo dục, khoa học công nghệ và khoa học quản lý, từng bước vận dụng chuẩn của các nước tiên tiến"*[13]. Để thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chiến lược phát triển giáo dục của Chính phủ; trong những năm gần đây hầu hết các cơ sở đào tạo, trong đó có các trường cao đẳng nghề (CĐN) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) đã triển khai đào tạo theo CĐR. Tuy nhiên, hiện nay việc triển khai đào tạo nguồn nhân lực theo CĐR tại các trường này chưa có một hệ thống cơ sở lý luận và chưa có các giải pháp hữu hiệu, nhất là các giải pháp về quản lý đào tạo. Trong khi đó quản lý luôn luôn được coi là yếu tố tiền đề và mang tính quyết định đến chất lượng và hiệu quả mọi hoạt động xã hội; trong đó có hoạt động đào tạo nguồn nhân lực.

Đã có một số công trình khoa học của một số tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu về đào tạo theo CĐR trong các cơ sở đào tạo nói chung và các trường CĐN nói riêng. Các thành quả nghiên cứu đó đã được một số trường cao đẳng nghề áp dụng mang lại một số thành tựu nhất định. Tuy nhiên, hiện nay chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT. Chính vì vậy, hiện nay nhiều trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT chưa có một hệ thống lý luận chuẩn tắc, chưa nhìn nhận hết các mâu thuẫn, khó khăn và bất cập có ngay trong việc triển khai quá trình đào tạo theo CĐR; đặc biệt là chưa có được một hệ thống các giải pháp quản lý khả thi để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

Như vậy, vấn đề nghiên cứu để làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá rõ thực trạng và đề xuất các giải pháp về quản lý đào tạo theo CĐR của các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT nhằm có được sản phẩm đào tạo (nguồn nhân lực đã đào tạo) đáp ứng được các nhu cầu phát triển KT- XH của xã hội là vấn đề mang tính cấp thiết.

Với những lý do chủ yếu nêu trên, với cương vị hiện nay là một trưởng khoa chuyên môn của một Trường Cao đẳng nghề trực thuộc Bộ NN&PTNT, tôi chọn vấn đề **"Quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn"** để nghiên cứu nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề của các trường đó trong bối cảnh phát triển KT-XH hiện nay.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Thiết lập được cơ sở lý luận, đánh giá được thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR ở các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT; từ đó đề xuất được một số giải pháp quản lý đào tạo theo CĐR của các trường đó trong bối cảnh phát triển KT-XH hiện nay.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR trong các trường cao đẳng nghề.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Giải pháp quản lý đào tạo theo CĐR của các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT.

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT hiện nay có những hạn chế do có các khó khăn và bất cập trong đào tạo và quản lý đào tạo. Nếu các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT triển khai một số giải pháp quản lý các hoạt động trong quá trình đào tạo được xác định trên cơ sở phối hợp lý luận giáo dục học với mô hình đào tạo CIPO nhằm tháo gỡ các khó khăn và khắc phục các bất cập có trong thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR; thì chất lượng đào tạo của các trường này sẽ đáp ứng được các yêu cầu nguồn nhân lực của nước nhà trong bối cảnh phát triển KT-XH hiện nay.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

5.1. Thiết lập cơ sở lý luận về quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN.

5.2. Khảo sát và đánh giá thực trạng đào tạo và thực trạng quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT.

5.3. Đề xuất các giải pháp quản lý đào tạo theo CĐR cho các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề của các trường đó trong bối cảnh phát triển KT-XH hiện nay; đồng thời khảo nghiệm và thử nghiệm các giải pháp đã đề xuất nhằm minh chứng cho giả thiết khoa học của luận án.

6. GIỚI HẠN PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Đề tài này nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý đào tạo theo CĐR của các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT trên cơ sở đã có CĐR của các nghề đào tạo.

- Hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay có chức năng đào tạo nguồn nhân lực ở 3 cấp trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề. Đề tài này chỉ nghiên cứu quản lý đào tạo theo CĐR ở trình độ cao đẳng nghề.

- Các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT được chọn để khảo sát thực trạng là một số trường đại diện cho ba miền Bắc, Trung và Nam của đất nước. Cụ thể:

+ Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp (Bình Xuyên, Vĩnh Phúc);

+ Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội (Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội);

+ Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Xây dựng Tam Điệp (Thị xã Tam Điệp, Ninh Bình);

+ Trường Cao đẳng nghề Cơ điện, Xây dựng và Nông lâm Trung Bộ (Quy Nhơn, Bình Định);

+ Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi (Hố Nai, Trảng Bom, Đồng Nai).

7. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật lịch sử và duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, luận án này được nghiên cứu với các hướng tiếp cận và các phương pháp chủ yếu dưới đây.

7.1. Các tiếp cận trong nghiên cứu

7.1.1. Tiếp cận chuẩn

Tiếp cận chuẩn là sự xem xét, so sánh kết quả đạt được của một hoạt động với các chuẩn mực đã quy định đối với chất lượng và hiệu quả của hoạt động đó. Tiếp cận chuẩn trong quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra được hiểu là quản lý quá trình đào tạo được bắt đầu từ xác định (hoặc hoàn thiện) chuẩn đầu ra của người học, đến việc triển khai các hoạt động quản lý trên cơ sở định hướng của chuẩn nhằm làm cho sản phẩm đào tạo (người được đào tạo) đạt được chuẩn đã xác định.

7.1.2. Tiếp cận thị trường

Tiếp cận thị trường trong nghiên cứu đề tài này là việc nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa phát triển KT-XH với yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực; đồng thời giải quyết có hiệu quả mối quan hệ biện chứng đó. Từ đó định hướng được việc triển khai đào tạo theo chuẩn đầu ra từ khâu xác định nhu cầu xã hội về nguồn nhân

lực (xác định CĐR), đến xác định mục tiêu đào tạo, phát triển chương trình đào tạo, lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trong đào tạo, huy động và sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo (CSVC&TBĐT), phát huy tác dụng của môi trường đào tạo (tác động của bối cảnh), và đánh giá kết quả đào tạo theo CĐR.

7.1.3. Phối hợp tiếp cận quá trình đào tạo theo giáo dục học với tiếp cận mô hình đào tạo CIPO

Tiếp cận quá trình đào tạo theo giáo dục học là xem xét các thành tố của quá trình giáo dục vận dụng vào đào tạo theo lý luận giáo dục học để nhận biết thành tố nào có trước, thành tố nào có sau, mối quan hệ tương hỗ của các thành tố đó với nhau để tạo nên chất lượng đào tạo.

Tiếp cận đào tạo theo mô hình CIPO là tiếp cận theo các thành tố đầu vào (Input), các thành tố quá trình (Process), các thành tố đầu ra (Output/Outcome) dưới sự tác động của bối cảnh (Context) và mối quan hệ giữa các thành tố đó.

Sư phối hợp tiếp cận quá trình đào tạo theo giáo dục học với tiếp cận mô hình đào tạo CIPO là xem xét để nhận biết sự tương đồng và khác biệt giữa các thành tố trong trong quá trình đào tạo từ hai tiếp cận đó mà xác định được các thành tố chung nhất trong quá trình đào tạo theo CĐR để tập trung vào chỉ ra các hoạt động đào tạo và quản lý hoạt động đó.

7.1.4. Tiếp cận hệ thống

Tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu đề tài này là xem xét nhà trường CĐN như một phần tử của hệ thống xã hội, có quy luật vận hành và có mối quan hệ biện chứng với các thành tố khác để tạo thành một chỉnh thể. Nói cụ thể là mối quan hệ giữa yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực từ xã hội (CĐR của người được đào tạo) với các trường CĐN trên phương diện cung cầu trong hệ thống xã hội.

Mặt khác, xem xét mỗi thành tố của quá trình đào tạo cũng là một phần tử có mối quan hệ biện chứng với nhau, bổ trợ cho nhau để tạo nên chất lượng đào tạo. Nói cách khác, tiếp cận hệ thống trong đào tạo và quản lý đào tạo cần phải xem xét đầy đủ các hoạt động trong quá trình đào tạo và mối quan hệ giữa các hoạt động đó.

7.1.5. Tiếp cận lịch sử - lôgíc

Tiếp cận lịch sử - logic trong nghiên cứu đề tài luận án này là việc xem xét các dấu hiệu mang tính lịch sử (theo giai đoạn và các thời kỳ) của đào tạo nghề (về xác định nhu cầu xã hội; xây dựng mục tiêu đào tạo trên cơ sở nhu cầu xã hội thể hiện bằng CĐR;

thiết lập chương trình, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo; huy động và trang bị thiết bị đào tạo; xây dựng môi trường đào tạo; đánh giá kết quả và điều chỉnh quá trình triển khai đào tạo) nhằm đối sánh để tìm ra được sự logic giữa các dấu hiệu về các bước tiến trong cách thức tổ chức hoạt động đào tạo, chất lượng và hiệu quả đào tạo và từ đó nhận thấy xu hướng tất yếu phải thực hiện đào tạo theo CĐR nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực trong bối cảnh hiện nay.

7.2. Các phương pháp chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng các phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh, khái quát hoá, cụ thể hoá các quan điểm lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục nghề nghiệp; các tri thức trong các công trình khoa học trong và ngoài nước về quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường và các công trình khoa học có liên quan khác; nhằm thiết lập cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu (cơ sở lý luận về đào tạo, quản lý đào tạo, quản lý đào tạo theo CĐR) trên cơ sở mối quan hệ biện chứng giữa nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực với CĐR trong đào tạo của các trường CĐN.

7.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Sử dụng các phương pháp quan sát, điều tra, chuyên gia (xin ý kiến bằng phiếu hỏi, quan sát, phỏng vấn), tổng kết kinh nghiệm,... để đánh giá thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT; đồng thời xem xét mức độ cần thiết, tính khả thi của các giải pháp quản lý các hoạt động trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra đối với các trường cao đẳng nghề đó nhằm minh chứng cho giả thuyết nghiên cứu.

7.2.3. Một số phương pháp bổ trợ khác

Sử dụng một số phần mềm tin học, phương pháp thống kê toán học để xử lý các số liệu đã thu thập được trong nghiên cứu và khẳng định mức độ tin cậy của các phương pháp và kết quả nghiên cứu.

8. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN

8.1. Những đóng góp về lý luận

Thiết lập được cơ sở lý luận về quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN; trong đó xác định rõ các yêu cầu đào tạo theo CĐR, các hoạt động trong quá trình đào tạo theo CĐR và các hoạt động quản lý đào tạo theo CĐR trên cơ sở phối hợp lý luận về quá trình đào tạo của giáo dục học với mô hình CIPO trong đào tạo nguồn nhân lực.

8.2. Những đóng góp về thực tiễn

Đánh giá được thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT trên cơ sở lý luận về đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR đã được xác định; trong đó chỉ ra được thực trạng các khó khăn, bất cập và nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các khó khăn và bất cập trong đào tạo và quản lý của các trường này. Từ đó đề xuất được các giải pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tháo gỡ được các khó khăn và khắc phục các bất cập trong thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR của các trường đó.

9. LUẬN ĐIỂM BẢO VỆ

1) Đào tạo theo CĐR là một xu thế mang tính tất yếu của các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực đối với mọi quốc gia. Phối hợp lý luận về quá trình đào tạo của giáo dục học với mô hình CIPO về đào tạo nguồn nhân lực; đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN phải triển khai các hoạt động chủ yếu: điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra trước khoá đào tạo; phát triển chương trình đào tạo; tuyển sinh; giảng dạy của giảng viên; học tập của sinh viên; đảm bảo CSVC&TBĐT đào tạo; phát huy và hạn chế các tác động của môi trường đào tạo; đánh giá kết quả đào tạo và hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo. Quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN là quản lý các hoạt động chủ yếu đã nêu.

2) Kết quả đánh giá thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT cho thấy có những nguyên nhân chủ yếu về quản lý đã dẫn đến các khó khăn và bất cập về: bổ sung và hoàn thiện chuẩn đầu ra, phát triển chương trình đào tạo, năng lực giảng dạy của giáo viên, phương tiện và điều kiện vật chất đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo và năng lực quản lý đào tạo của đội ngũ CBQL các cấp của trường.

3) Các giải pháp quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT được đề xuất trên cơ sở lý luận quản lý đào tạo theo CĐR, cơ sở thực tiễn đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR nhằm tháo gỡ các khó khăn, khắc phục các bất cập về các lĩnh vực trong thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo đã nêu trên. Kết quả kiểm chứng và thử nghiệm các giải pháp quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT đã đề xuất khẳng định mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp đó và cũng là các minh chứng cho giả thiết khoa học của luận án.

10. CẤU TRÚC LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục các công trình khoa học của tác giả, danh mục các tài liệu tham khảo; luận án này được bố cục gồm 3 chương:

- Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra.

- Chương 2. Cơ sở thực tiễn về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chương 3. Giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA

1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Trong thời đại ngày nay, sự phát triển bền vững về KT-XH của mỗi quốc gia đều phụ thuộc phần nhiều vào chất lượng nguồn nhân lực của quốc gia đó. Chất lượng nguồn nhân lực phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng một trong những yếu tố mang tính quyết định là cách thức tổ chức đào tạo nguồn nhân lực. Từ đó đã đặt ra cho các cơ sở GDNN những yêu cầu mới về đào tạo và quản lý đào tạo nhằm có được các sản phẩm đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực xã hội nói chung và cụ thể là đạt được chuẩn đầu ra của mỗi nghề được đào tạo.

Trên thực tế, các nghiên cứu khoa học của một số tác giả trong và ngoài nước về đào tạo nghề được tiếp cận theo mục tiêu được diễn đạt với các cụm thuật ngữ "đào tạo theo nhu cầu xã hội", "đào tạo theo năng lực thực hiện", hoặc "đào tạo theo chuẩn đầu ra". Bản chất của các cụm thuật ngữ trên chính là tổ chức hoạt động đào tạo nhằm có được các "sản phẩm đào tạo" (người được đào tạo) đạt tới các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội; nói cách khác là đạt được chuẩn đầu ra của nghề nghiệp. Một số công trình khoa học tiêu biểu đã nghiên cứu về đào tạo và quản lý đào tạo với bản chất là đào tạo theo CĐR.

1.1.1. Những nghiên cứu về quản lý giáo dục, quản lý nhà trường và quản lý đào tạo nguồn nhân lực

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu cả trong nước và nước ngoài về khoa học quản lý đã cho rằng: quản lý là nền tảng cho nghiên cứu quản lý giáo dục, quản lý nhà trường và quản lý đào tạo nguồn nhân lực.

- Ở nước ngoài:

+ Tại Phương Đông đã có các tư tưởng quản lý nhằm mục đích đào tạo lớp người cai trị xã hội trên nền tảng các yếu tố nhân, lễ, nghĩa, trí, dũng, tín, lợi và thành vào việc "truyền đạo" để góp phần tạo ra những người quản lý xã hội chuyên nghiệp như *"quân tử"* và *"kẻ sĩ"* [39].

+ Tại Phương Tây, các công trình khoa học kinh điển về chính trị, kinh tế và quản lý xã hội của Chủ nghĩa Mác- Lênin cho thấy vai trò của người quản lý trong đào tạo và điều này có thể vận dụng vào quản lý đào tạo [46]. Công trình "*The Principles of Scientific Management*" (Những nguyên tắc quản lý khoa học) của Frederick Winslow Taylor (1856 - 1915) [82] đã chỉ ra các nền tảng cho quản lý nói chung và

quản lý đào tạo nói riêng. Một công trình tiêu biểu có tác dụng và giá trị quản lý đào tạo nguồn nhân lực là: "*Developing Human Resource*" (Phát triển nguồn nhân lực) của nhà xã hội học người Mỹ Leonard Nadler với sự gián tiếp chỉ ra các yêu cầu về năng lực của nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội [79]. Gần đây, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc *(United Nations Educational Scientific and Cultural Organization - UNESCO)* đã đề cao quan điểm ứng dụng mô hình CIPO trong đào tạo nguồn nhân lực với các yếu tố đầu vào (**I**nput), quá trình (**P**rocess), đầu ra (**O**utput/**O**utcome), và tác động của bối cảnh (**C**ontext). Từ đó quản lý đào tạo theo mô hình **CIPO** bao gồm: quản lý đầu vào, quản lý quá trình, quản lý đầu ra trong mối tương quan với những tác động của bối cảnh [37].

- Tại Việt Nam:

+ Trước hết phải nói đến tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về *huấn luyện cán bộ*. Theo Người, khi huấn luyện (đào tạo) phải xác định đúng và phối hợp tốt các yếu tố: "*huấn luyện nhằm đạt được những gì"* (mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng); "*huấn luyện gì"* (nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng); "*ai huấn luyện"* (lực lượng người dạy); "*huấn luyện ai"* (người học); "*huấn luyện như thế nào"* (phương pháp và hình thức đào tạo, bồi dưỡng); "*huấn luyện trong điều kiện nào"* (phương tiện và điều kiện đào tạo, bồi dưỡng), *kiểm tra và đánh giá kết quả huấn luyện* thông qua đánh giá người học [48].

+ Trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhiều nhà khoa học Việt Nam đã có các nghiên cứu đáng trân trọng. Tác giả Nguyễn Văn Bình trong cuốn "*Khoa học tổ chức và quản lý - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*" đã nêu rõ cơ sở lý luận để vận dụng vào quản lý các hoạt động xã hội; trong đó có thể vận dụng vào quản lý đào tạo nguồn nhân lực [3]. Cuốn sách "*Cơ sở khoa học của quản lý*" của tác giả Nguyễn Minh Đạo đã chỉ ra các tri thức về quản lý để vận dụng vào quản lý đào tạo [22]. Tác giả Đỗ Hoàng Toàn trong cuốn "*Giáo trình Khoa học quản lý*" đã chỉ ra các kiến thức cơ bản của quản lý một tổ chức; bàn đến nhưng yêu cầu về phẩm chất và năng lực của các người lao động mà các yêu cầu đó đặt ra cho người quản lý phải tổ chức đào tạo, bồi dưỡng như thế nào để phát triển đội ngũ này [55]. Trong công trình "*Quản lý giáo dục*", các tác giả Bùi Minh Hiền, Vũ Ngọc Hải và Đặng Quốc Bảo đã có các tiếp cận mới vừa tiếp thu những tinh hoa của các lý thuyết quản lý qua nhiều thời kỳ lịch sử, vừa mang tính thích ứng thời đại ngày nay về khoa học quản lý để vận dụng vào quản lý giáo dục nói chung. Các tri thức đó sẽ vận dụng có hiệu quả trong đào tạo nguồn nhân lực [34].

1.1.2. Những nghiên cứu về đào tạo theo chuẩn đầu ra

- Theo các nội dung trong cuốn "*The Life and Times of Victor Karlovich Della-Vos*" (Cuộc đời và sự nghiệp của Victor Karlovich Della-Vos). Victor Vos Della, Hiệu trưởng Trường Kỹ thuật Hoàng Gia Nga đã đề xuất sáng kiến phân tích nghề nghiệp. Quan điểm khoa học trên được coi là một trong những sáng kiến của Della Vos đặt nền tảng khoa học sớm nhất về phát triển chương trình đào tạo theo năng lực thực hiện được xem như yêu cầu của chuẩn đầu ra trong đào tạo nghề [81].

- Theo các tác giả William E. Blank trong cuốn "*Handbook for Developing Competency - Based Training Programs*", đào tạo theo phát triển năng lực (mà bản chất là đào tạo theo chuẩn đầu ra) không dùng thời gian quy định cho khoá học mà dùng các chuẩn về kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp đã quy định (Standard of Profession) để làm đơn vị đo (chuẩn đánh giá) kết quả đào tạo. [74].

- Một trong những tài liệu bàn sâu về đào tạo theo năng lực gắn với chuẩn đầu ra được ấn hành thập niên cuối của Thế kỷ XX là cuốn "*Designing Competence - Based Training*" (Thiết kế năng lực - cơ sở đào tạo) của Shirley Fletcher đã đề cập các cơ sở khoa học của việc thiết lập các tiêu chuẩn đào tạo, các kỹ thuật phân tích nhu cầu người học và phân tích công việc, xây dựng mô đun của chương trình đào tạo để đạt tới chuẩn đầu ra [75].

- Trong cuốn "*Technologie et l'enseignement technique et la formation professionnelle*" (Công nghệ và kỹ thuật giáo dục và đào tạo nghề) các tác giả khẳng định hệ thống chuẩn kỹ năng nghề được quy định cụ thể trong các bộ chuẩn đào tạo nói chung và chuẩn đầu ra ngành đào tạo của mỗi nghề nói riêng. Để có được các bộ chuẩn đầu ra cho đào tạo, các cơ sở đào tạo phải xác định hệ thống các kiến thức, kỹ năng của người hành nghề trên cơ sở phân tích nghề để xác định được chuẩn đầu ra và coi chuẩn đó là yêu cầu bắt buộc đối với người học khi bắt đầu ra trường [85].

- Theo nhận định của các nhà khoa học Rothwell, W. J. & Lindholm, J. E. trong cuốn "*Competency identification modeling and assessment in the USA*" (Xác định mô hình năng lực và đánh giá tại Hoa Kỳ), để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cần phải dựa trên phân tích quá trình lao động để khám phá ra những quy tắc, những cách thức tốt nhất giúp cho người học nghề có được năng lực hành nghề, mà các năng lực này được coi như chuẩn đầu ra của một nghề được đào tạo tại các cơ sở GDNN [83].

- Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đã có nhiều công trình nghiên cứu về năng lực thực hiện của người lao động, trong đó công trình "*ILO, Occupational Competencies:*

Identification, Training, Evaluation, Certification" (Năng lực nghề nghiệp: Xác định, đào tạo, đánh giá, chứng nhận) [77] đã cho thấy để nâng cao năng suất lao động thì bên cạnh việc xác định hệ thống các năng lực thực hiện của người lao động, đào tạo năng lực đó, thì đánh giá và chứng nhận các năng lực thực hiện kỹ năng nghề có ý nghĩa quyết định.

- Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ (OIF), Hiệp hội thúc đẩy giáo dục và đào tạo ở nước ngoài (APEFE) của Vương quốc Bỉ và Tổng cục dạy nghề Việt Nam đã ấn hành bộ tài liệu "*Phương pháp tiếp cận theo năng lực trong đào tạo nghề*" [2]. Bộ tài liệu này đã chỉ rõ việc triển khai một hệ thống đào tạo nghề dựa trên phương pháp tiếp cận theo năng lực nghề nghiệp mở đường cho việc áp dụng các bộ chuẩn năng lực, từ đó làm cơ sở cho việc xác định chuẩn đầu ra, chuẩn đào tạo, kế hoạch đào tạo, xây dựng chuẩn đánh giá trong đào tạo của các cơ sở GDNN.

Các tác giả Đỗ Minh Cương và Nguyễn Thị Doan, trong cuốn *"Phát triển nguồn nhân lực giáo dục đại học Việt Nam"* [16, tr.61] cho rằng: đầu ra của giáo dục trước hết phải kể đến sản phẩm của nhà trường là con người, với nhân cách được hình thành và phát triển theo mục tiêu giáo dục - đây là mục tiêu mà vì nó nhà trường tồn tại. Nhưng ở khía cạnh khác, về đầu ra của giáo dục được hiểu là đầu ra của cả nền giáo dục hay của hệ thống giáo dục quốc dân, đó là tác động của nền giáo dục góp phần phát triển KH-XH.

- Trong cuốn "*Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*" của tác giả Trần Kiểm, tác giả đã chỉ ra những yếu tố đầu vào trong giáo dục và đào tạo cũng như đầu ra của giáo dục và đào tạo là con người - sản phẩm đào tạo của nhà trường với nhân cách được hình thành và phát triển theo mục tiêu giáo dục. Ở đây có thể hiểu mục tiêu đó chính là chuẩn đầu ra ngành đào tạo mà các cơ sở giáo dục và đào tạo phải đạt tới là phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài [41].

- Trong cuốn "*Phát triển toàn diện con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá*", tác giả Phạm Minh Hạc đã bàn đến các yếu tố mang tính toàn diện về phẩm chất và năng lực của con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các yêu cầu này thực chất là các năng lực của người được đào tạo được xem như các yêu cầu về chuẩn đầu ra đối với một ngành đào tạo [28].

- Tác giả Phan Văn Kha trong cuốn "*Đào tạo và sử dụng nhân lực trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*" [40] đã đưa ra các yêu cầu xã hội về năng lực của nguồn nhân lực trước bối cảnh kinh tế thị trường và các yêu cầu về tổ chức đào tạo nhằm hình thành và phát triển năng lực hành nghề cho người lao động; mà các yêu cầu về năng lực đó có thể được xem là chuẩn đầu ra cần được vận dụng trong đào tạo.

- Theo tác giả Nguyễn Vũ Bích Hiền trong cuốn "*Phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông*" đã khẳng định: "Vấn đề phát triển chương trình giáo dục nghề nghiệp theo năng lực thực hiện phải căn cứ vào phân tích nghề, phân tích công việc để chính xác hóa nội dung đào tạo,..., việc phát triển chương trình giáo dục theo năng lực thực hiện đặc biệt chú trọng đến khả năng thực hành của người học, tức là việc áp dụng lý thuyết vào thực tế" [36]. Những lý luận này đã cho thấy việc phát triển các chương trình đào tạo theo năng lực thực hiện hoàn toàn áp dụng được cho việc phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.

- Chuyên đề "*Đổi mới căn bản dạy nghề ở Việt Nam*" trong cuốn "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam"của tác giả Vũ Ngọc Hải đã đề xuất cần nhanh chóng xây dựng được các tiêu chí đánh giá kết quả dạy nghề theo chuẩn,…, chuẩn hóa dạy nghề nhất thiết phải chuẩn hóa về các yếu tố thầy, trò, nội dung, chương trình, điều kiện dạy học, quản lý dạy nghề,... Cũng trong tài liệu này, tác giả đã đề cập tới các biện pháp đổi mới đào tạo nghề, trong đó có vấn đề đổi mới phương thức đánh giá kết quả đào tạo theo chuẩn nghề (có thể coi là đánh giá theo chuẩn đầu ra) [30].

- Năm 2011, Tổng cục dạy nghề thuộc Bộ LĐ-TB&XH phối hợp với Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)) xuất bản tài liệu "*Kỹ năng dạy học - Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên và người dạy nghề*" đã mô tả khá đầy đủ về quan điểm dạy học theo năng lực thực hiện, cấu trúc và các tiêu chí đánh giá năng lực thực hiện. Các tri thức của tài liệu này có thể vận dụng vào đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp [56].

- Tác giả Nguyễn Minh Đường trong đề tài cấp nhà nước Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX - 05 - 10 "*Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*" đã xác định: chuẩn các trình độ, các ngành nghề trong hệ thống đào tạo là những yêu cầu khách quan từ thị trường lao động, nó xuất phát từ nhu cầu của các ngành KT-XH, các cơ sở GDNN phải căn cứ vào đó mà xây dựng mục tiêu đào tạo, để có thể đánh giá theo chuẩn thì mục tiêu đào tạo phải được thiết kế một cách rất cụ thể, rõ ràng thang giá trị nhất định của các tiêu chí về năng lực thực hiện hay năng lực chuyên môn nghề, hoặc năng lực thực hành nghề mà học sinh, sinh viên tốt nghiệp cần phải có [26].

- Trong Chương trình KH&CN cấp Nhà nước, "*Bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới, mã số KX07-14*" do tác giả Nguyễn Minh Đường làm chủ nhiệm đã nêu lên các yêu cầu về phẩm chất, năng lực của đội ngũ nhân lực; trong

đó có bàn sâu về các năng lực hành nghề của người được đào tạo và đặc biệt là cách thức tổ chức bồi dưỡng (đào tạo lại) đội ngũ nhân lực của nước nhà trong bối cảnh mới về phát triển KT-XH hiện nay [25].

- Trong kết quả nghiên cứu của Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX - 05 - 10: "*Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*", tác giả Nguyễn Minh Đường đã xác định: chuẩn các trình độ, các ngành nghề trong hệ thống đào tạo là những yêu cầu khách quan từ thị trường lao động, nó xuất phát từ nhu cầu của các ngành KT-XH, từ đó các cơ sở GDNN phải căn cứ vào đó mà xây dựng mục tiêu đào tạo với các chuẩn về: kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo. Chuẩn các trình độ có trong công trình nghiên cứu này chính là CĐR ngành đào tạo [26].

- Luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Quang Việt với đề tài "*Kiểm tra đánh giá trong dạy học thực hành theo tiếp cận năng lực thực hiện*" đã đưa ra một số luận điểm cơ bản về đánh giá trong dạy học thực hành nghề theo tiếp cận năng lực thực hiện như: đặc điểm dạy học thực hành nghề, nội dung, phương pháp và các nguyên tắc đánh giá; quy trình và các công cụ đánh giá trong dạy học thực hành nghề theo năng lực thực hiện. Các kết quả nghiên cứu trong luận án có thể vận dụng tốt vào nghiên cứu khâu đánh giá trong quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các cơ sở GDNN hiện nay [72].

- Năm 2012, tác giả Cao Danh Chính với đề tài luận án tiến sỹ: "*Dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện ở các trường Đại học sư phạm kỹ thuật*" đã khẳng định dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện định hướng và chú trọng vào kết quả đầu ra của quá trình dạy học, cách thức tổ chức dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện và đặc biệt là đưa ra bộ công cụ đánh giá các năng lực thực hiện hay chuẩn đầu ra được trang bị cho người học [14].

- Trong kỷ yếu hội thảo "*Seminaire Referentienls de Metier Pour les Enseinants*" (Hội thảo về chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên). Tác giả J. Bonfond cho rằng để biên soạn các chuẩn đầu ra, các quy chuẩn kỹ năng hành nghề cần có sự miêu tả tỷ mỉ những chức năng của nghề coi như khung quy chuẩn đào tạo. Chuẩn nghề nghiệp phải tuân theo những đặc điểm và đòi hỏi của nghề, phải có sự thống nhất để duy trì sự cân bằng giữa các yếu tố để có để có thể áp dụng được và sử dụng được [84].

- Trong bài "*Chuẩn đầu ra trong giáo dục đại học"* các tác giả Lê Đức Ngọc và Trần Hữu Hoan, đã chỉ ra các yêu cầu trong quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra như: cụ

thể hóa và chi tiết hóa mục tiêu đào tạo của chương trình giáo dục đào tạo thông qua việc xác định chuẩn đầu ra; xây dựng chuẩn đầu ra; tuyên bố chuẩn đầu ra cho một chương trình giáo dục đào tạo; quản lý các hoạt động của người dạy và người học; phương thức đánh giá kết quả đào tạo theo chuẩn đầu ra [50].

- Tác giả Sử Ngọc Anh trong bài "*Xây dựng chuẩn đầu ra góp phần đảm bảo chất lượng giáo dục đại học*" đã xác định những nội dung cần có trong chuẩn đầu ra, quy trình xây dựng và công bố chuẩn đầu ra, một số lưu ý khi xác định mục tiêu đào tạo và thiết kế nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra, đánh giá các khóa học bằng cách sử dụng chuẩn đầu ra theo hướng chuyển quá trình đào tạo từ tập trung vào giáo viên sang hướng đến người học; chuyển trọng tâm từ việc dạy sang việc học; biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, gắn với nhu cầu xã hội [1].

- Tác giả Nguyễn Thế Mạnh trong bài "*Đề xuất chuẩn đầu ra về kỹ năng dạy học của quá trình đào tạo giáo viên dạy nghề tại các trường Sư phạm kỹ thuật*" đã nêu lên yêu cầu kết quả đào tạo giáo viên dạy nghề phải đạt các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ trên 2 lĩnh vực: KH&CN và nghiệp vụ sư phạm kỹ thuật. Từ đó, tác giả cũng chỉ ra các yêu cầu trong tổ chức đào tạo theo chuẩn đầu ra từ khâu cam kết với xã hội về sinh viên khi ra trường (biết những gì, làm được những việc nào), đến xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức quá trình đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo [47].

1.1.3. Những nghiên cứu về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra

- Tác giả Trần Khánh Đức trong cuốn "*Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*" đã bàn về mô hình quản lý đào tạo CIPO gồm 4 nội dung: Bối cảnh, quản lý đầu vào, quản lý quá trình và quản lý đầu ra; trong đó quản lý đầu ra bao gồm: Quản lý đầu ra qua số lượng, chất lượng sinh viên tốt nghiệp thông qua quản lý đổi mới nhận thức về cách đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra đã được xác định, quản lý cách đánh giá; Quản lý đầu ra qua số lượng, chất lượng SV có việc làm đáp ứng đúng ngành, nghề đào tạo trong thời gian 06 tháng sau tốt nghiệp; Quản lý liên kết tư vấn hướng nghiệp [24].

- Trong chuyên đề "*Quản lý chất lượng giáo dục*" trong cuốn "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới" tác giả Đặng Xuân Hải đã trình bày quy trình quản lý chất lượng ở một cơ sở giáo dục và đào tạo bao gồm các bước: Xác lập các chuẩn mực và các chỉ số đối với các yếu tố liên quan đến chất lượng giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục và đào tạo (chương trình giáo dục và đào tạo được triển khai theo đúng yêu cầu của "chuẩn đầu ra", tổ chức hoạt

động dạy học phù hợp với đối tượng và gắn với việc đạt được "mục tiêu đào tạo - chuẩn đầu ra" của mỗi môn học, của từng mô đun nhằm góp phần đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng người học theo hướng đạt "chuẩn đầu ra"; Tổ chức triển khai các chuẩn mực vào các hoạt động đào tạo; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện và đánh giá chất lượng đã đạt được; Xây dựng văn hóa chất lượng [29].

- Đề tài KH&CN trọng điểm cấp Bộ "*Các giải pháp triển khai đào tạo cán bộ quản lý giáo dục theo nhu cầu xã hội*", mã số B2007. 29 - 27 TĐ do tác giả Nguyễn Phúc Châu làm chủ nhiệm đề tài [10], có bàn kỹ về nhu cầu xã hội về đào tạo đội ngũ CBQL giáo dục và các giải pháp triển khai đào tạo chức năng giáo dục theo nhu cầu xã hội. Những vấn đề về lý luận, thực tiễn và các giải pháp quản lý được đề xuất trong đề tài này có thể vận dụng vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực theo năng lực thực hiện, cũng như theo chuẩn đầu ra đối với ngành đào tạo.

- Đề tài KH&CN cấp Bộ "*Tiếp cận đào tạo nghề dựa trên năng lực thực hiện và việc xây dựng tiêu chuẩn nghề*", mã số 93-38-24 do tác giả Nguyễn Đức Trí làm chủ nhiệm có thể xem là công trình đầu tiên nghiên cứu khá toàn diện về năng lực thực hiện và hệ thống đào tạo theo tiêu chuẩn nghề ở Việt Nam mà ở đây có thể coi tiêu chuẩn nghề đã được các nhà khoa học xác định trong đề tài là một dạng của chuẩn đầu ra. Đề tài này đã làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của phương thức đào tạo dựa trên năng lực thực hiện, đặc biệt là việc chỉ ra các giai đoạn xác định nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực, cách thức tổ chức đào tạo theo tiếp cận này từ khâu xác định mục tiêu đào tạo theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đến các khâu xây dựng chương trình, tổ chức hoạt động dạy học, đánh giá kết quả đào tạo theo các yêu cầu của chuẩn [61].

- Luận án tiến sĩ với đề tài "*Các giải pháp đổi mới quản lý dạy học thực hành nghề theo tiếp cận năng lực thực hiện cho sinh viên sư phạm kỹ thuật*" [38] của tác giả Nguyễn Ngọc Hùng đã phân tích những đặc điểm của đào tạo theo tiếp cận năng lực thực hiện, so sánh sự khác nhau giữa đào tạo theo năng lực thực hiện và đào tạo theo niên chế; đồng thời chỉ ra những yêu cầu khách quan phải đổi mới dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện thông qua xác định chuẩn nghề nghiệp (chuẩn đầu ra đào tạo).

- Luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thị Hằng "*Quản lý đào tạo ở trường dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội*" đã xác định: Để các trường dạy nghề có thể đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội trong cơ chế thị trường thì khâu then chốt và bước đi đột phá là phải đổi mới quản lý đào tạo nghề từ đào tạo theo hướng cung sang hướng cầu và tuân thủ các quy luật của thị trường theo các chuẩn đào tạo đã được xác định

(chuẩn đầu ra). Phải thiết lập mối quan hệ mật thiết giữa nhà trường với các doanh nghiệp trong đào tạo là tiền đề quan trọng để đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [33].

- Luận án tiến sỹ của tác giả Nguyễn Tuyết Lan với đề tài "*Quản lý liên kết đào tạo giữa trường cao đẳng nghề với doanh nghiệp ở tỉnh Vĩnh Phúc đáp ứng yêu cầu phát triển nhân lực*" đã khẳng định: Chuẩn đầu ra được xác định dựa trên yêu cầu doanh nghiệp. Quản lý đánh giá theo chuẩn đầu ra là quản lý toàn bộ hoạt động liên quan đến quá trình liên kết đào tạo giữa nhà trường với doanh nghiệp. Chuẩn đầu ra chi phối hoạt động xây dựng chương trình, thiết kế nội dung bài học, lựa chọn phương pháp giảng dạy theo hướng dạy - học - đánh giá. Kết quả tốt nghiệp khẳng định mức độ phù hợp về chất lượng sản phẩm đào tạo so với yêu cầu của doanh nghiệp [43].

- Trong bài "*Tổ chức quản lý đào tạo các cơ sở dạy nghề trong hệ thống giáo dục hiện đại*" tại Hội thảo quốc tế về "Tổ chức quản lý đào tạo trong các cơ sở dạy nghề - Kinh nghiệm của Bỉ và Việt Nam" tác giả Luc Moitroux đã nêu: "*Dạy học theo năng lực thực hiện có 4 yếu tố chính: Các định hướng và các chính sách trong lĩnh vực giáo dục và dạy nghề; phương pháp quản lý; phát triển các chương trình đào tạo, hướng tới việc soạn thảo các chương trình đào tạo hoặc các chuẩn đào tạo theo phương pháp tiếp cận theo năng lực; tiến hành đào tạo. Điều quan trọng là thực hiện bốn yếu tố trên một cách đồng thời, chuẩn nghề nghiệp mới (tiêu chuẩn nghề) cần phải được xây dựng, các chuẩn đào tạo phải được áp dụng trong các trường và giáo viên cần được đào tạo về kỹ thuật giảng dạy tiếp cận theo năng lực thực hiện nhằm đạt chuẩn đầu ra của ngành đào tạo*" [49]. Các kết quả nghiên cứu dạy học theo năng lực thực hiện cũng được xem như yêu cầu dạy học theo chuẩn đầu ra.

- Trong bài "*Một số vấn đề liên quan đến việc xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ở các trường đại học nước ta hiện nay"* tác giả Ngô Hồng Điệp đã trình bày những lợi ích, những khó khăn, các điểm cần chú ý trong quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra đối với nhà trường, giáo viên, sinh viên, nhà quản lý các cấp, vai trò của doanh nghiệp sử dụng người học và những tổ chức đánh giá ngoài chất lượng đào tạo [23].

- Trong bài báo "*Quản lý đào tạo theo nhu cầu xã hội*" tác giả Hồ Cảnh Hạnh đã đưa ra một số giải pháp quản lý đào tạo theo nhu cầu xã hội như: Xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề; Đổi mới mô hình và quy trình tổ chức đào tạo; Hoàn thiện và phát triển chương trình đào tạo để chương trình đào tạo vừa phải có tính khác biệt thích ứng với nhu cầu sử dụng, hoàn thiện chuẩn đầu ra theo chuẩn trường, chuẩn quốc gia, chuẩn khu vực và chuẩn quốc tế [31].

- Trong bài "*Quản lý đào tạo nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội*" tác giả Nguyễn Thị Hằng đã xác định các giải pháp về quản lý đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội bao gồm: Quản lý việc phát triển chương trình theo cách tiếp cận nhu cầu xã hội cần quan tâm đến hai phương diện: Nội dung chương trình đào tạo thể hiện rõ các chuẩn nghề nghiệp ở mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo là hệ thống các năng lực thực hiện được mọi công việc của nghề đạt chuẩn quy định ở vị trí lao động mà doanh nghiệp đòi hỏi; Chương trình cần được cấu trúc theo mô đun, tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, liên thông giữa các trình độ đào tạo để đáp ứng nhu cầu rất đa dạng của doanh nghiệp về chuẩn đầu ra và khả năng phát triển của người học [32].

- Trong bài viết "*Định hướng, lựa chọn ngành nghề đào tạo, thúc đẩy động cơ học tập của sinh viên thông qua chuẩn đầu ra ở các trường đại học*" của tác giả Lê Phước Lượng đã xác định vai trò chuẩn đầu ra với việc định hướng, lựa chọn ngành nghề và thúc đẩy động cơ học tập của người học thông qua xác định vai trò của nhà trường, của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý trong nhà trường, của sinh viên, của các đơn vị sử dụng lao động khi thực hiện đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của mỗi ngành đào tạo. Mặt khác, chuẩn đầu ra là cầu nối để nâng cao mối quan hệ, hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp và xã hội [45].

Để thống nhất về nội dung, cách thức xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo, Bộ GD&ĐT đã ban hành "*Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH, ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT*" và "*Công văn số 5543/BGDĐT-GDCN, ngày 9/9/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT*" hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho các cơ sở giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp; trong đó xác định mục tiêu xây dựng và công bố chuẩn đầu ra nhằm: Công khai với xã hội về năng lực đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng của trường để: Người học, phụ huynh, nhà tuyển dụng biết và giám sát; thực hiện những cam kết của nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo để cán bộ quản lý, giảng viên và người học nỗ lực vươn lên trong giảng dạy và học tập; đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá và đổi mới phương phương pháp học tập; đồng thời, xác định rõ nghĩa vụ và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, phục vụ giảng dạy và quản lý nhằm giúp người học vươn lên trong học tập và tự học để đạt chuẩn đầu ra;...; tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động [4],[5]. Qua nội dung các văn bản này cho thấy các yêu cầu về một chuẩn đầu ra về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ

năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo. Đây là các tài liệu nghiên cứu của Bộ GD&ĐT có ý nghĩa định hướng cho các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo theo chuẩn đầu ra.

Tóm lại:

- Nhìn chung, các công trình khoa học tiêu biểu trong và ngoài nước nêu trên đã tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản và tổng quát nhất về quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường và quản lý đào tạo theo nhu cầu xã hội trong đó bao hàm về quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện và theo chuẩn đầu ra.

- Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước nêu trên cho thấy năng lực thực hiện là cụ thể hoá của chuẩn đầu ra vì chuẩn đầu ra nói đến các kiến thức, kỹ năng và thái độ; mà 3 lĩnh vực này bao hàm trong đó các năng lực thực hiện nhằm có sản phẩm đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực xã hội. Nói cách khác, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước thể hiện rõ quan điểm: đào tạo theo năng lực thực hiện, hay rộng hơn là đào tạo theo nhu cầu xã hội có bản chất là đào tạo theo chuẩn đầu ra.

- Kết quả trong các công trình nghiên cứu về đào tạo và quản lý đào tạo theo nhu cầu xã hội, hoặc theo năng lực thực hiện đều có thể coi là các điểm tựa về lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu về đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra trong các cơ sở GDNN nói chung và tại các trường cao đẳng nghề nói riêng.

- Cho đến hiện nay, ở Việt Nam chưa có nhiều công trình nghiên cứu về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra đối với các trường cao đẳng nghề. Điều đó cho thấy để nghiên cứu về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề cần phải tập trung nghiên cứu những vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn. Đây chính là những nhiệm vụ chủ yếu trong các nhiệm vụ nghiên cứu luận án này.

1.1.4. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề

Vấn đề đào tạo theo chuẩn đầu ra đã được một số tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu, bàn luận; nhưng điều đó chỉ là những quan điểm mang tính định hướng chung.

Để nghiên cứu rõ về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề, luận án này cần phải tiếp tục nghiên cứu:

- *Về mặt lý luận:*

+ Làm rõ xu hướng phát triển KT-XH trong thời đại ngày nay dẫn đến sự tất yếu phải coi đào tạo theo chuẩn đầu ra là một yêu cầu trong đổi mới đào tạo nói chung và GDNN nói riêng;

+ Chỉ ra quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra và các yêu cầu thực hiện từng khâu của quá trình này đối với một cơ sở GDNN nói chung và đối với các trường cao đẳng nghề nói riêng;

+ Những hoạt động quản lý đối với đào tạo theo chuẩn đầu ra tương ứng với mỗi khâu của quá trình đào tạo đó;

+ Những yếu tố khách quan và chủ quan có tác động đến kết quả đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội toàn cầu hiện nay.

- *Về mặt thực tiễn:*

+ Phải có các nghiên cứu để nhận biết thực trạng đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT; đồng thời chỉ rõ thực trạng quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường đó;

+ Từ kết quả của các nghiên cứu về thực trạng phải xác định rõ những mâu thuẫn, khó khăn, bất cập có ngay trong quản lý các khâu của quá trình đào tạo, để có cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT trong giai đoạn hiện nay.

1.2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.2.1. Trường cao đẳng nghề

Trường cao đẳng nghề là cơ sở GDNN có chức năng đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn [53].

Đặc trưng của Trường cao đẳng nghề là hoạt động đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng nghề để người học có năng lực không những thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp; mà còn giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề, có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc [53].

1.2.2. Chuẩn đầu ra trong đào tạo

Theo công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo trình độ cao đẳng và đại học: *"Chuẩn đầu ra là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà*

người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo".

Các nội dung chủ yếu của chuẩn đầu ra ngành đào tạo bao gồm:

- Tên ngành đào tạo (viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh);
- Trình độ đào tạo;
- Yêu cầu về kiến thức: gồm các tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp,…);
- Yêu cầu về kỹ năng:

+ Các kỹ năng cứng: gồm kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề,…;

+ Các kỹ năng mềm: gồm kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học,…

- Yêu cầu về thái độ:

+ Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân;

+ Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ;

+ Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

- Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;
- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường;
- Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo [4],[5].

Các yêu cầu cơ bản về chuẩn đầu ra ngành đào tạo gồm:

- Phải phù hợp nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực;
- Phải thể hiện rõ trong mục tiêu đào tạo một ngành đào tạo;
- Phải đảm bảo tính định hướng để thiết lập chương trình, nội dung, giáo trình và tài liệu đào tạo;
- Phải là cơ sở để lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo;
- Phải gắn với các yêu cầu về trang bị, sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo;
- Phải thích ứng với các yêu cầu về môi trường đào tạo;
- Phải là cơ sở để xác định các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo;
- Phải là cơ sở để rà soát, điều chỉnh và bổ sung CĐR và chương trình đào tạo.

1.2.3. Đào tạo, đào tạo theo chuẩn đầu ra

a) Đào tạo

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, đào tạo là: *"quá trình tác động đến một con người nhằm làm cho người đó lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo,..., một cách có hệ thống nhằm chuẩn bị cho người đó những thích nghi với cuộc sống và khả năng nhận một sự phân công lạo động nhất định, góp phần của mình vào việc phát triển xã hội, duy trì và phát triển nền văn minh của loài người"* [71; tr 735].

Theo tác giả Nguyễn Minh Đường: *"Đào tạo là quá trình hoạt động có mục đích, có tổ chức, nhằm hình thành và phát triển có hệ thống các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ,... để hoàn thiện nhân cách cho mỗi cá nhân, tạo điều kiện cho họ có thể vào đời hành nghề một cách có năng suất và hiệu quả"* [25; tr 45].

Tuỳ theo tính chất chuẩn bị cho cuộc sống và cho lao động, người ta phân biệt dạng đào tạo chuyên môn và dạng đào tạo nghề nghiệp,...; đồng thời tổ chức quá trình đào tạo với các hình thức khác nhau như chính quy, không chính quy,...

Các dạng và hình thức đào tạo đó gắn bó và hỗ trợ cho nhau để đáp ứng nhu cầu của cá nhân nhân người học, của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng người học đã qua đào tạo, nói rộng ra là đáp ứng nhu cầu và yêu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực trong từng giai đoạn hoặc trong mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể.

Như vậy, *đào tạo là quá trình hoạt động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể đào tạo, nhằm hình thành và phát triển có hệ thống các tri thức, kỹ năng, thái độ...để người đươc đào tạo lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kĩ năng nghề nghiệp để tìm việc làm và làm việc có chất lượng và hiệu quả.*

b) Đào tạo theo chuẩn đầu ra

Từ khái niệm chuẩn đầu ra và khái niệm đào tạo, thì *đào tạo theo CĐR là quá trình hoạt động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể đào tạo, nhằm hình thành và phát triển có hệ thống cho người học các nội dung tri thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề trong công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo.*

1.2.4. Quản lý, quản lý nhà trường, quản lý đào tạo, quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra

a) Quản lý

Các nhà khoa học trong và ngoài nước đã đưa ra khái niệm quản lý theo những góc độ tiếp cận khác nhau. Ví dụ:

Theo tác giả Đỗ Hoàng Toàn, *"Quản lý là sự tác động có tổ chức, có định hướng của chủ thể lên đối tượng quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội của hệ thống để đạt được mục tiêu đặt ra trong điều kiện biến chuyển của môi trường"* [55; tr. 43]; theo các tác giả Bùi Minh Hiền, Đặng Quốc Bảo và Vũ Ngọc Hải đã viết trong cuốn sách "Quản lý giáo dục": *"Quản lý là sự tác động có tổ chức có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm đạt mục tiêu đề ra"* [34; tr.12].

Theo các nhà khoa học Harold Koontz, Cyril Odonnell và Heinz Weihrich viết trong cuốn sách "Những vấn đề cốt yếu của quản lý" các tác giả cho rằng: *"Quản lý là thiết kế một môi trường mà trong đó con người cùng làm việc với nhau trong các nhóm có thể hoàn thành mục tiêu"* [42; tr 29]. Trong cuốn sách "Một số vấn đề về tư tưởng quản lý" của tác giả Hồ Văn Vĩnh có đoạn viết: *"Theo F.W Taylor, Quản lý là biết được chính xác điều bạn muốn người khác làm và sau đó hiểu được rằng họ đã hoàn thành công việc một cách tốt nhất và rẻ nhất"* [73].

Nhìn nhận nội hàm của khái niệm quản lý mà các nhà khoa học trong và ngoài nước đã nêu trên, có thể thấy:

- Quản lý xuất hiện như là một tất yếu từ việc phân công lao động của con người trong một tổ chức (hệ thống); Chủ thể quản lý là người đứng đầu trong tổ chức (hệ thống) có trách nhiệm tổ chức và điều hành mọi hoạt động của tổ chức bằng các tác động của mình vào người bị quản lý; Khách thể quản lý bao gồm những người bị quản lý trong tổ chức; Mục tiêu quản lý là *"cái đích"* mà chủ thể quản lý phải huy động và điều phối mọi nguồn lực của tổ chức để đạt tới; Yêu cầu về nội dung, phương thức và quy trình mà chủ thể quản lý tác động vào khách thể quản lý là phải có mục đích, kế hoạch và hợp quy luật,...; Các hoạt động của tổ chức và của chủ thể quản lý trong môi trường luôn luôn biến đổi.

Như vậy có thể hiểu:

Quản lý một tổ chức (hoặc hệ thống) là sự tác động có mục đích, có kế hoạch và hợp quy luật của chủ thể quản lý (người quản lý tổ chức) đến khách thể quản lý (những người bị quản lý trong tổ chức) nhằm huy động và điều phối có hiệu quả mọi nguồn lực của tổ chức (nhân lực, tài lực và vật lực ...) để đạt tới mục tiêu đã định của tổ chức trong môi trường luôn luôn thay đổi.

Quản lý có các chức năng cơ bản:

- *Kế hoạch hoá* là việc chủ thể quản lý xác định mục tiêu, mục đích đối với các thành tựu tương lai của tổ chức và các con đường, biện pháp, cách thức để đạt mục tiêu, mục đích đó;

- *Tổ chức* là quá trình chủ thể quản lý hình thành nên cấu trúc các quan hệ giữa các thành viên, giữa các bộ phận trong một tổ chức nhằm làm cho họ thực hiện thành công kế hoạch và đạt được mục tiêu của tổ chức;

- *Chỉ đạo* là việc chủ thể quản lý liên kết, liên hệ với người khác và động viên họ thực hiện các công việc theo sự tổ chức thực hiện kế hoạch đã có.

- *Kiểm tra* là việc chủ thể quản lý theo dõi, giám sát và đánh giá các thành quả hoạt động so với mục tiêu và tiến hành các hoạt động sửa chữa, uốn nắn nếu cần thiết [44].

Các chức năng quản lý có mối quan hệ chặt chẽ, tác động và chi phối lẫn nhau tạo thành một chỉnh thể và được thực hiện theo một chu trình bắt đầu từ bước kế hoạch hoá, rồi đến các bước tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra.

b) Quản lý nhà trường

Trường học là một thiết chế tổ chức chuyên biệt trong hệ thống các tổ chức xã hội, thực hiện chức năng tái tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự duy trì và phát triển của xã hội loài người. Quản lý nhà trường có thể hiểu theo hai cấp độ:

- Ở cấp vĩ mô, quản lý nhà trường được hiểu theo nghĩa hoạt động của các cơ quan quản lý giáo dục và các cấp chính quyền (đơn vị hành chính từ Trung ương đến địa phương) đối với một cơ sở giáo dục (nhà trường) cụ thể nào đó" [10; tr.20]. Ở cấp độ này chủ thể quản lý nhà trường là cá nhân và cơ quan quản lý giáo dục có trách nhiệm quản lý nhà trường.

- Ở cấp vi mô, quản lý nhà trường được hiểu theo nghĩa hoạt động của chủ thể quản lý một cơ sở giáo dục (hiệu trưởng hoặc người có chức vụ tương đương đối với các hoạt động của cơ sở giáo dục mà họ được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý [10; tr. 20]. Ở cấp độ này, quản lý nhà trường là những tác động có mục đích, có kế hoạch và hợp quy luật của chủ thể quản lý nhà trường (hiệu trưởng) đến khách thể quản lý nhà trường (giảng viên, giáo viên, nhân viên, người học và các lực lượng xã hội khác,...) nhằm đạt tới các mục tiêu giáo dục của nhà trường trong môi trường luôn luôn thay đổi.

c) Quản lý đào tạo

Từ khái niệm đào tạo và khái niệm quản lý nêu trên, có thể hiểu:

Quản lý đào tạo là sự tác động có mục đích, kế hoạch và hợp quy luật của chủ thể quản lý đào tạo trong một cơ sở đào tạo nhà trường đến các khách thể quản lý nhằm huy động và điều phối hiệu quả mọi nguồn lực của cơ sở đào tạo để đạt tới mục tiêu đào tạo đã định trong môi trường luôn luôn thay đổi (hình thành và phát triển có hệ thống các tri thức, kỹ năng, thái độ ... để người được đào tạo lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kĩ năng nghề nghiệp để tìm việc làm và làm việc có chất lượng và hiệu quả).

d) Quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra

Từ khái niệm đào tạo và khái niệm quản lý nêu trên, có thể hiểu: quản lý đào tạo trong nhà trường là sự tác động có mục đích, kế hoạch và hợp quy luật của chủ thể nhà trường (cơ sở đào tạo) đến các khách thể quản lý nhằm huy động và điều phối hiệu quả

mọi nguồn lực để đạt tới mục tiêu đào tạo (hình thành và phát triển có hệ thống các tri thức, kỹ năng, thái độ ... để người được đào tạo lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kĩ năng nghề nghiệp để tìm việc làm và làm việc có chất lượng và hiệu quả) trong môi trường luôn luôn thay đổi .

Như vậy, *quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của nhà trường là sự tác động có mục đích, kế hoạch và hợp quy luật của chủ thể quản lý nhà trường đến khách thể quản lý nhằm huy động và điều phối hiệu quả mọi nguồn lực để đạt tới mục tiêu đào tạo như chuẩn đầu ra đã xác định.*

1.3. VAI TRÒ, Ý NGHĨA VÀ CÁC YÊU CẦU CƠ BẢN ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HIỆN NAY

1.3.1. Vai trò và ý nghĩa đào tạo theo chuẩn đầu ra trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay

Nhìn nhận từ cả góc độ lý luận và thực tiễn, triết lý: "Giáo dục cho tất cả mọi người - Tất cả cho sự nghiệp giáo dục" (Education for All - All for Education) luôn thể hiện rõ mối quan hệ giữa đào tạo nguồn nhân lực với yêu cầu phát triển KT-XH. Triết lý đó định hướng cho các hoạt động đào tạo phải dựa trên thể chế chính trị, đường lối lãnh đạo và chính sách quốc gia, gắn với mô hình phát triển và phương thức quản lý xã hội, với thành quả nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KH&CN, với truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc, tiềm lực an ninh quốc phòng của một quốc gia nhằm phát triển KT-XH.

Trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập, sự điều tiết của nền kinh tế thị trường và đặc biệt là sự phát triển của KH&CN, trong đó có cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và phong trào khởi nghiệp; Việt Nam đã là một quốc gia thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organization - WTO), thành viên của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations - ASEAN), đang nỗ lực gia tham gia các hoạt động đã thống nhất trong các Diễn đàn hợp tác Á - Âu (The Asia-Europe Meeting - ASEM) và gần đây là một thành viên đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans - Pacific Strategic Economic Partnership Agreement - TPP). Với vị thế và trách nhiệm với các điều khoản đã ký kết, Việt Nam vừa phát huy các lợi thế để phát triển, những cũng phải đối mặt với các thử thách về chuẩn nguồn nhân lực (trên các bình diện quốc gia, khu vực và quốc tế), trong đó có các vấn đề về số lượng, cơ cấu, đặc biệt là phẩm chất và năng lực những người lao động được đào tạo trong các cơ sở đào tạo phải thỏa mãn được yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội; nói cách khác là phải đạt được CĐR đã xác định và công bố.

Các mối quan hệ trên cho thấy vai trò và ý nghĩa của đào tạo tạo theo chuẩn đầu ra để đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp trong bối cảnh phát triển KT-XH hiện nay trên các bình diện địa phương, quốc gia và cả quốc tế.

1.3.2. Các yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra

a) Yêu cầu về mục tiêu đào tạo và công bố chuẩn đầu ra

Mục tiêu đào tạo theo CĐR một nghề đào tạo phải đạt các yêu cầu chủ yếu:

- Nhằm vào sự đạt tới các yêu cầu về nắm vững các kiến thức: tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp,… theo vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

- Nhằm vào sự đạt tới các yêu cầu về kỹ năng cứng (chuyên môn, thực hành nghề nghiệp, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề,…) theo vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

- Nhằm vào sự đạt tới các yêu cầu về kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, …) theo vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

- Nhằm vào sự đạt tới các yêu cầu về phẩm chất đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, trách nhiệm và thái độ phục vụ theo vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

- Nhằm vào sự đạt tới các yêu cầu về khả năng học tập cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ, sáng tạo trong công việc theo vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

- Nhằm vào sự đạt tới các yêu cầu về khả năng tiếp thục học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ theo công việc và vị trí làm việc của người học sau khi họ tốt nghiệp;

- Chuẩn đầu ra phải công bố trên trang Website, sổ tay sinh viên, sổ tay cán bộ giảng viên, tờ rơi; thông qua báo chí và gửi văn bản đến các cơ quan quản lý Nhà nước và cơ quan chủ quản;

- Chuẩn đầu ra phải được rà soát, điều chỉnh và bổ sung định kỳ và hàng năm công bố những nội dung bổ sung đó, nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của xã hội, của người sử dụng lao động.

b) Yêu cầu về chương trình đào tạo

Chương trình theo CĐR một nghề đào tạo phải đạt các yêu cầu chủ yếu:

- Sự lựa chọn cơ cấu nội dung, số lượng và thời lượng các môn học/mô đun trong chương trình đào tạo phải được thiết kế trên cơ sở các nội dung CĐR nghề đào tạo đã công bố;

- Mục tiêu của mỗi môn học/mô đun trong chương trình chi tiết phải nhằm tới các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong CĐR của nghề đào tạo đã công bố;

- Nội dung của mỗi môn học/mô đun trong từng chương trình chi tiết mà người học cần lĩnh hội phải dựa trên các chi phối từ mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chuẩn đầu ra của nghề đào tạo đã công bố;

- Phương pháp, hình thức tổ chức mỗi môn học/mô đun trong chương trình chi tiết phải là giúp người học lĩnh hội được các nội dung để có các kiến thức, kỹ năng, thái độ theo chuẩn đầu ra của nghề đào tạo đã công bố;

- Phương tiện và điều kiện dạy học các môn học/mô đun trong từng chương trình chi tiết phải hướng tới mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ theo CĐR của nghề đào tạo đã công bố;

- Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả người học các môn học/mô đun trong từng chương trình chi tiết phải dựa trên tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ theo CĐR của nghề đào tạo đã công bố.

c) Yêu cầu đối với giảng viên trong quá trình giảng dạy

Trong quá trình đào tạo theo CĐR giảng viên phải đạt các yêu cầu chủ yếu:

- Đạt các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, lối sống, tác phong quy định trong chuẩn giảng viên dạy nghề [54];

- Nắm được căn cứ, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; đồng thời có khả năng chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình và giáo trình đào tạo;

- Lập được kế hoạch giảng dạy (giáo án) môn học/mô đun được phân công của Bộ môn (hoặc Khoa) trên cơ sở chương trình chi tiết đã nghiệm thu và kế hoạch đào tạo của cả khoá học;

- Có trình độ tay nghề ở một mức nhất định, nhằm giải quyết được các tình huống của nghề và hình thành năng lực cho người học [54];

- Tổ chức hoạt động dạy học lý thuyết/ thực hành/ tích hợp trên cơ sở vận dụng và phối hợp có hiệu quả các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm hướng người học tới chuẩn đầu ra;

- Sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy nghề, ... trong giảng dạy để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy theo chuẩn đầu ra;

- Lựa chọn và thiết kế được các công cụ kiểm tra, đánh giá toàn diện, chính xác kết quả học tập của người học về kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với môn học/mô đun theo các tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra;

- Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học, văn bản CĐR nghề đào tạo; bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định;

- Xây dựng kế hoạch, thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục và đánh giá đạo đức, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học/mô đun và các hoạt động giáo dục khác góp phần thực hiện chuẩn đầu ra;

- Có đủ năng lực trao đổi kinh nghiệm, học tập, bồi dưỡng, rèn luyện bản thân; có kiến thức, kỹ năng cơ bản để chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên.

d) Yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình học tập

Trong quá trình đào tạo, người học (sinh viên) theo chuẩn đầu ra một nghề đào tạo phải đạt các yêu cầu chủ yếu:

- Hiểu rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và các yêu cầu mang tính quy chuẩn khác trong CĐR nghề đào tạo đã được nhà trường công bố trước khóa học và bổ sung trong khóa học;

- Hiểu rõ về các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt được của mỗi môn học/mô đun trong từng chương trình chi tiết của nghề đào tạo trong mối quan hệ với chuẩn đầu ra của nghề đào tạo;

- Có mục đích, động cơ học tập đúng đắn theo các trụ cột "học để biết, học để làm, học để chung sống và học để làm người" và triết lý "học suốt đời" thể hiện trong học tập, rèn luyện, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau;

- Lựa chọn và chủ động, sáng tạo các phương pháp học tập, rèn luyện phù hợp với học tập và nghiên cứu mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để dần dần đạt tới chuẩn đầu ra nghề đào tạo;

- Biết tự đánh giá kết quả học tập của bản thân trong từng môn học/mô đun và đánh giá kết quả học tập của bản thân trong cả khóa học theo chuẩn đầu ra nghề đào tạo;

- Biết tự điều chỉnh các hoạt động học tập (chính khóa, ngoại khóa và thực tập nghề nghiệp) và rèn luyện bản thân theo mục tiêu của từng môn học/mô đun và theo các yêu cầu của chuẩn đầu ra nghề đào tạo;

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức nhằm phát huy truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường,…

e) Yêu cầu về đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

CSVC&TBĐT đào tạo theo CĐR của nghề đào tạo phải đạt các yêu cầu chủ yếu:

- Huy động được nguồn kinh phí đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau (ngân sách nhà nước; đầu tư của các tổ chức, cá nhân; học phí, lệ phí tuyển sinh; hợp tác đào tạo, KH&CN, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; tài trợ, viện trợ);

- Phải được trang bị đầy đủ và kịp thời theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu và CSVC theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở trung ương;

- Phải được hướng dẫn cho giảng viên, sinh viên và người quản lý về tính năng tác dụng, quy trình vận hành, sử dụng và bảo quản các CSVC&TBĐT đã được trang bị trong trường (thư viện và phòng thí nghiệm, nhà xưởng);

- Phải được sử dụng, khai thác hiệu quả để trang bị các kiến thức, rèn luyện các các kỹ năng cứng, hình thành các kỹ năng mềm và giáo dục các thái độ theo chuẩn đầu ra nghề đào tạo;

- Phải tận dụng được nguồn cơ sở vật chất và đặc biệt là thiết bị đào tạo có ở các tổ chức, cơ quan và doanh nghiệp là cơ sở thực tập nghề nghiệp của sinh viên hoặc đã liên kết đào tạo với trường;

- Phải được liên tục phát triển theo hướng đầy đủ, kịp thời, chuẩn hóa và tiến tới hiện đại hóa (thường xuyên bổ sung theo sự tiến bộ của KH&CN và cập nhật các thiết bị đào tạo mới của các quốc gia trong khu vực).

g) Yêu cầu về môi trường đào tạo

Môi trường đào tạo theo chuẩn đầu ra phải đạt các yêu cầu chủ yếu:

- Nhà trường tạo được hệ thống những niềm tin liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của mọi thành viên cùng hướng tới mục tiêu chất lượng đào tạo là đạt chuẩn đầu ra các nghề đào tạo;

- Nhà trường tạo được hệ thống những giá trị liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của mọi thành viên cùng hướng tới mục tiêu chất lượng đào tạo là đạt chuẩn đầu ra các nghề đào tạo;

- Nhà trường tạo được hệ thống những chuẩn mực xử sự liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của mọi thành viên cùng hướng tới mục tiêu chất lượng đào tạo là đạt chuẩn đầu ra các nghề đào tạo;

- Nhà trường tạo được hệ thống những kỳ vọng liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của mọi thành viên cùng hướng tới mục tiêu chất lượng đào tạo là đạt chuẩn đầu ra các nghề đào tạo;

- Nhà trường tạo được hệ thống những thói quen liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của mọi thành viên cùng hướng tới mục tiêu chất lượng đào tạo là đạt chuẩn đầu ra các nghề đào tạo;

- Nhà trường tạo được hệ thống những truyền thống liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của mọi thành viên cùng hướng tới mục tiêu chất lượng đào tạo là đạt chuẩn đầu ra các nghề đào tạo;

- Nhà trường tạo được và duy trì thương hiệu của nhà trường về chất lượng đào tạo là đạt chuẩn đầu ra các nghề đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu và yêu cầu sử dụng của xã hội.

h) Yêu cầu về đánh giá kết quả đào tạo

Đánh giá kết quả đào tạo theo CĐR một nghề đào tạo phải đạt các yêu cầu chủ yếu:

- Có chuẩn đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo từng chương trình chi tiết môn học/mô đun trên cơ sở cụ thể hóa theo chuẩn đầu ra nghề đào tạo đã công bố;

- Có chuẩn đánh giá kết quả học tập của sinh viên cả khóa đào tạo (đánh giá tốt nghiệp) nhằm so sánh kết quả đạt được với các tiêu chí của CĐR nghề đào tạo đã công bố;

- Nhà trường tổ chức thực hiện có chất lượng các hoạt động đánh giá trong đối với một khóa đào tạo theo quy định của cơ quan, tổ chức đánh giá ngoài;

- Nhà trường sẵn sàng tham gia vào các hoạt động đánh giá ngoài đối với khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra nghề đào tạo;

- Nhà trường thực hiện các hoạt động rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch đổi mới và cải tiến các hoạt động đào tạo theo kết luận của tổ chức đánh giá ngoài;

- Nhà trường thực hiện các hoạt động đổi mới và cải tiến các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra nghề đào tạo theo kế hoạch đổi mới và cải tiến các hoạt động đào tạo đã thiết lập.

i) Yêu cầu về các hoạt động sau khóa đào tạo

Hoạt động sau khóa đào tạo theo CĐR một nghề đào tạo phải đạt các yêu cầu chủ yếu:

- Nhà trường thu thập được các thông tin tự đánh giá của các cựu sinh viên đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về mức độ đạt chuẩn đầu ra nghề đào tạo của sinh viên theo từng vị trí việc làm;

- Nhà trường thu thập được các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp về mức độ đạt chuẩn đầu ra về các kỹ năng cứng của sinh viên theo từng vị trí việc làm;

- Nhà trường thu thập được các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp về mức độ đạt chuẩn đầu ra về các kỹ năng mềm của sinh viên theo từng vị trí việc làm;

- Nhà trường thu thập được các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp về mức độ đạt chuẩn đầu ra về các yêu cầu thái độ của sinh viên theo từng vị trí việc làm;

- Nhà trường tổ chức các hoạt động nhằm điều chỉnh, bổ sung nội dung của chuẩn đầu ra nghề đào tạo theo ý kiến tự đánh giá của cưu sinh viên và theo các ý kiến đánh giá của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Nhà trường tổ chức các hoạt động nhằm đổi mới hoặc cải tiến mục tiêu, chương trình và giáo trình đào tạo, phương pháp và hình thức tổ chức, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo, môi trường đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo.

1.4. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA

Theo khoa học giáo dục (giáo dục học) [51; tr 38 – 42], đào tạo là một quá trình giáo dục bao gồm một số thành tố liên kết chặt chẽ, tác động và bổ trợ cho nhau để đạt tới mục tiêu đào tạo. Từ mỗi thành tố đó, có thể xác định được các hoạt động chủ yếu của quá trình đào tạo. Đó là:

- Hoạt động xác định nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực, trong đó phải kết hợp chặt chẽ giữa nhu cầu người học với nhu cầu sử dụng người học sau tốt nghiệp để định ra mục tiêu đào tạo đối với từng nghề;

- Hoạt động thiết lập chương trình đào tạo, trong đó có xác định mục tiêu đào tạo và định hướng về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện và điều kiện, phương thức đánh giá kết quả đào tạo;

- Hoạt động tuyển sinh, thực hiện theo các hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển để đảm bảo chất lượng đầu vào của một khóa đào tạo;

- Hoạt động của các lực lượng đào tạo (trong đó chủ yếu là hoạt động của người dạy và người học) với các phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo để chuyển tải các nội dung đào tạo đến người học nhằm đạt tới mục tiêu đào tạo có trong chương trình đào tạo; các lực lượng ngoài nhà trường tham gia đào tạo (như các doanh nghiệp,…)

- Hoạt động về CSVC&TBĐT, trong đó có huy động, mua sắm, phân bổ, trang bị, sử dụng CSVC&TBĐT theo yêu cầu của chương trình đào tạo, nhu cầu của người dạy và người học;

- Hoạt động về môi trường đào tạo, trong đó có tạo dựng môi trường thuận lợi về pháp lý và văn hoá, tận dụng thế mạnh và hạn chế các bất thuận của môi trường tự nhiên và xã hội đối với đào tạo;

- Hoạt động đánh giá kết quả đào tạo, trong đó có kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học trong quá trình học tập (về lý thuyết, thực hành và thực tập nghề nghiệp) và hoạt động cải tiến hoặc đổi mới các hoạt động trong quá trình đào tạo sau một khoá đào tạo.

Theo mô hình CIPO về đào tạo nguồn nhân lực [27], đào tạo nguồn nhân lực bao gồm các yếu tố:

- Đầu vào (**I**nput): Nhu cầu đào tạo; Tuyển sinh; Chương trình đào tạo; Lực lượng đào tạo; Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo.

- Quá trình (**P**rocess): Giảng dạy của người dạy; Học tập của người học.

- Đầu ra (**O**utput/**O**utcome): Đánh giá kết quả đào tạo (trong đó có các kết quả thi hết môn học, thực tập nghề nghiệp, thi tốt nghiệp); Các hoạt động sau đào tạo của cơ sở đào tạo (trong đó có tư vấn và giới thiệu việc làm, thu thập thông tin mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo, đổi mới (cải tiến) các hoạt động đào tạo sau khóa đào tạo).

- Bối cảnh (**C**ontext): Bối cảnh phát triển KT-XH của thời đại; Sự phát triển của KH&CN; Đường lối lãnh đạo của Đảng, luật pháp và chính sách của Nhà nước về phát triển KT-XH nói chung và phát triển GD&ĐT nói riêng; Sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng nguồn nhân lực vào hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo.

Trên cơ sở phối hợp lý luận giáo dục học về quá trình đào tạo với mô hình CIPO về đào tạo nguồn nhân lực (nêu trên), cho thấy dù tiếp cận theo hướng nào cũng thấy quá trình đào tạo theo CĐR bao gồm các hoạt động chủ yếu dưới đây.

1.4.1. Điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra

Điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR được xem là một trong các yếu tố đầu vào. Theo giới hạn nghiên cứu, quản lý đào tạo theo CĐR của các trường CĐN trên cơ sở đã có CĐR. Chính vì vậy, điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR trong đào tạo theo CĐR của các trường này bao gồm một số công việc (hoạt động) cụ thể sau đây.

- Thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra ngành, nghề đào tạo của trường với các thành phần theo quy định tại công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT;

- Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra nghề đào tạo của trường tổ chức các phiên họp để thống nhất mục tiêu, giao nhiệm vụ thu thập thông tin, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra các nghề đào tạo;

- Các khoa tổ chức hội thảo khoa học để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên,…, để dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra;

- Các khoa gửi dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra để lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp, đội ngũ cựu sinh viên và các thành phần tham gia đào tạo khác của trường;

- Hội đồng Khoa học và đào tạo (KH&ĐT) cấp khoa hoàn thiện dự thảo điều chỉnh và bổ sung CĐR trên cơ sở phân tích ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên,… và báo cáo Hội đồng KH&ĐT cấp trường;

- Hội đồng KH&ĐT trường tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra của tất cả các nghề đào tạo được các khoa hoặc tổ bộ môn gửi đến để trình hiệu trưởng ký ban hành;

- Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra nghề đào tạo của trường thực hiện việc công bố chuẩn đầu ra cùng các nội dung điều chỉnh và bổ sung trên trang Website của trường và các phương tiện thông tin khác;

- Thực hiện điều chỉnh và bổ sung định kỳ chuẩn đầu ra, nhằm đáp ứng cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, sự phát triển của khoa học, công nghệ và đặc biệt là đáp ứng nhu cầu xã hội, yêu cầu của các nhà tuyển dụng theo từng thời kỳ.

1.4.2. Phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra

Phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra được xem là một trong các yếu tố đầu vào. Phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra bao gồm các công việc: phát triển chương trình chi tiết môn học/mô đun với mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, các điều kiện và phương tiện triển khai chương trình dựa trên các tiêu chí của chuẩn đầu ra đã có. Hoạt động này gồm một số công việc cụ thể sau đây.

- Thành lập và họp Ban phát triển chương trình đào tạo của trường để đưa ra các ý kiến hoàn thiện chương trình đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo cùng với các nội dung cứng cho từng nghề đào tạo;

- Thành lập và họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của mỗi nghề để xin ý kiến tư vấn của Hội đồng cho việc ký và ban hành chương trình đào tạo theo CĐR;

- Thực hiện ban hành các chương trình đào tạo theo CĐR (đã hoàn thiện) trên cơ sở Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo đã thông qua đối với các nghề đào tạo;

- Thành lập tại mỗi khoa Ban phát triển chương trình chi tiết cho mỗi môn học/mô đun theo chuẩn đầu ra của nghề đào tạo và họp ban đó để thống nhất các vấn đề cần hoàn thiện chương trình chi tiết;

- Ban phát triển chương trình chi tiết xác định các vấn đề cần hoàn thiện về mục tiêu kiến thức, kỹ năng (cứng, mềm) và yêu cầu thái độ đối với từng môn học hoặc mô đun trên cơ sở chương trình của các nghề đào tạo;

- Ban phát triển chương trình chi tiết xác định các vấn đề cần hoàn thiện về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, phương tiện và điều kiện triển khai chương trình chi tiết trên cơ sở mục tiêu của chương trình chi tiết đã có;

- Ban phát triển chương trình chi tiết xác định các vấn đề cần hoàn thiện về phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trên cơ sở mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức, phương tiện và điều kiện đã xác định;

- Thành lập và họp Hội đồng thẩm định chương trình chi tiết của khoa để góp ý cho việc hoàn thiện từng chương trình chi tiết môn học/mô đun và đề nghị Hiệu trưởng ký ban hành.

1.4.3. Tuyển sinh

Tuyển sinh trong đào tạo theo CĐR được xem là một trong các yếu tố đầu vào. Hoạt động tuyển sinh trong đào tạo theo CĐR bao gồm một số công việc cụ thể sau đây.

- Thực hiện xác định chỉ tiêu đào tạo trên cơ sở nhu cầu đào tạo, phù hợp năng lực đào tạo, với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực và theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở trung ương;

- Thực hiện quảng bá về chỉ tiêu xét tuyển (tuyển thẳng, cử tuyển) và thi tuyển theo quy định của Luật GDNN trên các phương tiện chuyển tải thông tin đại chúng và phương tiện thông tin của trường;

- Thực hiện hình thức xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển; coi thi, chấm thi, xác định và thông báo điểm chuẩn hoặc các tiêu chí xét tuyển theo quy định trong Luật GDNN;

- Hoạt động gửi giấy thông báo trúng tuyển và triệu tập sinh viên đến các thí sinh đã trúng tuyển theo các diện thi tuyển hoặc xét tuyển theo quy định hiện hành;

- Thực hiện đón tiếp, thu nhận hồ sơ sinh viên mới nhập trường, giúp đỡ họ tìm nơi ăn, chỗ ở, biên chế lớp học và thực hiện các hoạt động tạo điều kiện ban đầu khác;

- Cán bộ quản lý các khoa gặp sinh viên, thông báo chức năng và nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, quy mô và chất lượng đào tạo, thành quả nghiên cứu KH&CN, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo của trường;

- Các khoa tổ chức cho cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên, cán bộ cố vấn học tập của khoa gặp gỡ sinh viên; phổ biến quy chế đào tạo, nội quy, và đặc biệt là chuẩn đầu ra (đã điều chỉnh, bổ sung) của từng nghề đào tạo;

- Các phòng chức năng (đào tạo, quản lý học sinh sinh viên…) và các tổ chức chính trị (Đảng và Đoàn thanh niên, Hội sinh viên,…) tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của tổ chức mình.

1.4.4. Giảng dạy của giảng viên

Giảng dạy của giảng viên trong đào tạo theo chuẩn đầu ra được xem là một trong các yếu tố quá trình. Hoạt động giảng dạy của giảng viên trong đào tạo theo chuẩn đầu ra bao gồm một số công việc cụ thể sau đây.

- Tham gia Hội đồng phát triển chương trình chi tiết mỗi nghề đào tạo (điều chỉnh bổ sung về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các môn học/mô đun theo chuẩn đầu ra);

- Lựa chọn giáo trình hoặc soạn giáo trình mới, sưu tầm tài liệu tham khảo cho các môn học/mô đun mà người giảng viên đảm nhận giảng dạy theo chương trình chi tiết đã có;

- Thiết lập kế hoạch giảng dạy (giáo án) theo chương trình chi tiết môn học/ mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo theo hướng phát triển năng lực người học;

- Giảng dạy lý thuyết trên lớp theo kế hoạch giảng dạy (giáo án) môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo;

- Hướng dẫn sinh viên thực hành tại phòng thí nghiệm hoặc xưởng thực hành theo kế hoạch giảng dạy các môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo;

- Tham gia hướng dẫn sinh viên thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch giảng dạy môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học tập và sau khi kết thúc môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận giảng dạy trong quá trình triển khai khóa đào tạo;

- Nghiên cứu khoa học và công nghệ (KH&CN) và ứng dụng các thành quả nghiên cứu KH&CN vào giảng dạy môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận giảng dạy trong quá trình triển khai khóa đào tạo.

1.4.5. Học tập của sinh viên

Học tập của sinh viên trong đào tạo theo chuẩn đầu ra được xem là một trong các yếu tố quá trình. Hoạt động học tập của sinh viên trong đào tạo theo chuẩn đầu ra bao gồm một số công việc cụ thể sau đây:

- Thiết lập kế hoạch học tập cá nhân (lý thuyết, thực hành) đối với môn học/mô đun theo học kỳ, năm học và khóa học phù hợp với kế hoạch khóa học của trường;

- Học tập các giờ lý thuyết trên lớp đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo theo đúng các quy định về nề nếp học tập trong quy chế đào tạo;

- Thực hành tại phòng thí nghiệm hoặc xưởng trường đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để rèn luyện các kỹ năng và hình thành thái độ theo yêu cầu của chuẩn đầu ra;

- Tự học, tự nghiên cứu tại thư viện, ở ký túc xá hoặc ở nhà riêng đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ theo yêu cầu của chuẩn đầu ra;

- Hoạt động thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch đào tạo của trường để đạt tới các yêu cầu về năng lực, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra;

- Tham gia nghiên cứu KH&CN, hội thi sáng tạo nghề nghiệp của trường, của nghề và của một số nước trong khu vực để bổ trợ kiến thức, kỹ năng và thái độ theo CĐR;

- Tham gia vào các hoạt động truyền thống, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động xã hội ở địa phương để bổ trợ về kiến thức, kỹ năng và thái độ theo CĐR;

- Tự đánh giá về kết quả học tập, rèn luyện của bản thân theo các tiêu chí đã xác định trong chuẩn đầu ra khóa đào tạo đã được nhà trường công bố.

1.4.6. Đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

Hoạt động đảm bảo CSVC&TBĐT trong đào tạo được xem là một trong các yếu tố tác động của bối cảnh theo mô hình CIPO. Đảm bảo CSVC&TBĐT trong đào tạo theo chuẩn đầu ra bao gồm một số công việc cụ thể sau đây:

- Xác định nhu cầu sử dụng các công trình xây dựng, mua sắm, trang bị thiết bị đào tạo (TBĐT) phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo CĐR;

- Đánh giá thực trạng số lượng và chất lượng các công trình xây dựng, mua sắm, trang bị TBĐT so với nhu cầu quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo CĐR;

- Huy động nguồn lực vật chất từ các nguồn khác nhau (ngân sách nhà nước; đầu tư của các tổ chức, cá nhân; học phí, lệ phí tuyển sinh; hợp tác đào tạo, KH&CN sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; tài trợ, viện trợ);

- Xây dựng các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm, trang bị TBĐT phục vụ cho quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình triển khai khóa đào tạo theo CĐR;

- Hướng dẫn tính năng, tác dụng, cách thức vận hành trong sử dụng CSVC&TBĐT vào hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo CĐR;

- Bảo quản, thanh lý CSVC&TBĐT theo đúng quy chuẩn kỹ thuật và quy định quản lý tài sản của Nhà nước trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Phát triển về số lượng, cơ cấu, chất lượng CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa phù hợp với chương trình đào tạo và với các chương trình chi tiết trong đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Phục vụ đầy đủ và kịp thời về CSVC&TBĐT cho hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập của CBQL, giảng viên và sinh viên trong quá trình đào tạo theo CĐR.

1.4.7. Phát huy và hạn chế tác động của môi trường

Phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo trong đào tạo theo CĐR được xem là một trong các yếu tố tác động của bối cảnh đối với đào tạo; trong đó có việc thiết lập môi trường đào tạo thuận lợi, tận dụng thế mạnh và hạn chế các bất thuận của môi trường trong đào tạo. Hoạt động này bao gồm một số công việc cụ thể sau đây:

- Tạo dựng môi trường văn hóa nhà trường với hệ thống những niềm tin, giá trị, chuẩn mực xử sự, kỳ vọng, thói quen, truyền thống và thương hiệu mà mọi thành viên của trường đều đồng thuận hướng tới;

- Tạo dựng môi trường hoạt động quản lý công khai, minh bạch, mọi người quản lý và bị quản lý đồng thuận với CĐR và cùng nỗ lực thực hiện mục tiêu đào tạo;

- Huy động mọi lực lượng giáo dục và đào tạo trong trường (các tổ chức chính trị và các đoàn thể…) xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia vào quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp tham gia vào xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tham gia vào xây dựng, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của các cựu sinh viên của nhà trường;

- Liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước để góp ý xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia triển khai quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tận dụng sự lãnh đạo và quản lý của Ngành, của chính quyền địa phương để góp ý, phê duyệt CĐR và quan tâm giúp đỡ nhà trường trong triển khai quá trình đào tạo theo CĐR;

- Hạn chế các tác động bất thuận của địa hình, thời tiết, khí hậu, dịch bệnh và các tệ nạn xã hội đối với quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của nhà trường.

1.4.8. Đánh giá kết quả đào tạo

Đánh giá kết quả đào tạo theo CĐR được xem là một trong các yếu tố đầu ra. Đánh giá kết quả đào tạo trong đào tạo theo CĐR bao gồm một số công việc cụ thể sau đây:

- Xác định các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo (kết quả học tập từng môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên) trên cơ sở cụ thể hóa CĐR nghề đào tạo đã công bố;

- Thu thập và xử lý các thông tin các tiêu chí về kết quả học tập từng môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên trên cơ sở vận dụng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo đã xác định;

- Đánh giá kết quả từng khâu và kết quả tổng thể của quá trình đào tạo trên cơ sở so sánh các kết quả đào tạo đã đạt được với các yêu cầu của chuẩn đầu ra nghề đào tạo;

- Tham gia các hoạt động đánh giá trong về chất lượng khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra của các khoa, bộ môn trực thuộc và các phòng chức năng;

- Tham gia và hỗ trợ các hoạt động đánh giá ngoài về chất lượng khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra của các tổ chức, cơ quan có trách nhiệm;

- Nhận biết các thành tựu, các kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch đổi mới đào tạo theo chuẩn đầu ra theo kết luận của tổ chức, cơ quan có trách nhiệm;

- Phát huy thành quả của các mặt tốt (các thành tựu đào tạo) để tiếp tục duy trì trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra đối với các khóa đào tạo tiếp theo;

- Thực hiện đổi mới đào tạo theo kế hoạch đổi mới và cải tiến các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra cho các khóa đào tạo tiếp theo.

1.4.9. Đổi mới hoạt động đào tạo sau mỗi khóa đào tạo

Các hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo trong đào tạo theo chuẩn đầu ra được xem là một trong các yếu tố đầu ra. Hoạt động đổi mới sau khóa đào tạo trong đào tạo theo chuẩn đầu ra bao gồm một số công việc cụ thể sau đây:

- Thu thập các thông tin tự đánh giá của các cựu sinh viên đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của họ theo chuẩn đầu ra ở từng vị trí việc làm;

- Thu thập và xử lý các thông tin đánh giá của cơ quan quản lý ngành đối với mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của "sản phẩm đào tạo" nhà trường theo chuẩn đầu ra ở từng vị trí việc làm;

- Thu thập và xử lý các thông tin đánh giá của các tổ chức chính trị, đoàn thể và chính quyền địa phương đối với mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của "sản phẩm đào tạo" nhà trường theo chuẩn đầu ra;

- Thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về kiến thức của cựu sinh viên theo từng vị trí việc làm;

- Thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các kỹ năng của sinh viên theo từng vị trí việc làm;

- Thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các yêu cầu thái độ của sinh viên theo từng vị trí việc làm;

- Điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện nội dung của chuẩn đầu ra nghề đào tạo theo ý kiến đánh giá của cựu sinh viên, ý kiến đánh giá của ngành, của địa phương và đặc biệt là của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra, cải tiến mục tiêu, chương trình và giáo trình, phương pháp và hình thức đào tạo, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo theo chuẩn đầu ra để áp dụng cho các khóa đào tạo tiếp theo.

1.5. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA

1.5.1. Quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra

Theo giới hạn nghiên cứu, quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra đã có, cho nên trước khi triển khai một khóa đào tạo các trường chỉ tập trung vào điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra sau khi đã điều chỉnh, bổ sung. Chủ thể quản lý đào tạo của trường thông qua hoạt động quản lý của trưởng các khoa (hoặc tổ bộ môn), chủ tịch Hội đồng KH&ĐT của trường, trưởng phòng Đào tạo và trưởng một số phòng chức năng khác có liên quan để thiết lập và thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý (kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra) đối với hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra bằng triển khai các hoạt động quản lý cụ thể dưới đây:

- Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra trước khi triển khai khoá đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra ngành, nghề đào tạo của trường với các thành phần theo quy định tại công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra họp để thống nhất mục tiêu, giao nhiệm vụ thu thập thông tin, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra các nghề đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên,…, để dự thảo văn bản điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo Hội đồng KH&ĐT khoa hoàn thiện văn bản dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trên cơ sở phân tích ý kiến phản hồi đã nhận được và báo cáo Hội đồng KH&ĐT trường;

- Tổ chức và chỉ đạo Hội đồng KH&ĐT trường tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho văn bản dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra các nghề đào tạo để trình Hiệu trưởng ký ban hành;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra của trường thực hiện công bố chuẩn đầu ra cùng các nội dung điều chỉnh và bổ sung trên trang Website của trường và các phương tiện thông tin khác;

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị chức năng của trường điều chỉnh và bổ sung định kỳ chuẩn đầu ra cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, sự phát triển của KH&CN và đặc biệt là đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội;

- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra nghề đào tạo để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn các lệch lạc và xử lý các sai phạm.

1.5.2. Quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết môn học/mô đun của trường đã có, với quan điểm quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra đã giới hạn thì trước khi triển khai một khóa đào tạo các trường chỉ tập trung vào phát triển chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học/mô đun theo hướng điều chỉnh và bổ sung các chương trình đã có để phù hợp với chuẩn đầu ra. Chủ thể quản lý đào tạo của trường thông qua hoạt động quản lý của trưởng các khoa (hoặc tổ bộ môn), chủ tịch Hội đồng KH&ĐT của trường, trưởng phòng Đào tạo và trưởng một số phòng chức năng khác có liên quan để thiết lập và thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý đối với hoạt động phát triển chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học/mô đun bằng triển khai các hoạt động quản lý cụ thể dưới đây:

- Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động nhằm phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của khoá đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo việc thành lập Ban phát triển chương trình đào tạo tại các khoa để ban này thực hiện các hoạt động hoàn thiện (điều chỉnh và bổ sung) chương trình đào tạo của nghề theo chuẩn đầu ra đã công bố;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban phát triển chương trình đào tạo dự thảo và thẩm định văn bản điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chuẩn đầu ra đã công bố;

- Tổ chức và chỉ đạo thành lập Ban phát triển chương trình chi tiết môn học/mô đun tại các khoa để thực hiện hoàn thiện các chương trình chi tiết trên cơ sở chương trình đào tạo đã có;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh và bổ sung mục tiêu của mỗi môn học/mô đun trong chương trình chi tiết gắn với các yêu cầu của chuẩn đầu ra đã công bố;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh và bổ sung nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức mỗi môn học/mô đun trong chương trình chi tiết để sinh viên đạt yêu cầu của chuẩn đầu ra đã công bố;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh và bổ sung phương tiện và điều kiện dạy học mỗi môn học/mô đun trong chương trình chi tiết để sinh viên đạt yêu cầu của chuẩn đầu ra đã công bố;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh và bổ sung phương thức kiểm tra đánh giá học tập mỗi môn học/mô đun trong chương trình chi tiết để sinh viên đạt yêu cầu của chuẩn đầu ra đã công bố;

- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động phát triển chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học/mô đun để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và xử lý sai phạm.

1.5.3. Quản lý hoạt động tuyển sinh

Tuyển sinh là một trong các hoạt động cấu thành quá trình đào tạo. Chủ thể quản lý đào tạo của trường thông qua hoạt động quản lý của trưởng các khoa (hoặc tổ bộ môn), trưởng Phòng đào tạo và trưởng một số phòng chức năng khác có liên quan để thiết lập và thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý đối với các hoạt động tuyển sinh bằng triển khai một số hoạt động quản lý cụ thể dưới đây:

- Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động tuyển sinh của khóa đào tạo theo các phương thức đã được nhà trường lựa chọn theo quy định trong quy chế tuyển sinh;

- Tổ chức, chỉ đạo xác định chỉ tiêu đào tạo trên cơ sở nhu cầu xã hội; phù hợp năng lực đào tạo, với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực và theo quy định của cấp trên;

- Tổ chức, chỉ đạo hoạt động quảng bá chỉ tiêu xét tuyển (tuyển thẳng, cử tuyển) và thi tuyển theo quy định trên các phương tiện thông tin đại chúng và của trường;

- Tổ chức, chỉ đạo xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển; coi thi, chấm thi, xác định và thông báo điểm chuẩn hoặc các tiêu chí xét tuyển;

- Tổ chức, chỉ đạo thông báo trúng tuyển và gửi giấy triệu tập đến các thí sinh đã trúng tuyển theo quy định về hồ sơ thi cao đẳng của các cơ quan quản lý cấp trên;

- Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động đón tiếp, thu nhận hồ sơ sinh viên mới nhập trường, giúp đỡ họ nơi ăn, chỗ ở, biên chế lớp học và tạo điều kiện ban đầu cho sinh viên mới;

- Tổ chức, chỉ đạo hoạt động thông báo cho sinh viên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quy mô, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo của nhà trường;

- Tổ chức, chỉ đạo các khoa tổ chức cho CBQL, giảng viên, cán bộ cố vấn học tập gặp gỡ sinh viên; phổ biến quy chế đào tạo, nội quy, và đặc biệt là CĐR nghề đào tạo;

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động tuyển sinh đầu khóa học để có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và xử lý các sai phạm.

1.5.4. Quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên

Chủ thể quản lý đào tạo của trường thông qua hoạt động quản lý của trưởng các khoa (hoặc tổ bộ môn), của trưởng Phòng Đào tạo và trưởng một số phòng chức năng khác có liên quan để thiết lập và thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý đối với các hoạt động giảng dạy của giảng viên bằng triển khai các hoạt động quản lý cụ thể dưới đây:

- Thiết lập kế hoạch quản lý các hoạt động của giảng viên được phân công giảng dạy các môn học/ mô đun trong quá trình triển khai khoá đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo giảng viên lựa chọn giáo trình hoặc biên soạn giáo trình mới, sưu tầm tài liệu tham khảo cho các môn học/mô đun mà họ đảm nhận giảng dạy theo chương trình chi tiết đã có;

- Tổ chức và chỉ đạo thành lập và họp các Hội đồng thẩm định giáo trình mới do giảng viên biên soạn (nếu có) và Hội đồng nghiệm thu các giáo trình mới đó để ký quyết định ban hành giáo trình sử dụng trong đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo giảng viên soạn kế hoạch giảng dạy (giáo án) theo chương trình chi tiết môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo giảng viên giảng dạy lý thuyết trên lớp, thực hành tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành theo kế hoạch giảng dạy (giáo án) môn học/mô đun mà họ đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo giảng viên tham gia hướng dẫn sinh viên thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch giảng dạy môn học/ mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo giảng viên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học tập và sau khi kết thúc môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận giảng dạy trong quá trình triển khai khóa đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo giảng viên nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành quả nghiên cứu KH&CN vào giảng dạy môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận giảng dạy trong quá trình triển khai khóa đào tạo;

- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.

1.5.5. Quản lý hoạt động học tập của sinh viên

Chủ thể quản lý đào tạo của trường thông qua hoạt động quản lý của trưởng các khoa (hoặc tổ bộ môn), trưởng Phòng Công tác học sinh sinh viên và trưởng một số phòng chức năng khác có liên quan để thiết lập và thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý đối với các hoạt động học tập của sinh viên bằng triển khai một số hoạt động quản lý cụ thể dưới đây:

- Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động học tập và các hoạt động bổ trợ cho hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo sinh viên thiết lập kế hoạch học tập cá nhân (lý thuyết, thực hành) đối với môn học/mô đun theo học kỳ, năm học và khóa học phù hợp với kế hoạch khóa học của trường;

- Tổ chức và chỉ đạo sinh viên học tập các giờ lý thuyết trên lớp đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo theo đúng các quy định về nề nếp học tập trong quy chế đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo sinh viên thực hành tại phòng thí nghiệm hoặc phòng thực hành đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để rèn luyện các kỹ năng và hình thành thái độ theo yêu cầu của chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo sinh viên tự học tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, ở ký túc xá hoặc ở nhà riêng để tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ theo yêu cầu của chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo sinh viên thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch đào tạo của trường để đạt tới các yêu cầu về năng lực, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo sinh viên tham gia nghiên cứu KH&CN, hội thi sáng tạo nghề nghiệp của trường, của ngành và của một số nước trong khu vực để bổ trợ kiến thức, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo sinh viên tự đánh giá về kết quả học tập, rèn luyện của bản thân theo các tiêu chí đã xác định trong CĐR khóa đào tạo đã được nhà trường công bố;

- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động học tập của sinh viên để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.

1.5.6. Quản lý hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

Chủ thể quản lý đào tạo của trường thông qua hoạt động quản lý của các khoa (hoặc tổ bộ môn), trưởng Phòng Tài chính - kế toán, trưởng Thư viện, trưởng Phòng quản lý thiết bị đào tạo và trưởng một số phòng chức năng khác có liên quan để thiết lập và thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý đối với các hoạt động đảm bảo CSVC&TBĐT bằng triển khai các hoạt động quản lý cụ thể dưới đây:

- Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động đảm bảo CSVC&TBĐT phục vụ cho quản lý, giảng dạy và học tập của khoá đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa hoặc tổ bộ môn xác định nhu cầu sử dụng các công trình xây dựng, mua sắm, trang bị thiết bị đào tạo phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo các hoạt động đánh giá thực trạng số lượng và chất lượng CSVC&TBĐT so với nhu cầu sử dụng của quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo hoạt động huy động nguồn lực vật chất từ ngân sách nhà nước, sự đầu tư của các tổ chức, cá nhân; học phí, lệ phí tuyển sinh; hợp tác đào tạo, KH&CN sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; tài trợ, viện trợ;

- Tổ chức và chỉ đạo các hoạt động xây dựng các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm, trang bị thiết bị đào tạo phục vụ cho quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình triển khai khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo các hoạt động hướng dẫn tính năng, tác dụng, cách thức vận hành trong sử dụng CSVC&TBĐT vào hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo giảng viên, sinh viên và các phòng chức năng trong bảo quản, thanh lý CSVC&TBĐT theo đúng quy chuẩn kỹ thuật và quy định quản lý tài sản của Nhà nước trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo các hoạt động nhằm phát triển về số lượng, cơ cấu, chất lượng CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa phù hợp với yêu cầu sử dụng trong đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động về CSVC&TBĐT để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.

1.5.7. Quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo

Chủ thể quản lý đào tạo của trường phối hợp với các tổ chức và đoàn thể của trường, thông qua hoạt động quản lý của các khoa (hoặc tổ bộ môn) và một số phòng chức năng để thiết lập và thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý đối với các hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo bằng triển khai một số hoạt động quản lý cụ thể dưới đây.

- Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường nhằm phát huy thế mạnh và hạn chế các bất thuận của môi trường đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo hoạt động xây dựng môi trường văn hóa với hệ thống những niềm tin, giá trị, chuẩn mực xử sự, kỳ vọng, thói quen, truyền thống và thương hiệu mà mọi thành viên của trường đều đồng thuận hướng tới;

- Tổ chức và chỉ đạo hoạt động tạo dựng môi trường hoạt động quản lý công khai, minh bạch, mọi người quản lý và bị quản lý đồng thuận với chuẩn đầu ra và cùng nỗ lực thực hiện mục tiêu đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo việc huy động mọi lực lượng giáo dục và đào tạo trong trường (các tổ chức chính trị và các đoàn thể…) xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia vào quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức, chỉ đạo việc huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các cựu sinh viên tham gia vào xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo hoạt động liên kết và hợp tác với các cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước để góp ý xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia triển khai quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo các hoạt động tận dụng sự lãnh đạo và quản lý của Ngành và chính quyền địa phương để góp ý, phê duyệt chuẩn đầu ra và quan tâm giúp đỡ nhà trường trong triển khai quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo các hoạt động nhằm hạn chế các tác động bất thuận từ môi trường như địa hình, thời tiết, khí hậu, dịch bệnh và các tệ nạn xã hội đối với quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của nhà trường;

- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.

1.5.8. Quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo

Chủ thể quản lý đào tạo của trường phối hợp với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, với đội ngũ cựu sinh viên, với các tổ chức kiểm định chất lượng đào tạo; đồng thời thông qua hoạt động quản lý của các khoa (hoặc tổ bộ môn), trưởng Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng dạy nghề và một số phòng chức năng khác để thiết lập và thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý đối với các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo bằng triển khai một số hoạt động quản lý cụ thể dưới đây:

- Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo và tham gia kiểm định chương trình đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo hoạt động xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo (kết quả học tập từng môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên) trên cơ sở cụ thể hóa chuẩn đầu ra nghề đào tạo đã công bố;

- Tổ chức và chỉ đạo hoạt động thu thập và xử lý các thông tin, các tiêu chí về kết quả học tập từng môn học/ mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên trên cơ sở vận dụng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo đã xác định;

- Tổ chức và chỉ đạo hoạt động đánh giá kết quả từng khâu và kết quả tổng thể của quá trình đào tạo trên cơ sở so sánh các kết quả đào tạo đã đạt được với các yêu cầu của chuẩn đầu ra nghề đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo các các khoa, bộ môn trực thuộc và các phòng chức năng trong trường tự giác và tích cực đánh giá trong về chất lượng khóa đào tạo theo CĐR;

- Tổ chức và chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường thảo luận để nhận biết các thành tựu, kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch đổi mới hoặc cải tiến các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra theo kết luận của tổ chức đánh giá ngoài;

- Tổ chức và chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường phát huy thành quả của các mặt tốt (các thành tựu đào tạo) để tiếp tục duy trì trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra đối với các khóa đào tạo tiếp theo;

- Tổ chức và chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện đổi mới hoặc cải tiến các hoạt động đào tạo theo kế hoạch theo đổi mới và cải tiến các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra cho các khóa đào tạo tiếp theo;

- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.

1.5.9. Quản lý hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo

Chủ thể quản lý đào tạo của trường lắng nghe các ý kiến của cơ quan quản lý ngành, phối hợp với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, với đội ngũ cựu sinh viên; đồng thời thông qua hoạt động quản lý của trưởng các khoa hoặc tổ bộ môn và trưởng các phòng chức năng của trường để thiết lập và thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý đối với các hoạt động đổi mới đào tạo sau khóa đào tạo bằng triển khai một số hoạt động quản lý cụ thể dưới đây:

- Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khoá đào tạo nhằm đổi mới công tác đào tạo cho các khoá đào tạo tiếp theo;

- Tổ chức, chỉ đạo thu thập và xử lý thông tin tự đánh giá của cựu sinh viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp đối với mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của họ theo chuẩn đầu ra ở từng vị trí việc làm;

- Tổ chức, chỉ đạo thu thập và xử lý các thông tin đánh giá của cơ quan quản lý ngành về mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của "sản phẩm đào tạo" nhà trường theo chuẩn đầu ra ở từng vị trí việc làm;

- Tổ chức, chỉ đạo thu thập và xử lý các thông tin đánh giá của các tổ chức chính trị, đoàn thể và chính quyền địa phương về mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của "sản phẩm đào tạo" nhà trường theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức, chỉ đạo thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo từng vị trí việc làm.

- Tổ chức, chỉ đạo thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các yêu cầu thái độ của sinh viên theo từng vị trí việc làm;

- Tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện nội dung của chuẩn đầu ra nghề đào tạo theo ý kiến tự đánh giá của cựu sinh viên, của ngành, của địa phương và đặc biệt là của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra, cải tiến mục tiêu, chương trình, phương pháp và hình thức đào tạo, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo để áp dụng cho các khóa đào tạo tiếp theo;

- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động sau khóa đào tạo để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.

1.6. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA

1.6.1. Các yếu tố khách quan

a) Bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội đương đại

Toàn cầu hóa, hội nhập, kinh tế tri thức, kinh tế thị trường và sự phát triển như vũ bão của KH&CN, trong đó có cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và phong trào khởi nghiệp tại các quốc gia là các đặc trưng mang tính bối cảnh chung của thời đại. Trong khi đó, Việt Nam đang là thành viên của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN); của Tổ chức thương mại Thế giới (WTO); đồng thời tham gia Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) và đang đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Với các đặc điểm như vậy, Việt Nam có được những cơ hội trong phát triển KT-XH nói chung, phát triển nguồn nhân lực nói riêng; nhưng cũng có nhiều thách thức đối với vấn đề đạt chuẩn chung của nguồn nhân lực để vừa thích ứng với địa phương, quốc gia và cả và quốc tế. Vấn đề này có tác động đến các cơ sở đào tạo (trong đó có các trường cao đẳng nghề) về xác định chuẩn đầu ra để triển khai hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

b) Đường lối lãnh đạo của Đảng, luật pháp và chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục nghề nghiệp

Điểm 1, Điều 34 của Luật Giáo dục nghề nghiệp quy định: *"Chương trình đào tạo nghề nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp"* [53].

Chính phủ đã đề ra một trong các giải pháp chiến lược để phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 là: *"Tập trung vào quản lý chất lượng giáo dục: chuẩn hóa đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu mới về khoa học giáo dục, khoa học công nghệ và khoa học quản lý, từng bước vận dụng chuẩn của các nước tiên tiến"* [13].

Bên cạnh đó Chính phủ cũng phê duyệt và ban hành Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020, chiến lược xác định mục tiêu tổng quát: *"Đến năm 2020, dạy nghề đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; chất lượng đào tạo của một số nghề đạt trình độ các nước phát triển trong khu vực ASEAN và trên thế giới; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; phổ cập nghề cho người lao động, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo vững chắc, đảm bảo an sinh xã hội"* [60].

Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao xác định: *"Đổi mới phương pháp dạy và học của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học vào thực hành tay nghề,..., công khai chuẩn đầu ra trong cả nước"* [20].

Nghị quyết 4-TW Đảng, khóa VII đã xác định: *"Phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài"* [17, tr.61.]. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp đổi mới giáo dục là: *"Trên cơ sở mục tiêu đổi mới giáo dục và đào tạo, cần xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo* [19].

Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định: *"Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo theo hướng mở, hội nhập,..., nâng cao kiến thức chuyên sâu và tác phong công nghiệp trong đào tạo nghề,... Đẩy mạnh dạy nghề và gắn kết đào tạo nghề với doanh nghiệp,..."* [21].

Từ các dẫn chứng trên cho thấy đường lối lãnh đạo của Đảng, luật pháp và chính sách của Nhà nước về phát triển KT-XH và phát triển GDNN là một trong những yếu tố cơ bản có tác động điều chỉnh hoạt động đào tạo theo CĐR của các trường CĐN.

c) Sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sản phẩm đào tạo

Các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng "sản phẩm đào tạo" là nơi có nhu cầu về nguồn nhân lực và cũng là nơi đánh giá sản phẩm đào tạo (người được đào tạo). Các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp dựa trên yêu cầu nguồn nhân lực để thực hiện mục tiêu hoạt động của họ để đề xuất các mong muốn (nhu cầu) về kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ của người lao động đối với từng vị trí việc làm. Chính từ các điều đó, họ là một lực lượng quan trong trong việc phối hợp với các cơ sở đào tạo nhằm xác định chuẩn đầu ra cho mỗi ngành, nghề đào tạo, phối hợp với cơ sở đào tạo để triển khai các hoạt động thực hành và thực tập nghề nghiệp cho sinh viên; đồng thời giúp đỡ và tạo điều kiện về CSVC và thiết bị thực hành nghề. Mặt khác, chính các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp đó sẽ đánh giá chính xác nhất mức độ đáp ứng của sản phẩm đào tạo từ các cơ sở đào tạo trên cơ sở các tiêu chí của chuẩn đầu ra trong đào tạo. Chính vì vậy, sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp vào đào tạo là một trong những yếu tố có tác động không nhỏ đến quá trình đào tạo theo CĐR.

1.6.2. Các yếu tố chủ quan

a) Năng lực giảng dạy của giảng viên

Năng lực của giảng viên thể hiện ở trình độ đào tạo và thực thi về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm; tính chuyên nghiệp và kinh nghiệm trong tham gia xây dựng và bổ sung chuẩn đầu ra, thiết lập chương trình và giáo trình đào tạo, thiết lập kế hoạch giảng dạy (giáo án), giảng dạy lý thuyết và thực hành, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, nghiên cứu và ứng dụng KH&CN vào giảng dạy.

Nếu các giảng viên có năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra thì nhất thiết giúp cho công tác quản lý của nhà trường thuận lợi và có kết quả cao. Nói cách khác, năng lực giảng dạy của giảng viên có ảnh hưởng tới quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra.

b) Mức độ huy động và đầu tư tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

Một trong các yếu tố cơ bản để tạo nên chất lượng và hiệu quả của một hoạt động xã hội là các điều kiện về mức độ đầu tư tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo. Ngoài năng lực huy động tài tài chính từ các nguồn khác nhau, đối với hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra thì các yêu cầu đầy đủ, kịp thời, chuẩn hóa, hiện đại hóa về CSVC&TBĐT là điều kiện tất yếu để mang lại chất lượng và hiệu quả đào tạo. Nói cách khác mức độ huy động và đầu tư tài chính, CSVC&TBĐT có ảnh hưởng tới quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra.

c) Năng lực quản lý của cán bộ quản lý các cấp trong cơ sở đào tạo

Chất lượng và hiệu quả của mọi hoạt động xã hội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó nguồn nhân lực quản lý thực hiện các hoạt động đó là một yếu tố mang tính quyết định.

Năng lực quản lý của CBQL các cấp trong cơ sở đào tạo thể hiện ở tính chuyên nghiệp của CBQL các cấp của nhà trường trong triển khai các chức năng cơ bản của quản lý đối với các hoạt động: điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra; phát triển chương trình đào tạo; tuyển sinh; giảng dạy của giảng viên; học tập của sinh viên; đảm bảo CSVC&TBĐT; phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo; đánh giá kết quả đào tạo; đổi mới hoạt động đào tạo sau mỗi khóa đào tạo.

Nếu các CBQL các cấp của trường có đủ năng lực thì tất yếu dẫn đến các kết quả đào tạo và quản lý đào tạo của nhà trường sẽ có chất lượng và hiệu quả cao. Nói cách khác, năng lực của CBQL các cấp của các cơ sở đào tạo có ảnh hưởng tới quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra.

Tiểu kết chương 1

Các kết quả tổng quan về vấn đề nghiên cứu cho thấy đào tạo theo chuẩn đầu ra là một vấn đề mới về lý luận và chưa được trải nghiệm nhiều trong thực tiễn, còn có một số những vấn đề cần phải giải quyết; tuy nhiên đào tạo theo CĐR là yêu cầu mang tính tất yếu của các cơ sở đào tạo trong bối cảnh phát triển KT-XH giai đoạn hiện nay.

Chuẩn đầu ra là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành nghề đào tạo.

Phối hợp lý luận giáo dục học về quá trình đào tạo với mô hình CIPO về đào tạo nguồn nhân lực, cho thấy đào tạo theo chuẩn đầu ra có các hoạt động chủ yếu: điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra; phát triển chương trình đào tạo; tuyển sinh; giảng dạy của giảng viên; học tập của sinh viên; đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo; phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo; đánh giá kết quả đào tạo; đổi mới hoạt động đào tạo sau mỗi khóa đào tạo.

Như vậy, quản lý đào tạo theo CĐR bao gồm: quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra; quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo; quản lý hoạt động tuyển sinh; quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên; quản lý hoạt động học tập của sinh viên; quản lý hoạt động đảm bảo CSVC&TBĐT; quản lý hoạt động phát huy và hạn chế các tác động của môi trường vào đào tạo; quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo; quản lý các hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo.

Quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra ở các trường cao đẳng nghề chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan: bối cảnh phát triển KT-XH đương đại; đường lối lãnh đạo của Đảng, luật pháp và chính sách của Nhà nước về phát triển GDNN; sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sản phẩm đào tạo; năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường; năng lực giảng dạy của giảng viên; mức độ huy động, đầu tư CSVC&TBĐT.

Các kết quả nghiên cứu trên là các cứ liệu mang tính cơ sở lý luận sẽ định hướng cho việc nghiên cứu cơ sở thực tiễn về đào tạo theo chuẩn đầu ra và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT được trình bày tại chương 2 dưới đây.

Chương 2
CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

2.1. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGHỀ THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ CỦA VIỆT NAM

2.1.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam

a) Liên bang Malaysia (Federation of Malaysia)

Kinh nghiệm quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của Liên bang Malaysia thể hiện ở chỗ họ thiết lập hệ thống dạy nghề bao gồm 5 trình độ (level), mỗi trình độ được xác định thông qua các chuẩn kiến thức và năng lực của từng nghề (chuẩn đầu ra) và được công bố rộng rãi. Trong đó:

- Chứng chỉ SKM1: Thực hiện được các công việc phụ của nghề (có chỉ dẫn)
- Chứng chỉ SKM2: Thực hiện được một số công việc chính của nghề, đã có trách nhiệm cá nhân và có thể làm việc độc lập.
- Chứng chỉ SKM3: Thực hiện được phần lớn các công việc phức tạp của nghề, chịu trách nhiệm cá nhân và có thể làm việc độc lập.
- Bằng Cao đẳng kỹ thuật: Thực hiện được phần lớn các công việc mang tính chuyên nghiệp hoặc kỹ thuật phức tạp của nghề, chịu trách nhiệm cá nhân cao và có thể làm việc độc lập; biết phân bổ nguồn lực để thực hiện công việc và hướng dẫn người khác.
- Bằng Cử nhân kỹ thuật: Áp dụng được các nguyên lý và kỹ thuật tổng hợp không cần chỉ dẫn, khả năng làm việc độc lập cao, thành thạo việc phân bổ nguồn lực, hướng dẫn và chịu trách nhiệm về công việc của người khác; Chịu trách nhiệm cá nhân về phân tích, kiểm nghiệm, thiết kế, lập kế hoạch, thực thi và đánh giá.

Người học nghề sẽ được tham gia vào thị trường lao động sau khi được học, thi lấy chứng chỉ của trường đào tạo; tuy nhiên muốn được cấp bằng, chứng chỉ quốc gia thì họ phải tham gia các kỳ thi theo các chuẩn nghề nghiệp đã công nhận, tại các cơ sở dạy nghề đã được kiểm định và Hội đồng đào tạo nghề Malaysia ủy nhiệm [57].

b) Cộng hoà Philippin (Republic of the Philippines)

Kinh nghiệm quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của Cộng hoà Philippin thể hiện ở chỗ họ thiết lập hệ thống dạy nghề bao gồm 4 cấp trình độ (level), mỗi cấp trình độ

được phát triển và hợp lý hóa bởi hệ thống chuẩn năng lực quốc gia NSCP - National Standards Competency Philippin (chuẩn đầu ra), hệ thống NSCP quản lý cả đầu vào cũng như đầu ra của hệ thống dạy nghề. Trong đó:

- Chứng chỉ quốc gia bậc 1: Có năng lực nghề nghiệp ở mức cơ bản, thực hiện các công việc mang tính lặp lại (vận hành, bảo dưỡng đơn giản).

- Chứng chỉ quốc gia bậc 2: Có năng lực nghề nghiệp ở mức trung bình như: chế tạo, vận hành và bảo dưỡng những hệ thống, tổng thành phức tạp.

- Chứng chỉ quốc gia bậc 3: Có kỹ năng cao, có năng lực nghề nghiệp phát triển (phân tích, đánh giá, sửa chữa các thiết bị và hệ thống phức tạp).

- Bằng Quốc gia: Có năng lực giám sát, lập chương trình, đưa các thiết kế vào hoạt động nghề nghiệp. Trình độ tương đương với kỹ thuật viên hoặc thợ cả.

Bốn cấp trình độ này thể hiện rõ năng lực cần có của người học nghề, làm cơ sở cho phát triển chương trình đào tạo của mỗi nghề và hệ thống đánh giá để cấp chứng chỉ kỹ năng quốc gia cho các nghề đào tạo [57].

c) Vương quốc Nhật Bản (Kingdom Japan)

Kinh nghiệm của Vương quốc Nhật Bản được thể hiện trong tài liệu "Năng lực - cơ sở giáo dục và đào tạo: Một cách tiếp cận nhân văn và toàn diện về kỹ thuật và dạy nghề" được Norton R.E trình bày tại Hội thảo khu vực về kỹ thuật/ dạy nghề đào tạo giáo viên ở thành phố Chiba, Nhật Bản từ năm 1987 [80] cho thấy từ các thập kỷ cuối của Thế kỷ 20, Nhật Bản đã quan tâm đến năng lực của người được đào tạo. Nội dung tài liệu này cho thấy ở giai đoạn đó, các cơ sở đào tạo nghề của Nhật Bản đã tập trung vào xác định nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực là các "sản phẩm đào tạo" từ các cơ sở đào tạo. Nhu cầu xã hội đó đó thường diễn đạt với các tên như "nhu cầu của thị trường lao động về nguồn nhân lực", hoặc "nhu cầu của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực", hoặc "nhu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ của người được đào tạo" (chuẩn đầu ra của một chuyên ngành đào tạo).

Chương trình đào tạo của Nhật Bản lúc bấy giờ được xác định rõ mục tiêu trên cơ sở chỉ rõ các tiêu chí đánh giá nhằm nhận biết người học đạt đến mức độ nào về các quy định (chuẩn) đã xác định đối với mỗi nghề đào tạo. Tương tự như vậy cho việc lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo trên cơ sở coi trọng tự học của người học.

Một điều rất đáng chú ý trong đào tạo nghề của Nhật Bản là đánh giá người học và công nhận đủ năng lực để ra trường hành nghề. Việc đánh giá kết quả đào tạo nói

chung và kết quả học tập của người học nói riêng không thiên về lý thuyết; mà tập trung vào thực hành nghề. Tiêu chí đánh giá được cụ thể hóa thành các năng lực cụ thể (trong đó có các năng lực chung và các năng lực mang tính chuyên ngành) được thông báo công khai trước khi triển khai khóa đào tạo. Các tiêu chí đó là thước đo mức độ có tốt nghiệp hay chưa tốt nghiệp khóa đào tạo của người học được nhiều lực lượng trong xã hội, trong đó có tổ chức sử dụng nguồn nhân lực đóng góp ý kiến, điều chỉnh và bổ sung.

Người học sau khi ra trường có trách nhiệm tham gia thu thập các thông tin về bản thân và về tổ chức sử dụng để phản hồi về cơ sở đào tạo: mức độ đáp ứng các yêu cầu của tổ chức sử dụng về kiến thức, kỹ năng và các yêu cầu thái độ (mà hiện nay gọi là mức độ đạt chuẩn đầu ra) của bản thân.

d) Liên bang Úc (The Commonwealth of Australia)

Kinh nghiệm quản lý đào tạo theo CĐR của Liên bang Úc thể hiện ở chỗ các chương trình đào tạo nghề ở Liên bang Úc có mục tiêu rõ ràng là hướng đến khách hàng (những người sử dụng lao động), điều này thể hiện rõ trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo họ đã xác định rõ CĐR của một nghề. Qua nghiên cứu tài liệu "Năng lực - cơ sở của giáo dục và đào tạo: Giữa một tảng đá và một xoáy nước" [76] cho thấy, để xây dựng chương trình đào tạo các nhà xây dựng chương trình phải tham vấn các bên liên quan về các tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ của người hành nghề để đưa vào mục tiêu chương trình đào tạo. Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên kết quả phân tích nghề và phân tích chức năng của người hành nghề và được trình bày dưới dạng các công việc nghề nghiệp mà người học phải thực hiện.

Việc đào tạo nghề ở Úc rất chú trọng đến phát triển kỹ năng nghề nghiệp của người học. Hầu hết chương trình đào tạo được kết cấu theo mô đun nên lý thuyết được dạy tích hợp với thực hành ngay trong một bài học.

Phương pháp học tập được sử dụng nhiều nhất là tổ chức các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp. Giảng viên không cung cấp kiến thức có sẵn cho sinh viên mà tổ chức các hoạt động thực tiễn như tham quan, đóng vai, khám phá…để sinh viên hình thành kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

Đánh giá kết quả học tập ở Úc được tiến hành dựa trên các tiêu chuẩn quy định trong CĐR. Việc đánh giá kết quả đào tạo của một chương trình đào tạo hoặc một mô đun trong chương trình chi tiết được quy định trong chương trình chi tiết đó, trên cơ sở cụ thể hóa CĐR.

Vai trò tự đánh giá kết quả học tập của người học được đề cao trên cơ sở được sự hướng dẫn về phương pháp tự thu thập thông tin, công cụ xử lý thông tin để tự minh chứng cho mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học.

e) Cộng hòa Liên bang Đức (Federal Republic of Germany)

Kinh nghiệm về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của Cộng hòa Liên bang Đức cho thấy, họ coi đào tạo theo chuẩn đầu ra đồng nghĩa với đào tạo theo tiếp cận năng lực thực hiện và coi đó là một định hướng cơ bản trong trong đào tạo nghề ở Cộng hòa Liên bang Đức. Để đào tạo có chất lượng và hiệu quả, quốc gia này đã xây dựng các bộ chuẩn về năng lực thực hiện nghề nghiệp cho người được đào tạo (sinh viên) đối với từng chuyên ngành đào tạo. Các chuẩn đó được được hiểu như chuẩn đầu ra của một chuyên ngành đào tạo, được thể hiện một cách khoa học trong mục tiêu đào tạo của từng chuyên ngành đào tạo, được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo và công bố công khai không những cho sinh viên mà cả xã hội biết trước khi triển khai đào tạo.

Các chương trình đào tạo nghề ở Cộng hòa liên bang Đức đều quy định rõ: mục tiêu đào tạo những kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ của sinh viên khi họ hoàn thành khóa đào tạo. Măt khác, các nội dung của chương trình đào tạo ở quốc gia này đều được mô đun hóa theo hướng tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp dựa trên hệ thống tiêu chí trong mục tiêu đào tạo (chuẩn đầu ra) đã ban hành.

Ngoài các phương pháp và hình thức tổ chức mang tính truyền thống, trong tổ chức hoạt động đào tạo nghề ở Cộng hòa Liên bang Đức rất coi trong hoạt động xê-mi-na về các nội dung kiến thức chung trong các giờ học và các tổ chức các hoạt động xê-mi-na về kiến thức chuyên ngành, từ đó nâng cao mức độ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ (chuẩn đầu ra). Ngoài ra còn có các hình thức đào tạo khác, như tuần lễ sư phạm, phương tiện đào tạo, thực tập dự giờ, hay các dự án.

Đánh giá kết quả đào tạo nghề ở Cộng hòa liên bang Đức được so sánh các thông tin về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học với tiêu chuẩn đảm nhiệm nghề nghiệp của người học (sinh viên) đã ban hành trước khi triển khai đào tạo. Việc đánh giá kết quả đào tạo được thực hiện theo hướng đánh giá các năng lực mà người học có được không những sau mỗi mô đun trong chương trình đào tạo, trước khi tốt nghiệp (sinh viên thi tốt nghiệp khóa học), mà còn đánh giá người học sau khi họ đã tốt nghiệp đang làm việc tại một doanh nghiệp [91].

g) Vương quốc Anh (Kingdom of England)

Qua nghiên cứu một số chương trình đào tạo của Vương quốc Anh, cho thấy kinh nghiệm của quốc gia này về đào tạo theo chuẩn đầu ra được thể hiện ở chỗ hầu hết các chương trình đào tạo nghề đều được xây dựng dựa trên kết quả của quá trình phân tích nghề và tham vấn các bên liên quan đến vị trí việc làm. Trong mục tiêu của các chương trình đào tạo có sự trình bày chi tiết các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học cần đạt được ở người học.

Một điều rất đáng chú ý là ở Vương quốc Anh, khi ban hành một chương trình đào tạo nghề thì họ ban hành kèm theo một văn bản phân tích nghề và hệ thống tiêu chuẩn về năng lực của người hành nghề phải có sau khi đào tạo. Văn bản này có nội dung được coi như chuẩn đầu ra của người học đối với một chương trình đào tạo (mã ngành, nghề đào tạo) cụ thể. Từ đó, các lực lượng đào tạo, trong đó chủ yếu là CBQL đào tạo, giảng viên và sinh viên dựa vào đó mà xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung đào tạo và xác định các tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập của người học theo chuẩn đầu ra đó rất dễ dàng [86].

Nội dung chương trình được cấu trúc theo các mô đun, mỗi mô đun tương ứng với các nhiệm vụ và các yêu cầu năng lực để hoàn thành nhiệm vụ mà người hành nghề phải thực hiện trong thực tế lao động sau này của họ.

Phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo ở Vương quốc Anh rất chú trọng đến các năng lực thực hành nghề theo vị trí việc làm sau này của người được đào tạo. Việc tổ chức dạy học về lý thuyết và thực hành cũng diễn ra đồng thời trong mỗi bài học của mô đun theo hướng ngoài trang bị kiến thức về phương diện lý thuyết, giảng viên phải hướng dẫn người học thực hành để thực hiện được các công việc của nghề có trong bài học.

Các tiêu chuẩn đánh giá người học (sinh viên) được ghi trong chương trình đào tạo (trong mục tiêu của chương trình đào tạo nói chung và trong các chương trình chi tiết của từng mô đun). Giảng viên phải thu thập đủ các thông tin để minh chứng mức độ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ theo các tiêu chí tại mục tiêu đào tạo (chuẩn đầu ra) của nghề đào tạo để ra kết luận đánh giá.

h) Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (United States of America)

Kinh nghiệm quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ thể hiện ở chỗ từ mấy thập kỷ qua, trong đào tạo có sự kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo lý thuyết và thực hành, giữa trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, giữa đào tạo trong các trường đại học với thực hành tại các cơ sở sản xuất. Qua nghiên cứu một số chương trình đào tạo nghề nghiệp của quốc gia này, nhận thấy:

Ngoài việc trang bị các kiến thức chuyên môn nghề, mục tiêu của chương trình đào tạo của họ ghi rõ là trang bị các năng lực thực hiện hay gọi là chuẩn đầu ra gắn với các công việc của nghề nghiệp. Trong tài liệu "Sổ tay cho việc phát triển năng lực- Cơ sở của chương trình đào tạo" [74] cho thấy nội dung chương trình đào tạo của họ đều được xây dựng dựa trên kết quả phân tích nghề để chỉ ra chuẩn các năng lực mà người được đào tạo khi ra trường phải có (có thể gọi là chuẩn năng lực đầu ra).

Về phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo trong quá trình đào tạo ở Hoa Kỳ được tổ chức dạy lý thuyết và thực hành tích hợp với nhau. Tại Đại học bang Iowa, mọi sinh viên thực hành công việc của họ sau này trong 13 tuần tại một trường dạy nghề, tương đương với một học kỳ. Tại Đại học California - Davis mọi sinh viên phải thực hành nghề trong một năm. Điều đó cho thấy phương pháp và hình thức đào tạo ở Hoa Kỳ rất coi trọng tính chủ động của sinh viên trong việc tích lũy năng lực đã quy định trong mục tiêu đào tạo (chuẩn đầu ra).

Đánh giá kết quả đào tạo được dựa trên các tiêu chí có trong mục tiêu đào tạo được thể hiện ngay trong chương trình đào tạo. Nói cách khác là các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo nói chung và kết quả học tập của sinh viên nói riêng được dựa trên các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ có trong CĐR đối với một nghề đào tạo cụ thể.

Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam:

Từ các nội dung nghiên cứu về đào tạo nghề của số quốc gia nêu trên, có thể đúc rút được một số bài học kinh nghiệm trong đào tạo nghề theo chuẩn đầu ra đối với các cơ sở đào tạo ở Việt Nam dưới đây:

- Xu hướng đào tạo theo chuẩn đầu ra là xu thế tất yếu của các cơ sở đào tạo ở mọi quốc gia trên thế giới, nhất là ở các nước có nền GD&ĐT phát triển;

- Để đào tạo nghề đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực phát triển KT-XH của nước nhà, các cơ sở GDNN nói chung và các trường cao đẳng nghề nói riêng phải chuyển từ đào tạo theo truyền thống sang đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- CĐR của mỗi chuyên ngành đào tạo là căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo (trong đó có xác định mục tiêu đào tạo; lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo, tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo; chuẩn bị các phương tiện và điều kiện đào tạo và đặc biệt là đánh giá kết quả đào tạo);

- Thiết lập (xác định) được chuẩn đầu ra đối với một mã ngành, nghề đào tạo trước hết phải khảo sát nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực để nhận biết được các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết của từng ngành, nghề cần đào tạo;

- Các mục tiêu của từng môn học/ mô đun trong chương trình chi tiết phải được cụ thể hóa trên cơ sở mục tiêu của ngành, nghề đào tạo (CĐR ngành, nghề đào tạo);

- Chương trình đào tạo phải tích hợp giữa kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành. Khi ban hành chương trình đào tạo, cần ban hành kèm theo văn bản về hệ thống các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ (CĐR) của người hành nghề;

- Trong tổ chức đào tạo phải chú trọng đến hoạt động thực hành để hình thành các năng lực người học, kết hợp chặt chẽ các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lý thuyết với thực hành. Kết hợp giữa cơ sở đào tạo ở các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng người học sau khi họ tốt nghiệp;

- Đào tạo theo CĐR phải có CSVC&TBĐT đầy đủ, kịp thời, chuẩn hóa và hiện đại hóa;

- Đào tạo theo chuẩn đầu ra phải có môi trường đào tạo thuận lợi; trong đó có môi trường pháp lý, môi trường văn hóa sư phạm và được sự quan tâm ủng hộ của nhiều lực lượng quản lý và trực tiếp tham gia hoạt động đào tạo;

- Phải đổi mới căn bản cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng minh chứng được mức độ đạt chuẩn đầu ra của ngành đào tạo (về kiến thức, các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm và các yêu cầu thái độ của người đào tạo qua đào tạo). Phối hợp đánh giá và tự đánh giá của người học; phối hợp giá đánh giá kết quả đào tạo với kiểm định chất lượng đào tạo.

2.1.2. Kinh nghiệm quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của một số trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam được hình thành và phát triển cùng với hệ thống giáo dục Việt Nam, từ năm 1998 Tổng cục dạy nghề được chuyển về Bộ LĐ-TB&XH quản lý.

Tổng cục Dạy nghề là cơ quan quản lý lĩnh vực GDNN thuộc Bộ LĐ-TB&XH, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quản lý nhà nước về GDNN, bao gồm: Chương trình, giáo trình, nội dung, kế hoạch, chất lượng dạy nghề, khung trình độ nghề quốc gia, khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia, tiêu chuẩn giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề, quy chế thi, tuyển sinh, hệ thống văn bằng, chứng chỉ, danh mục nghề đào tạo, CSVC&TBĐT; tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực dạy nghề theo quy định của pháp luật [59].

Hiện nay Tổng cục dạy nghề quản lý 171 trường Cao đẳng nghề, 301 trường Trung cấp nghề và 1009 trung tâm dạy nghề [58].

Hệ thống GDNN đã có tiếp cận sát với nhu cầu của thị trường lao động; gắn kết với các chương trình giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, xuất khẩu lao động và các mục tiêu xã hội khác [57].

a) Giới thiệu một số trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Các trường dạy nghề thuộc Bộ NN&PTNT quản lý bao gồm 19 trường Cao đẳng nghề và 20 trường Trung cấp nghề. Trong giới hạn của luận án, chỉ đề cập đến các trường Cao đẳng nghề và chọn 5 trường làm đối tượng khảo sát, xin ý kiến và nhận định. Đó là: *Trường Cao đẳng nghề Cơ khí Nông nghiệp (Bình Xuyên - Vĩnh Phúc)* [66]*; Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội (Cầu Giấy - Hà Nội)* [62]*; Trường Cao đẳng nghề cơ điện và xây dựng Việt Xô (Tam Điệp - Ninh Bình)* [64]*; Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Nông lâm Trung bộ (Quy Nhơn - Bình Định)* [63]; *Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi (Trảng Bom - Đồng Nai)* [65]. Khái quát về trụ sở, quá trình thành lập và phát triển, cơ cấu bộ máy, tổ chức, chức năng và nhiệm vụ, thành tựu hoạt động của mỗi trường được thể hiện tại Phụ lục 1 của Luận án.

Qua quan sát trực tiếp, nghiên cứu các tài liệu, các văn bản tổng kết khoá học và năm học, phỏng vấn một số CBQL của các trường này, cho thấy:

- Các trường đều có bề dày truyền thống trong đào tạo nghề và có những đóng góp nhất định cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Cả năm trường đều được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng nghề trên cơ sở các trường Công nhân kỹ thuật hoặc sáp nhập các trường Công nhân kỹ thuật và trường cấp chuyên nghiệp.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của các trường là tương đồng nhau và đều nằm trong cơ cấu, bộ máy hoạt động đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt.

- Các ngành nghề đào tạo là đa dạng, các nghề kỹ thuật chiếm đa số các nghề mà các trường đang thực hiện đào tạo.

- Cả năm trường đã tiến hành đào tạo theo chuẩn đầu ra cho tất cả các nghề.

- Các trường có mối quan hệ tốt và mật thiết với các doanh nghiệp sử dụng lao động trên địa bàn.

- Quy mô và chất lượng đào tạo của năm trường được duy trì ổn định, các trường đã được kiểm định và đạt cấp độ 3 của Bộ LĐ-TB&XH. Học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp được thị trường lao động chấp nhận và có thu nhập ổn định trên 85%.

- Các đề tài nghiên cứu khoa học của các trường mang tính ứng dụng trong giảng dạy và học tập cũng như phục vụ đào tạo trong trường.

b) Kinh nghiệm quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cũng qua quan sát trực tiếp, nghiên cứu các văn bản tổng kết khoá học và năm học, phỏng vấn một số CBQL của các trường này, cho thấy một số kinh nghiệm trong quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường đó như sau:

- Để đào tạo nghề đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực phát triển KT-XH của nước nhà, các cơ sở GDNN nói chung và các trường cao đẳng nghề nói riêng phải chuyển từ đào tạo theo truyền thống sang đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tất cả các trường đều coi CĐR của mỗi nghề đào tạo là căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo (trong đó có xác định mục tiêu; lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo; chuẩn bị các phương tiện và điều kiện đào tạo và đặc biệt là đánh giá kết quả đào tạo);

- Thiết lập (xác định) được chuẩn đầu ra đối với một mã nghề đào tạo trước hết phải khảo sát nhu cầu xã hội (các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng sản phẩm đào tạo của nhà trường) về đào tạo nguồn nhân lực để nhận biết được các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết của từng nghề cần đào tạo;

- Các mục tiêu của từng môn học/mô đun trong chương trình chi tiết phải được cụ thể hóa trên cơ sở mục tiêu của nghề đào tạo (chuẩn đầu ra nghề đào tạo);

- Chương trình đào tạo phải tích hợp giữa kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn nghề. Khi ban hành chương trình đào tạo, cần ban hành kèm theo văn bản về hệ thống các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ (CĐR) của nghề.

- Trong tổ chức đào tạo phải chú trọng đến hoạt động thực hành để hình thành các năng lực người học, kết hợp chặt chẽ các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lý thuyết với thực hành. Kết hợp giữa cơ sở đào tạo ở các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng người học sau khi họ tốt nghiệp;

- Đào tạo theo chuẩn đầu ra phải có CSVC&TBĐT đầy đủ, kịp thời, chuẩn hóa và hiện đại hóa;

- Đào tạo theo chuẩn đầu ra phải có môi trường đào tạo thuận lợi; trong đó có môi trường pháp lý, môi trường văn hóa sư phạm và được sự quan tâm ủng hộ của nhiều lực lượng quản lý và trực tiếp tham gia hoạt động đào tạo;

- Phải đổi mới căn bản cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng minh chứng được mức độ đạt CĐR của nghề đào tạo (về kiến thức, các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm và các yêu cầu thái độ của người qua đào tạo). Phối hợp đánh giá và tự đánh giá của người học; phối hợp đánh giá kết quả đào tạo với kiểm định chất lượng đào tạo; đồng thời phải có các đổi mới hoặc cải tiến hoạt động đào tạo sau mỗi khoá đào tạo.

2.2. GIỚI THIỆU QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Ngoài các phương pháp quan sát, phỏng vấn, nghiên cứu nội dung văn bản về quá trình hình thành và phát triển, nhiệm vụ và chức năng, thành quả đào tạo; phương pháp chủ yếu trong nghiên cứu về thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT là phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi với mục đích, nội dung, phương thức tiến hành và đối tượng xin ý kiến được trình bày cụ thể dưới đây.

2.2.1. Đối với khảo sát thực trạng đào tạo theo chuẩn đầu ra

a) Mục đích

Đánh giá được thực trạng mức độ đáp ứng các yêu cầu của các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT.

b) Nội dung khảo sát

- Thực trạng hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR;
- Thực trạng hoạt động phát triển chương trình đào tạo;
- Thực trạng hoạt động tuyển sinh;
- Thực trạng hoạt động giảng dạy của giảng viên;
- Thực trạng hoạt động học tập của sinh viên;
- Thực trạng hoạt động đảm bảo CSVC&TBĐT;
- Thực trạng hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo;
- Thực trạng hoạt động đánh giá kết quả đào tạo;
- Thực trạng hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo.

c) Phương thức tiến hành

Sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi; trong đó soạn thảo các bảng câu hỏi theo các nội dung khảo sát ở trên. Trong mỗi bảng hỏi về từng nội dung khảo sát có các câu hỏi về đạt các yêu cầu với 4 mức độ. Cụ thể:

+ Tốt (4 điểm);

+ Khá (3 điểm);

+ Trung bình (2 điểm);

+ Còn yếu (1 điểm) để xin ý kiến đánh giá của những người được chọn làm đối tượng xin ý kiến. Nội dung và hình thức của các bảng hỏi được thể hiện tại Phụ lục 2 của luận án này.

Công cụ để xử lý số liệu là sử dụng phương pháp thống kê toán học để tính giá trị trung bình cộng có trọng số (còn gọi là trung bình gia quyền) trong cuốn "*Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục"* của tác giả Hoàng Chúng [15].

Đó là công thức: $\overline{X}j = \frac{\sum_{i=1}^{n} f_i x_i}{\sum_{i=1}^{n} f_i}$; trong đó:

j mức độ đánh giá của các tiêu chí (hoạt động đào tạo hoặc các hoạt động quản lý đào tạo cần đánh giá);

$\overline{X}j$ là giá trị trung bình cộng có trọng số của các mức độ được đánh giá đối với tiêu chí cần đánh giá thứ *j*;

x_i là các tiêu chí cần đánh giá;

f_i là số lượng các ý kiến đồng ý đánh giá theo từng mức độ cần đánh giá.

Trong trong luận án này có 04 mức độ được xác định: *Tốt có* $\overline{X}$ *từ 3,25 đến 4,0; Khá có* $\overline{X}$ *từ 2,75 đến dưới 3,25; Trung bình có* $\overline{X}$ *1,75 đến dưới 2,75; Còn yếu có* $\overline{X}$ *nhỏ hơn 1,75.*

d) Các đối tượng được xin ý kiến

Đối với khảo sát thực trạng các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra, dự kiến với tổng số người được chọn để xin ý kiến bằng phiếu hỏi là 285 người, với các thành phần như sau:

- CBQL, giảng viên của một số trường cao đẳng nghề đã trình bày tại giới hạn nghiên cứu: 5 trường với tổng số 150 người (mỗi trường 50 người).

Trong đó:

+ CBQL cấp trường: 15 người (mỗi trường 3 người);

+ CBQL cấp các Phòng, Khoa hoặc Bộ môn trực thuộc: 50 người (mỗi trường 10 người);

+ Giảng viên: 85 người (mỗi trường 17 người).

- CBQL của một số cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp tổng số 50 người; trong đó:

+ CBQL phụ trách kỹ thuật: 25 người;

+ CBQL phụ trách nhân lực: 25 người

- Cựu sinh viên của trường đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp: 60 người.

- CBQL các cơ quan chủ quản của ngành (Bộ NN&PTNT, Bộ LĐTB&XH, Bộ GD&ĐT): 25 người

2.2.2. Đối với khảo sát thực trạng quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra

a) Mục đích

Đánh giá được thực trạng mức độ đạt được của các hoạt động quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề.

b) Nội dung khảo sát

- Thực trạng quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR;
- Thực trạng quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo;
- Thực trạng quản lý hoạt động tuyển sinh;
- Thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên;
- Thực trạng quản lý hoạt động học tập của sinh viên;
- Thực trạng quản lý hoạt động đảm bảo CSVC&TBĐT;
- Thực trạng quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo;
- Thực trạng quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo;
- Thực trạng quản lý hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo;
- Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố có tác động đến quản lý đào tạo theo CĐR.

c) Phương thức tiến hành

Tương tự như khảo sát về thực trạng các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT (ở trên); trong đó soạn thảo các bảng câu hỏi theo các nội dung cần khảo sát (9 nội dung nêu trên). Trong mỗi bảng hỏi về từng nội dung khảo sát có các câu hỏi về đạt các yêu cầu với 4 mức độ. Cụ thể:

+ Tốt (4 điểm);

+ Khá (3 điểm);

+ Trung bình (2 điểm);

+ Còn yếu (1 điểm) để xin ý kiến đánh giá của những người được chọn làm đối tượng xin ý kiến. Nội dung và hình thức các bảng hỏi này được thể hiện tại Phụ lục 3 của luận án này.

Công cụ để xử lý số liệu là sử dụng phương pháp thống kê toán học để tính giá trị trung bình cộng có trọng số như đã trình bày ở trên (tiểu mục 2.2.1.).

d) Các đối tượng được xin ý kiến đánh giá

Đối tượng dự kiến để xin ý kiến đánh giá về mức độ các hoạt động quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề dự kiến chính là 200 người, trong đó gồm những người đã chọn làm đối tượng đã xin ý kiến về thực trạng các hoạt động đào tạo đã nêu tại mục 2.2.1.; nhưng trừ đi số giảng viên là 85 người.

Cụ thể:

- Cán bộ quản lý của một số trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đã trình bày tại giới hạn nghiên cứu: 5 trường với tổng số 150 người.

Trong đó:

+ CBQL cấp trường: 15 người;

+ CBQL cấp các Phòng, Khoa hoặc Bộ môn trực thuộc: 50 người.

- CBQL của một số cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp tổng số 50 người.

Trong đó:

+ CBQL phụ trách kỹ thuật: 25 người;

+ CBQL phụ trách nhân lực: 25 người.

- Cựu sinh viên của trường đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp: 60 người.

- CBQL các cơ quan chủ quản của ngành (Bộ NN&PTNT, Bộ LĐTB&XH, Bộ GD&ĐT): 25 người.

2.3. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Sau khi phát các bộ phiếu điều tra về thực trạng các hoạt động đào tạo chỉ thu 275 bộ phiếu đã trả lời đủ các câu hỏi trong số 285 bộ phiếu đã phát ra. Xử lý **275** bộ phiếu đã thu về, có các kết quả dưới đây.

2.3.1. Thực trạng hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra

Thực trạng hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện bằng các số liệu tại Bảng 2.1 dưới đây.

Bảng 2.1. Mức độ đạt được của hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra

TT	Các hoạt động cụ thể về điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra	Các mức độ đạt được (275 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thành lập Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR nghề đào tạo của trường với các thành phần theo quy định tại công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH, ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT.	59	92	108	16	2,71	4
2	Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra nghề đào tạo của trường tổ chức các phiên họp để thống nhất mục tiêu, giao nhiệm vụ thu thập thông tin, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra các nghề đào tạo.	55	93	103	24	2,65	6
3	Các khoa tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên,…, để dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra.	47	99	103	26	2,61	8
4	Các khoa gửi dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra để lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, cựu sinh viên và các thành phần tham gia đào tạo khác của trường.	75	94	95	11	2,85	2
5	Hội đồng KH&ĐT khoa hoàn thiện dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trên cơ sở phân tích ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên,…, và báo cáo Hội đồng KH&ĐT trường.	61	100	95	19	2,74	3
6	Hội đồng KH&ĐT trường tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra của tất cả các nghề đào tạo được các khoa hoặc tổ bộ môn trình hiệu trưởng ký ban hành.	61	92	101	21	2,70	5
7	Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR nghề đào tạo của trường thực hiện việc công bố CĐR trên trang Website của trường và các phương tiện thông tin khác	79	89	103	4	2,88	1
8	Thực hiện điều chỉnh và bổ sung định kỳ chuẩn đầu ra, nhằm đáp ứng cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, sự phát triển của KH&CN và đặc biệt là đáp ứng nhu cầu xã hội, yêu cầu của các nhà tuyển dụng theo từng thời kỳ.	60	80	111	24	2,64	7
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2.72**	

Các số liệu tại Bảng **2.1.** cho thấy:

- Nhìn chung hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) chỉ là **2,72**.

- Hoạt động thứ 7: "Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra nghề đào tạo của trường thực hiện việc công bố chuẩn đầu ra trên trang Website của trường và các phương tiện thông tin khác" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,88);

- Hoạt động thứ 3: "Các khoa tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên,… để dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,61); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi này, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý đào tạo tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên; nhưng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các hạn chế về thực trạng hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra là do công tác quản lý.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải có giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra.

2.3.2. Thực trạng hoạt động phát triển chương trình đào tạo

Thực trạng hoạt động phát triển chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học/mô đun trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện bằng các số liệu tại Bảng 2.2 dưới đây.

Bảng 2.2. Mức độ đạt được của hoạt động phát triển chương trình đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về phát triển chương trình đào tạo	Các mức độ đạt được (275 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thành lập, họp Ban phát triển chương trình đào tạo của trường để đưa ra các ý kiến hoàn thiện chương trình đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra cho từng nghề đào tạo.	81	86	93	15	2,85	1
2	Thành lập, họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của trường để tư vấn cho việc ký và ban hành chương trình đào tạo.	70	91	89	25	2,75	5
3	Thực hiện ban hành các chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra (đã hoàn thiện trên cơ sở góp ý của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo).	78	85	103	9	2,84	2
4	Thành lập tại mỗi khoa Ban phát triển chương trình chi tiết cho mỗi môn học/ mô đun theo chuẩn đầu ra và họp ban đó để thống nhất các vấn đề cần hoàn thiện chương trình chi tiết.	75	88	97	15	2,81	3
5	Ban phát triển chương trình chi tiết xác định các vấn đề cần hoàn thiện về mục tiêu kiến thức, kỹ năng (cứng, mềm) và yêu cầu thái độ đối với từng môn học hoặc mô đun trên cơ sở chương trình đào tạo.	66	90	90	29	2,70	6
6	Ban phát triển chương trình chi tiết xác định các vấn đề cần hoàn thiện về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, phương tiện và điều kiện triển khai chương trình chi tiết trên cơ sở mục tiêu đã có.	59	85	92	39	2,60	8
7	Ban phát triển chương trình chi tiết xác định vấn đề cần hoàn thiện về phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên cơ sở mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức, phương tiện và điều kiện đã xác định.	71	94	90	20	2,79	4
8	Thành lập và họp Hội đồng thẩm định chương trình chi tiết của khoa để góp ý cho việc hoàn thiện từng chương trình chi tiết môn học/ mô đun và đề nghị Hiệu trưởng ký ban hành.	55	88	104	28	2,62	7
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2.74**	

Các số liệu tại Bảng **2.2** cho thấy:

- Nhìn chung hoạt động phát triển chương trình đào tạo của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong bảng câu hỏi khảo sát trên được đánh giá ở mức độ ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) đạt được là **2,74**.

- Hoạt động 1: "Thành lập, họp Ban phát triển chương trình đào tạo của trường để đưa ra các ý kiến hoàn thiện chương trình đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra cho từng nghề đào tạo" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,85);

- Hoạt động thứ 6: "Ban phát triển chương trình chi tiết xác định các vấn đề cần hoàn thiện về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, phương tiện và điều kiện triển khai chương trình chi tiết trên cơ sở mục tiêu đã có" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,60); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi này, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý là trưởng phòng Đào tạo và trưởng các khoa chuyên môn tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên; nhưng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các hạn chế thực trạng về phát triển chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học/mô đun là do công tác quản lý.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải có giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng hoạt động phát triển chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học/mô đun.

2.3.3. Thực trạng hoạt động tuyển sinh

Thực trạng hoạt động tuyển sinh trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu tại Bảng 2.3 dưới đây.

Bảng 2.3. Mức độ đạt được của hoạt động tuyển sinh

TT	Các hoạt động cụ thể về tuyển sinh	Các mức độ đạt được (275 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thực hiện xác định chỉ tiêu đào tạo trên cơ sở nhu cầu đào tạo, phù hợp năng lực đào tạo, với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực và theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở Trung ương.	103	92	75	5	3,08	3
2	Thực hiện quảng bá về chỉ tiêu xét tuyển (tuyển thẳng, cử tuyển) và thi tuyển theo quy định của Luật GDNN trên các phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện thông tin của trường.	103	92	75	5	3,07	4
3	Thực hiện hình thức xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển; coi thi, chấm thi, xác định và thông báo điểm chuẩn hoặc các tiêu chí xét tuyển theo quy định trong Luật GDNN.	77	91	105	2	2,88	8
4	Hoạt động thông báo trúng tuyển và gửi giấy triệu tập sinh viên đến các thi sinh đã trúng tuyển các diện thi tuyển và xét tuyển theo quy đinh về hồ sơ thi cao đẳng theo quy định.	115	96	60	4	3,17	1
5	Thực hiện đón tiếp, thu nhận hồ sơ sinh viên mới nhập trường, giúp đỡ họ tìm nơi ăn, chỗ ở, biên chế lớp học và thực hiện các hoạt động tạo điều kiện ban đầu khác cho sinh viên mới tựu trường.	106	84	78	7	3,06	6
6	Cán bộ quản lý các khoa gặp sinh viên, thông báo cho họ chức năng và nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, quy mô và chất lượng đào tạo, thành quả nghiên cứu KH&CN, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo của trường.	98	93	80	4	3,04	7
7	Các khoa tổ chức cho CBQL, giảng viên chủ nhiệm lớp, cán bộ cố vấn học tập gặp gỡ sinh viên; phổ biến quy chế đào tạo, nội quy, và đặc biệt là chuẩn đầu ra (đã điều chỉnh, bổ sung) của từng nghề đào tạo.	110	85	77	3	3,10	2
8	Các phòng chức năng (đào tạo, quản lý học sinh sinh viên …) và các tổ chức chính trị (Đảng và Đoàn thanh niên, Chi hội hội sinh viên, …) tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của tổ chức mình.	99	93	81	2	3,05	5
	Trung bình của các $\overline{X}$					**3,01**	

Các số liệu tại Bảng **2.3** cho thấy:

- Nhìn chung hoạt động tuyển sinh của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trong bảng câu hỏi trên được đánh giá ở mức độ khá, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) đạt tới **3,01.**

- Hoạt động thứ 4: "Hoạt động thông báo trúng tuyển và gửi giấy triệu tập sinh viên đến các thi sinh đã trúng tuyển theo các diện thi tuyển hoặc xét tuyển theo quy định về hồ sơ thi cao đẳng của Bộ chủ quản và Bộ GD&ĐT" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 3,17);

- Hoạt động thứ 3: "Thực hiện hình thức xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển; coi thi, chấm thi, xác định và thông báo điểm chuẩn hoặc các tiêu chí xét tuyển theo quy định trong Luật GDNN" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,88); điều này cho thấy các trường cao đẳng nghề cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi này, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý công tác tuyển sinh, trưởng một số phòng chức năng và một số trưởng khoa chuyên môn tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên; nhưng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các điểm tốt và hạn chế về thực trạng hoạt động tuyển sinh là do công tác quản lý.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần xem xét để phát huy các hoạt động có kết quả tốt và cải tiến những hoạt động còn hạn chế để nâng cao chất lượng hoạt động tuyển sinh.

2.3.4. Thực trạng hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo

Thực trạng hoạt động giảng dạy của giảng viên tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra được thể hiện ở các số liệu tại Bảng 2.4 dưới đây.

Bảng 2.4. Mức độ đạt được của hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo	Các mức độ đạt được (275 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Hoạt động giảng viên tham gia Hội đồng phát triển chương trình chi tiết mỗi nghề đào tạo (điều chỉnh bổ sung về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các môn học/mô đun theo chuẩn đầu ra).	71	91	97	16	2,79	1
2	Hoạt động lựa chọn giáo trình hoặc soạn giáo trình mới, sưu tầm tài liệu tham khảo cho các môn học/mô đun mà người giảng viên đảm nhận giảng dạy theo chương trình chi tiết đã có.	54	88	114	19	2,64	7
3	Hoạt động soạn kế hoạch giảng dạy (giáo án) theo chương trình chi tiết môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo theo hướng phát triển năng lực người học.	50	98	99	28	2,62	8
4	Hoạt động giảng dạy lý thuyết trên lớp theo kế hoạch giảng dạy (giáo án) môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo.	58	86	111	20	2,66	6
5	Hoạt động hướng dẫn sinh viên thực hành tại phòng thí nghiệm hoặc xưởng thực hành theo kế hoạch giảng dạy các môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo.	66	90	105	14	2,76	2
6	Hoạt động tham gia hướng dẫn sinh viên thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch giảng dạy môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo.	60	88	112	15	2,70	5
7	Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học tập và sau khi kết thúc môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận giảng dạy trong quá trình triển khai khóa đào tạo.	68	85	104	18	2,74	3
8	Hoạt động nghiên cứu KH&CN và ứng dụng các thành quả nghiên cứu KH&CN vào giảng dạy môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận giảng dạy trong quá trình triển khai khóa đào tạo.	61	91	106	17	2,71	4
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,70**	

Các số liệu tại Bảng **2.4** cho thấy:

- Nhìn chung hoạt động giảng dạy của giảng viên của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong giảng dạy theo chuẩn đầu ra bị đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) chỉ đạt **2,70**.

- Hoạt động 1: "Hoạt động giảng viên tham gia Hội đồng phát triển chương trình chi tiết mỗi nghề đào tạo (điều chỉnh bổ sung về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các môn học/mô đun theo chuẩn đầu ra)" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,79);

- Hoạt động thứ 3: "Hoạt động soạn kế hoạch giảng dạy (giáo án) theo chương trình chi tiết môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo theo định hướng phát triển năng lực người học" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,62); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi này, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý đào tạo ở phòng Đào tạo và trưởng các khoa chuyên môn tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên; nhưng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các hạn chế về thực trạng về hoạt động giảng dạy của giảng viên là do công tác quản lý.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải có giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên; trong đó tập trung vào các hoạt động giảng dạy của giảng viên (soạn bài, giảng bài và đánh giá kết quả người học) theo định hướng phát triển năng lực người học.

2.3.5. Thực trạng hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo

Thực trạng hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu tại Bảng 2.5 dưới đây.

Bảng 2.5. Mức độ đạt được của hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo	Các mức độ đạt được (275 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Hoạt động thiết lập kế hoạch học tập cá nhân (lý thuyết, thực hành) đối với môn học/ mô đun theo học kỳ, năm học và khóa học phù hợp với kế hoạch khóa học của trường.	98	96	76	5	3,04	6
2	Hoạt động học tập các giờ lý thuyết trên lớp đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo theo đúng các quy định về nề nếp học tập trong quy chế đào tạo.	108	89	68	10	3,06	5
3	Hoạt động thực hành tại phòng thí nghiệm hoặc xưởng trường đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để rèn luyện các kỹ năng và hình thành thái độ theo yêu cầu của chuẩn đầu ra.	96	93	86	0	3,03	7
4	Hoạt động tự học, tự nghiên cứu tại thư viện, ở ký túc xá hoặc ở nhà riêng đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để tích lỹ kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ theo của chuẩn đầu ra	66	90	105	14	2,76	8
5	Hoạt động thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch đào tạo của trường để đạt tới các yêu cầu về năng lực, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra.	125	86	55	9	3,19	2
6	Hoạt động tham gia nghiên cứu KH&CN, hội thi sáng tạo nghề nghiệp của trường, của ngành và của một số nước trong khu vực để bổ trợ kiến thức, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra.	103	98	68	6	3,07	4
7	Hoạt động tham gia vào các hoạt động truyền thống, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động xã hội ở địa phương để bổ trợ về kiến thức, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra.	130	89	53	3	3,26	1
8	Hoạt động tự đánh giá về kết quả học tập, rèn luyện của bản thân theo các tiêu chí đã xác định trong chuẩn đầu ra khóa đào tạo đã được nhà trường công bố.	112	79	77	7	3,08	3
	Trung bình của các $\overline{X}$					**3,06**	

Các số liệu tại Bảng **2.5** cho thấy:

- Nhìn chung hoạt động học tập của sinh viên các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong đào tạo theo chuẩn đầu ra được đánh giá ở mức độ khá, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) đạt tới **3,06.**

- Hoạt động thứ 7: "Hoạt động tham gia vào các hoạt động truyền thống, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động xã hội ở địa phương để bổ trợ về kiến thức, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 3,26).

- Hoạt động thứ 4: "Hoạt động tự học, tự nghiên cứu tại thư viện, ở ký túc xá hoặc ở nhà riêng đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để tích luỹ kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ theo của chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,76); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi này, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý của phòng Công tác sinh viên cũng như một số giáo viên chủ nhiệm lớp tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên; nhưng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các mặt tốt và hạn chế về thực trạng hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo là do công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần xem xét để phát huy các hoạt động có kết quả tốt và cải tiến những hoạt động còn hạn chế để nâng cao chất lượng quản lý hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo ngày càng cao hơn.

2.3.6. Thực trạng hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

Thực trạng hoạt động về cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu tại Bảng 2.6 dưới đây.

Bảng 2.6. Mức độ đạt được của hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về đảm bảo CSVC&TBĐT	Các mức độ đạt được (275 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Hoạt động xác định nhu cầu sử dụng các công trình xây dựng, mua sắm, trang bị TBĐT phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo CĐR.	70	100	95	10	2,84	1
2	Hoạt động đánh giá thực trạng số lượng và chất lượng các công trình xây dựng, mua sắm, trang bị TBĐT so với nhu cầu quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	70	88	105	12	2,79	2
3	Hoạt động huy động nguồn lực vật chất từ các nguồn khác nhau (ngân sách nhà nước; đầu tư của các tổ chức, cá nhân; học phí, lệ phí; hợp tác đào tạo, KH&CN sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; tài trợ, viên trợ).	57	89	112	17	2,68	7
4	Hoạt động xây dựng các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm, trang bị TBĐT phục vụ cho quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình triển khai khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra.	61	89	110	15	2,71	6
5	Hoạt động hướng dẫn tính năng, tác dụng, cách thức vận hành trong sử dụng CSVC&TBĐT vào hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	66	90	105	14	2,76	4
6	Hoạt động của giảng viên, sinh viên và của các phòng chức năng trong bảo quản, thanh lý CSVC&TBĐT theo đúng quy chuẩn kỹ thuật và quy định quản lý tài sản trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	64	98	100	13	2,77	3
7	Hoạt động phát triển về số lượng, cơ cấu, chất lượng CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa phù hợp với chương trình đào tạo và các chương trình chi tiết trong đào tạo theo chuẩn đầu ra.	52	95	106	22	2,64	8
8	Hoạt động phục vụ đầy đủ và kịp thời về CSVC&TBĐT cho hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập của CBQL, giáo dục và sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	68	87	100	20	2,74	5
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,74**	

Các số liệu tại Bảng **2.6** cho thấy:

- Nhìn chung hoạt động về cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong bảng câu hỏi trên được đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) là **2,74**.

- Hoạt động 1: "Hoạt động xác định nhu cầu sử dụng các công trình xây dựng, mua sắm, trang bị TBĐT phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,84);

- Hoạt động thứ 7: "Hoạt động phát triển về số lượng, cơ cấu, chất lượng CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa phù hợp với chương trình đào tạo và các chương trình chi tiết trong đào tạo theo chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,64); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi này, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý thiết bị, quản lý cơ sở vật chất cũng như trưởng các khoa chuyên môn tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên; nhưng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các hạn chế về thực trạng hoạt động về đảm bảo CSVC&TBĐT là do công tác quản lý.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải có giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng hoạt động về đảm bảo CSVC&TBĐT; trong đó tập trung vào các hoạt động phát triển về số lượng, cơ cấu, chất lượng CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa phù hợp với chương trình đào tạo và các chương trình chi tiết của các môn học/mô đun trong đào tạo theo chuẩn đầu ra.

2.3.7. Thực trạng hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo

Thực trạng hoạt động về phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu tại Bảng 2.7 dưới đây.

Bảng 2.7. Mức độ đạt được của hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo	Các mức độ đạt được (275 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Hoạt động xây dựng môi trường văn hóa nhà trường với hệ thống những niềm tin, giá trị, chuẩn mực xử sự, kỳ vọng, thói quen, truyền thống và thương hiệu mà mọi thành viên của trường đồng thuận hướng tới.	60	89	115	11	2,72	6
2	Hoạt động tạo dựng môi trường pháp lý công khai, minh bạch, mọi người quản lý và bị quản lý đồng thuận với mục tiêu đào tạo theo CĐR và cùng nỗ lực thực hiện mục tiêu đào tạo.	66	100	97	12	2,80	3
3	Hoạt động huy động mọi lực lượng giáo dục và đào tạo trong trường (các tổ chức chính trị và các đoàn thể…) xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia vào quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	75	96	103	1	2,89	1
4	Hoạt động huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp tham gia vào xây dựng, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo.	50	103	92	30	2,63	8
5	Hoạt động huy động các cựu sinh viên của nhà trường tham gia vào xây dựng, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	55	95	111	14	2,69	7
6	Hoạt động liên kết và hợp tác với các cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước trong để góp ý xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia triển khai quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	70	102	86	17	2,82	2
7	Hoạt động tranh thủ sự quản lý của ngành, chính quyền địa phương để góp ý, phê duyệt CĐR và giúp đỡ nhà trường trong triển khai quá trình đào tạo theo CĐR.	61	95	106	13	2,74	5
8	Hoạt động hạn chế các tác động bất thuận của địa hình, thời tiết, khí hậu, dịch bệnh và các tệ nạn xã hội đối với quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của nhà trường.	65	96	99	15	2,77	4
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,76**	

Các số liệu tại Bảng **2.7** cho thấy:

- Nhìn chung hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo thuận lợi của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong bảng câu hỏi trên được đánh giá ở mức độ khá, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) đã đạt tới **2,76**.

- Hoạt động thứ 3: "Hoạt động huy động mọi lực lượng giáo dục và đào tạo trong trường (các tổ chức chính trị và các đoàn thể…) xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia vào quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,89).

- Hoạt động thứ 4: "Hoạt động huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp tham gia vào xây dựng, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,63); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi này, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý tại các phòng cũng như các khoa chuyên môn tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên; nhưng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các hạn chế về thực trạng hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo là do công tác quản lý.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải có giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo; trong đó tập trung vào huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp tham gia vào xây dựng, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.

2.3.8. Thực trạng hoạt động đánh giá kết quả đào tạo

Thực trạng hoạt động về đánh giá kết quả đào tạo trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu tại Bảng 2.8 dưới đây.

Bảng 2.8. Mức độ đạt được của hoạt động về đánh giá kết quả đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về đánh giá kết quả đào tạo	Các mức độ đạt được (275 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Hoạt động xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo (kết quả học tập từng môn học/ mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên) trên cơ sở cụ thể hóa chuẩn đầu ra nghề đào tạo đã công bố.	65	96	103	11	2,78	2
2	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin, các tiêu chí về kết quả học tập từng môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên trên cơ sở vận dụng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo đã xác định.	70	98	93	14	2,81	1
3	Hoạt động đánh giá kết quả từng khâu và kết quả tổng thể của quá trình đào tạo trên cơ sở so sánh các kết quả đào tạo đã đạt được với các yêu cầu của chuẩn đầu ra nghề đào tạo.	60	97	96	22	2,71	6
4	Hoạt động tự giác và tích cực tham gia các hoạt động đánh giá trong về chất lượng khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra của các khoa, bộ môn trực thuộc và các phòng chức năng.	55	95	101	24	2,66	7
5	Hoạt động tự giác và tích cực tham gia và hỗ trợ các hoạt động đánh giá ngoài về chất lượng khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra của các tổ chức, cơ quan có trách nhiệm kiểm định đào tạo.	57	98	113	7	2,75	5
6	Hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong trường nhận biết các thành tựu, các kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch đổi mới các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra theo kết luận của tổ chức kiểm định.	62	98	106	9	2,77	3
7	Hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong trường phát huy thành quả của các mặt tốt (các thành tựu đào tạo) để tiếp tục duy trì trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra đối với các khóa đào tạo tiếp theo.	56	109	98	12	2,76	4
8	Hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện đổi mới các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra nghề đào tạo đối với các khóa đào tạo tiếp theo.	54	87	110	24	2,62	8
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,73**	

Các số liệu tại Bảng 2.8 cho thấy:

- Nhìn chung hoạt động về đánh giá kết quả đào tạo của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong bảng câu hỏi trên được đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) đạt được **2,73**.

- Hoạt động thứ 2: "Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin các tiêu chí về kết quả học tập từng môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên trên cơ sở vận dụng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo đã xác định" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,81);

- Hoạt động thứ 8: "Hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện đổi mới các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra nghề đào tạo đối với các khóa đào tạo tiếp theo" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,62); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi này, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát, trong đó chủ yếu là trưởng phòng Đảm bảo chất lượng và trưởng các khoa chuyên môn) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên; nhưng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các hạn chế về thực trạng hoạt động đánh giá kết quả đào tạo là do công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải có giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng hoạt động đánh giá kết quả đào tạo; trong đó tập trung vào các hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện đổi mới các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra nghề đào tạo đối với các khóa đào tạo tiếp theo.

2.3.9. Thực trạng hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo

Thực trạng các hoạt động nhằm đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu tại Bảng 2.9 dưới đây.

Bảng 2.9. Mức độ đạt được của hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo	Các mức độ đạt được (275 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Hoạt động thu thập các thông tin tự đánh giá của các cựu sinh viên đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của họ theo chuẩn đầu ra.	55	82	118	20	2,63	7
2	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin đánh giá của các tổ chức chính trị, đoàn thể và chính quyền địa phương đối với mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của *"sản phẩm đào tạo"* theo chuẩn đầu ra.	52	99	105	19	2,67	5
3	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin đánh giá của cơ quan quản lý ngành đối với mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của *"sản phẩm đào tạo"* nhà trường theo chuẩn đầu ra.	65	91	112	7	2,78	1
4	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về kiến thức của cựu sinh viên theo từng vị trí việc làm.	45	99	106	25	2,60	8
5	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các kỹ năng của sinh viên theo từng vị trí việc làm.	48	98	113	16	2,65	6
6	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các yêu cầu thái độ của sinh viên theo từng vị trí việc làm.	55	99	106	15	2,71	4
7	Hoạt động điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện nội dung của chuẩn đầu ra nghề đào tạo theo ý kiến tự đánh giá của cựu sinh viên, của ngành, của địa phương và đặc biệt là của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.	70	81	103	21	2,73	2
8	Hoạt động điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra, cải tiến mục tiêu, chương trình và giáo trình, phương pháp và hình thức, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo để áp dung cho các khóa đào tạo tiếp theo.	65	90	99	21	2,72	3
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,68**	

Các số liệu tại Bảng **2.9** cho thấy:

- Nhìn chung hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT bị đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) chỉ là **2,68**.

- Hoạt động thứ 3: "Hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,78).

Hoạt động thứ 4: "Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về kiến thức của cựu sinh viên theo từng vị trí việc làm" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,60).

Xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi này, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát, trong đó chủ yếu là trưởng phòng Đảm bảo chất lượng và cán bộ phụ trách công tác tư vấn việc làm và quan hệ doanh nghiệp) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên;

Cũng bằng các phương pháp nghiên cứu tương tự như trên, cho thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó; nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn thuộc về công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề.

Nhìn tổng thể cả 9 hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra, nhận thấy:

- Không có hoạt động nào trong quá trình đào tạo bị đánh giá với mức độ còn yếu; nhưng cũng chưa có hoạt động nào được đánh giá ở mức độ tốt.

- Các hoạt động trong quá trình đào tạo được đánh giá ở mức độ khá là: hoạt động tuyển sinh (với $\overline{X}$ là 3,01), hoạt động học tập của sinh viên (với $\overline{X}$ là 3,06); hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo (với $\overline{X}$ là 2,76);

- Các hoạt động trong quá trình đào tạo bị đánh giá ở mức độ trung bình là: hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra (với $\overline{X}$ = 2,72); hoạt động phát triển chương trình đào tạo (với $\overline{X}$ = 2,74); hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo (với $\overline{X}$ = 2,70); hoạt động đảm bảo CSVC&TBĐT (với $\overline{X}$ = 2,74); hoạt động đánh giá kết quả đào tạo (với $\overline{X}$ = 2,73); hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo (với $\overline{X}$ = 2,68).

Có thể biểu diễn kết quả đánh giá mức độ đạt được các hoạt động trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT bằng biểu đồ dưới đây:

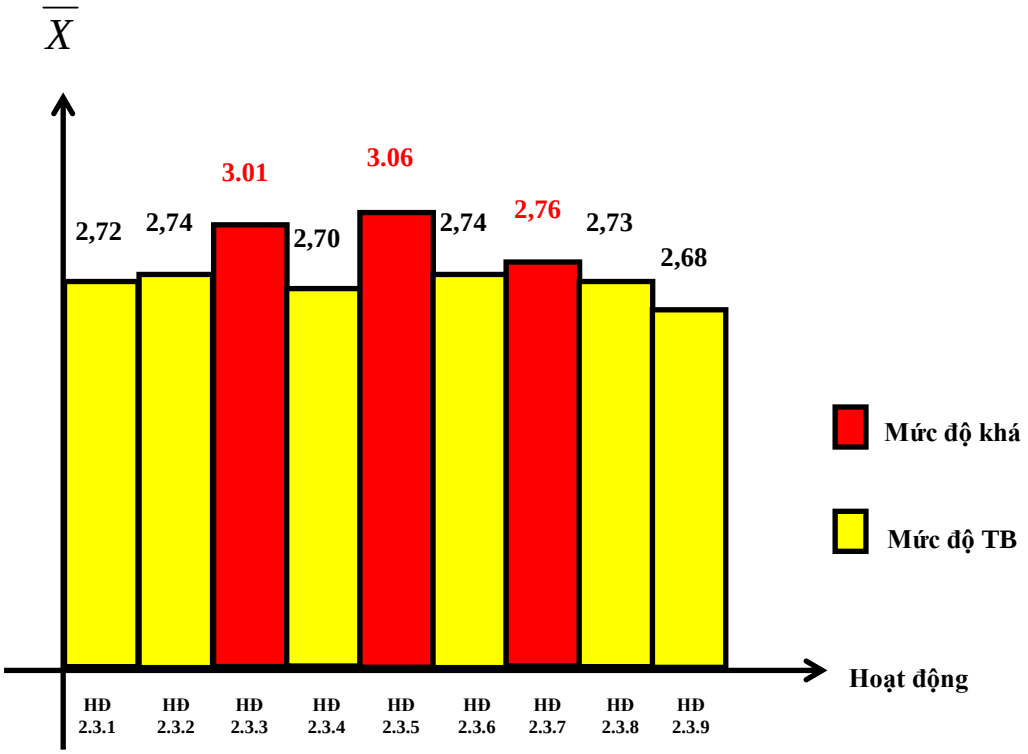

Biểu đồ 2.1. Kết quả đánh giá mức độ đạt được của các hoạt động trong quá trình đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT

2.4. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Xử lý 185 bộ phiếu xin ý kiến về thực trạng quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trả lời đủ các câu hỏi trong số 200 phiếu phát ra, có các kết quả dưới đây.

2.4.1. Thực trạng quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra

Thực trạng quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra trong quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu trong bảng 2.10 dưới đây.

Bảng 2.10. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra	Các mức độ đạt được (185 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra trước khi triển khai khoá đào tạo.	45	59	73	8	2,76	4
2	Tổ chức, chỉ đạo thành lập Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra theo quy định tại công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT.	47	59	63	16	2,74	5
3	Tổ chức, chỉ đạo Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra họp để thống nhất mục tiêu, nhiệm vụ thu thập thông tin, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra các nghề đào tạo.	35	65	61	24	2,60	8
4	Tổ chức, chỉ đạo các khoa hội thảo lấy ý kiến của các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động,…, để dự thảo văn bản điều chỉnh và bổ sung CĐR.	37	60	60	28	2,57	9
5	Tổ chức, chỉ đạo các khoa hoàn thiện dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trên cơ sở phân tích ý kiến phản hồi đã nhận được và báo cáo Hội đồng KH&ĐT trường.	44	71	65	5	2,83	3
6	Tổ chức, chỉ đạo Hội đồng KH&ĐT trường hội thảo lấy ý kiến đóng góp cho văn bản dự thảo điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra để trình hiệu trưởng ký ban hành.	51	59	71	4	2,85	2
7	Tổ chức, chỉ đạo Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra cùng các nội dung điều chỉnh và bổ sung trên Website và các phương tiện thông tin khác.	62	51	59	13	2,88	1
8	Tổ chức, chỉ đạo các đơn vị chức năng điều chỉnh và bổ sung định kỳ CĐR cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, sự phát triển của KH&CN và đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.	48	54	64	19	2,71	7
9	Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra nghề đào tạo để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn các lệch lạc và xử lý sai phạm.	50	51	67	17	2,72	6
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,74**	

Các số liệu tại Bảng **2.10** cho thấy:

- Nhìn chung hoạt động quản lý điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) là **2,74**.

- Hoạt động quản lý thứ 7: "Tổ chức, chỉ đạo Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra cùng các nội dung điều chỉnh và bổ sung trên Website và các phương tiện thông tin khác" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,88);

- Hoạt động quản lý thứ 4: "Tổ chức, chỉ đạo các khoa hội thảo lấy ý kiến của các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động,… để dự thảo văn bản điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra." trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,57); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Những thông tin thu được sau khi xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý đào tạo tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, bất cập và các hạn chế về thực trạng quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra; nhưng nguyên nhân chủ yếu thuộc về công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải có giải pháp quản lý để tháo gỡ khó khăn và khắc phục các bất cập đối với thực trạng các hoạt động quản lý nêu trên.

2.4.2. Thực trạng quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo

Thực trạng quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu trong bảng 2.11 dưới đây.

Bảng 2.11. Mức độ đạt được về quản lý phát triển chương trình đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về phát triển chương trình đào tạo	Các mức độ đạt được (185 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của khoá đào tạo.	49	66	56	14	2,81	1
2	Tổ chức, chỉ đạo việc thành lập Ban phát triển chương trình đào tạo tại các khoa để thực hiện hoàn thiện chương trình nghề đào tạo theo chuẩn đầu ra đã công bố.	44	57	77	7	2,75	4
3	Tổ chức và chỉ đạo Ban phát triển chương trình đào tạo dự thảo và thẩm định văn bản điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong CĐR đã công bố.	50	48	79	8	2,76	3
4	Tổ chức, chỉ đạo thành lập Ban phát triển chương trình chi tiết môn học/mô đun của các khoa để hoàn thiện các chương trình chi tiết trên cơ sở chương trình đào tạo đã có.	39	64	75	7	2,73	6
5	Tổ chức, chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh, bổ sung mục tiêu của mỗi môn học/mô đun gắn với các yêu cầu của chuẩn đầu ra đã công bố.	42	53	66	24	2,61	9
6	Tổ chức, chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh, bổ sung nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức mỗi môn học/mô đun theo yêu cầu của chuẩn đầu ra.	40	61	75	9	2,71	8
7	Tổ chức, chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh, bổ sung phương tiện và điều kiện dạy học mỗi môn học/mô đun theo yêu cầu của chuẩn đầu ra đã công bố.	47	55	68	15	2,72	7
8	Tổ chức, chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh, bổ sung phương thức kiểm tra đánh giá học tập mỗi môn học/ mô đun theo yêu cầu của CĐR.	51	45	79	10	2,74	5
9	Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động phát triển chương trình đào tạo và chương trình chi tiết để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và xử lý sai phạm.	55	49	65	16	2,77	2
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,73**	

Các số liệu tại Bảng **2.11** cho thấy:

- Nhìn chung quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) đạt được là **2,73**.

- Hoạt động quản lý 1: *"Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động nhằm phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của khoá đào tạo"* trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,81);

- Hoạt động quản lý thứ 5: "Tổ chức, chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh, bổ sung mục tiêu của mỗi môn học mô đun gắn với các yêu cầu của chuẩn đầu ra đã công bố" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,61); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Những thông tin thu được sau khi xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý là trưởng các khoa chuyên môn tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, bất cập và các hạn chế về thực trạng hoạt động phát triển chương trình đào tạo; nhưng nguyên nhân chủ yếu thuộc về công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần phải có giải pháp quản lý để tháo gỡ khó khăn và khắc phục các bất cập đối với thực trạng quản lý các hoạt động nêu trên; trong đó tập trung vào tổ chức, chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học của mỗi môn học/ mô đun gắn với các yêu cầu của chuẩn đầu ra đã công bố.

2.4.3. Thực trạng quản lý hoạt động tuyển sinh

Thực trạng quản lý hoạt động tuyển sinh trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu trong bảng 2.12 dưới đây.

Bảng 2.12. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động tuyển sinh

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về tuyển sinh	Các mức độ đạt được (185 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động tuyển sinh của khoa đào tạo theo các phương thức đã được nhà trường lựa chọn theo quy định trong quy chế tuyển sinh.	70	63	50	2	3,09	4
2	Tổ chức, chỉ đạo xác định chỉ tiêu đào tạo trên cơ sở nhu cầu xã hội; phù hợp năng lực đào tạo, với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực và theo quy định của cấp trên.	60	81	40	4	3,06	6
3	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động quảng bá chỉ tiêu xét tuyển (tuyển thẳng, cử tuyển) và thi tuyển theo quy định trên các phương tiện thông tin đại chúng và của trường.	59	75	45	6	3,01	9
4	Tổ chức, chỉ đạo xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển; coi thi, chấm thi, xác định và thông báo điểm chuẩn hoặc các tiêu chí xét tuyển.	69	76	35	5	3,13	3
5	Tổ chức, chỉ đạo thông báo trúng tuyển và gửi giấy triệu tập đến các thi sinh đã trúng tuyển theo quy đinh về hồ sơ thi cao đẳng của các cơ quan quản lý cấp trên.	79	78	28	0	3,28	1
6	Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động đón tiếp, thu nhận hồ sơ sinh viên mới nhập trường, giúp đỡ họ nơi ăn, chỗ ở, biên chế lớp học và tạo điều kiện ban đầu cho sinh viên mới	75	77	31	2	3,22	2
7	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động thông báo cho sinh viên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quy mô, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo.	63	78	39	5	3,08	5
8	Tổ chức, chỉ đạo các khoa tổ chức cho CBQL, giảng viên, cán bộ cố vấn học tập gặp gỡ sinh viên; phổ biến quy chế đào tạo, nội quy, và đặc biệt là chuẩn đầu ra nghề đào tạo.	68	64	45	8	3,04	7
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động tuyển sinh đầu khóa học để có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và xử lý các sai phạm.	65	66	47	7	3,02	8
	Trung bình của các $\overline{X}$					**3,10**	

Các số liệu tại Bảng **2.12** cho thấy:

- Nhìn chung các hoạt động quản lý tuyển sinh của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong bảng câu hỏi trên được đánh giá ở mức khá, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) đạt tới **3,10**.

- Hoạt động quản lý thứ 5: "Tổ chức, chỉ đạo thông báo trúng tuyển và gửi giấy triệu tập đến các thi sinh đã trúng tuyển theo quy đinh về hồ sơ thi cao đẳng của các cơ quan quản lý cấp trên" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 3,28);

- Hoạt động quản lý thứ 3: *"Tổ chức, chỉ đạo hoạt động quảng bá chỉ tiêu xét tuyển (tuyển thẳng, cử tuyển) và thi tuyển theo quy định trên các phương tiện thông tin đại chúng và của trường"* trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 3,01); điều này cho thấy cần có giải pháp để tháo gỡ các khó khăn và khắc phục các hạn chế trên.

Những thông tin thu được sau khi xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý công tác tuyển sinh tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát đã chỉ ra: có nhiều nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, bất cập và các hạn chế về thực trạng quản lý hoạt động tuyển sinh; nhưng nguyên nhân chủ yếu thuộc về công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần xem xét để phát huy các hoạt động có kết quả tốt và cải tiến những hoạt động còn hạn chế để giữ vững và nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý hoạt động tuyển sinh.

2.4.4. Thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo

Thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu trong bảng 2.13 dưới đây.

Bảng 2.13. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo	Các mức độ đạt được (185 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động của giảng viên được phân công giảng dạy các môn học/ mô đun trong quá trình triển khai khoá đào tạo.	55	43	78	9	2,78	1
2	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên giảng dạy các môn học/mô đun lựa chọn giáo trình, hoàn thiện giáo trình đã có hoặc biên soạn giáo trình mới, sưu tầm tài liệu tham khảo.	42	58	72	13	2,70	4
3	Tổ chức, chỉ đạo thành lập và họp các Hội đồng thẩm định giáo trình mới và Hội đồng nghiệm thu giáo trình mới để trình ký quyết định ban hành sử dụng trong đào tạo.	51	49	69	16	2,73	3
4	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên soạn kế hoạch giảng dạy (giáo án) theo chương trình chi tiết môn học/ mô đun mà giảng viên đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo.	39	52	79	15	2,62	9
5	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên giảng dạy lý thuyết, thực hành theo kế hoạch giảng dạy (giáo án) môn học/mô đun mà họ đã đảm nhận trong triển khai quá trình khóa đào tạo.	46	43	85	11	2,67	6
6	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch của khóa đào tạo đã có.	38	55	78	14	2,63	8
7	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học tập và sau khi kết thúc môn học/ mô đun trong quá trình dạy học.	45	60	68	12	2,75	2
8	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành quả nghiên cứu KH&CN vào giảng dạy trong quá trình triển khai khóa đào tạo.	35	66	74	10	2,68	5
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên để có quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.	36	59	82	8	2,66	7
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,69**	

Các số liệu tại Bảng **2.13** cho thấy:

- Nhìn chung quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) chỉ đạt **2,69**.

- Hoạt động quản lý thứ 1: *"Thiết lập kế hoạch quản lý các hoạt động của giảng viên được phân công giảng dạy các môn học/ mô đun trong quá trình triển khai khoá đào tạo."* trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,78).

- Hoạt động quản lý thứ 4: "Tổ chức, chỉ đạo giảng viên soạn kế hoạch giảng dạy (giáo án) theo chương trình chi tiết môn học/mô đun mà giảng viên đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,62).

Những thông tin thu được sau khi xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý đào tạo ở phòng đào tạo và trưởng các khoa chuyên môn tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát cho thấy: có nhiều nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, bất cập và các hạn chế về thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên, nhưng nguyên nhân chủ yếu thuộc về công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần phải có giải pháp quản lý để tháo gỡ khó khăn và khắc phục các bất cập đối với thực trạng các hoạt động quản lý nêu trên; trong đó tập trung vào tổ chức, chỉ đạo giảng viên soạn kế hoạch giảng dạy (giáo án) theo chương trình chi tiết môn học/mô đun mà giảng viên đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo.

2.4.5. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo

Thực trạng quản lý hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu trong bảng 2.14 dưới đây.

Bảng 2.14. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo	Các mức độ đạt được (185 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động học tập và các hoạt động bổ trợ cho hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	83	58	42	2	3,20	1
2	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên thiết lập kế hoạch học tập cá nhân đối với môn học/ mô đun theo học kỳ, năm học và khóa học phù hợp với kế hoạch khóa học của trường.	80	54	45	6	3,12	3
3	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên học tập các giờ lý thuyết đối với mỗi môn học/ mô đun trong chương trình đào tạo theo đúng các quy định trong quy chế đào tạo.	54	66	63	2	2,93	7
4	Tổ chức và chỉ đạo sinh viên thực hành tại phòng thí nghiệm hoặc phòng thực hành đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để rèn luyện các kỹ năng và hình thành thái độ theo yêu cầu của chuẩn đầu ra.	72	53	55	5	3,04	4
5	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên tự học tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá hoặc nhà riêng để tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ theo CĐR.	37	56	79	13	2,63	9
6	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch đào tạo để đạt tới yêu cầu năng lực, kỹ năng và thái độ theo CĐR.	75	45	56	9	3,01	6
7	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên nghiên cứu KH&CN, tham gia hội thi sáng tạo nghề nghiệp của trường, ngành và quốc tế để bổ trợ kiến thức, kỹ năng và thái độ theo CĐR.	45	77	62	1	2,90	8
8	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên tự đánh giá về kết quả học tập, rèn luyện của bản thân theo các tiêu chí đã xác định trong CĐR khóa đào tạo đã được công bố.	64	67	50	4	3,03	5
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động học tập của sinh viên để có quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý sai phạm.	67	82	31	4	3,14	2
	Trung bình của các $\overline{X}$					**3,00**	

Các số liệu tại Bảng **2.14** cho thấy:

- Nhìn chung quản lý hoạt động học tập của sinh viên của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong bảng câu hỏi trên được đánh giá ở mức độ khá, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) chỉ là **3,00**.

- Hoạt động quản lý thứ 1: *"Thiết lập kế hoạch quản lý các hoạt động học tập và các hoạt động bổ trợ cho hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra"* trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 3,20);

- Hoạt động quản lý thứ 4: "Tổ chức, chỉ đạo sinh viên tự học tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá hoặc nhà riêng để tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ theo chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,63); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Những thông tin thu được sau khi xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý công tác sinh viên cũng như một số giáo viên chủ nhiệm lớp tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, bất cập và các hạn chế về thực trạng quản lý hoạt động học tập của sinh viên; nhưng nguyên nhân chủ yếu thuộc về công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần xem xét để phát huy các hoạt động có kết quả tốt và cải tiến những hoạt động còn hạn chế để giữ vững và nâng cao chất lượng quản lý hoạt động học tập của sinh viên.

2.4.6. Thực trạng quản lý hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

Thực trạng quản lý hoạt động đảm bảo CSVC&TBĐT trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu trong bảng 2.15 dưới đây.

Bảng 2.15. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động về đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về đảm bảo CSVC&TBĐT	Các mức độ đạt được (185 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo phục vụ cho quản lý, giảng dạy và học tập của khoá đào tạo.	45	56	71	13	2,72	6
2	Tổ chức, chỉ đạo các phòng chức năng, khoa hoặc tổ bộ môn xác định nhu cầu sử dụng kinh phí, CSVC&TBĐT phục vụ quản lý, giảng dạy và học tậ.p	51	59	65	10	2,82	1
3	Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động đánh giá thực trạng về kinh phí, số lượng và chất lượng CSVC&TBĐT so với nhu cầu sử dụng trong quản lý, giảng dạy và học tập.	48	55	73	9	2,77	3
4	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động huy động nguồn lực vật chất từ ngân sách, sự đầu tư của các tổ chức, cá nhân; học phí, lệ phí tuyển sinh; hợp tác đào tạo, KH&CN sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; tài trợ, viện trợ.	39	63	67	16	2,68	7
5	Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động xây dựng các nhà xưởng, dự trù và mua sắm TBĐT phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra.	49	59	70	7	2,81	2
6	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động hướng dẫn tính năng, tác dụng, cách thức vận hành CSVC&TBĐT vào hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo.	37	55	84	9	2,65	8
7	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên, sinh viên và của các phòng chức năng bảo quản, thanh lý CSVC&TBĐT theo đúng quy chuẩn kỹ thuật và quy định quản lý tài sản của Nhà nước.	41	62	74	8	2,74	4
8	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động phát triển về số lượng, cơ cấu, chất lượng CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa phù hợp với yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra.	50	41	70	24	2,63	9
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động về đảm bảo CSVC&TBĐT để có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.	53	44	73	15	2,73	5
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,73**	

Các số liệu tại Bảng **2.15** cho thấy:

- Nhìn chung quản lý hoạt động về đảm bảo CSVC&TBĐT của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong bảng câu hỏi trên chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) chỉ là **2,73**.

- Hoạt động quản lý thứ 2: "Tổ chức, chỉ đạo các phòng chức năng, khoa hoặc tổ bộ môn xác định nhu cầu sử dụng kinh phí, CSVC&TBĐT phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,82);

- Hoạt động quản lý thứ 8: "Tổ chức, chỉ đạo hoạt động phát triển về số lượng, cơ cấu, chất lượng CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa phù hợp với yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,63); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Những thông tin thu được sau khi xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý thiết bị, quản lý cơ sở vật chất cũng như trưởng các khoa chuyên môn tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, chỉ ra: có nhiều nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, bất cập và các hạn chế về thực trạng quản lý hoạt động về đảm bảo CSVC&TBĐT trong đào tạo theo chuẩn đầu ra; nhưng nguyên nhân chủ yếu thuộc về công tác quản lý hoạt động này của các trường cao đẳng nghề.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần phải có giải pháp quản lý để tháo gỡ khó khăn và khắc phục các bất cập đối với thực trạng các hoạt động quản lý nêu trên; trong đó tập trung vào tổ chức, chỉ đạo hoạt động phát triển về số lượng, cơ cấu, chất lượng CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa phù hợp với yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra.

2.4.7. Thực trạng quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo

Thực trạng quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu trong bảng 2.16 dưới đây.

Bảng 2.16. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo	Các mức độ đạt được (185 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động tạo dựng môi trường thuận lợi phát huy thế mạnh và hạn chế các bất thuận của môi trường đào tạo theo chuẩn đầu ra.	60	50	70	5	2,89	2
2	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động xây dựng môi trường văn hóa với hệ thống những niềm tin, giá trị, chuẩn mực xử sự, kỳ vọng, thói quen, truyền thống và thương hiệu của trường.	53	44	73	15	2,73	4
3	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động tạo dựng môi trường pháp lý công khai, minh bạch, mọi người quản lý và bị quản lý đồng thuận và và nỗ lực thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra.	45	56	70	14	2,71	6
4	Tổ chức, chỉ đạo việc huy động mọi lực lượng giáo dục và đào tạo trong trường để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia vào quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	53	62	68	2	2,90	1
5	Tổ chức, chỉ đạo việc huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các cựu sinh viên tham gia vào xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo.	55	35	71	24	2,65	9
6	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động liên kết và hợp tác với các cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước để góp ý xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia triển khai quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	37	58	81	9	2,66	8
7	Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động tranh thủ sự lãnh đạo và quản lý của Ngành và chính quyền địa phương để góp ý, phê duyệt chuẩn đầu ra và giúp đỡ trường trong triển khai quá trình đào tạo.	47	66	70	2	2,85	3
8	Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động nhằm hạn chế các tác động bất thuận từ môi trường tự nhiên và xã hội đối với quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của nhà trường.	43	56	71	15	2,69	7
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động tạo dựng môi trường đào tạo để có quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và xử lý các sai phạm.	51	44	77	13	2,72	5
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,76**	

Các số liệu tại Bảng **2.16** cho thấy:

- Nhìn chung quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong bảng câu hỏi trên chỉ được đánh giá ở mức độ khá, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) chỉ đạt **2,76**.

- Hoạt động quản lý thứ 4: "Tổ chức, chỉ đạo việc huy động mọi lực lượng giáo dục và đào tạo trong trường để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia vào quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,90);

- Hoạt động quản lý thứ 5: "Tổ chức, chỉ đạo việc huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các cựu sinh viên tham gia vào xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,65); điều này cho thấy các trường cao đẳng nghề cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Những thông tin thu được sau khi xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý tại các phòng chức năng cũng như các khoa chuyên môn tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát nhận thấy: có nhiều nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, bất cập và các hạn chế về thực trạng quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo; nhưng nguyên nhân chủ yếu thuộc về công tác quản lý.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải có giải pháp quản lý để tháo gỡ khó khăn và khắc phục các bất cập đối với thực trạng các hoạt động quản lý nêu trên; trong đó tập trung vào tổ chức, chỉ đạo việc huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp tham gia vào xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo.

2.4.8. Thực trạng quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo

Thực trạng quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu trong bảng 2.17 dưới đây.

Bảng 2.17. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về đánh giá kết quả đào tạo	Các mức độ đạt được (185 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo và tham gia kiểm định chương trình đào tạo.	41	64	70	10	2,74	3
2	Tổ chức, chỉ đạo xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo (từng môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên) trên cơ sở nội dung của chuẩn đầu ra nghề đào tạo.	36	65	78	6	2,71	4
3	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động thu thập và xử lý các thông tin về kết quả đào tạo theo các các tiêu chí đánh giá môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên.	55	51	64	15	2,79	1
4	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động đánh giá kết quả từng khâu và kết quả tổng thể của quá trình đào tạo bằng cách so sánh các kết quả đó với các tiêu chí đánh giá đã xác định.	51	46	69	19	2,70	5
5	Tổ chức, chỉ đạo các khoa, bộ môn trực thuộc và các phòng chức năng trong trường tự giác và tích cực thực hiện đánh giá trong về chất lượng khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra.	40	59	74	12	2,69	6
6	Tổ chức, chỉ đạo mọi đơn vị, cá nhân trong trường thảo luận để nhận biết kết quả, kinh nghiệm xây dựng kế hoạch đổi mới đào tạo theo kết luận của đánh giá ngoài.	35	57	79	14	2,61	8
7	Tổ chức, chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường phát huy mặt tốt (các thành tựu đào tạo), tiếp tục duy trì trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra cho các khóa đào tạo tiếp theo.	39	55	74	17	2,63	7
8	Tổ chức, chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện đổi mới hoặc cải tiến các hoạt động đào tạo theo kế hoạch cho các khóa đào tạo tiếp theo.	43	45	77	20	2,60	9
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo để có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.	52	47	73	13	2,75	2
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,69**	

Các số liệu tại Bảng **2.17** cho thấy:

- Nhìn chung quản lý các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong bảng câu hỏi trên chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) là **2,69**.

- Hoạt động quản lý thứ 3: "Tổ chức, chỉ đạo hoạt động thu thập và xử lý các thông tin về kết quả đào tạo theo các các tiêu chí đánh giá môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,79).

- Hoạt động quản lý thứ 8: "Tổ chức, chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện đổi mới hoặc cải tiến các hoạt động đào tạo theo kế hoạch cho các khóa đào tạo tiếp theo" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,60); điều này cho thấy cần có giải pháp để khắc phục hạn chế trên.

Những thông tin thu được sau khi xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý tại phòng Đảm bảo chất lượng cũng như các khoa chuyên môn tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát) và phương pháp quan sát, cho thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, bất cập và các hạn chế về thực trạng quản lý các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo; nhưng nguyên nhân chủ yếu thuộc về công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải có giải pháp quản lý để tháo gỡ khó khăn và khắc phục các bất cập đối với thực trạng các hoạt động quản lý nêu trên; trong đó tập trung vào tổ chức, chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện đổi mới hoặc cải tiến các hoạt động đào tạo của khoá đào tạo cũ để triển khai các khóa đào tạo tiếp theo.

2.4.9. Thực trạng quản lý hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo

Thực trạng quản lý các hoạt động đổi mới sau mỗi khóa đào tạo trong đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thể hiện ở các số liệu trong bảng 2.18 dưới đây.

Bảng 2.18. Mức độ đạt được về quản lý hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo	Các mức độ đạt được (185 phiếu)					
		T	K	TB	CY	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động sau khoá đào tạo nhằm đổi mới công tác đào tạo cho các khoá đào tạo tiếp theo.	53	37	79	16	2,69	4
2	Tổ chức, chỉ đạo thu thập, xử lý thông tin tự đánh giá của cựu sinh viên mức độ đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp (khi so sánh với CĐR).	32	64	79	10	2,64	7
3	Tổ chức, chỉ đạo thu thập, xử lý các thông tin đánh giá của cơ quan quản lý ngành về mức độ đáp ứng yêu cầu về của "sản phẩm đào tạo" (khi so sánh với chuẩn đầu ra).	49	60	65	11	2,79	1
4	Tổ chức, chỉ đạo thu thập, xử lý thông tin đánh giá của các tổ chức, cơ quan và chính quyền địa phương về mức độ đáp ứng yêu cầu của "sản phẩm đào tạo" (khi so sánh với chuẩn đầu ra).	46	50	70	19	2,66	6
5	Tổ chức, chỉ đạo thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo từng vị trí việc làm.	35	70	70	10	2,70	3
6	Tổ chức, chỉ đạo thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các yêu cầu thái độ của họ theo từng vị trí việc làm.	42	59	66	18	2,68	5
7	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện nội dung CĐR nghề đào tạo theo ý kiến tự đánh giá của cựu sinh viên, của ngành, của địa phương và đặc biệt là của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.	40	54	71	20	2,62	9
8	Tổ chức, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung, nhằm đổi mới mục tiêu, chương trình, phương pháp và hình thức đào tạo, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo để áp dung cho các khóa đào tạo tiếp theo.	37	58	75	15	2,63	8
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động sau khóa đào tạo để có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.	51	48	72	14	2,74	2
	Trung bình của các $\overline{X}$					**2,68**	

Các số liệu tại Bảng **2.18** cho thấy:

- Nhìn chung quản lý các hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT trong bảng câu hỏi trên chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình, vì giá trị trung bình của các trung bình có trọng số ($\overline{X}$) chỉ đạt **2,68**.

- Hoạt động quản lý thứ 3: "Tổ chức, chỉ đạo thu thập, xử lý các thông tin đánh giá của cơ quan quản lý ngành về mức độ đáp ứng yêu cầu về của "sản phẩm đào tạo" (khi so sánh với chuẩn đầu ra)" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ cao nhất (với $\overline{X}$ = 2,79);

- Hoạt động quản lý thứ 7: "Tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện nội dung chuẩn đầu ra nghề đào tạo theo ý kiến tự đánh giá của cựu sinh viên, của ngành, của địa phương và đặc biệt là của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp" trong bảng số liệu này được đánh giá có mức độ thấp nhất (với $\overline{X}$ = 2,62).

Xem xét câu hỏi mở trong bảng câu hỏi này, kết hợp với các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu (trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý tại các trường được chọn làm đối tượng khảo sát, trong đó chủ yếu là trưởng phòng Đảm bảo chất lượng và cán bộ quản lý phụ trách công tác tư vấn việc làm và quan hệ doanh nghiệp) cùng với phương pháp quan sát, cho thấy: có nhiều nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, bất cập và các hạn chế về thực trạng quản lý các hoạt động đổi mới sau mỗi khóa đào tạo; nhưng nguyên nhân chủ yếu thuộc về công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề.

Chính vì vậy Hiệu trưởng của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải có giải pháp quản lý để tháo gỡ khó khăn và khắc phục các bất cập đối với thực trạng các hoạt động quản lý trong bảng câu hỏi.

Nhìn tổng thể cả 9 hoạt động quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra, nhận thấy:

- Không có hoạt động quản lý nào bị đánh giá với mức độ còn yếu; nhưng cũng chưa có hoạt động quản lý nào được đánh giá ở mức độ tốt.

- Các hoạt động quản lý được đánh giá ở mức độ khá là: quản lý hoạt động tuyển sinh (với $\overline{X}$ là 3,10); quản lý hoạt động học tập của sinh viên (với $\overline{X}$ là 3,00); quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo (với $\overline{X}$ là 2,76);

- Các hoạt động quản lý được đánh giá ở mức độ trung bình: quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra (với $\overline{X}$ = 2,74); quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo (với $\overline{X}$ = 2,73); quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên

trong quá trình đào tạo (với $\overline{X}$ =2,69); quản lý hoạt động đảm bảo CSVC&TBĐT (với $\overline{X}$ = 2,73); quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo (với $\overline{X}$ = 2,69); đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo (với $\overline{X}$ = 2,68).

Như vậy, quản lý hoạt động đào tạo nào được đánh giá ở mức độ khá, thì hoạt động đào tạo đó cũng được đánh giá đạt mức độ khá; quản lý hoạt động đào tạo nào bị đánh giá ở mức độ trung bình, thì hoạt động đào tạo đó cũng bị đánh giá đạt mức độ trung bình.

Có thể biểu diễn kết quả đánh giá mức độ đạt được của các hoạt động quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN & PTNT bằng biểu đồ dưới đây:

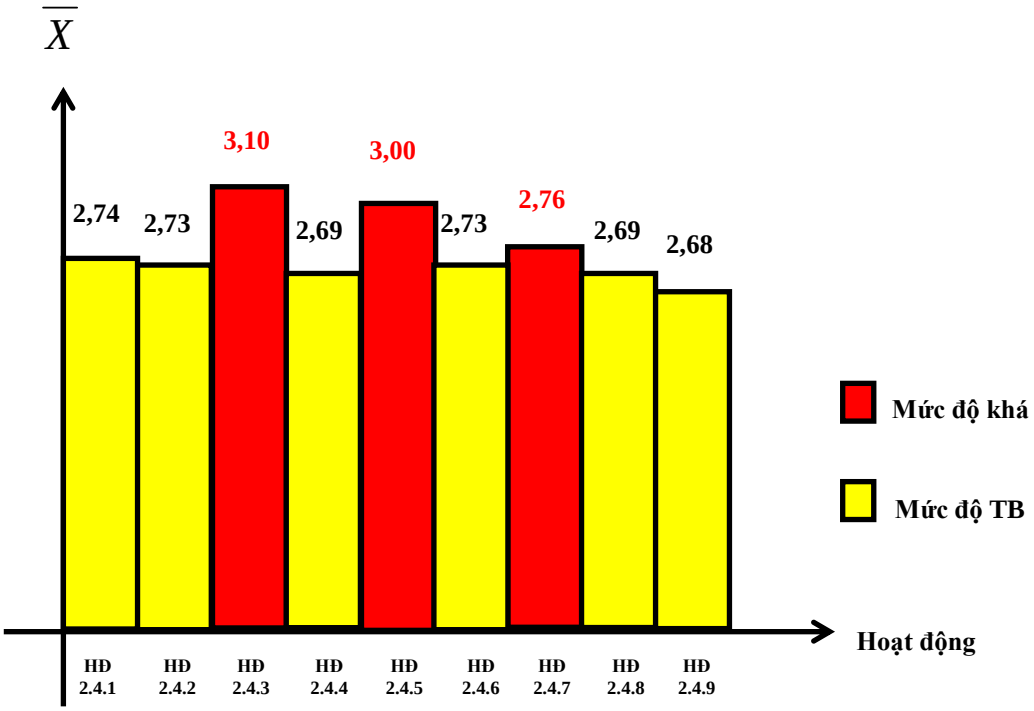

Biểu đồ 2.2. Kết quả đánh giá mức độ đạt được của các hoạt động quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT

2.4.10. Thực trạng mức độ tác động của các yếu tố có ảnh hưởng đến quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra

Thực trạng mức độ tác động của các yếu tố có ảnh hưởng đến quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN & PTNT được thể hiện ở các số liệu trong bảng 2.19 dưới đây.

Bảng 2.19. Mức độ tác động của các yếu tố có ảnh hưởng đến quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra

TT	Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra	**Các mức độ ảnh hưởng** (185 phiếu)					
		Rất cao (4Đ)	Cao (3Đ)	TB (2Đ)	Yếu (1Đ)	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Bối cảnh phát triển KT-XH đương đại (xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, kinh tế thị trường, sự phát triển của KH&CN.	72	69	39	5	3,12	6
2	Đường lối lãnh đạo của Đảng, luật pháp và chính sách của Nhà nước về phát triển KT-XH và phát triển GDNN.	75	78	30	2	3,22	5
3	Sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sản phẩm đào tạo.	85	72	24	4	3,28	4
4	Năng lực giảng dạy của các giảng viên theo định hướng phát triển năng lực sinh viên trong đào tạo theo CĐR.	90	69	25	1	3,34	2
5	Mức độ huy động và đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị cho các hoạt động trong quá trình đào tạo theo CĐR.	93	55	34	3	3,29	3
6	Năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của cán bộ quản lý các cấp của trường	115	50	20	0	3,51	1

Các số liệu trong bảng 2.19. cho thấy tất cả các yếu tố có ảnh hưởng đến quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT đều được các đối tượng trả lời có mức độ tác động (ảnh hưởng) rất cao. Trong đó đặc biệt là yếu tố *"Năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của cán bộ quản lý các cấp của trường"* có mức độ ảnh hưởng cao nhất với $\overline{X}$ = 3,51 (trong giá trị trung bình có trọng số của các mức độ từ 1 đến 4). Điều này cũng phù hợp với kết quả trả lời các câu hỏi mở trong các bảng câu hỏi về thực trạng quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra (đã trình bày ở mục 2.4).

Như vậy, các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cần phải tập trung vào nâng cao chất lượng quản lý của đội ngũ CBQL các cấp của trường.

2.5. NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Các kết quả nghiên cứu về thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường các trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT cho thấy:

- Không có hoạt động đào tạo nào bị đánh giá ở mức độ yếu, nhưng cũng chưa có hoạt động đào tạo nào được đánh giá ở mức độ tốt;

- Quản lý hoạt động đào tạo nào trong quá trình đào tạo được đánh giá ở mức độ khá, thì hoạt động đào tạo đó cũng được đánh giá đạt mức độ khá; quản lý hoạt động đào tạo nào trong quá trình đào tạo bị đánh giá ở mức độ trung bình, thì hoạt động đào tạo đó cũng bị đánh giá đạt mức độ trung bình.

Những mặt mạnh, thuận lợi và nguyên nhân; những bất cập, khó khăn và nguyên nhân trong đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR của các trường đó như dưới đây.

2.5.1. Những mặt mạnh, thuận lợi và nguyên nhân

a) Những mặt mạnh và thuận lợi chính

Theo kết quả khảo sát về thực trạng các hoạt động đào tạo và quản lý các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra, nhận thấy có nhiều mặt mạnh, cũng là những thuận lợi chủ yếu trong quản lý; trong đó nổi bật là các hoạt động dưới đây.

- Đã tổ chức và chỉ đạo có chất lượng và hiệu quả việc công bố và quản lý việc công bố chuẩn đầu ra sau khi đã được điều chỉnh;

- Đã tổ chức và chỉ đạo tốt việc thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động nhằm phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của khoá đào tạo;

- Đã tổ chức và chỉ đạo có chất lượng và hiệu quả việc tuyển sinh, đón tiếp người học và tổ chức các hoạt động đầu khóa đào tạo;

- Bước đầu đã tổ chức và chỉ đạo được việc lựa chọn và cắt cử được giảng viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm để giảng dạy các môn học/mô đun trong chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Đã tổ chức và chỉ đạo tốt việc quản lý hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Bước đầu có quan tâm đến việc xây dựng, mua sắm, trang bị CSVC&TBĐT cho đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Đã có các hoạt động mang tính quan tâm đến môi trường đào tạo, trong đó bước đầu có phát huy và hạn chế các tác động của môi trường trong quá trình đào tạo theo CĐR;

- Thực hiện được một số quy định về tổ chức đánh giá kết quả đào tạo trong quá trình đào tạo và sau đào tạo theo chuẩn đầu ra.

b) Những nguyên nhân chủ yếu

Tổng hợp kết quả trả lời câu hỏi mở trong khảo sát thực trang đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra bằng phiếu hỏi với quan sát và phỏng vấn một số CBQL các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT, một số cán bộ quản lý nhân sự tại một số doanh nghiệp; nhận biết được một số nguyên nhân chủ yếu đã dẫn đến các mặt mạnh và thuận lợi như trên là do:

- Có sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của các cơ quan quản lý GDNN thông qua hệ thống các văn bản quản lý về đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Một số CBQL quản lý cấp trường nhận thức được ý nghĩa đào tạo theo chuẩn đầu ra, đồng thời họ đã thể hiện trách nhiệm đối với chủ trương đó;

- Phần lớn các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường đã ý thức được và bước đầu làm quen với đào tạo theo chuẩn đầu ra.

2.5.2. Những bất cập, khó khăn và nguyên nhân

a) Những bất cập và khó khăn chủ yếu

Theo kết quả khảo sát về thực trạng đào tạo và quản lý các hoạt động trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, nhận thấy có một số những bất cập và khó khăn chủ yếu về quản lý; trong đó nổi bật là một số hoạt động quản lý dưới đây:

- Quản lý hoạt động lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động, các doanh nghiệp và cựu sinh viên,…để dự thảo, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra còn bất cập;

- Quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo còn hạn chế đối với xác định mục tiêu, định hướng nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức theo định hướng phát triển năng lực người học;

- Quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên còn hạn chế về thiết lập kế hoạch học dạy học theo định hướng phát triển năng lực sinh viên (các năng lực cần thiết được xác định trong chuẩn đầu ra);

- Quản lý các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện đào tạo (*trong đó có CSVC&TBĐT và môi trường đào tạo*) chưa đầy đủ, kịp thời và phát triển theo hướng chuẩn hoá và hiện đại hoá để đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Quản lý hoạt động tổ chức các hoạt động đánh giá và hoạt động sau khóa đào tạo còn hạn chế: chưa thực hiện đổi mới (cải tiến) các hoạt động đó trên cơ sở các kết quả đánh giá về đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Năng lực quản lý của CBQL các cấp trong các trường còn bất cập so với các yêu cầu của quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra, trong khi đó năng lực quản lý của đội ngũ CBQL các cấp của trường lại là một yếu tố có ảnh hưởng cao nhất đối với quản lý đào tạo.

b) Những nguyên nhân chủ yếu

Tổng hợp kết quả trả lời các câu hỏi mở trong khảo sát thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo bằng phiếu hỏi với kết quả quan sát và phỏng vấn một số CBQL tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT và với một số CBQL nhân sự ở các doanh nghiệp; nhận thấy nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các bất cập và khó khăn như trên là do công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNN.

Cụ thể:

- *Một là,* do công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề đối với hoạt động điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra;

- *Hai là,* do công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề đối với hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- *Ba là,* do công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề đối với hoạt động nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên theo định hướng phát triển năng lực sinh viên trong đào tạo chuẩn đầu ra;

- *Bốn là,* do công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề đối với hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- *Năm là,* do công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề trong đổi mới các hoạt động sau một khoá đào tạo trên cơ sở kết quả đánh giá đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- *Sáu là,* do công tác quản lý của các trường cao đẳng nghề đối với các hoạt động phát triển năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho các CBQL các cấp của trường.

Tiểu kết chương 2

Các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT đều là các trường có bề dày truyền thống gắn với chức năng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho KT-XH tại các cộng đồng, địa phương và trong cả nước;

Kết quả khảo sát thực trạng các hoạt động đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cho thấy có nhiều hoạt động được đánh giá có mức độ khá; *tuy nhiên* cũng bộc lộ nhiều bất cập và hạn chế, chon nên có một số hoạt động chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình. *Nguyên nhân chủ yếu* dẫn đến các bất cập và hạn chế trong đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường đó là do công tác quản lý của các trường đối với các hoạt động:

- Điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra;
- Phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra đã công bố;
- Nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên trong đào tạo theo định hướng phát triển năng lực sinh viên trong đào tạo chuẩn đầu ra;
- Đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho đào tạo;
- Đánh giá kết quả đào tạo và triển khai các hoạt động sau đào tạo;
- Phát triển năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho các CBQL các cấp của trường.

Những kết quả nghiên cứu thực trạng về đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT tại chương này, cùng kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về đào tạo theo chuẩn đầu ra sẽ được kết hợp với cơ sở lý luận về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra (trình bày tại chương 1) để có những đề xuất khoa học (các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường đó) sẽ được trình bày tại chương 3 dưới đây.

Chương 3
GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

3.1. NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ

3.1.1. Nguyên tắc tuân thủ đường lối lãnh đạo của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, điều lệ và quy chế của ngành

Nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Chiến lược phát triển giáo dục của Chính phủ là các văn bản mang tính định hướng về quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới và phát triển giáo dục nói chung, trong đó có GDNN.

Luật pháp nói chung, luật GDNN nói riêng, các chính sách về phát triển GD&ĐT, điều lệ và quy chế của hệ thống GDNN, của ngành GD&ĐT là các văn bản pháp lý có tác dụng điều chỉnh mọi hoạt động trong lĩnh vực GDNN, GD&ĐT; trong đó có hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và theo chuẩn đầu ra.

Nguyên tắc này đòi hỏi các giải pháp quản lý nhằm quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra phải tuân thủ các chủ trương, nghị quyết của Đảng, luật pháp và chính sách của Nhà nước, Chiến lược phát triển phát triển giáo dục 2011 - 2020; Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020; Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020 của Chính phủ, điều lệ trường Cao đẳng nghề và các quy chế của ngành về lĩnh vực GDNN.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học

Đảm bảo tính khoa học trong nghiên cứu một vấn đề nào đó, có nghĩa là vừa phải đảm bảo đúng cơ sở lý luận của vấn đề được nghiên cứu và vừa đảm bảo đúng cơ sở thực tiễn (thực trạng) của vấn đề đó.

Nguyên tắc này đòi hỏi các giải pháp quản lý nhằm nhằm quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT vừa phải dựa trên kết quả nghiên cứu về cơ sở lý luận phát triển nguồn nhân lực (được cụ thể hóa vào quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT); đồng thời vừa phải dựa trên các kết quả nghiên cứu về cơ sở thực tiễn (thực trạng) về hoạt động đào tạo và quản lý hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao

đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT. Nói cách khác, các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT được đề xuất trong luận án này phải dựa trên các kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại của các trường cao đẳng nghề, cũng như phải dựa trên cơ sở thực tiễn về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT, các kết quả nghiên cứu thực trạng về hoạt động đào tạo và hoạt động quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT cũng như sự đáp ứng các yêu cầu về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học (tại chương 2)

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Tính khả thi khi triển khai một hoạt động bất kỳ nào đó (trong đó có hoạt động quản lý) thể hiện ở chỗ khi triển khai hoạt động đó không có sự cản trở (rào cản) nào về các mặt quan điểm điểm chỉ đạo, chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng; luật pháp và chính sách của Nhà nước; điều lệ và quy chế của ngành. Cùng với các điều đó là không bị cản trở do sự hạn chế về số lượng và chất lượng của nguồn nhân lực để triển khai hoạt động đó; không bị cản trở về số lượng và chất lượng nguồn vật chất đầu tư cho hoạt động đó. Hơn thế, không bị cản trở bởi các yếu tố khác như truyền thống, văn hóa, đạo đức,... và nói chung là không bị cản trở bởi các yếu tố về môi trường của hoạt động.

Nguyên tắc này đòi hỏi các giải pháp quản lý nhằm quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT phải tránh được các rào cản khi triển khai, có nghĩa là thông suốt chứ không bị ách tắc do đường lối lãnh đạo, luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước; các điều lệ, quy chế của ngành dạy nghề, ngành GD&ĐT về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra; đồng thời các giải pháp đó phải phù hợp với thẩm quyền và trách nhiệm của người có trách nhiệm triển khai giải pháp quản lý (chủ thể của giải pháp).

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính logic

Theo triết học Mác-Lênin, mâu thuẫn, khó khăn và bất cập là các hiện tượng đặc thù và mang tính quy luật tất yếu của sự vận động trong quá trình phát triển xã hội; *phương pháp luận để tạo động lực cho sự phát triển xã hội* là phải *xoá bỏ được các mâu thuẫn, tháo gỡ được các khó khăn và khắc phục các bất cập* có ngay trong sự vận động phát triển đó [12].

Nguyên tắc này yêu cầu các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề được đề xuất phải căn cứ vào các mâu thuẫn, khó khăn hoặc bất cập có trong thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo để tìm ra cách thức xoá bỏ những mâu thuẫn, hoặc tháo gỡ những khó khăn, hoặc khắc phục các bất cập đó. Mỗi cách thức triển khai nhằm xóa bỏ được mâu thuẫn, hoặc tháo gỡ được khó khăn hoặc khắc phục được bất cập trong thực trạng đào tạo và thực trạng quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT được xem là một giải pháp quản lý.

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ

Bất kỳ một tổ chức nào cũng là một hệ thống với mỗi phần tử trong cơ cấu tổ của chức đều là các hệ con của hệ thống. Mỗi phần tử đó có chức năng, nhiệm vụ nhất định, nhưng tích hợp các chức năng và nhiệm vụ của mọi phần tử lại sẽ là chức năng và nhiệm vụ chung của tổ chức. Hoạt động của mỗi phần tử đó theo quy luật vận hành riêng và đảm bảo quy luật vận hành chung của tổ chức; nhằm bổ trợ cho nhau tạo nên một chỉnh thể của hệ thống. Tính hệ thống còn thể hiện ở sự vận động hợp quy luật của các phần tử trong hệ thống để biến các yếu tố đầu vào thành các kết quả hoạt động (đầu ra) của hệ thống.

Đảm bảo tính đồng bộ của các giải pháp quản lý được đề xuất trong luận án này là: quá trình đào tạo của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT được xem là các hoạt động của các phần tử trong hệ thống (nhà trường) để biến đổi các yếu tố đầu vào (mục tiêu, chương trình, nội dung, lực lượng đào tạo (CBQL, giảng viên, sinh viên, nhân viên phục vụ, sự tham gia của các doanh nghiệp,…), chất lượng của CSVC&TBĐT, ưu thế của môi trường đào tạo,... thành đầu ra (sản phẩm đào tạo - sinh viên tốt nghiệp với các kiến thức, kỹ năng và thái độ) đúng với chuẩn đầu ra đã xác định trong mục tiêu đào tạo. Cùng với các điều đó, nguyên tắc này còn yêu cầu các giải pháp quản lý phải đồng bộ đối với các thành tố của quá trình đào tạo, có sự tham gia đầy đủ của các phần tử cấu thành trường cao đẳng nghề và các thành viên trong trường cao đẳng nghề.

Sự đồng bộ trong vận hành của một tổ chức lúc nào cũng gắn với tính hệ thống của một tổ chức để huy động được mọi lực lượng, mọi phần tử trong hệ thống cùng vận động một cách đồng bộ đối với mọi khâu trong quá trình đào tạo và quản lý đào tạo nhằm tạo ra "tính trồi" của hệ thống.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.2.1. Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo

3.2.1.1. Mục đích và ý nghĩa của giải pháp

Mục đích của giải pháp này nhằm huy động được các lực lượng trong và ngoài nhà trường thường xuyên điều chỉnh, bổ sung CĐR trước khi triển khai khóa đào tạo mới.

Thường xuyên điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo có ý nghĩa cập nhật được những thay đổi từ yêu cầu xã hội về kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ của nguồn nhân lực để đảm bảo sự thích ứng của chuẩn đầu ra với thực tiễn. Việc huy động được trí tuệ của các nhà khoa học, các nhà quản lý trong và ngoài nhà trường sẽ giúp cho chuẩn đầu ra nghề đào tạo được điều chỉnh, bổ sung sát với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

3.2.1.2. Nội dung và cách thức triển khai giải pháp

***a) Nội dung thứ nhất*:** *"Sau mỗi khóa đào tạo, huy động trí tuệ của các nhà khoa học, nhà quản lý, giảng viên, cựu sinh viên của trường và đội ngũ CBQL nhân sự tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp góp ý, bổ sung cho chuẩn đầu ra của khóa đào tạo tiếp theo"*.

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra nghề đào tạo của trường với các thành phần là: các nhà khoa học, nhà quản lý, giảng viên, cựu sinh viên của trường và đội ngũ CBQL nhân sự tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa thông qua Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra nghề đào tạo của trường thực hiện đánh giá chuẩn đầu ra đã có để nhận biết những bất cập so với những yêu cầu mới về chuẩn đầu ra để có các định hướng cho việc dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra phù hợp với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chuẩn đầu ra mới được để công bố trước khóa đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra họp để thống nhất mục tiêu, phương pháp và hình thức tổ chức thu thập và xử lý thông tin về mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên trong khóa đào tạo trước; đồng thời

thu thập các thông tin về những yêu cầu mới đối với kiến thức, kỹ năng và thái độ nguồn nhân lực để bổ sung hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra phối hợp với các khoa trong trường, CBQL nhân sự của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và một số cựu sinh viên để triển khai các phương thức thu thập và xử lý thông tin về những yêu cầu mới đối với kiến thức, kỹ năng và thái độ nguồn nhân lực để bổ sung hoặc điều chỉnh chuẩn đầu ra;

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề thường xuyên thực hiện chức năng kiểm tra và đánh giá quá trình triển khai các hoạt động huy động trí tuệ của các nhà khoa học, nhà quản lý, giảng viên, cựu sinh viên của trường và đội ngũ CBQL nhân sự tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp góp ý, bổ sung cho chuẩn đầu ra của khóa đào tạo tiếp theo để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn các lệch lạc và xử lý các sai phạm.

***b) Nội dung thứ hai*:** *"Thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu mới của thực tiễn"*.

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra phối hợp với các khoa trong trường dự thảo văn bản điều chỉnh và bổ sung CĐR;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR phối hợp với các khoa trong trường gửi dự thảo văn bản điều chỉnh và bổ sung CĐR để lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cựu sinh viên và các thành phần tham gia đào tạo khác trong xã hội để tiếp tục điều chỉnh dự thảo;

- Tổ chức và chỉ đạo thẩm định dự thảo văn bản điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra bằng thành lập Hội đồng thẩm định (trong thực tế các trường cao đẳng nghề lấy ý kiến của Hội đồng KH&ĐT) để có ý kiến góp ý nhằm hoàn thiện chuẩn đầu ra mới cho khóa đào tạo tiếp theo;

- Hiệu trưởng thường xuyên thực hiện chức năng kiểm tra và đánh giá quá trình triển khai các hoạt động bổ sung, điều chỉnh chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu mới của thực tiễn để kịp thời có các quyết định quản lý phát huy mặt tốt, uốn nắn các lệch lạc và xử lý các sai phạm.

c) Nội dung thứ ba*: *"Hoàn thiện chuẩn đầu ra cho khóa đào tạo mới và công bố chuẩn đầu ra đó theo quy định".

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra của trường thực hiện hoàn thiện văn bản chuẩn đầu ra theo ý kiến của Hội đồng thẩm định (hoặc Hội đồng KH&ĐT) và đề nghị Hiệu trưởng ký ban hành văn bản chính thức về chuẩn đầu ra của nghề đào tạo trước khi triển khai khóa đào tạo mới;

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị chức năng triển khai các thủ tục công bố chuẩn đầu ra trên trang Website của trường và các phương tiện thông tin khác;

- Hiệu trưởng thường xuyên thực hiện chức năng kiểm tra và đánh giá quá trình triển khai hoàn thiện CĐR cho khóa đào tạo mới và công bố chuẩn đó theo quy định để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn các lệch lạc và xử lý các sai phạm.

3.2.1.3. Các điều kiện thực hiện giải pháp

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề phải mở rộng được các mối quan hệ giữa nhà trường với các nhà tuyển dụng của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, với đội ngũ cựu sinh viên của trường để thu thập được nhiều luồng thông tin khác nhau về mức độ đạt chuẩn đầu ra của khóa đào tạo và cập nhật được những yêu cầu mới về kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ của nguồn nhân lực nhằm bổ sung, điều chỉnh chuẩn đầu ra cho khóa đào tạo mới.

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề phải lựa chọn được những người có trình độ, kinh nghiệm về đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra để thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra của trường.

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề phải huy động hoặc dành được một khoản kinh phí nhất định để chi cho các hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra một cách thường xuyên trước mỗi khóa đào tạo.

3.2.2. Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo

3.2.2.1. Mục đích và ý nghĩa của giải pháp

Mục đích của giải pháp này nhằm có được chương trình đào tạo có mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, các phương tiện, điều kiện thực hiện chương trình và phương thức đánh giá kết quả đào tạo thích ứng với nhưng thay đổi của CĐR.

CĐR được thể hiện trong mục tiêu đào tạo nói chung và trong mục tiêu các chương trình chi tiết môn học/mô đun. Mỗi khi CĐR được điều chỉnh và bổ sung thì nhất thiết mục đích đào tạo của khóa đào tạo nói chung và mục tiêu của các chương trình chi tiết môn học/mô đun phải được thay đổi theo hướng cập nhật các yêu cầu của CĐR. Chính vì vậy, tổ chức có hiệu quả việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng cập nhật các yêu cầu mới của CĐR sẽ có được chương trình đào tạo phù hợp với CĐR đã công bố.

3.2.2.2. Nội dung và cách thức triển khai giải pháp

a) Nội dung thứ nhất: *"Thành lập Ban phát triển chương trình đào tạo theo CĐR của các khoa trong trường với nhiệm vụ và chức năng thực hiện các hoạt động hoàn thiện (điều chỉnh và bổ sung) chương trình đào tạo theo CĐR đã công bố".*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa thành lập Ban phát triển chương trình đào tạo tại mỗi khoa với thành phần là các nhà khoa học, giảng viên có hiểu biết và kinh nghiệm trong đào tạo theo chuẩn đầu ra; .

- Tổ chức và chỉ đạo việc thiết lập bộ phận của ban, giao nhiệm vụ và chức năng phát triển chương trình đào tạo cho bộ phận và cá nhân của ban này.

b) Nội dung thứ hai: *"Triển khai các hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra".*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa thông qua Ban phát triển chương trình đào tạo thực hiện đánh giá chương trình đào tạo đã có để nhận biết những bất cập so với những yêu cầu mới về CĐR và có các định hướng cho việc dự thảo về điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong CĐR mới được công bố trước khóa đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa thông qua Ban phát triển chương trình đào tạo dự thảo về điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong CĐR mới được công bố trước khóa đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa phân công giảng viên của khoa thực hiện sưu tầm giáo trình, hoặc bổ sung giáo trình đã có, hoặc dự thảo giáo trình mới cho từng môn học/mô đun theo các chương trình đào tạo đã ban hành;

- Hiệu trưởng thường xuyên triển khai chức năng kiểm tra và đánh giá các hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và xử lý sai phạm.

c) Nội dung thứ ba: *"Thẩm định, hoàn thiện, ban hành chương trình đào tạo do các khoa dự thảo theo hướng cập nhật các yêu cầu của CĐR đã được bổ sung và điều chỉnh".*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo Ban phát triển chương trình đào tạo tổ chức các hoạt động xin ý kiến của các nhà khoa học, cán bộ quản lý đào tạo của trường, các nhà quản lý nhân sự trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về nội dung bản dự thảo chương trình đào tạo theo hướng cập nhật các yêu cầu của chuẩn đầu ra đã bổ sung và điều chỉnh; để tiếp tục tu chỉnh văn bản dự thảo chương trình đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo thành lập Hội đồng thẩm định dự thảo chương trình đào tạo hoặc họp Hội đồng KH&ĐT của trường để thẩm định (đánh giá và góp ý kiến cho hoàn thiện văn bản dự thảo chương trình đào tạo) do các khoa dự thảo;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban phát triển chương trình đào tạo của các khoa thực hiện phát triển chương trình đào tạo trên cơ sở các ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định hoặc Hội đồng KH&ĐT để có các chương trình đào tạo cập nhật với các yêu cầu của CĐR đã bổ sung, điều chỉnh và công bố;

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị chức năng có liên quan thiết lập thủ tục trình Hiệu trưởng phê duyệt và ký quyết định ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở các ý kiến tư vấn của Hội đồng thẩm định hoặc Hội đồng KH&ĐT của trường;

- Hiệu trưởng thường xuyên triển khai chức năng kiểm tra và đánh giá các hoạt động thẩm định, hoàn thiện, ban hành chương trình đào tạo do các khoa dự thảo theo hướng cập nhật các yêu cầu của chuẩn đầu ra đã được bổ sung và điều chỉnh để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và xử lý sai phạm.

3.2.2.3. Các điều kiện thực hiện giải pháp

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề phải lựa chọn được những người có trình độ, kinh nghiệm về đào tạo và quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra để thành lập Ban phát triển chương trình đào tạo của trường.

- Hội đồng KH&ĐT của trường phải phát huy được trách nhiệm tư vấn cho Hiệu trưởng về các định hướng mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, các phương tiện và điều kiện, phương thức kiểm tra đánh giá trong phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật những thay đổi của chuẩn đầu ra.

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề phải huy động hoặc dành được một khoản kinh phí nhất định để chi cho các hoạt động phát triển chương trình đào tạo một cách thường xuyên trước mỗi khóa đào tạo.

3.2.3. Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng chuẩn đầu ra

3.2.3.1. Mục đích và ý nghĩa của giải pháp

Mục đích của giải pháp này nhằm nâng cao năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra cho đội ngũ giảng viên.

Giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên là hoạt động trung tâm trong quá trình đào tạo. Các hoạt động này có ý nghĩa quyết định mức độ đạt được mục tiêu đào tạo (các tiêu chí về chuẩn đầu ra được xác định đối với mỗi chuyên môn nghề đào tạo). Mặt khác, các năng lực của sinh viên có được trong quá trình dạy học chính là mục tiêu dạy học (các tiêu chí về chuẩn đầu ra); mà các năng lực đó được hình thành từ năng lực giảng dạy của giảng viên. Như vậy, nâng cao năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra cho đội ngũ giảng viên sẽ có tác dụng và giá trị đối với chất lượng và hiệu quả đào tạo.

3.2.3.2. Nội dung và cách thức triển khai giải pháp

Giải pháp tổ chức bồi dưỡng giảng viên về năng lực giảng dạy đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề theo chuẩn đầu ra trong các trường cao đẳng nghề sẽ được triển khai theo một số nội dung chủ yếu dưới đây.

a) Nội dung thứ nhất: *"Tổ chức bồi dưỡng tập trung tại trường cho giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra"*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây.

- Tổ chức và chỉ đạo thành lập Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên theo hình thức tập trung tại trường gồm: cán bộ quản lý, các chuyên gia, các nhà khoa học và báo cáo viên tham gia vào quá trình quản lý và thực thi hoạt động bồi dưỡng.

- Tổ chức và chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên phối hợp với các khoa tổ chức xác định nhu cầu bồi dưỡng của giảng viên về cập nhật các kiến thức và kỹ năng giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bằng phiếu hỏi về:

+ Những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới GDNN trong giai đoạn hiện nay đã thể hiện trong nghị quyết, văn kiện của Đảng và chiến lược phát triển giáo dục, Chiến lược phát triển dạy nghề, Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Chính phủ;

+ Những hiểu biết về đào tạo theo chuẩn đầu ra;

+ Những năng lực cần được trang bị về xây dựng kế hoạch giảng dạy theo CĐR (xác định các năng lực của sinh viên trong mục tiêu môn học/ mô đun; lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức để đạt tới mục tiêu; sử dụng các phương tiện và điều kiện; phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên);

+ Điều kiện và hoàn cảnh cá nhân để tham gia bồi dưỡng tập trung tại trường.

Từ các nhu cầu trên, xác định nhu cầu bồi dưỡng về năng lực dạy học của giảng viên trên các mặt: số lượng giảng viên cần được bồi dưỡng tập trung tại trường; các lĩnh vực về kiến thức, kỹ năng cần trang bị; hoàn cảnh về thời gian và các điều kiện khác để tham gia bồi dưỡng.

- Tổ chức và chỉ đạo xác định mục tiêu và nội dung bồi dưỡng năng lực giảng dạy với các nội dung chủ yếu:

+ Chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên xác định mục tiêu bồi dưỡng; trong đó tập trung vào các mục tiêu phát triển các năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy, năng lực triển khai kế hoạch giảng dạy, năng lực đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực của sinh viên đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra;

+ Chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên nghiên cứu để xác định các nội dung bồi dưỡng cho giảng viên về các năng lực về giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra; trong đó có các nội dung: xây dựng kế hoạch giảng dạy (trang bị cho giảng viên năng lực xác định mục tiêu năng lực lựa chọn nội dung, chương trình, phương pháp,...); triển khai hoạt động giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy (trang bị cho giảng viên các năng lực triển khai các phương pháp và hình thức truyền đạt các nội dung để sinh viên đạt được các năng lực cần thiết theo yêu cầu của chuẩn đầu ra); xác định các điều kiện phục vụ giảng dạy (trang bị cho giảng viên các năng lực lựa chọn và sử dụng các tiện ích của công nghệ thông tin và truyền thông, các phương tiện dạy học khác); cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo (trang bị cho giảng viên các năng lực xác định các tiêu chí đánh giá, thu thập và xử lý thông tin về kết quả học tập so với các tiêu chí đã xác định).

- Tổ chức và chỉ đạo việc chuẩn bị tài liệu bồi dưỡng, trong đó có:

+ Chỉ đạo các đơn vị chức năng phối hợp với đội ngũ báo cáo viên (giảng viên giảng dạy bồi dưỡng) sưu tầm, biên tập, in ấn các tài liệu bồi dưỡng trên cơ sở mục tiêu và nội dung bồi dưỡng đã xác định;

+ Chỉ đạo các đơn vị chức năng chuẩn bị phòng học, các thiết bị dạy học (hệ thống thiết bị nghe nhìn, ánh sáng, ... và các thiết bị khác) phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập theo các nội dung bồi dưỡng.

- Tổ chức và chỉ đạo việc triển khai các hoạt động giảng dạy và học tập trong bồi dưỡng với các hoạt động cụ thể:

+ Chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên thực hiện việc phân công, theo dõi, động viên và giám sát báo cáo viên triển khai hoạt động giảng dạy trên lớp các chuyên đề tương ứng với các nội dung bồi dưỡng;

+ Chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên thực hiện theo dõi, động viên và giám sát học viên (giảng viên của trường đến học bồi dưỡng) thực hiện các hoạt động học tập theo quy định của lớp bồi dưỡng;

+ Chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên thực hiện các hoạt động đưa học viên đi tham quan thực tế tại các cơ sở đào tạo khác, các tổ chức, doanh nghiệp để qua đó bổ trợ các tri thức về giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng các yêu cầu chuẩn đầu ra.

- Tổ chức và chỉ đạo việc đánh giá và công nhận kết quả bồi dưỡng của học viên với các hoạt động cụ thể:

+ Chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên thực hiện đánh giá và công nhận kết quả bồi dưỡng để đề nghị Hiệu trưởng công nhận cho học viên đã hoàn thành khóa bồi dưỡng;

+ Chỉ đạo các khoa và bộ môn trực thuộc sử dụng kết quả đánh giá bồi dưỡng của học viên để thực hiện các chính sách trong quản lý và sử dụng học viên.

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề thường xuyên kiểm tra, đánh giá quá trình bồi dưỡng tập trung tại trường của giảng viên để có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, điều chỉnh các sai lệch và xử lý các vi phạm.

b) Nội dung thứ hai: *"Tổ chức hoạt động tự bồi dưỡng tại trường cho giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra"*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây.

- Tổ chức và chỉ đạo thành lập Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên với các thành phần: CBQL nhà trường, CBQL một số khoa và tổ bộ môn, CBQL và một số chuyên viên của phòng đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên phối hợp với các khoa tổ chức xác định nhu cầu bồi dưỡng của giảng viên về cập nhật các kiến thức và kỹ năng giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bằng phiếu hỏi về:

+ Những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới GDNN trong giai đoạn hiện nay đã thể hiện trong nghị quyết của Đảng và chiến lược phát triển giáo dục, Chiến lược phát triển dạy nghề, Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Chính phủ;

+ Những hiểu biết về đào tạo theo chuẩn đầu ra;

+ Những năng lực cần được trang bị về xây dựng kế hoạch giảng dạy theo chuẩn đầu ra (xác định các năng lực của sinh viên trong mục tiêu môn học/ mô đun; lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức để dạt tới mục tiêu; sử dụng các phương tiện và điều kiện; phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên);

+ Điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tham gia tự bồi dưỡng tại trường.

Từ các nhu cầu trên xác định nhu cầu bồi dưỡng về năng lực dạy học của giảng viên trên các mặt: số lượng giảng viên cần được tự bồi dưỡng tại trường; các lĩnh vực về kiến thức, kỹ năng cần trang bị; hoàn cảnh về thời gian và các điều kiện khác để tham gia tự bồi dưỡng.

- Tổ chức và chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên thiết lập danh sách các học viên (các giảng viên của trường) đăng ký tham gia tự bồi dưỡng;

- Tổ chức và chỉ đạo xác định mục tiêu và nội dung tự bồi dưỡng với các hoạt động chủ yếu:

+ Chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên xác định mục tiêu tự bồi dưỡng; trong đó tập trung vào các mục tiêu phát triển các năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy, năng lực triển khai kế hoạch giảng dạy, năng lực đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực của sinh viên đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra;

+ Chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên nghiên cứu để xác định các nội dung tự bồi dưỡng của giảng viên về các năng lực về giảng dạy theo định hướng phát

triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra; trong đó có các nội dung: xây dựng kế hoạch giảng dạy (trang bị cho giảng viên năng lực xác định mục tiêu, năng lực lựa chọn nội dung, chương trình, phương pháp,...); triển khai hoạt động giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy (trang bị cho giảng viên các năng lực triển khai các phương pháp và hình thức truyền đạt các nội dung để sinh viên đạt được các năng lực cần thiết theo yêu cầu của chuẩn đầu ra); xác định các điều kiện phục vụ giảng dạy (trang bị cho giảng viên các năng lực lựa chọn và sử dụng các tiện ích của công nghệ thông tin và truyền thông, các phương tiện dạy học khác); cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo (trang bị cho giảng viên các năng lực xác định các tiêu chí đánh giá, thu thập và xử lý thông tin về kết quả học tập so với các tiêu chí đã xác định).

- Tổ chức và chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên chuẩn bị các văn bản quy định và hướng dẫn học viên về các yêu cầu tự bồi dưỡng;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên chuẩn bị tài liệu và các phương tiện kỹ thuật cần thiết cho hoạt động tự bồi dưỡng;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên phát tài liệu, các văn bản quy định (mục đích, nội dung, thời gian,...) và hướng dẫn tự bồi dưỡng; đồng thời định hướng cho học viên cách thức khai thác học liệu và các phương tiện kỹ thuật để hỗ trợ cho hoạt động tự bồi dưỡng;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên tổ chức cho học viên báo cáo kết quả tự bồi dưỡng trước khoa hoặc tổ bộ môn trực thuộc về các kiến thức, kỹ năng hợp thành năng lực giảng dạy trong quá trình đào tạo theo nhu cầu mà học viên đã có sau khi tự bồi dưỡng;

- Tổ chức và chỉ đạo Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên tổ chức đánh giá kết quả tự bồi dưỡng của học viên trên cơ sở kết hợp các đánh giá của nhà trường (khoa, tổ bộ môn) với các kết quả tự đánh giá của học viên để phân loại mức độ đạt được; đồng thời công nhận kết quả tự bồi dưỡng (giấy chứng nhận);

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa và bộ môn trực thuộc sử dụng kết quả đánh giá tự bồi dưỡng của học viên để thực hiện các chính sách trong quản lý và sử dụng học viên;

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề thường xuyên kiểm tra, đánh giá quá trình tự bồi dưỡng của giảng viên để có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, điều chỉnh các sai lệch và xử lý các vi phạm.

3.2.3.3. Các điều kiện thực hiện giải pháp

- Các thành viên trong Ban Quản lý bồi dưỡng giảng viên phải có năng lực quản lý hoạt động bồi dưỡng, hiểu biết rõ về đào tạo và hoạt động quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra; đồng thời hiểu biết về năng lực giảng dạy của giảng viên trong triển khai quá trình giảng dạy.

- Các trường cao đẳng nghề phải huy động được một nguồn kinh phí nhất định để chi cho các hoạt động trong quá trình bồi dưỡng của giảng viên theo các hình thức tập trung hoặc tự bồi dưỡng: chi cho hoạt động quản lý, thù lao cho báo cáo viên, CSVC&TBĐT, tài liệu bồi dưỡng,...

- Cán bộ quản lý các cấp của ngành, địa phương, của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, đội ngũ báo cáo viên, CBQL và nhân viên của trường, đội ngũ giảng viên (học viên) có nhu cầu bồi dưỡng xác định được trách nhiệm và tham gia tích cực vào quá trình tổ chức và thực thi bồi dưỡng theo các hình thức đã lựa chọn.

3.2.4. Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra

3.2.4.1. Mục đích và ý nghĩa của giải pháp

Mục đích của giải pháp này nhằm đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chuẩn hóa và hiện đại hóa CSVC&TBĐT cho các hoạt động trong quá trình đào tạo, đặc biệt là trong hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên; đồng thời nhằm tạo được môi trường thuận lợi nhất cho đào tạo theo chuẩn đầu ra.

Bất kỳ một hoạt động nào của cá nhân hoặc tổ chức cũng cần đến cơ sở vật chất, trang thiết bị và được thực hiện trong một môi trường thuận lợi. Tăng cường huy động, trang bị các phương tiện và đảm bảo đủ điều kiện thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra có ý nghĩa tạo ra các phương tiện cần thiết và các điều kiện mang tính tất yếu cho các hoạt động trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra; trong đó chủ yếu là cho hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên.

3.2.4.2. Nội dung và cách thức triển khai giải pháp

a) Nội dung thứ nhất: *"Tăng cường huy động kinh phí, trang bị CSVC&TBĐT đáp ứng các yêu cầu của các hoạt động trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra"*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo các phòng chức năng phối hợp với các khoa thực hiện việc xác định nhu cầu sử dụng kinh phí, CSVC&TBĐT đối với CBQL, giảng viên, sinh

viên và nhân viên trong quá trình đào tạo theo CĐR. Thực hiện việc này bằng cách xem xét các yêu cầu về CSVC&TBĐT trong chương trình đào tạo, theo thời gian của khóa đào tạo;

- Tổ chức và chỉ đạo các phòng chức năng tổ chức kiểm kê, đánh giá và so sánh thực trạng kinh phí, CSVC&TBĐT của trường với nhu cầu sử dụng đã xác định để nhận biết mức độ đáp ứng nhu cầu đó;

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng và thực hiện các quyết định của Hiệu trưởng về huy động kinh phí từ các nguồn khác nhau (Nhà nước, người học, các thành phần xã hội khác theo chính sách xã hội hóa giáo dục; đặc biệt là sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp);

- Tổ chức và chỉ đạo các phòng chức năng và các khoa thiết lập dự toán và thực hiện việc mua sắm để trang bị bổ sung CSVC&TBĐT cho từng đơn vị trong trường theo nhu cầu sử dụng trong đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa, các phòng chức năng phối hợp với nhau để sử dụng hết công suất và hiệu quả về CSVC&TBĐT cho các hoạt động trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa, các phòng chức năng và các lớp học (sinh viên) phối hợp lực lượng của giảng viên, các cán bộ kỹ thuật nghiên cứu để tìm mọi biện pháp phát triển CSVC&TBĐT theo hướng đầy đủ, chuẩn hóa, hiện đại hóa trên cơ sở cập nhật các tiến bộ của KH&CN nhằm đáp ứng với sự phát triển của chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề thường xuyên kiểm tra, đánh giá về hoạt động huy động kinh phí, trang bị CSVC&TBĐT đáp ứng các yêu cầu của các hoạt động trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra để có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, điều chỉnh các sai lệch và xử lý các vi phạm.

b) Nội dung thứ hai: *"Tổ chức các hoạt động nhằm đảm bảo môi trường thuận lợi trong đào tạo theo chuẩn đầu ra"*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị chức năng và các khoa, đội ngũ sinh viên và các tổ chức chính trị - xã hội trong trường tham gia các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa với hệ thống những niềm tin, giá trị, chuẩn mực xử sự, kỳ vọng, thói quen, truyền thống và thương hiệu mà mọi thành viên của trường đều đồng thuận hướng tới;

- Tổ chức và chỉ đạo đội ngũ CBQL các cấp của trường tham gia các hoạt động tạo dựng môi trường pháp lý có hiệu lực với các hoạt động của trường đều công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình, mọi người quản lý và bị quản lý trong trường đều tôn trọng luật pháp và các quy chế;

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị chức năng và các khoa, đội ngũ sinh viên và các tổ chức chính trị - xã hội trong trường phối hợp mọi lực lượng giáo dục và đào tạo trong trường (các tổ chức chính trị và các đoàn thể…) đồng thuận trong xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và nỗ lực tham gia vào quá trình đào tạo theo CĐR;

- Tổ chức và chỉ đạo CBQL các cấp trong trường phát huy năng lực giao tiếp để huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp và cựu sinh viên của trường tham gia vào xây dựng, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa và các đơn vị chức năng phát huy khả năng nhằm tạo dựng các mối quan hệ để liên kết và hợp tác với các cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước để góp ý xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia triển khai quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị chức năng và các khoa tận dụng sự lãnh đạo và quản lý của Ngành và chính quyền địa phương để góp ý, phê duyệt chuẩn đầu ra và quan tâm giúp đỡ nhà trường trong triển khai quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Tổ chức và chỉ đạo các lực lượng đào tạo trong trường thực hiện các hoạt động nhằm hạn chế các tác động bất thuận từ môi trường như địa hình, thời tiết, khí hậu, dịch bệnh và các tệ nạn xã hội đối với quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của nhà trường;

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề thường xuyên kiểm tra, đánh giá về hoạt động nhằm đảm bảo môi trường thuận lợi trong đào tạo theo chuẩn đầu ra đáp ứng các yêu cầu của các hoạt động trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra để có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, điều chỉnh các sai lệch và xử lý các vi phạm.

3.2.4.3. Các điều kiện thực hiện giải pháp

- Hiệu trưởng phải phát huy được các năng lực quản lý theo luật pháp, các năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường và các năng lực giao tiếp để tạo mối quan hệ thuận lợi với các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước nhằm xây dựng môi trường thuận lợi cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.

- Nhà nước nói chung và các cơ quan quản lý ngành NN&PTNT phải thiết lập được các chính sách quy định rõ trách nhiệm xã hội của các thành phần hưởng lợi từ hoạt động đào tạo của các trường cao đẳng nghề.

- Mọi thành phần hưởng lợi từ đào tạo nguồn nhân lực của các trường cao đẳng nghề xác định rõ trách nhiệm của mình đối với việc tạo dựng môi trường pháp lý, văn hóa, xã hội một cách thuận lợi cho các hoạt động trong quá trình đào tạo theo CĐR.

3.2.5. Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành nghề đào tạo

3.2.5.1. Mục đích và ý nghĩa của giải pháp

Mục đích của giải pháp này nhằm thường xuyên cải tiến các hoạt động trong quá trình đào tạo theo CĐR của các trường CĐN trên cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của khóa đào tạo.

Một trong hoạt động quản lý chất lượng đào tạo là thường xuyên cải tiến (đổi mới) các hoạt động trong quá trình đào tạo để kết quả đào tạo đáp ứng được nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực (đạt các yêu cầu của chuẩn đầu ra). Cơ sở khoa học (lý luận và thực tiễn) để cải tiến các hoạt động trong quá trình đào tạo là những kết quả đào tạo (trong luận án này là mức độ đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra). Chính vì vậy, tổ chức cải tiến các hoạt động trong quá trình đào tạo trên cơ sở đánh giá kết quả khóa đào tạo sẽ có ý nghĩa nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo theo chuẩn đầu ra.

3.2.5.2. Nội dung và cách thức triển khai giải pháp

a) Nội dung thứ nhất: *"Tổ chức các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo theo các yêu cầu của chuẩn đầu ra"*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa căn cứ vào chuẩn đầu ra đã được công bố và thể hiện trong mục tiêu đào tạo để xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo (kết quả học tập từng môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên);

- Tổ chức và chỉ đạo các khoa và phòng đào tạo thu thập và xử lý các thông tin để nhận biết về mức độ đạt được các tiêu chí về kết quả học tập từng môn học/ mô đun và kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên trên cơ sở vận dụng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo đã xác định;

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị chức năng và các khoa thu thập và xử lý các số liệu để minh chứng cho kết quả đào tạo theo hướng đa dạng hóa các nguồn thông tin về đánh giá kết quả đào tạo (kết quả học tập của sinh viên từng môn học/mô đun, kết quả thi tốt nghiệp, kết quả thực tập nghề nghiệp, các nhận định của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, kết quả tự đánh giá của cựu sinh viên và dư luận xã hội về mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng sản phẩm đào tạo (chuẩn đầu ra của khóa đào tạo); trong đó:

+ Thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về kiến thức của cựu sinh viên theo từng vị trí việc làm;

+ Thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các kỹ năng của sinh viên theo từng vị trí việc làm;

+ Thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các yêu cầu thái độ của sinh viên theo từng vị trí việc làm.

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị và các khoa thực hiện đánh giá trong (tự đánh giá) chương trình đào tạo theo yêu cầu của tổ chức kiểm định và tiếp thu các kết quả đánh giá ngoài của tổ chức kiểm định đó;

- Hiệu trưởng thường xuyên thực hiện chức năng kiểm tra và đánh giá việc tổ chức các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo theo các yêu cầu của chuẩn đầu ra để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.

b) Nội dung thứ hai: *"Tổ chức cải tiến các hoạt động trong quá trình đào tạo trên cơ sở các kết quả đào tạo theo chuẩn đầu ra đã được đánh giá"*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường thảo luận để nhận biết các thành tựu, kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch cải tiến (đổi mới) các hoạt động trong quá trình đào tạo theo kết quả đào tạo đã được trường đánh giá và các kết luận kiểm định của tổ chức kiểm định;

- Tổ chức và chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường phát huy thành quả của các mặt tốt (các thành tựu đào tạo) để tiếp tục duy trì thành quả đó trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra đối với các khóa đào tạo tiếp theo;

- Tổ chức và chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện cải tiến (đổi mới) các hạn chế của các hoạt động trong quá trình đào tạo theo kế hoạch cải tiến các hoạt động trong quá trình đào tạo đối với các khóa đào tạo tiếp theo;

- Hiệu trưởng thường xuyên thực hiện chức năng kiểm tra và đánh giá việc tổ chức cải tiến các hoạt động trong quá trình đào tạo trên cơ sở các kết quả đào tạo theo chuẩn đầu ra đã được đánh giá để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.

3.2.5.3. Các điều kiện thực hiện giải pháp

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề phải quán triệt được mọi đơn vị và cá nhân trong trường về ý nghĩa của tính công bằng, trung thực và khách quan trong xây dựng các tiêu chí đánh giá và triển khai đánh giá theo các tiêu chí đó.

- Các trường cao đẳng nghề phải thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình về quy định kiểm định trường và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trong Luật GDNN.

- Các trường CĐN phải huy động được các nguồn lực (nhân lực, tài lực và vật lực) có chất lượng để đầu tư và thực hiện cải tiến các hoạt động trong quá trình đào tạo theo CĐR.

3.2.6. Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường

3.2.6.1. Mục đích và ý nghĩa của giải pháp

Mục đích của giải pháp này nhằm nâng cao năng lực cho CBQL các cấp của trường trong việc thiết lập và triển khai các chức năng cơ bản của quản lý đối với các hoạt động trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.

Quản lý luôn luôn giữ vai trò tiền đề, định hướng và điều chỉnh mọi hoạt động trong xã hội nói chung và trong một tổ chức nói riêng. Chất lượng và hiệu quả quản lý bất kỳ một hoạt động nào đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng năng lực của người quản lý là một trong những yếu tố mang tính quyết định. Chính vì vậy tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của các trường cao đẳng nghề có ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng và hiệu quả các hoạt động để đạt tới mục tiêu đào tạo theo chuẩn đầu ra.

3.2.6.2. Nội dung và cách thức triển khai giải pháp

a) Nội dung thứ nhất: *"Xác định các năng lực quản lý cần được nâng cao cho đội ngũ CBQL các cấp của trường"*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề tổ chức và chỉ đạo việc nắm bắt, xác định nhu cầu về các năng lực quản lý của đội ngũ CBQL các cấp của trường bằng các hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Đánh giá CBQL các cấp của trường về năng lực hiểu biết và vận dụng các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nghề nghiệp trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung

ương Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT..., trong Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 của Chính phủ vào hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Đánh giá hoạt động thực tiễn của các CBQL các cấp của trường để nhận biết về các năng lực xác định các lĩnh vực phải quản lý trong nhà trường (quản lý về thực thi luật pháp, chính sách, điều lệ và quy chế GDNN; quản lý về xây dựng bộ máy quản lý và nhân sự; quản lý đào tạo; quản lý các nguồn lực vật chất; quản lý môi trường đào tạo; và quản lý hệ thống thông tin quản lý);

- Đánh giá hoạt động thực tiễn của đội ngũ CBQL các cấp của trường để nhận biết về các năng lực thiết lập và triển khai các chức năng cơ bản của quản lý (kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra) đối với các hoạt động trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.

b) Nội dung thứ hai: *"Triển khai các hoạt động cử CBQL các cấp của trường đi học bồi dưỡng tập trung tại các cơ sở giáo dục có chức năng bồi dưỡng CBQL giáo dục"*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây:

- Tổ chức và chỉ đạo phòng tổ chức cán bộ lập danh sách những CBQL đủ điều kiện tham gia bồi dưỡng tập trung tại các cơ sở giáo dục có chức năng bồi dưỡng CBQL GDNN theo nhu cầu bồi dưỡng đã xác định;

- Tổ chức và chỉ đạo phòng tổ chức cán bộ thực hiện các hoạt động liên hệ và lựa chọn cơ sở giáo dục có chức năng bồi dưỡng CBQL GDNN để nhận biết chỉ tiêu số lượng, thời gian mở lớp bồi dưỡng;

- Tổ chức và chỉ đạo phòng tổ chức cán bộ thiết lập các thủ tục và điều kiện cử CBQL của trường đi bồi dưỡng tập trung tại các cơ sở giáo dục có chức năng bồi dưỡng CBQL GDNN đã lựa chọn (quyết định cử đi bồi dưỡng, thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ cho người đi bồi dưỡng);

- Tổ chức và chỉ đạo phòng tổ chức cán bộ và các đơn vị trong trường sử dụng CBQL sau khi họ hoàn thành khóa bồi dưỡng (phân công vị trí công tác mới, giao thêm nhiệm vụ, thực hiện các chế độ chính sách lương và phụ cấp theo quy định hiện hành);

- Hiệu trưởng thường xuyên thực hiện chức năng kiểm tra và đánh giá việc triển khai các hoạt động cử CBQL các cấp của trường đi học bồi dưỡng tập trung tại các cơ sở giáo dục có chức năng bồi dưỡng CBQL giáo dục để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.

c) Nội dung thứ ba:*"Tổ chức các hoạt động tự bồi dưỡng cho CBQL các cấp của trường"*

Thực hiện nội dung này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề triển khai một số hoạt động chủ yếu dưới đây.

- Tổ chức và chỉ đạo phòng Tổ chức cán bộ lập danh sách CBQL tham gia tự bồi dưỡng theo nhu cầu đã xác định;

- Tổ chức và chỉ đạo xây dựng quy định tự bồi dưỡng, trong đó có các quy định:

+ Quy định về mục tiêu tự bồi dưỡng (sau khi tự bồi dưỡng, CBQL sẽ đạt được các năng lực quản lý nào);

+ Quy định về các nội dung mà CBQL phải hoàn thành trong thời gian tự bồi dưỡng (năng lực hiểu biết và vận dụng các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện GDNN vào đào tạo; năng lực phát huy vai trò của CBQL trong quản lý các hoạt động nhà trường; các năng lực thiết lập và triển khai các chức năng cơ bản của quản lý trong đào tạo theo yêu cầu của chuẩn đầu ra);

+ Quy định về thời gian CBQL phải hoàn thành các nội dung bồi dưỡng (bắt đầu và kết thúc);

+ Quy định về tài liệu bồi dưỡng và trách nhiệm cung cấp, hỗ trợ các học liệu, kinh phí và các phương tiện kỹ thuật cho hoạt động tự bồi dưỡng;

+ Quy định về đánh giá và sử dụng kết quả tự bồi dưỡng (báo cáo thành quả tự bồi dưỡng của bản thân CBQL hoặc thực hiện hoạt động trắc nghiệm đối với CBQL để nhận biết kết quả tự bồi dưỡng).

- Hiệu trưởng trực tiếp giao mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung tự bồi dưỡng cho các CBQL của trường tham gia tự bồi dưỡng;

- Tổ chức và chỉ đạo thiết lập kế hoạch cá nhân về tự bồi dưỡng (CBQL đăng ký tự bồi dưỡng tự đề ra mục tiêu cần đạt tới, các phương pháp và thời gian thực hiện nội dung tự bồi dưỡng, các cam kết cần thiết khác đối với nhà trường);

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị chức năng trong trường cấp phát các tài liệu, học liệu,... thiết bị, hỗ trợ kinh phí cho CBQL tham gia tự bồi dưỡng theo quy định tự bồi dưỡng nêu trên;

- Tổ chức và chỉ đạo các hoạt động theo dõi, giám sát, động viên, khuyến khích các CBQL tham gia tự bồi dưỡng thực hiện các nội dung và phương pháp để đạt tới mục tiêu tự bồi dưỡng để có những uốn nắn kịp thời;

- Tổ chức và chỉ đạo đánh giá kết quả tự bồi dưỡng của CBQL theo các phương thức:

+ Tổ chức cho CBQL đã hoàn thành kế hoạch tự bồi dưỡng báo cáo kết quả tự bồi dưỡng của họ trước các CBQL cấp trường (Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng) và Hội đồng KH&ĐT về kết quả tự bồi dưỡng;

+ Hiệu trưởng tổ chức đánh giá kết quả tự bồi dưỡng của CBQL bằng phương thức trắc nghiệm khách quan với các câu hỏi trong phạm vi nội dung tự bồi dưỡng để nhận biết mức độ nâng cao các năng lực quản lý của CBQL các cấp đã hoàn thành tự bồi dưỡng.

- Hiệu trưởng và phòng tổ chức cán bộ thiết lập các thủ tục công nhận kết quả tự bồi dưỡng của CBQL các cấp, lưu hồ sơ và sử dụng kết quả đó trong bổ nhiệm, đề bạt, luân chuyển lên các vị trí quản lý cao hơn và thực hiện chính sách cán bộ (lương, phụ cấp, khen thưởng);

- Hiệu trưởng thường xuyên thực hiện chức năng kiểm tra và đánh giá việc tổ chức các hoạt động tự bồi dưỡng cho CBQL các cấp của trường để kịp thời có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.

3.2.6.3. Các điều kiện thực hiện giải pháp

- Phải xác định đúng mục tiêu, nội dung bồi dưỡng; trong đó chỉ ra đúng các năng lực quản lý mà từng CBQL sau khi bồi dưỡng phải đạt được; đồng thời phải lựa chọn chính xác các nội dung bồi dưỡng để qua đó mọi CBQL tham gia bồi dưỡng đạt được mục tiêu bồi dưỡng (các năng lực quản lý cần được nâng cao).

- Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề phải huy động hoặc dành một khoản kinh phí phù hợp để chi cho các hoạt động bồi dưỡng của CBQL các cấp trong trường theo các hình thức đã lựa chọn (cử đi bồi dưỡng tập trung hoặc tự bồi dưỡng).

- Các CBQL các cấp của trường phải nhận thức đầy đủ, chủ động và tự giác đối với trách nhiệm nâng cao năng lực quản lý của mình để hoàn thành nhiệm vụ bồi dưỡng theo từng hình thức tổ chức bồi dưỡng nêu trên.

3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA

Các giải pháp quản lý đã đề xuất (ở mục trên) có mối quan hệ mật thiết với nhau, là tiền đề và lại là hậu thuẫn tính khả thi của nhau, hỗ trợ cho nhau để tạo thành một chỉnh thể mang tính đồng bộ trong quản lý đào tạo theo CĐR tại các trường CĐN. Cụ thể:

- Giải pháp 6: "Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường" đứng vị trí trung tâm và mang tính đột phá trong quản lý để tổ chức triển khai các giải pháp còn lại.

- Giải pháp 1: "Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo" là cái đích mà các giải pháp khác phải hướng tới; vì kết quả của giải pháp này chỉ ra mục tiêu đào tạo (cho giải pháp thứ 2), cho phương thức bồi dưỡng năng lực giảng viên (giải pháp thứ 3), định hướng đảm bảo phương tiện và điều kiện cho đào tạo (giải pháp thứ 4), cơ sở để xác định các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo và đổi mới đào tạo (giải pháp thứ 5).

- Giải pháp 2: "Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo" là cơ sở mang tính tiền đề để triển khai các giải pháp thứ 3 (bồi dưỡng giảng viên), giải pháp thứ 5 (đánh giá kết quả đào tạo), giải pháp thứ 4 (đảm bảo phương tiện và điều kiện đào tạo) và các giải pháp khác.

- Giải pháp 3: "Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng chuẩn đầu ra" là giải pháp mang tính then chốt, có tính chất quyết định trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả đào tạo; đồng thời làm cho mọi giải pháp còn lại đều tập trung vào việc tạo ra các phương tiện và điều kiện để thực hiện giải pháp này.

- Giải pháp 4: "Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra" là giải pháp mang lại các phương tiện và điều kiện tất yếu đảm bảo cho tính khả thi của các giải pháp khác.

- Giải pháp 5: "Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành nghề đào tạo" để tạo ra luận cứ cho việc điều chỉnh bổ sung chuẩn đầu ra (giải pháp thứ nhất), cơ sở cho việc bổ sung chương trình (giải pháp thứ 2), nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên (giải pháp thứ 3), đảm bảo phương tiện và điều kiện đào tạo (giải pháp thứ 4) và đề ra các yêu cầu về năng lực cán bộ quản lý các cấp của trường (giải pháp thứ 6).

Có thể sơ đồ hóa mối quan hệ của các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề như sau:

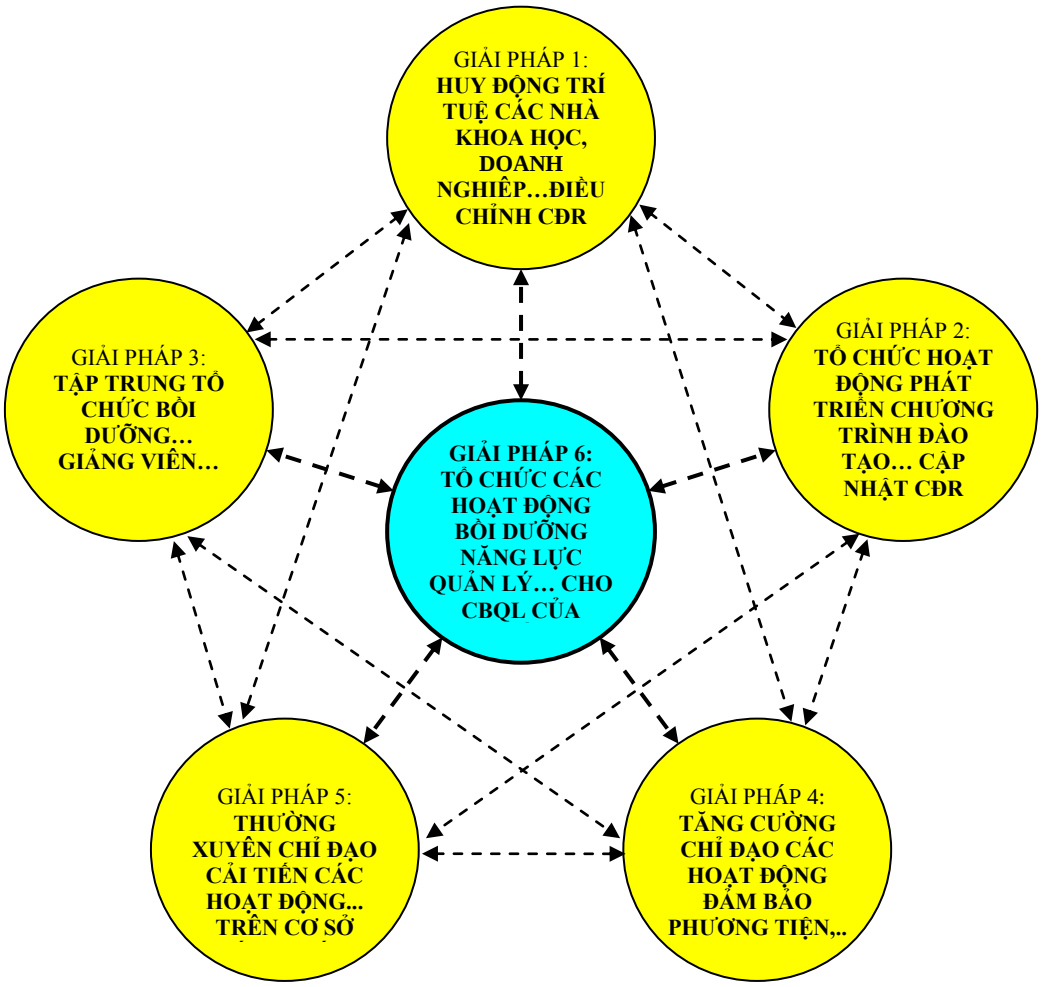

Sơ đồ 3.1. Mối quan hệ của các giải pháp quản lý

3.4. KHẢO NGHIỆM MỨC ĐỘ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ

3.4.1. Giới thiệu về quá trình tổ chức khảo nghiệm

a) Mục đích khảo nghiệm

Khảo nghiệm các giải pháp quản lý đã đề xuất trong luận án này nhằm tìm hiểu mức độ cần thiết và tính khả thi của từng giải pháp và cả hệ thống các giải pháp quản lý đã đề xuất.

b) Nội dung khảo nghiệm

Mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp quản lý (đã đề xuất).

c) Phương pháp khảo nghiệm

Phương pháp khảo nghiệm là xin ý kiến bằng phiếu hỏi. Để triển khai phương pháp này soạn thảo 2 bảng câu hỏi để xin các ý kiến chuyên gia về mức độ cần thiết và tính khả thi của từng giải pháp quản lý. Đối với bảng câu hỏi về mức độ cần thiết của các giải pháp, đưa ra 03 mức độ trả lời: Rất cần thiết (tương ứng với 2 điểm), Cần thiết (tương ứng với 1 điểm) và Không cần thiết (tương ứng với 0 điểm). Tương tự như vậy đối với bảng các câu hỏi về mức độ tính khả thi (Rất khả thi, Khả thi và Không khả thi tương ứng với 2 điểm, 1 điểm và 0 điểm). Nội dung và hình thức của các bảng câu hỏi này được thể hiện tại Phụ lục 4 trong luận án.

d) Công cụ xử lý số liệu trong khảo nghiệm

Xử lý các số liệu trong khảo nghiệm các giải pháp quản lý là công thức của thống kê toán học để tính giá trị trung bình có trọng số đã được giới thiệu tại mục 2.2. của chương 2.

e) Đối tượng xin ý kiến

- Các CBQL cấp trường, cấp khoa và một số phòng chức năng của các trường cao đẳng nghề (theo giới hạn khách thể nghiên cứu): 60 người (mỗi trường 12 người).
- Các CBQL nhân sự tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp: 50 người.
- Các CBQL cấp vụ chức năng của Bộ NN&PTNT và của Tổng cục dạy nghề: 25 người.

Tổng cộng số chuyên gia dự kiến gửi phiếu hỏi là 135 người.

3.4.2. Kết quả khảo nghiệm

a) Mức độ cần thiết của các giải pháp

Sau khi phát các bộ phiếu hỏi về mức độ cần thiết và tính khả thi của từng giải pháp và cả hệ thống các giải pháp quản lý đã đề xuất, chỉ thu **125** bộ phiếu đã trả lời đủ các câu hỏi trong số **135** bộ phiếu đã phát ra. Xử lý 125 bộ phiếu đã thu về cho thấy mức độ cần thiết của các giải pháp được thể hiện ở các số liệu trong bảng 3.1 dưới đây.

Bảng 3.1. Mức độ cần thiết của các giải pháp

TT	Các giải pháp quản lý	Các mức độ đạt được (125 phiếu)				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung CĐR trước khi triển khai khóa đào tạo.	104	21	0	1,83	3
2	Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo.	99	26	0	1,79	5
3	Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng chuẩn đầu ra.	107	18	0	1,86	2
4	Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo CĐR.	101	24	0	1,81	4
5	Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành nghề đào tạo.	94	30	1	1,74	6
6	Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường.	115	10	0	1,92	1
	Trung bình cộng của các $\overline{X}$				**1,83**	

Các số liệu tại bảng **3.1** cho thấy hầu hết các giải pháp quản lý được đánh giá với mức độ rất cần thiết; trong đó giải pháp thứ 6 *"Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường"* có mức độ rất cần thiết cao nhất (với $\overline{X}$ = 1,92), giải pháp thứ 5 *"Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên"* bị đánh giá có mức độ rất cần thiết thấp nhất nhưng cũng có $\overline{X}$ lên tới 1,74 (trong 3 mức độ từ 0 đến 2).

Nhìn tổng thể cả 6 giải pháp quản lý cũng được các chuyên gia đánh giá có mức độ rất cần thiết rất cao (giá trị trung bình cộng của các $\overline{X}$ = 1,83).

b) Mức độ về tính khả thi của các giải pháp

Mức độ tính khả thi của các giải pháp được thể hiện ở bảng 3.2 dưới đây.

Bảng 3.2. Mức độ tính khả thi của các giải pháp

TT	Các giải pháp quản lý	**Các mức độ đạt được** (125 phiếu)				
		Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi	$\overline{X}$	Xếp thứ
1	Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo.	106	19	0	1,85	2
2	Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo.	100	24	1	1,79	4
3	Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng chuẩn đầu ra.	103	22	0	1,82	3
4	Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	98	27	0	1,78	5
5	Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành nghề đào tạo.	95	29	1	1,75	6
6	Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo CĐR cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường.	118	7	0	1,94	1
	Trung bình cộng của các $\overline{X}$				**1,82**	

Các số liệu tại bảng 3.2 cho thấy hầu hết các giải pháp quản lý được đánh giá với mức độ rất khả thi; trong đó:

- Giải pháp thứ 6 *"Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường"* có mức độ rất khả thi cao nhất (với $\overline{X}$ = 1.94);

- Giải pháp thứ 5 *"Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành nghề đào tạo"* bị đánh giá có mức độ rất khả thi thấp nhất nhưng cũng có $\overline{X}$ lên tới 1,75 (trong 3 mức độ từ 0 đến 2).

- Nhìn tổng thể cả 6 giải pháp quản lý cũng được các chuyên gia đánh giá có mức độ rất khả thi rất cao (giá trị trung bình cộng của các $\overline{X}$ = 1,82).

c) Mức độ tương quan giữa mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp

- Sử dụng công thức tính hệ số tương quan *Spearman* trong thống kê toán học với công thức: **r** = 1 - $\frac{6\sum d^2}{N(N^2-1)}$; trong đó:

- r là hệ số tương quan;
- d^2 là bình phương của hiệu các thứ bậc tương ứng;
- N là số thứ bậc đã có.
- Từ công thức trên sẽ có các kết luận dưới đây:

+ Nếu r có giá trị lớn hơn 0 (dương) thì mức độ cần thiết và tính khả thi có mối tương quan thuận;

+ Nếu r có giá trị nhỏ hơn 0 (âm) thì mức độ cần thiết và tính khả thi có mối tương quan nghịch.

+ Nếu r bằng 1 thì mối tương quan chặt chẽ nhất.

- Mức độ tương quan giữa mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp quản lý được thể hiện tại bảng 3.3 dưới đây.

Bảng 3.3. Mức độ tương quan giữa mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp quản lý

TT	Các giải pháp quản lý	Các thông số tương quan				
		Cần thiết		Khả thi		d^2
		$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc	
1	Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo.	2,83	3	2,85	2	**1**
2	Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo.	2,79	5	2,79	4	**1**
3	Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng CĐR	2,86	2	2,82	3	**1**
4	Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.	2,81	4	2,78	5	**1**
5	Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của ngành nghề đào tạo	2,74	6	2,75	6	**0**
6	Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường.	2,92	1	2,94	1	**0**

Với các số liệu tại bảng 3.3 ta có hệ số tương quan:

$$\mathbf{r} = 1 - \frac{6\sum d^2}{N(N^2-1)} = 1 - \frac{6[+1+1+1+0+0]}{6(36-1)} = 1 - \frac{24}{210} = 1 - 0{,}11 = \mathbf{0{,}89}.$$

Hệ số **r = 0,89** là số dương và gần với số 1; cho nên mối tương quan giữa mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp là tương quan thuận và tương quan chặt chẽ. Điều đó có nghĩa là, nhìn tổng thể, giải pháp quản lý nào có mức độ cần thiết cao thì cũng có tính khả thi cao.

3.5. THỬ NGHIỆM MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ

3.5.1. Thử nghiệm nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3

Thử nghiệm nội dung thứ 2 *"Tổ chức hoạt động tự bồi dưỡng tại trường cho giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu CĐR"* của giải pháp thứ 3 *"Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng CĐR"*.

1) Mục đích, nội dung, giả thuyết, phương thức tổ chức

a) Mục đích thử nghiệm

Thử nghiệm nội dung này nhằm nhận biết sự thay đổi về nhận thức của giảng viên đối với hoạt động giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng các yêu cầu chuẩn đầu ra trong đào tạo.

b) Nội dung thử nghiệm

Các tác động quản lý đã đề xuất trong nội dung thứ 2 (nội dung cần thử nghiệm); nghĩa là thử nghiệm các tác động của người quản lý đến hoạt động tự bồi dưỡng của giảng viên về giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu CĐR.

c) Giả thuyết thử nghiệm

Nếu triển khai các tác động quản lý có trong nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3 (nêu trên); thì đội ngũ giảng viên của các trường cao đẳng nghề sẽ có thay đổi theo hướng tiến bộ về kiến thức năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên, đáp ứng yêu cầu CĐR; từ đó nâng cao được kết quả học tập của sinh viên.

d) Phương thức tổ chức thử nghiệm

- *Bước 1:* Chọn ngẫu nhiên 125 giảng viên từ 5 trường CĐN thuộc Bộ NN&PTNT (đã giới thiệu ở đầu chương 2), trong đó chọn ở mỗi trường 25 người để tổ chức hoạt động tự bồi dưỡng về giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra.

- *Bước 2*: Giao cho mỗi giảng viên đã chọn một bảng câu hỏi gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm có nội dung, hình thức thể hiện ở Phụ lục 5 của luận án này. Yêu cầu từng giảng viên trả lời đủ 25 câu hỏi trắc nghiệm đó. Thu lại các bảng hỏi đã được các giảng viên trả lời, tổng hợp các đáp án trả lời đúng của từng câu hỏi và tính tỉ lệ phần trăm số lượng các đáp án đúng so với tổng số người trả lời.

- *Bước 3:* Giao cho mỗi giảng viên đã chọn các tài liệu:

+ Nghị quyết số 29/NQ-TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [19];

+ Thông tư số 30/2010/TT-BLĐTBXH, ngày 29/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) về *Quy định chuẩn giáo viên, giảng viên dạy nghề* [54];

+ Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH, ngày ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về *hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo* [4], [5];

+ Cuốn "*Tài liệu tập huấn việc dạy học và kiểm tra, đánh giá theo theo định hướng phát triển năng lực của học sinh*" [9];

+ Cuốn "*Tài liệu bồi dưỡng CBQL khoa, phòng trường Đại học, cao đẳng (quyển 2)"* [7].

+ Một văn bản do người tổ chức thử nghiệm soạn thảo với nội dung: quy định về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, tài liệu tự bồi dưỡng, thời gian (bắt đầu, kết thúc), phương pháp đánh giá kết quả tự bồi dưỡng.

- *Bước 4:* Thực hiện việc theo dõi, động viên các giảng viên đã chọn thực hiện việc tự bồi dưỡng bằng nghiên cứu các tài liệu (nêu trên) trong khoảng thời gian đã quy định là 45 ngày).

- *Bước 5:* Sau khi kết thúc thời gian tự bồi dưỡng, tổ chức việc trắc nghiệm lần thứ 2 với chính 25 câu hỏi trắc nghiệm mà các giảng viên đã được trắc nghiệm lần trước.

- *Bước 6:* Thu lại các bảng hỏi trắc nghiệm lần 2, tổng hợp các đáp án trả lời đúng trong từng câu hỏi và tính tỉ lệ phần trăm số lượng các đáp án đúng so với tổng số người trả lời.

- *Bước 7:* Thiết lập bảng tổng hợp để so sánh kết quả trắc nghiệm của 2 lần trắc nghiệm (trước và sau) khi giảng viên được tự bồi dưỡng. Từ đó nghiên cứu kết quả thử nghiệm nhằm nhận biết được sự thay đổi theo hướng tiến bộ về kiến thức của giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên và sự thay đổi về kết quả học tập của sinh viên.

2) Kết quả thử nghiệm

a) Đối với nhận thức của đội ngũ giảng viên

Kết quả thử nghiệm nội dung thứ 2 của giải pháp quản lý thứ 3 được thể hiện ở các số liệu trong bảng 3.4 dưới đây.

Bảng 3.4. Kết quả nhận thức của giảng viên trước và sau khi có tác động quản lý theo nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3

Các câu hỏi	Tỷ lệ % giảng viên trả lời đúng trước tự bồi dưỡng		Tỷ lệ % giảng viên trả lời đúng sau tự bồi dưỡng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Câu hỏi 1	65	**52,0**	121	**96,8**
Câu hỏi 2	71	**56,8**	116	**92,8**
Câu hỏi 3	56	**44,8**	108	**86,4**
Câu hỏi 4	66	**52,8**	125	**100**
Câu hỏi 5	62	**49,6**	104	**83,2**
Câu hỏi 6	67	**53,6**	122	**97,6**
Câu hỏi 7	59	**47,2**	119	**95,2**
Câu hỏi 8	69	**55,2**	107	**85,6**
Câu hỏi 9	64	**51,2**	120	**96,0**
Câu hỏi 10	73	**58,4**	124	**99,2**
Câu hỏi 11	63	**50,4**	125	**100**
Câu hỏi 12	59	**47,2**	123	**98,4**
Câu hỏi 13	65	**52,0**	119	**95,2**
Câu hỏi 14	70	**56,0**	121	**96,8**
Câu hỏi 15	68	**54,4**	113	**90,4**
Câu hỏi 16	75	**60,0**	108	**86,4**
Câu hỏi 17	58	**46,4**	110	**88,0**
Câu hỏi 18	64	**51,2**	116	**92,8**
Câu hỏi 19	69	**55,2**	117	**93,6**
Câu hỏi 20	71	**56,8**	107	**85,6**
Câu hỏi 21	65	**52,0**	112	**89,6**
Câu hỏi 22	56	**44,8**	122	**97,6**
Câu hỏi 23	62	**49,6**	115	**92,0**
Câu hỏi 24	66	**52,8**	122	**97,6**
Câu hỏi 25	64	**51,2**	116	**92,8**

So sánh các kết quả trên bằng biểu đồ 3.1. dưới đây:

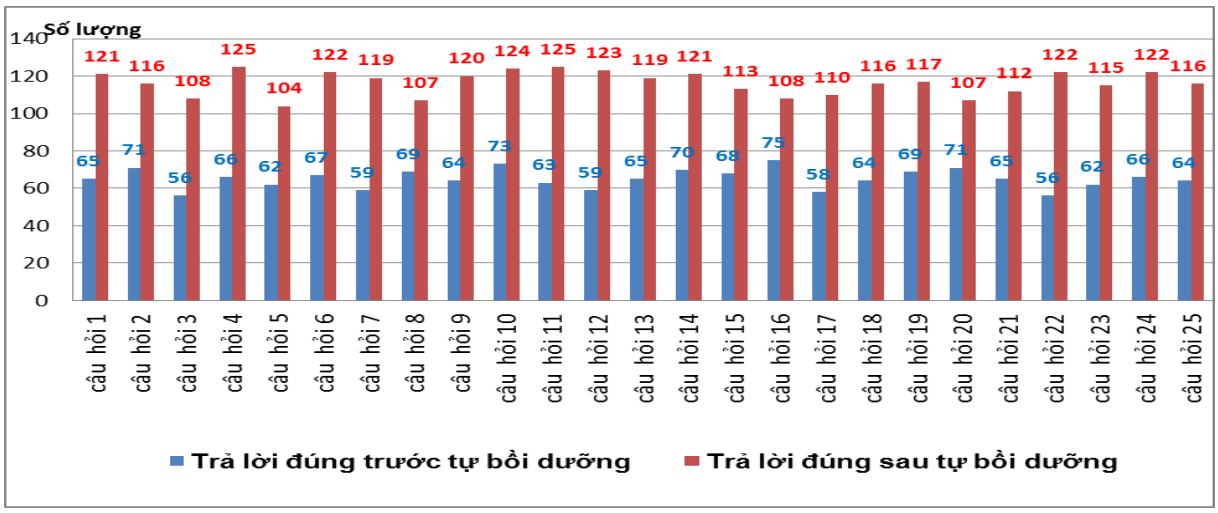

Biểu đồ 3.1. So sánh nhận thức của giảng viên trước và sau khi có tác động quản lý theo nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3

Qua các số liệu tại bảng 3.4 và biểu đồ 3.1 cho thấy: nhận thức của các giảng viên có sự thay đổi theo hướng tiến bộ khi có các tác động quản lý trong nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3. Điều đó cho thấy nội dung *"Tổ chức hoạt động tự bồi dưỡng tại trường cho giảng viên về giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra"* của giải pháp thứ 3 *"Tập trung tổ chức bồi dưỡng về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ giảng viên"* là khả thi.

b) Đối với kết quả học tập của sinh viên

Nghiên cứu kết quả đào tạo của các giảng viên đã tham gia tự bồi dưỡng ở 2 môn học/mô đun mà họ được phân công giảng dạy trong học kỳ I, năm học 2015- 2016 (trước thời điểm tự bồi dưỡng) và đối với chính 2 môn học/ mô đun đó ở học kỳ I, năm học 2016-2017 (sau khi kết thúc tự bồi dưỡng) của khóa sau thông qua bảng tổng hợp kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo trình độ cao đẳng nghề thuộc K54 và K55 với sự lựa chọn các lớp đó có cùng kết quả về trình độ xét tuyển đầu vào thuộc Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp.

Theo đối tượng được chọn khi tổ chức thử nghiệm, tổng số giảng viên tham gia tự bồi dưỡng của Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp là 25 người từ 5 Khoa: Khoa Cơ khí, Khoa Công nghệ ô tô, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện và Khoa Điện tử - Điện lạnh. Chọn ngẫu nhiên mỗi khoa 1 giảng viên đã tham gia tự bồi dưỡng để xem xét kết quả giảng dạy của họ [67], [68].

Kết quả giảng dạy của 05 giảng viên này được thể hiện tại bảng 3.5.

Bảng 3.5. Kết quả giảng dạy của giảng viên trước và sau khi có các tác động quản lý theo nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3

TT	Họ và tên giảng viên	Khoa	Môn học/ mô đun	Số lượng sinh viên	Kết quả xếp loại điểm thi môn học của SV K54 ở học kỳ I, năm học 2015-2016 (trước khi GV tự bồi dưỡng) (%)				Số lượng sinh viên	Kết quả xếp loại điểm thi môn học của SV K55 ở học kỳ I, năm học 2016-2017 (sau khi GV đã tự bồi dưỡng) (%)			
					Giỏi	Khá	TB	Yếu		Giỏi	Khá	TB	Yếu
1	Bùi Thị Len	Cơ khí	Tiện Cơ bản	36	5.6	27.8	55.6	11.1	38	15.8	47.4	34.2	2.6
			Tiện CNC	36	2.8	36.1	47.2	13.9	38	21.1	39.5	36.8	2.6
2	Nguyễn Văn Thông	Động lực	Bảo dưỡng hệ thống bôi trơn	44	9.1	29.5	50.0	11.4	42	19.0	47.6	33.3	0.0
			Vẽ kỹ thuật	44	2.3	25.0	52.3	20.5	42	14.3	45.2	35.7	4.8
3	Vũ Lệ Thu	Công nghệ thông tin	Tin học văn phòng 1	42	7.1	35.7	47.6	9.5	40	22.5	52.5	22.5	2.5
			Cài đặt cấu hình máy tính	42	14.3	33.3	47.6	4.8	40	26.2	47.6	26.2	0.0
4	Trịnh Xuân Bình	Điện	Trang bị điện	50	2.0	28.0	50.0	20.0	48	14.6	47.9	33.3	4.2
			Lắp mạch khởi động cho động cơ	50	10.0	32.0	48.0	10.0	48	20.8	58.3	18.8	2.1
5	Triệu Đình Sơn	Điện tử-Điện lạnh	PLC cơ bản	45	8.9	20.0	57.8	13.3	48	14.6	50.0	31.3	4.2
			Điện tử công suất	45	8.9	26.7	48.9	15.6	48	20.8	45.8	29.2	4.2
Trung bình					**7.1**	**29.4**	**50.5**	**13.0**		**19.0**	**48.2**	**30.1**	**2.7**

So sánh các kết quả trên bằng biểu đồ 3.2. dưới đây:

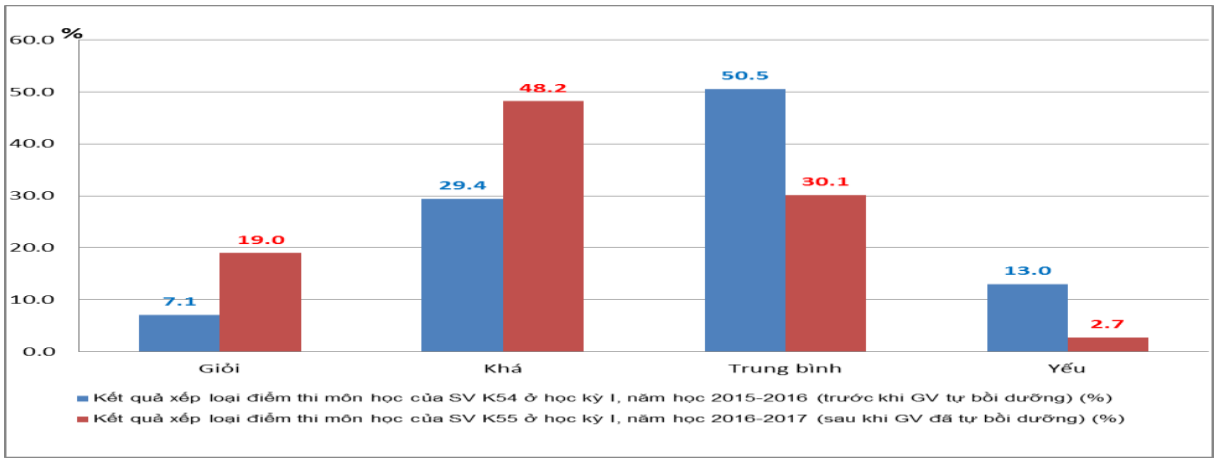

Biểu đồ 3.2. So sánh kết quả giảng dạy của giảng viên

Qua các số liệu tại bảng 3.5 và các biểu đồ 3.2 cho thấy sau khi tham gia tự bồi dưỡng, nhận thức của các giảng viên có sự thay đổi theo hướng tiến bộ khi có các tác động quản lý trong nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 3, điều này thể hiện rõ thông qua kết quả giảng dạy (tính trung bình) của các giảng viên: tỷ lệ sinh viên đạt xếp loại

điểm thi giỏi và khá tăng lên (36,5% ở học kỳ I, năm học 2015 - 2016 lên 67,2% ở học kỳ I, năm học 2016 - 2017); tỷ lệ sinh viên xếp loại điểm thi yếu giảm rõ rệt (từ 13% ở học kỳ I xuống 2,7% ở học kỳ II). Điều đó cho thấy nội dung của giải pháp này đã có ảnh hưởng tốt đến kết quả đào tạo của giảng viên và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra; nghĩa là giả thuyết thử nghiệm (nêu trên) đã được minh chứng.

3.5.2. Thử nghiệm nội dung thứ 3 của giải pháp thứ 6

Thử nghiệm nội dung thứ 3: *"Tổ chức các hoạt động tự bồi dưỡng cho CBQL các cấp của trường"* của giải pháp thứ 6 *"Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường"*.

1) Mục đích, nội dung, giả thuyết và phương thức thử nghiệm

a) Mục đích thử nghiệm

Thử nghiệm nội dung này nhằm nhận biết sự thay đổi theo hướng tiến bộ của đội ngũ CBQL các cấp của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT trong lĩnh hội kiến thức về quản lý đào tạo theo yêu cầu của chuẩn đầu ra.

b) Nội dung thử nghiệm

Các tác động quản lý đã đề xuất trong nội dung thứ 3 (nội dung cần thử nghiệm); nghĩa là các tác động của người quản lý đến hoạt động tự bồi dưỡng của đội ngũ CBQL các cấp của các trường CĐN về năng lực quản lý đào tạo theo yêu cầu của CĐR.

c) Giả thuyết thử nghiệm

Nếu thực hiện các hoạt động quản lý có trong nội dung thứ 3 của giải pháp thứ 6 (nêu trên); thì đội ngũ CBQL các cấp của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT sẽ có sự thay đổi theo hướng tiến bộ trong lĩnh hội kiến thức về quản lý đào tạo theo yêu cầu của chuẩn đầu ra; từ đó dẫn đến kết quả học tập của sinh viên của các khoa được nâng lên.

d) Phương thức tổ chức thử nghiệm.

- *Bước 1:* Chọn ngẫu nhiên 75 CBQL từ 5 trường cao đẳng nghề đã chọn (tại chương 2), mỗi trường 15 CBQL, để tổ chức thử nghiệm về tự bồi dưỡng quản lý đào tạo theo yêu cầu của chuẩn đầu ra.

- *Bước 2*: Giao cho mỗi CBQL đã chọn một bảng câu hỏi gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm (test) có nội dung, hình thức thể hiện ở phụ lục 6 của luận án này. Yêu cầu từng CBQL trả lời đủ 25 câu hỏi trắc nghiệm đó. Thu lại các bảng hỏi đã được các CBQL trả lời, tổng hợp các đáp án trả lời đúng trong từng câu hỏi và tính tỉ lệ phần trăm số lượng các đáp án đúng so với tổng số người trả lời đối với từng câu hỏi.

- *Bước 3:* Giao cho mỗi CBQL đã chọn:

+ Nghị quyết số 29/NQ-TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [19];

+ Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH, ngày ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo [4],[5];

+ Chương 2: "Khoa học quản lý và quản lý giáo dục vận dụng trong quản lý trường đại học, cao đẳng" trong cuốn "Tài liệu Bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa/ phòng trường đại học, cao đẳng - Quyển 1" [6];

+ Chủ đề 2: "Năng lực và phát triển năng lực đối với CBQL giáo dục" trong cuốn "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới" [8];

+ Chuyên đề 7 "Quản lý quá trình đào tạo trong trường đại học, cao đẳng" trong cuốn "Tài liệu Bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa/ phòng trường đại học, cao đẳng - Quyển 2" [7];

+ Cuốn "Quản lý nhà trường" của tác giả Nguyễn Phúc Châu [11].

+ Văn bản quy định về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, thời gian (bắt đầu, kết thúc), phương pháp đánh giá kết quả tự bồi dưỡng do người thử nghiệm soạn thảo.

- *Bước 4:* Thực hiện việc theo dõi, động viên các CBQL tự nghiên cứu các tài liệu (nêu trên) trong khoảng thời gian quy định là 01 tháng.

- *Bước 5:* Sau khi kết thúc thời gian tự bồi dưỡng, tổ chức trắc nghiệm lần thứ 2 với chính 25 câu hỏi mà các CBQL đã trắc nghiệm lần trước.

- *Bước 6:* Thu lại các bảng hỏi trắc nghiệm lần 2, tổng hợp các đáp án trả lời đúng trong từng câu hỏi và tính tỉ lệ phần trăm số lượng các đáp án đúng so với tổng số người trả lời đối với từng câu hỏi.

- *Bước 7:* Thiết lập bảng tổng hợp để nhận biết so sánh kết quả trắc nghiệm của 2 lần trắc nghiệm (trước và sau) khi CBQL được tự bồi dưỡng để nhận biết được sự thay đổi theo hướng tiến bộ về nhận thức của các CBQL đối với các kiến thức quản lý đào tạo theo yêu cầu của chuẩn đầu ra; đồng thời so sánh kết quả học tập của sinh viên để nhận biết thêm về mức độ khả thi của giải pháp quản lý.

2) Kết quả thử nghiệm

a) Đối với nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý

Kết quả thử nghiệm được thể hiện ở các số liệu trong bảng 3.6 dưới đây.

Bảng 3.6. Kết quả nhận thức của các CBQL trước và sau khi có các tác động quản lý theo nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 6

Các câu hỏi	Tỷ lệ % CBQL trả lời đúng trước tự bồi dưỡng		Tỷ lệ % CBQL trả lời đúng sau tự bồi dưỡng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Câu hỏi 1	39	**52,0**	73	**97,3**
Câu hỏi 2	42	**56,0**	71	**94,7**
Câu hỏi 3	40	**53,3**	72	**96,0**
Câu hỏi 4	36	**48,0**	68	**90,7**
Câu hỏi 5	44	**58,7**	70	**93,3**
Câu hỏi 6	38	**50,7**	74	**98,7**
Câu hỏi 7	41	**54,7**	65	**86,7**
Câu hỏi 8	48	**64,0**	72	**96,0**
Câu hỏi 9	39	**52,0**	63	**84,0**
Câu hỏi 10	50	**66,7**	70	**93,3**
Câu hỏi 11	38	**50,7**	72	**96,0**
Câu hỏi 12	45	**60,0**	69	**92,0**
Câu hỏi 13	42	**56,0**	63	**84,0**
Câu hỏi 14	37	**49,3**	66	**88,0**
Câu hỏi 15	43	**57,3**	72	**96,0**
Câu hỏi 16	46	**61,3**	68	**90,7**
Câu hỏi 17	49	**65,3**	71	**94,7**
Câu hỏi 18	38	**50.7**	68	**90,7**
Câu hỏi 19	42	**56.0**	72	**96,0**
Câu hỏi 20	44	**58,7**	70	**93,3**
Câu hỏi 21	31	**41,3**	74	**98,7**
Câu hỏi 22	37	**49,3**	69	**92,0**
Câu hỏi 23	41	**54,7**	64	**85,3**
Câu hỏi 24	39	**52,0**	72	**96,0**
Câu hỏi 25	38	**50,7**	71	**94,7**

So sánh các kết quả trên bằng biểu đồ 3.3. dưới đây:

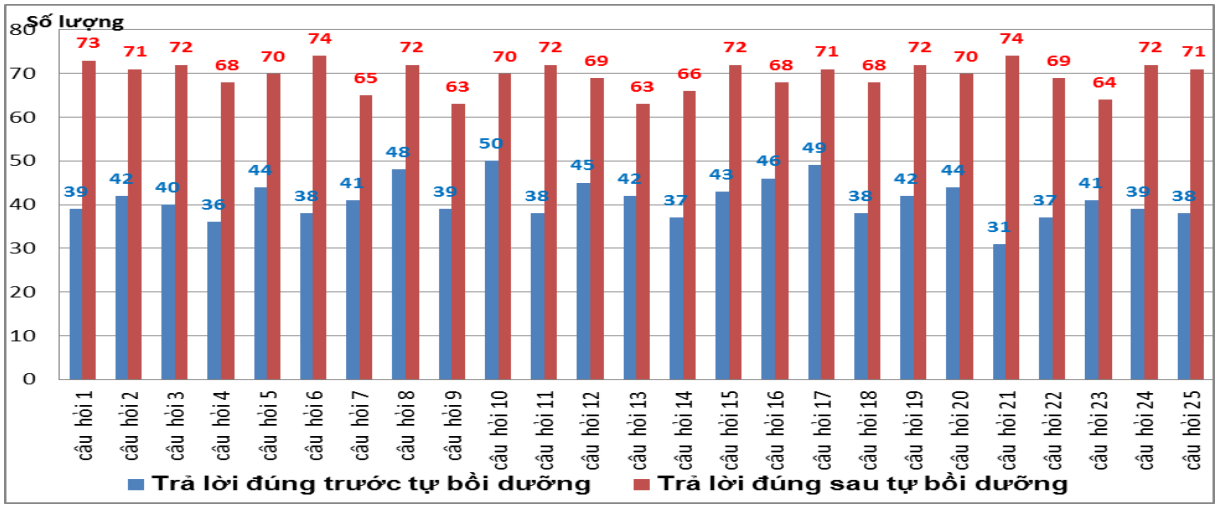

Biểu đồ 3.3. So sánh nhận thức của các CBQL trước và sau khi có các tác động theo nội dung thứ 2 của giải pháp thứ 6

Qua các số liệu tại bảng 3.6 và biểu đồ 3.3 cho thấy: nhận thức của các CBQL có sự thay đổi theo hướng tiến bộ (gần như 100% người trả lời đúng đáp án) khi có các tác động quản lý như trong nội dung thứ 3: *"Tổ chức các hoạt động tự bồi dưỡng cho CBQL các cấp của trường"* của giải pháp thứ 6:*"Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo CĐR cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường"*.

b) Đối với kết quả học tập của sinh viên

Thực hiện so sánh kết quả xếp loại học tập của sinh viên 5 Khoa: Khoa Cơ khí, Khoa Công nghệ ô tô, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện và Khoa Điện tử - Điện lạnh thuộc Trường Cao đẳng Cơ khí Nông nghiệp giữa 2 học kỳ (trong một năm học), trong đó học kỳ I là học kỳ mà các CBQL chưa tham gia tự bồi dưỡng và học kỳ II là học kỳ mà các CBQL đã tham gia tự bồi dưỡng [69],[70]; cho thấy kết quả đó tại bảng 3.7 dưới đây.

Bảng 3.7. Kết quả xếp loại kết quả học tập của sinh viên

Khoa	Kết quả xếp loại học tập của sinh viên học kỳ I, năm học 2015- 2016 (trước khi tự CBQL tự bồi dưỡng) (%)				Kết quả xếp loại học tập của sinh viên học kỳ II, năm học 2015- 2016 (sau khi CBQL đã tự bồi dưỡng) (%)			
	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Giỏi	Khá	TB	Yếu
Cơ khí	9.6	23.1	48.8	18.5	20.1	43.6	34.3	2.0
Động lực	7.8	23.6	44.5	24.1	18.2	39.6	37.5	4.7
Công nghệ thông tin	6.9	28.7	53	11.4	16.6	46.7	33.4	3.3
Điện	5.5	22.6	52.1	19.8	15.3	50.2	31.7	2.8
Điện tử- Điện lạnh	10.4	25.8	38.9	24.9	22.8	42.4	29.2	5.6
Trung bình	**8.04**	**24.8**	**47.4**	**19.7**	**18.6**	**44.5**	**33.2**	**3.68**

So sánh các kết quả trên bằng biểu đồ 3.4 dưới đây:

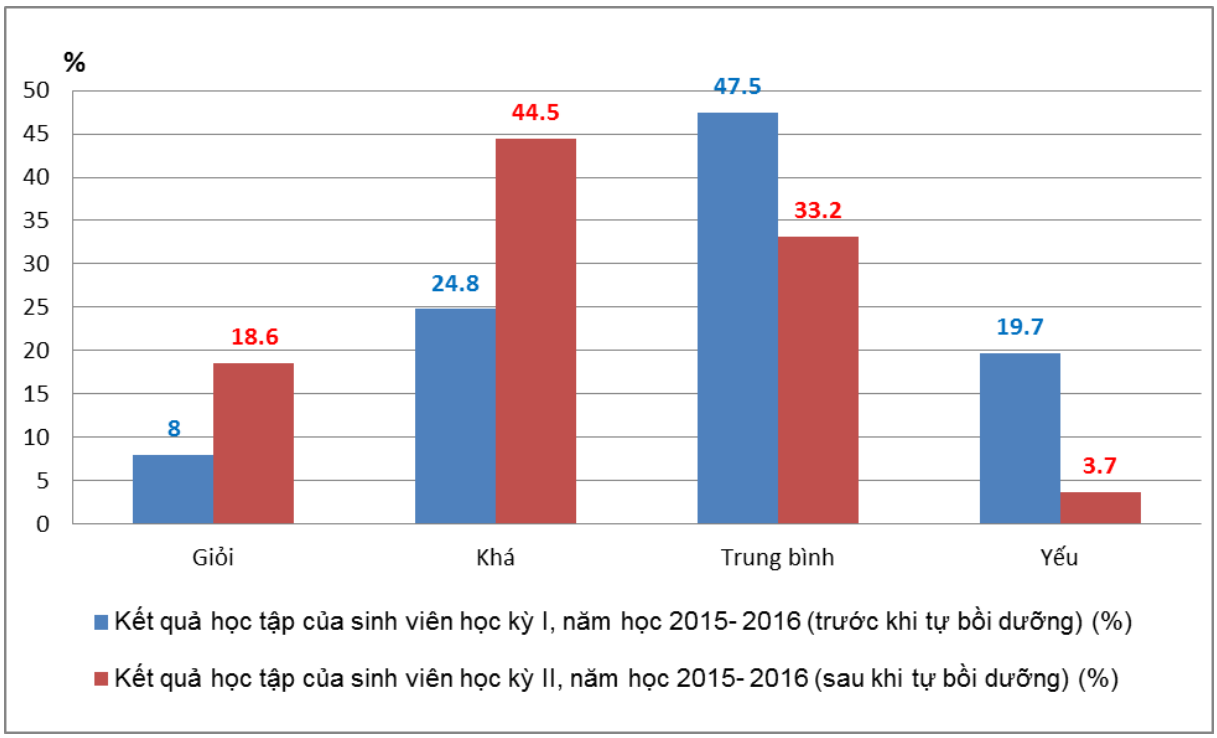

Biểu đồ 3.4. So sánh kết quả học tập của sinh viên

Qua các số liệu tại bảng 3.7 và biểu đồ 3.4 cho thấy sau khi tham gia tự bồi dưỡng, nhận thức của các CBQL cấp khoa có sự thay đổi theo hướng tiến bộ. Từ sự tiến bộ đó dẫn đến chất lượng quản lý của đội ngũ này được nâng lên, cho nên chất lượng đào tạo, cụ thể là kết quả học tập của sinh viên của các khoa mà họ quản lý cũng cao hơn. Điều đó chứng tỏ các tác động quản lý thuộc nội dung thứ 3: *"Tổ chức các hoạt động tự bồi dưỡng cho CBQL các cấp của trường"* của giải pháp thứ 6: *"Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường"* là khả thi; nghĩa là giả thuyết thử nghiệm (nêu trên) đã được minh chứng.

Tiểu kết chương 3

Từ cơ sở lý luận, thực tiễn về quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra và trên cơ sở các nguyên tắc đề xuất các giải pháp quản lý cho thấy: để nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDNN trong giai đoạn hiện nay thì các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT phải triển khai các giải pháp quản lý:

- Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo;
- Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo;
- Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng chuẩn đầu ra;
- Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;
- Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành nghề đào tạo;
- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường.

Các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra có mối quan hệ mật thiết và bổ trợ cho nhau nhằm vào mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của mỗi trường.

Kết quả khảo nghiệm và thử nghiệm cho thấy các giải pháp quản lý đã đề xuất đều có mức độ cần thiết và tính khả thi rất cao; có mối tương quan thuận (mức độ cần thiết với mức độ khả thi). Như vậy giả thuyết khoa học nêu ra ở phần mở đầu đã được minh chứng. Từ đó, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT có thể áp dụng các giải pháp này vào hoạt động quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Đào tạo theo chuẩn đầu ra là yêu cầu mang tính tất yếu của các cơ sở đào tạo nói chung và của các trường cao đẳng nghề nói riêng trong bối cảnh hiện nay; nhằm góp phần phát triển nguồn nhân lực cho mọi hoạt động KT-XH.

Chuẩn đầu ra ngành đào tạo là quy định mang tính cam kết với xã hội về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành nghề đào tạo.

Phối hợp giữa lý luận giáo dục học về quá trình đào tạo với mô hình đào tạo CIPO về đào tạo nguồn nhân lực, cho thấy quản lý đào tạo theo CĐR ở các trường cao đẳng nghề bao gồm: quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra; quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo; quản lý hoạt động tuyển sinh; quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên; quản lý hoạt động học tập của sinh viên; quản lý về đảm bảo CSVC&TBĐT; quản lý hoạt động phát huy và hạn chế các tác động của môi trường đào tạo; quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo; quản lý các hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo dưới sự tác động của bối cảnh phát triển KT-XH đương đại.

Các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT đều là các trường có bề dày truyền thống gắn với chức năng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ KT-XH của ngành tại các cộng đồng, địa phương và các khu vực trong nước.

Các hoạt động đào tạo theo CĐR của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT hiện nay có nhiều mặt tích cực; tuy nhiên cũng bộc lộ nhiều bất cập và hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các bất cập và hạn chế là do công tác quản lý của các trường đối với các hoạt động: Hoạt động điều chỉnh và bổ sung CĐR; hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo CĐR; hoạt động nâng cao năng lực dạy học của giảng viên trong đào tạo theo định hướng phát triển năng lực sinh viên; hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện đào tạo; hoạt động đánh giá kết quả đào tạo và triển khai các hoạt động đổi mới sau đào tạo; hoạt động phát triển năng lực quản lý đào tạo theo CĐR của đội ngũ CBQL các cấp của trường.

Để nâng cao chất lượng đào tạo theo CĐR, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT nói chung và GDNN nói riêng trong giai đoạn hiện nay, các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT phải triển khai các giải pháp quản lý sau:

- Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo;

- Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo;

- Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng chuẩn đầu ra;

- Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

- Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo;

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường.

Các giải pháp quản lý đào tạo theo CĐR có mối quan hệ mật thiết và bổ trợ cho nhau nhằm vào mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của mỗi trường có mức độ cần thiết và tính khả thi rất cao với tương quan thuận.

Như vậy, các giải pháp quản lý đã đề xuất trên cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý đào tạo theo CĐR trên cơ sở phối hợp lý luận giáo dục học về quá trình đào tạo với mô hình CIPO về đào tạo nguồn nhân lực đã được minh chứng về mức độ cần thiết, tính khả thi qua kết quả khảo nghiệm và thử nghiệm. Từ đó khẳng định giả thuyết khoa học của luận án này đã trở thành hiện thực.

Từ đó, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ N N&PTNT có thể áp dụng các giải pháp này vào hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra.

2. KIẾN NGHỊ

a) Kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Bộ LĐ-TB&XH để ban hành các văn bản về đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước cũng như các quy định về đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu xã hội;

- Xây dựng và ban hành các chính sách về nhà giáo, nhà giáo GDNN, CBQL giáo dục; chính sách đào tạo đội ngũ giảng viên và CBQL của các trường do Bộ LĐ-TB&XH quản lý;

- Xác định cơ chế tuyển sinh phù hợp cho các trường thuộc Bộ GD&ĐT và các trường thuộc lĩnh vực GDNN của Bộ LĐ-TB&XH.

b) Kiến nghị với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Bộ GD&ĐT trong việc xây dựng và ban hành cơ chế tuyển sinh đào tạo; chính sách về nhà giáo GDNN, CBQL GDNN;

- Xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản hướng dẫn thực thi Luật GDNN;

- Chuẩn hóa lại CĐR cho tất các các ngành, nghề đào tạo;

- Tăng cường CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và sát với thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp từ các nguồn vốn huy động trong và ngoài nước, trong và ngoài ngành nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra.

c) Kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển nhân lực của ngành nông nghiệp rõ ràng, cụ thể, phù hợp đặc thù của ngành, của địa phương;

- Có chính sách sử dụng nguồn nhân lực do các trường cao đẳng nghề của Bộ NN&PTNT đào tạo;

- Huy động các nguồn tài chính từ các cơ quan, doanh nghiệp; từ các nguồn vốn huy động trong và ngoài nước, trong và ngoài ngành để hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực theo chuẩn đầu ra của ngành nông nghiệp;

- Tăng cường CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và sát với thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp từ các nguồn vốn huy động trong và ngoài nước, trong và ngoài ngành nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra;

d) Kiến nghị với các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chuyển mạnh quá trình đào tạo từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học theo CĐR, đáp ứng nhu cầu xã hội;

- Thực hiện đồng bộ 6 giải pháp quản lý đã đề xuất trong luận án để nâng cao hiệu quả, chất lượng của đào tạo nguồn nhân lực theo CĐR và đáp ứng nhu cầu xã hội, bao gồm:

+ Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo;

+ Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo;

+ Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng chuẩn đầu ra;

+ Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra;

+ Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo;

+ Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường.

e) Kiến nghị với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng nhân lực

- Tham gia có hiệu quả và chất lượng vào hoạt động điều chỉnh, bổ sung CĐR cho các ngành nghề trong các trường cao đẳng nghề;

- Tham gia trực tiếp vào đánh giá về năng lực nghề nghiệp của *"sản phẩm đào tạo"* từ các nhà trường CĐN theo CĐR và đáp ứng yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp;

- Phối hợp với các trường cao đẳng nghề trong đào tạo, sử dụng "sản phẩm đào tạo" của nhà trường; có các cơ chế hỗ trợ kinh phí cho quá trình đào tạo và động viên khuyến khích sinh viên trong quá trình học tập;

- Có chính sách tuyển dụng, cơ chế tiền lương cho sinh viên tốt nghiệp từ các trường cao đẳng nghề.

NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN ÁN

1. Nguyễn Xuân Thủy (2013), *Chuẩn đầu ra của các cơ sở đào tạo nghề và vấn đề đào tạo theo nhu cầu xã hội*, ***Tạp chí Giáo dục***, số 311, Kì 1, tháng 6 năm 2013 (trang 3 - 5).
2. Nguyễn Xuân Thủy (2014), *Quan điểm và phương thức quản lý đổi mới phương pháp dạy học tại các Trường Cao đẳng nghề*, ***Tạp chí Giáo dục***, số 346, Kì 2, tháng 11 năm 2014 (trang 10,11).
3. Nguyễn Xuân Thủy (2016), *Giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra ở Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp*, ***Tạp chí Giáo dục,*** số đặc biệt, tháng 11 năm 2016 (trang 68 đến 70).
4. Nguyễn Xuân Thủy (2016), *Bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề*, ***Tạp chí Giáo dục***, số đặc biệt, tháng 11 năm 2016 (trang 71, 72, 99).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Sử Ngọc Anh (2012), *Xây dựng chuẩn đầu ra góp phần đảm bảo chất lượng giáo dục đại học*; Tạp chí Giáo dục số 288, 6/2012.
2. APEFE, OIF, Tổng cục dạy nghề (2012), *Phương pháp tiếp cận theo năng lực trong đào tạo nghề*; Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Bình (tổng chủ biên) (1999), *Khoa học tổ chức và quản lý - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Trung tâm Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý, NXB Thống kê, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH, ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Công văn số 5543/BGDĐT-GDCN, ngày 9/9/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo TCCN.*
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), (2013), *Tài liệu Bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa/ phòng trường đại học, cao đẳng - Quyển 1,* NXB Đại học Sư phạm.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), (2013), *Tài liệu Bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa/ phòng trường đại học, cao đẳng - Quyển 2,* NXB Đại học Sư phạm.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) - Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, NXB Văn hóa Thông tin.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn việc dạy học và kiểm tra, đánh giá theo theo định hướng phát triển năng lực của học sinh*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
10. Nguyễn Phúc Châu (chủ nhiệm đề tài), (2009), *Các giải pháp triển khai đào tạo cán bộ quản lý giáo dục theo nhu cầu xã hội;* Đề tài KH&CN trọng điểm cấp Bộ, mã số B2007. 29 - 27 TĐ - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
11. Nguyễn Phúc Châu (2010), *Quản lý nhà trường,* NXB Đại học sư phạm.
12. Nguyễn Phúc Châu (2010), *Tiếp cận và sử dụng các thuật ngữ "giải pháp quản lý" và "biện pháp quản lý" trong nghiên cứu khoa học quản lý*; Tạp chí Giáo dục số 238 (kỳ 2 - 5/2010).

13. Chính phủ Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020* (Ban hành theo Quyết định số 711/QĐ-TTg, ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ).
14. Cao Danh Chính (2012), *Dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện ở các trường đại học sư phạm kỹ thuật,* Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và lịch sử giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
15. Hoàng Chúng (1982), *Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Đỗ Minh Cương - Nguyễn Thị Doan (2001), *Phát triển nguồn nhân lực giáo dục đại học Việt Nam,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam, (1993), *Văn kiện hội nghị lần thứ 4, Ban chấp hành trung ương khóa VII*, tr.61, NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội.
19. Đảng cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám (khóa XI) về Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo,* NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 06/6/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao.*
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Minh Đạo (1997), *Cơ sở của khoa học quản lý*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Ngô Hồng Điệp (2011), *Một số vấn đề liên quan đến việc xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ở các trường đại học ở nước ta*, Tạp chí giáo dục số 256, 2/2011
24. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
25. Nguyễn Minh Đường (1996), *Bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới* (Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước, mã số KX 07-14).
26. Nguyễn Minh Đường (2006)**,** *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế* (Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX 05 - 10).

27. Đào Việt Hà (2012), *Nghiên cứu vận dụng mô hình CIPO vào quản lí đào tạo theo năng lực thực hiện;* Tạp chí Giáo dục số 292 - năm 2012.
28. Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển toàn diện con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá,* NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội.
29. Đặng Xuân Hải (2013), *Quản lý chất lượng giáo dục* (trong cuốn "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới" của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Ngân hàng phát triển Chấu Á), NXB Văn hóa - Thông tin.
30. Vũ Ngọc Hải (2012), *Đổi mới căn bản dạy nghề ở Việt Nam* (trong cuốn "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam" của Ban Tuyên giáo Trung ương, Tổng cục dạy nghề; Viện nghiên cứu phát triển phương Đông, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
31. Hồ Cảnh Hạnh (2012), *Quản lý đào tạo theo nhu cầu xã hội*, Tạp chí Giáo dục số 286, 5/2012.
32. Nguyễn Thị Hằng (2012), *Quản lý đào tạo nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội,* Tạp chí Giáo dục số 82, tháng 7/2012.
33. Nguyễn Thị Hằng (2013), *Quản lý đào tạo ở trường dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội,* Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục.
34. Bùi Minh Hiền (chủ biên) - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo (2006), *Quản lý giáo dục,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
35. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (đồng chủ biên) (2015), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
36. Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên) (2015), *Phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông,* NXB Giáo dục Việt Nam.
37. Phạm Thúy Hồng (2013), *Quản lí chất lượng dạy nghề theo mô hình CIPO*; Tạp chí Khoa học giáo dục số số 96 - năm 2013.
38. Nguyễn Ngọc Hùng (2004), *Các giải pháp đổi mới quản lý dạy học thực hành nghề theo tiếp cận năng lực thực hiện cho sinh viên sư phạm kỹ thuật*, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
39. Nguyễn Sinh Huy - Nguyễn Văn Lê (1999), *Giáo dục học đại cương,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
40. Phan Văn Kha (2007), *Đào tạo và sử dụng nhân lực trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

41. Trần Kiểm, (2013, in lần thứ 7), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm.
42. Harold Koontz, Cyril Odonnell và Heinz Weihrich (1994), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
43. Nguyễn Tuyết Lan (2015), *Quản lý liên kết đào tạo giữa trường cao đẳng nghề với doanh nghiệp ở tỉnh Vĩnh Phúc đáp ứng yêu cầu phát triển nhân lực*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.
44. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2010), *Những vấn đề cơ bản về lãnh đạo - quản lý và sự vận dụng vào trường TCCN* (trong cuốn Những vấn đề cơ bản về công tác quản lý trường TCCN); Bộ GD&ĐT - Ngân hàng phát triển Châu Á, Hà Nội.
45. Lê Phước Lượng (2012), *Định hướng, lựa chọn ngành nghề đào tạo, thúc đẩy động cơ học tập của sinh viên thông qua chuẩn đầu ra ở các trường đai học*, Tạp chí Giáo dục số 279, 2/2012.
46. Các Mác (1996), *Tư bản*, tập 23, NXB Sự thật Hà Nội.
47. Nguyễn Thế Mạnh (2008), *Đề xuất chuẩn đầu ra về kỹ năng dạy học của quá trình đào tạo giáo viên dạy nghề tại các trường Sư phạm kỹ thuật*, Tạp chí Khoa học giáo dục số 35, 8/2008.
48. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập,* Tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Luc Moitroux (2010), *Tổ chức quản lý đào tạo các cơ sở dạy nghề trong hệ thống giáo dục hiện đại,* Kỷ yếu hội thảo "Tổ chức quản lý đào tạo trong các cơ sở dạy nghề - Kinh nghiệm của Bỉ và Việt Nam".
50. Lê Đức Ngọc - Trần Hữu Hoan (2010), *Chuẩn đầu ra trong giáo dục đại học*, Tạp chí Khoa học giáo dục số 55, 4/2010.
51. Hà Thế Ngữ (1986), *Quá trình sư phạm - Bản chất, cấu trúc và tính quy luật*, Viện khoa học Giáo dục - Hà Nội - 1986; tr 38 - 42.
52. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý giáo dục,* Trường Cán bộ quản lý giáo dục Trung ương I, Hà Nội.
53. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014); *Luật Giáo dục nghề nghiệp* (Luật số 74/2014/QH13, ngày 27 tháng 11 năm 2014); NXB Chính trị quốc gia.
54. Thông tư số 30/2010/TT-BLĐTBXH, ngày 29/9/2010 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH.

55. Đỗ Hoàng Toàn (chủ biên) (2000), *Giáo trình Khoa học quản lý,* NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
56. Tổ chức Lao động Quốc tế, Tổng cục dạy nghề (2011), *Kỹ năng dạy học - Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên và người dạy nghề*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
57. Tổng cục dạy nghề/ Bộ LĐ-TB&XH (2010), *Kỷ yếu hội thảo: Công tác dạy nghề trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.*
58. Tổng cục dạy nghề (2014), *Báo cáo dạy nghề Việt Nam 2013-2014*, NXB Lao động- Xã hội, 2015.
59. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 67/1998/QĐ-TTg ngày 26/3/1998, Về việc chuyển giao nhiệm vụ quản nhà nước về đào tạo nghề từ Bộ GD&ĐT sang Bộ LĐ-TB&XH.*
60. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định Số: 630/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 5 năm 2012, Phê duyệt Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020.*
61. Nguyễn Đức Trí (1996), *Tiếp cận đào tạo nghề dựa trên năng lực thực hiện và việc xây dựng tiêu chuẩn nghề* (Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ 93-38-24), Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục, Hà Nội.
62. Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội (2015) *Báo cáo thành tích, kết quả đào tạo năm 2015*, Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội.
63. Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Nông lâm Trung bộ (2015), *Kỷ yếu 40 năm truyền thống Trường Cao đẳng nghề cơ điện và nông lâm Trung bộ.*
64. Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Xây dựng Việt Xô (2015), *Kỷ yếu 55 năm truyền thống Trường Cao đẳng nghề cơ điện và xây dựng Việt Xô.*
65. Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi (2016), *Kỷ yếu 40 năm truyền thống Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi.*
66. Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp (2015*), Báo cáo thành tích đào tạo năm 2015,* Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp.
67. Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp (2016), *Báo cáo kết quả đào tạo, học kỳ I, năm học 2015 - 2016,* Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp.
68. Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp (2017), *Báo cáo kết quả đào tạo, học kỳ I, năm học 2016 - 2017*, Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp.
69. Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp (2016), *Tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại học tập và rèn luyện, học kỳ I, năm học 2015 - 2016.*

70. Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp (2017), *Tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại học tập và rèn luyện học kỳ I* năm học 2016 - 2017.
71. Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), Tập 3, NXB Từ điển Bách khoa Việt Nam.
72. Nguyễn Quang Việt (2006), *Kiểm tra đánh giá trong dạy học thực hành theo tiếp cận năng lực thực hiện*, Luận án tiến sĩ lý luận và lịch sử sư phạm học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
73. Hồ Văn Vĩnh (2003), *Một số vấn đề về tư tưởng quản lý.* NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội.

TIẾNG ANH

74. William E. Blank (1982), *Handbook for Developing Competency - Based Training Programs*, Prentice Hall, Inc, Ohio.
75. Shirley Fletcher (1997), *Designing Competence - Based Training*, 2ND edition, Kogan Page Ltd, London.
76. Harris, R., Guthrie, H., Hobart, B., & Lundberg, D. (1995), *Competency - Based Education and Training: Between a Rock and a Whirlpool.* South Melbourne: Macmillan Education Australia.
77. ILO, Occupational Competencies: *Identification, Training, Evaluation, Certification.*
78. Jones, L. & Moore (1995), *Appropriating competence*. British Journal of Education and Work.
79. Leonard Nadler (1980), *Developing Human Resource*, American Society for Training and Development.
80. Norton RE (1987), *Competency - Based Education and Training*: A Humanistic and Realistic Approach to Technical and Vocational Instruction. Paper presented at the Regional Workshop on Technical/Vocational Teacher Training in Chiba City, Japan. ERIC: ED 279910.
81. Schenk, John P. *"The Life and Times of Victor Karlovich Della-Vos"*; W.H.G. Armytage, The rise of the technocrats a social history, Published 1965 by Routledge and K. Paul in London.
82. Frederick Winslow Taylor, *The principles of scientific management*, 1911, New York, London, Harper & Brothers.
83. Rothwell, W. J. & Lindholm, J. E. (1999), *Competency identification modeling and assessment in the USA*, International Journal of Training and Development.

TIẾNG PHÁP

84. J. Bonfond (2010), *Seminaire Referentienls de Metier Pour les Enseinants*, APEFE, 2010.

85. Québec (2002), *Technologie et l'enseignement technique et la formation professionnelle.*

CÁC WEBSITE

86. http://www.cityandguilds.com

87. http://www.mard.gov.vn/

88. http://www.molisa.gov.vn

89. http://www.moet.gov.vn/

90. http://tcdn.gov.vn/

91. http://www.fh-mainz.de/fileadmin/content/fh/pdf/hochschule/studierenden-absolventenzahlen_FHMainz.pdf

CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1

KHÁI QUÁT MỘT SỐ TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Trường Cao đẳng nghề Cơ khí Nông nghiệp

- Tên tiếng Anh: Vocational College of Agricultural Michanics (VCAM)

- Trụ sở: xã Tam Hợp - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc

- Quá trình hình thành và phát triển: Trường thành lập năm 1960. Tháng 1 năm 2007, Trường Cao đẳng nghề Cơ khí nông nghiệp được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường Công nhân Cơ khí nông nghiệp 1 Trung ương. Trường được đầu tư trọng điểm giai đoạn 1 đến năm 2020, là 1 trong 5 trường được xem xét lựa chọn đầu tư thành trường đạt tiêu chuẩn quốc tế đến năm 2020.

- Nhà trường đã thực hiện công bố chuẩn đầu ra cho các nghề đào tạo và thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra từ năm 2010.

- Cơ cấu bộ máy tổ chức: Đảng ủy - Ban Giám hiệu, các hội đồng, 8 phòng chức năng, 10 khoa chuyên môn và 4 Trung tâm, các đoàn thể, tổ chức chính trị.

- Chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất và dịch vụ ở các trình độ Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề và Sơ cấp nghề (Công nghệ Ô tô; Điện - Điện tử; Hàn; Cắt gọt kim loại; Công nghệ thông tin; Lái xe ô tô),…; tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tổ chức nghiên cứu khoa học,…

- Thành tựu hoạt động: Qua 56 năm, đã đào tạo trên 60.000 học viên cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Cán bộ giáo viên và HSSV tham gia và đạt nhiều giải cao trong các kỳ thi giáo viên, kỳ thi tay nghề các cấp; nhà trường đã có quan hệ với trên 100 doanh nghiệp.

+ Quy mô và chất lượng đào tạo: Quy mô hiện tại của nhà trường: 4000 hệ chính quy và 3000 học viên ngắn hạn. 90% HSSV ra trường có việc làm và thu nhập ổn định. Trường đạt chất lượng kiểm định cấp độ 3.

+ Nghiên cứu KH&CN và hợp tác quốc tế: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên thực hiện chủ yếu mang tính ứng dụng trong giảng dạy và học tập cũng như phục vụ đào tạo trong trường. Nhà trường có quan hệ với nhiều tổ chức và các trường quốc tế [7].

2. Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội

- Tên tiếng Anh: Hanoi College for Electro- Mechanics (HCEM)

- Trụ sở: 160 Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Quá trình hình thành và phát triển: Được thành lập từ năm 1972, Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội đã phát triển từ một trường công nhân kỹ thuật lên thành trường Cao đẳng nghề đào tạo đa ngành, đa cấp trình độ với các chương trình học đa dạng và chất lượng cao nhằm thích ứng với quá trình hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới; Hướng đến trường đạt chuẩn khu vực ASEAN và quốc tế trong tương lai gần.

- Cơ cấu bộ máy tổ chức: Đảng ủy - Ban Giám hiệu, các hội đồng, 6 phòng chức năng, 7 khoa chuyên môn, 1 bộ môn và 1 Trung tâm; các đoàn thể, tổ chức chính trị.

- Chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo nhân lực ở các trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề (Công nghệ thông tin, Điện công nghiệp; Điện tử dân dụng; Vận hành sửa chữa trạm bơm điện; Cơ điện tử; Cắt gọt kim loại; Công nghệ hàn; Cấp thoát nước; Công nghệ ô tô;kinh tế,…); tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tổ chức nghiên cứu khoa học; Ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ; liên doanh, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, kinh doanh trong và ngoài nước.

- Nhà trường đã thực hiện công bố chuẩn đầu ra cho các nghề đào tạo và thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra từ năm 2010.

- Thành tựu hoạt động: Qua 45 năm đã đào tạo trên 40.000 công nhân, cán bộ kỹ thuật cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Cán bộ giáo viên và HSSV tham gia và đạt nhiều giải cao trong các kỳ thi giáo viên, kỳ thi tay nghề các cấp. Nhà trường đã có quan hệ với trên 100 Doanh nghiệp.

+ Quy mô và chất lượng đào tạo: Quy mô hiện tại của nhà trường: 4000 hệ chính quy và 3000 học viên ngắn hạn. 90% HSSV ra trường có việc làm và thu nhập ổn định. Trường đạt chất lượng kiểm định cấp độ 3.

+ Nghiên cứu KH&CN và hợp tác quốc tế: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên thực hiện chủ yếu mang tính ứng dụng trong giảng dạy và học tập cũng như phục vụ đào tạo trong trường. Nhà trường có quan hệ với nhiều tổ chức và các trường quốc tế [6].

3**. Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Xây dựng Việt Xô**

- Tên tiếng Anh: Vietxo Vocational College of Electro Mechanization and Construction.

- Trụ sở: Phường Trung Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

- Quá trình hình thành và phát triển: Trường Cao Đẳng Nghề Cơ Điện Xây dựng Việt Xô được đổi tên từ Trường Cao Đẳng Nghề Cơ Điện Xây dựng Tam Điệp theo quyết định số 358/QĐ-BLĐTBXH ngày 23 tháng 03 năm 2012, trên cơ sở nâng cấp trường Trung học và Dạy nghề Cơ Điện Xây dựng NN&PTNT.

- Cơ cấu bộ máy tổ chức: Đảng ủy - Ban Giám hiệu, các hội đồng, 7 phòng chức năng, 7 khoa chuyên môn và các đoàn thể, tổ chức chính trị.

- Chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức đào tạo nhân lực theo 3 cấp trình độ Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề và Sơ cấp nghề (Công nghệ ô tô; Hàn; Điện công nghiệp; Điện tử; Điện tự động hoá; Kỹ thuật và xây dựng; Sửa chữa và lắp ráp máy tính; Kế toán doanh nghiệp,…); bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động; Tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tổ chức nghiên cứu khoa học; Ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ; liên doanh, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, kinh doanh trong và ngoài nước.

- Nhà trường đã thực hiện công bố chuẩn đầu ra cho các nghề đào tạo và thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra từ năm 2012.

- Thành tựu hoạt động: Nhà trường đã đào tạo được trên 65.000 người lao động cung cấp cho thị trường lao động. Nhà trường đã thực hiện công bố chuẩn đầu ra cho các nghề đào tạo và thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra từ năm 2011.

+ Quy mô và chất lượng đào tạo: 5.000 HSSV các hệ. HSSV tốt nghiệp được các nhà tuyển dụng và sử dụng lao động cả trong và ngoài nước chấp nhận đạt trung bình 87%; Trường đạt chất lượng kiểm định cấp độ 3.

+ Nghiên cứu KH&CN và hợp tác quốc tế: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên thực hiện chủ yếu mang tính ứng dụng trong giảng dạy và học tập cũng như phục vụ đào tạo trong trường. Nhà trường có quan hệ với nhiều tổ chức và các trường quốc tế [67].

4. Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Nông lâm Trung bộ

- Tên tiếng Anh: Vocational College for Electro - Mechanics Construction and Agro - Foresty of Central Vietnam (VCC)

- Trụ sở: Khu 8, phường Bùi Thị Xuân, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định

- Quá trình hình thành và phát triển: Trường được thành lập theo quyết định số: 264/QĐ-BLĐTBXH ngày 15/02/2007 của Bộ trưởng Bộ LĐ- TB&XH, trên cơ sở nâng cấp Trường Dạy nghề NN&PTNT Trung bộ. Đến năm 2020 có đủ điều kiện, tiêu chuẩn của một trường chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia, ngang tầm khu vực.

- Cơ cấu bộ máy tổ chức: Đảng ủy - Ban Giám Hiệu, các hội đồng, 5 phòng chức năng, 9 khoa chuyên môn, 3 trung tâm và các đoàn thể, tổ chức chính trị.

- Chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề và sơ cấp nghề (Công nghệ sinh học; Công nghệ ô tô; Điện công nghiệp; Vận hành máy thi công nền; Lâm sinh; Khảo sát địa hình, …); bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, tham gia phổ cập nghề cho người lao động, dạy kỹ thuật và hướng nghiệp cho học sinh phổ thông; tham gia nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KHKT; liên kết và hợp tác với các tổ chức: cơ sở đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh trong nước và ngoài nước.

- Nhà trường đã thực hiện công bố chuẩn đầu ra cho các nghề đào tạo và thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra từ năm 2013.

- Thành tựu hoạt động: Qua hơn 40 năm, trường đã đào tạo hơn 40.000 HSSV hệ chính qui và trên 30.000 học viên hệ ngắn hạn. Nhà trường đã thực hiện công bố chuẩn đầu ra cho các nghề đào tạo và thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra từ năm 2012.

+ Quy mô và chất lượng đào tạo: Hàng năm, nhà trường tuyển sinh và đào tạo 1.300 - 1.500 HSSV hệ chính quy Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề; hệ sơ cấp nghề và ngắn hạn 2.000 - 2.500 học viên. HSSV tốt nghiệp được các nhà tuyển dụng và sử dụng lao động chấp nhận đạt trung bình hơn 85%.

+ Nghiên cứu KH&CN và hợp tác quốc tế: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên thực hiện chủ yếu mang tính ứng dụng trong giảng dạy và học tập cũng như phục vụ đào tạo trong trường. Nhà trường có quan hệ với nhiều tổ chức và các trường quốc tế [66].

5. Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi

- Tên tiếng Anh: Vocational College of Mechanics and Irrigation

- Trụ sở: Km44 - QL1A - Hố Nai 3 - Trảng Bom - Đồng Nai

- Quá trình thành lập và phát triển: Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi tiền thân là Trường Cơ giới 3 thuộc Bộ Thủy lợi (nay là Bộ NN & PTNT), trường được thành lập ngày 28/8/1976. Ngày 17/10/2008, trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi.

- Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, cơ sở vật chất và chất lượng giáo viên của Trường không ngừng phát triển, là trường đào tạo nghề trọng điểm quốc gia và quốc tế; nhà trường đang lập quy hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp trường.

- Nhà trường đã thực hiện công bố chuẩn đầu ra cho các nghề đào tạo và thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra từ năm 2012.

- Cơ cấu bộ máy, tổ chức: Gồm có Đảng ủy - Ban Giám hiệu, các hội đồng, 05 phòng, 07 khoa và 3 trung tâm, các đoàn thể, tổ chức chính trị.

- Chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo nghề theo 03 cấp trình độ Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề và Sơ cấp nghề (Điện - Điện tử; Công nghệ ô tô; Cơ khí; …); tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tổ chức nghiên cứu khoa học;….

- Thành tựu hoạt động: Tính đến năm 2016, Trường đã đào tạo được hơn 95.000 học viên.

+ Quy mô đào tạo: Hệ chính quy: 2.000 - 2.200 HSSV/năm; hệ ngắn hạn: từ 2.000 - 2.500 học viên/năm. 90% HSSV ra trường có việc làm và thu nhập ổn định. Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề ở cấp độ 3.

+ Nghiên cứu KH&CN và hợp tác quốc tế: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên thực hiện chủ yếu mang tính ứng dụng trong giảng dạy và học tập cũng như phục vụ đào tạo trong trường. Trường có quan hệ với các tổ chức JICA của Nhật Bản, GIZ của CHLB Đức đầu tư dự án cung cấp thiết bị đào tạo của Nhật bản và dự án đào tạo xanh của CHLB Đức [68].

Phụ lục 2

PHIẾU XIN Ý KIẾN VỀ THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NN&PTNT

Để giúp nhận biết rõ thực trạng các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đề nghị quý Ông (Bà) vui lòng cho biết các đánh giá của mình về thực trạng đó bằng cách đánh dấu ✓ hoặc cho điểm (với mức độ tốt nhất là 4Đ và thấp nhất là 1Đ) vào các cột và dòng tương ứng ở các bảng dưới đây.

1. Hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra

TT	Các hoạt động cụ thể về điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thành lập Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR nghề đào tạo của trường với các thành phần theo quy định tại công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH, ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT.				
2	Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra nghề đào tạo của trường tổ chức các phiên họp để thống nhất mục tiêu, giao nhiệm vụ thu thập thông tin, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra các nghề đào tạo.				
3	Các khoa tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên,… để dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra.				
4	Các khoa gửi dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra để lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, cựu sinh viên và các thành phần tham gia đào tạo khác của trường.				
5	Hội đồng KH&ĐT khoa hoàn thiện dự thảo điều chỉnh và bổ sung CĐR trên cơ sở phân tích ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên… và báo cáo Hội đồng KH&ĐT trường.				
6	Hội đồng KH&ĐT trường tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra của tất cả các nghề đào tạo được các khoa hoặc tổ bộ môn trình hiệu trưởng ký ban hành.				
7	Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR nghề đào tạo của trường thực hiện việc công bố CĐR trên trang Website và các phương tiện thông tin khác				
8	Thực hiện điều chỉnh và bổ sung định kỳ chuẩn đầu ra, nhằm đáp ứng cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, sự phát triển của KH&CN và đặc biệt là đáp ứng nhu cầu xã hội, yêu cầu của các nhà tuyển dụng theo từng thời kỳ.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên *(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

2. Hoạt động phát triển chương trình đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về phát triển chương trình đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thành lập, họp Ban phát triển chương trình đào tạo của trường để đưa ra các ý kiến hoàn thiện chương trình đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra cho từng nghề đào tạo.				
2	Thành lập, họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của trường để tư vấn cho việc ký và ban hành chương trình đào tạo.				
3	Thực hiện ban hành các chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra (đã hoàn thiện trên cơ sở góp ý của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.				
4	Thành lập tại mỗi khoa Ban phát triển chương trình chi tiết cho mỗi môn học/ mô đun theo chuẩn đầu ra và họp ban đó để thống nhất các vấn đề cần hoàn thiện chương trình chi tiết.				
5	Ban phát triển chương trình chi tiết xác định các vấn đề cần hoàn thiện về mục tiêu kiến thức, kỹ năng (cứng, mềm) và yêu cầu thái độ đối với từng môn học hoặc mô đun trên cơ sở chương trình đào tạo.				
6	Ban phát triển chương trình chi tiết xác định các vấn đề cần hoàn thiện về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, phương tiện và điều kiện triển khai chương trình chi tiết trên cơ sở mục tiêu đã có.				
7	Ban phát triển chương trình chi tiết xác định vấn đề cần hoàn thiện về phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên cơ sở mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức, phương tiện và điều kiện đã xác định.				
8	Thành lập và họp Hội đồng thẩm định chương trình chi tiết của khoa để góp ý cho việc hoàn thiện từng chương trình chi tiết môn học/ mô đun và đề nghị Hiệu trưởng ký ban hành.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

3. Hoạt động tuyển sinh

TT	Các hoạt động cụ thể về tuyển sinh	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thực hiện xác định chỉ tiêu đào tạo trên cơ sở nhu cầu đào tạo, phù hợp năng lực đào tạo, với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực và theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở Trung ương				
2	Thực hiện quảng bá về chỉ tiêu xét tuyển (tuyển thẳng, cử tuyển) và thi tuyển theo quy định của Luật GDNN trên các phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện thông tin của trường.				
3	Thực hiện hình thức xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển; coi thi, chấm thi, xác định và thông báo điểm chuẩn hoặc các tiêu chí xét tuyển theo quy định trong Luật GDNN				
4	Hoạt động thông báo trúng tuyển và gửi giấy triệu tập sinh viên đến các thi sinh đã trúng tuyển các diện thi tuyển và xét tuyển theo quy đinh về hồ sơ thi cao đẳng theo quy định				
5	Thực hiện đón tiếp, thu nhận hồ sơ sinh viên mới nhập trường, giúp đỡ họ tìm nơi ăn, chỗ ở, biên chế lớp học và thực hiện các hoạt động tạo điều kiện ban đầu khác cho sinh viên mới tựu trường.				
6	Cán bộ quản lý các khoa gặp sinh viên, thông báo cho họ chức năng và nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, quy mô và chất lượng đào tạo, thành quả nghiên cứu KH&CN, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo của trường.				
7	Các khoa tổ chức cho CBQL, giảng viên chủ nhiệm lớp, cán bộ cố vấn học tập gặp gỡ sinh viên; phổ biến quy chế đào tạo, nội quy, và đặc biệt là chuẩn đầu ra (đã điều chỉnh, bổ sung) của từng nghề đào tạo.				
8	Các phòng chức năng (đào tạo, quản lý học sinh sinh viên …) và các tổ chức chính trị (Đảng và Đoàn thanh niên, Chi hội hội sinh viên, …) tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của tổ chức mình.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

4. Hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Hoạt động giảng viên tham gia Hội đồng phát triển chương trình chi tiết mỗi nghề đào tạo (điều chỉnh bổ sung về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các môn học/mô đun theo CĐR).				
2	Hoạt động lựa chọn giáo trình hoặc soạn giáo trình mới, sưu tầm tài liệu tham khảo cho các môn học/mô đun mà người giảng viên đảm nhận giảng dạy theo chương trình chi tiết đã có.				
3	Hoạt động soạn kế hoạch giảng dạy (giáo án) theo chương trình chi tiết môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo theo hướng phát triển năng lực người học.				
4	Hoạt động giảng dạy lý thuyết trên lớp theo kế hoạch giảng dạy (giáo án) môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo.				
5	Hoạt động hướng dẫn sinh viên thực hành tại phòng thí nghiệm hoặc xưởng thực hành theo kế hoạch giảng dạy các môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo.				
6	Hoạt động tham gia hướng dẫn sinh viên thực tập nghề tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch giảng dạy môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo.				
7	Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học tập và sau khi kết thúc môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận giảng dạy trong quá trình triển khai khóa đào tạo.				
8	Hoạt động nghiên cứu KH&CN và ứng dụng các thành quả nghiên cứu KH&CN vào giảng dạy môn học/mô đun mà giảng viên đã đảm nhận giảng dạy trong quá trình triển khai khóa đào tạo.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

5. Thực trạng hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Hoạt động thiết lập kế hoạch học tập cá nhân (lý thuyết, thực hành) đối với môn học/ mô đun theo học kỳ, năm học và khóa học phù hợp với kế hoạch khóa học của trường.				
2	Hoạt động học tập các giờ lý thuyết trên lớp đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo theo đúng các quy định về nề nếp học tập trong quy chế đào tạo.				
3	Hoạt động thực hành tại phòng thí nghiệm hoặc xưởng trường đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để rèn luyện các kỹ năng và hình thành thái độ theo yêu cầu của chuẩn đầu ra.				
4	Hoạt động tự học, tự nghiên cứu tại thư viện, ở ký túc xá hoặc ở nhà riêng đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để tích lỹ kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ theo của chuẩn đầu ra				
5	Hoạt động thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch đào tạo của trường để đạt tới các yêu cầu về năng lực, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra.				
6	Hoạt động tham gia nghiên cứu KH&CN, hội thi sáng tạo nghề nghiệp của trường, của ngành và của một số nước trong khu vực để bổ trợ kiến thức, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra.				
7	Hoạt động tham gia vào các hoạt động truyền thống, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động xã hội ở địa phương để bổ trợ về kiến thức, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra.				
8	Hoạt động tự đánh giá về kết quả học tập, rèn luyện của bản thân theo các tiêu chí đã xác định trong CĐR khóa đào tạo đã được nhà trường công bố.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

6. Hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về đảm bảo CSVC&TBĐT	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Hoạt động xác định nhu cầu sử dụng các công trình xây dựng, mua sắm, trang bị TBĐT phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo CĐR.				
2	Hoạt động đánh giá thực trạng số lượng và chất lượng các công trình xây dựng, mua sắm, trang bị TBĐT so với nhu cầu quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.				
3	Hoạt động huy động nguồn lực vật chất từ các nguồn khác nhau (ngân sách nhà nước; đầu tư của các tổ chức, cá nhân; học phí, lệ phí; hợp tác đào tạo, KH&CN sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; tài trợ, viện trợ).				
4	Hoạt động xây dựng các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm, trang bị TBĐT phục vụ cho quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình triển khai khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra.				
5	Hoạt động hướng dẫn tính năng, tác dụng, cách thức vận hành trong sử dụng CSVC&TBĐT vào hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.				
6	Hoạt động của giảng viên, sinh viên và của các phòng chức năng trong bảo quản, thanh lý CSVC&TBĐT theo đúng quy chuẩn kỹ thuật và quy định quản lý tài sản trong quá trình đào tạo theo CĐR.				
7	Hoạt động phát triển về số lượng, cơ cấu, chất lượng CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa phù hợp với chương trình đào tạo và các chương trình chi tiết trong đào tạo theo chuẩn đầu ra				
8	Hoạt động phục vụ đầy đủ và kịp thời về CSVC&TBĐT cho hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập của CBQL, giáo dục và sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên khác ☐

7. Hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Hoạt động xây dựng môi trường văn hóa nhà trường với hệ thống những niềm tin, giá trị, chuẩn mực xử sự, kỳ vọng, thói quen, truyền thống và thương hiệu mà mọi thành viên của trường đồng thuận hướng tới				
2	Hoạt động tạo dựng môi trường pháp lý công khai, minh bạch, mọi người quản lý và bị quản lý đồng thuận với mục tiêu đào tạo theo CĐR và cùng nỗ lực thực hiện mục tiêu đào tạo.				
3	Hoạt động huy động mọi lực lượng giáo dục và đào tạo trong trường (các tổ chức chính trị và các đoàn thể…) xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia vào quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra				
4	Hoạt động huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp tham gia vào xây dựng, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo				
5	Hoạt động huy động các cựu sinh viên của nhà trường tham gia vào xây dựng, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.				
6	Hoạt động liên kết và hợp tác với các cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước trong để góp ý xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia triển khai quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.				
7	Hoạt động tranh thủ sự quản lý của ngành, chính quyền địa phương để góp ý, phê duyệt CĐR và giúp đỡ nhà trường trong triển khai quá trình đào tạo theo CĐR				
8	Hoạt động hạn chế các tác động bất thuận của địa hình, thời tiết, khí hậu, dịch bệnh và các tệ nạn xã hội đối với quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của nhà trường.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên khác ☐

8. Hoạt động đánh giá kết quả đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về đánh giá kết quả đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Hoạt động xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo (kết quả học tập từng môn học/ mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên) trên cơ sở cụ thể hóa chuẩn đầu ra nghề đào tạo đã công bố.				
2	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin các tiêu chí về kết quả học tập từng môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên trên cơ sở vận dụng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo đã xác định.				
3	Hoạt động đánh giá kết quả từng khâu và kết quả tổng thể của quá trình đào tạo trên cơ sở so sánh các kết quả đào tạo đã đạt được với các yêu cầu của chuẩn đầu ra nghề đào tạo.				
4	Hoạt động tự giác và tích cực tham gia các hoạt động đánh giá trong về chất lượng khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra của các khoa, bộ môn trực thuộc và các phòng chức năng.				
5	Hoạt động tự giác và tích cực tham gia và hỗ trợ các hoạt động đánh giá ngoài về chất lượng khóa đào tạo theo chuẩn đầu ra của các tổ chức, cơ quan có trách nhiệm kiểm định đào tạo.				
6	Hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong trường nhận biết các thành tựu, các kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch đổi mới các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra theo kết luận của tổ chức kiểm định.				
7	Hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong trường phát huy thành quả của các mặt tốt (các thành tựu đào tạo) để tiếp tục duy trì trong quá trình đào tạo theo CĐR đối với các khóa đào tạo tiếp theo.				
8	Hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện đổi mới các hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra nghề đào tạo đối với các khóa đào tạo tiếp theo.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

9. Các hoạt động đổi mới đào tạo sau khóa đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Hoạt động thu thập các thông tin tự đánh giá của các cựu sinh viên đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của họ theo chuẩn đầu ra				
2	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin đánh giá của các tổ chức chính trị, đoàn thể và chính quyền địa phương đối với mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của *"sản phẩm đào tạo"* theo chuẩn đầu ra				
3	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin đánh giá của cơ quan quản lý ngành đối với mức độ đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của *"sản phẩm đào tạo"* nhà trường theo chuẩn đầu ra				
4	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về kiến thức của cựu sinh viên theo từng vị trí việc làm.				
5	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các kỹ năng của sinh viên theo từng vị trí việc làm.				
6	Hoạt động thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các yêu cầu thái độ của sinh viên theo từng vị trí việc làm.				
7	Hoạt động điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện nội dung của chuẩn đầu ra nghề đào tạo theo ý kiến tự đánh giá của cựu sinh viên, của ngành, của địa phương và đặc biệt là của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.				
8	Hoạt động điều chỉnh, bổ sung CĐR, cải tiến mục tiêu, chương trình và giáo trình, phương pháp và hình thức, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo để áp dung cho các khóa đào tạo tiếp theo.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên khác ☐

Nếu không có gì trở ngại đề nghị quý Ông (Bà) cho biết:

- Họ và tên: .....
- Chức vụ và nơi công tác:.....

.....

.....

.....

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác quý báu của Quý Ông (Bà)

Phụ lục 3
PHIẾU XIN Ý KIẾN VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Để giúp nhận biết thực trạng quản lý hoạt động đào tạo theo chuẩn đầu ra tại các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đề nghị quý Ông (Bà) vui lòng cho biết các đánh giá của mình về thực trạng đó bằng cách đánh dấu ✓ hoặc cho điểm (với mức độ tốt nhất là 4Đ và thấp nhất là 1Đ) vào các cột ở bảng dưới đây.

1. Quản lý hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR trước khi triển khai khoá đào tạo				
2	Tổ chức, chỉ đạo thành lập Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR theo quy định tại công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT.				
3	Tổ chức, chỉ đạo Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra họp để thống nhất mục tiêu, nhiệm vụ thu thập thông tin, điều chỉnh, bổ sung CĐR các nghề đào tạo.				
4	Tổ chức, chỉ đạo các khoa hội thảo lấy ý kiến của các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động,… để dự thảo văn bản điều chỉnh và bổ sung CĐR				
5	Tổ chức, chỉ đạo các khoa hoàn thiện dự thảo điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trên cơ sở phân tích ý kiến phản hồi đã nhận được và báo cáo Hội đồng KH&ĐT trường.				
6	Tổ chức, chỉ đạo Hội đồng KH&ĐT trường hội thảo lấy ý kiến đóng góp cho văn bản dự thảo điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra để trình hiệu trưởng ký ban hành.				
7	Tổ chức, chỉ đạo Ban điều chỉnh, bổ sung và công bố chuẩn đầu ra cùng các nội dung điều chỉnh và bổ sung trên Website và các phương tiện thông tin khác.				
8	Tổ chức, chỉ đạo các đơn vị chức năng điều chỉnh và bổ sung định kỳ CĐR cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, sự phát triển của KH&CN và đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.				
9	Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động điều chỉnh, bổ sung và công bố CĐR nghề đào tạo để kịp thời có các quyết định quản lý phát huy mặt tốt, uốn nắn các lệch lạc và xử lý sai phạm.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

2. Quản lý hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về phát triển chương trình đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của khoá đào tạo.				
2	Tổ chức, chỉ đạo việc thành lập Ban phát triển chương trình đào tạo tại các khoa để thực hiện hoàn thiện chương trình nghề đào tạo theo CĐR đã công bố.				
3	Tổ chức và chỉ đạo Ban phát triển chương trình đào tạo dự thảo và thẩm định văn bản điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong CĐR đã công bố;				
4	Tổ chức, chỉ đạo thành lập Ban phát triển chương trình chi tiết môn học/mô đun của các khoa để hoàn thiện các chương trình chi tiết trên cơ sở chương trình đào tạo đã có.				
5	Tổ chức, chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh, bổ sung mục tiêu của mỗi môn học/mô đun gắn với các yêu cầu của chuẩn đầu ra đã công bố.				
6	Tổ chức, chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh, bổ sung nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức mỗi môn học/mô đun theo yêu cầu của CĐR				
7	Tổ chức, chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh, bổ sung phương tiện và điều kiện dạy học mỗi môn học/mô đun theo yêu cầu của CĐR đã công bố.				
8	Tổ chức, chỉ đạo Ban phát triển chương trình chi tiết điều chỉnh, bổ sung phương thức kiểm tra đánh giá học tập mỗi môn học/ mô đun theo yêu cầu của CĐR				
9	Thường xuyên kiểm tra và đánh giá các hoạt động phát triển chương trình nghề đào tạo và chương trình chi tiết để kịp thời có các quyết định phát huy mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và xử lý sai phạm.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

3. Quản lý hoạt động tuyển sinh

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về tuyển sinh	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động tuyển sinh của khoa đào tạo theo các phương thức đã được nhà trường lựa chọn theo quy định trong quy chế tuyển sinh.				
2	Tổ chức, chỉ đạo xác định chỉ tiêu đào tạo trên cơ sở nhu cầu xã hội; phù hợp năng lực đào tạo, với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực và theo quy định của cấp trên				
3	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động quảng bá chỉ tiêu xét tuyển (tuyển thẳng, cử tuyển) và thi tuyển theo quy định trên các phương tiện thông tin đại chúng và của trường.				
4	Tổ chức, chỉ đạo xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển; coi thi, chấm thi, xác định và thông báo điểm chuẩn hoặc các tiêu chí xét tuyển				
5	Tổ chức, chỉ đạo thông báo trúng tuyển và gửi giấy triệu tập đến các thi sinh đã trúng tuyển theo quy đinh về hồ sơ thi cao đẳng của các cơ quan quản lý cấp trên.				
6	Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động đón tiếp, thu nhận hồ sơ sinh viên mới nhập trường, giúp đỡ họ nơi ăn, chỗ ở, biên chế lớp học và tạo điều kiện ban đầu cho sinh viên mới				
7	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động thông báo cho sinh viên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quy mô, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo				
8	Tổ chức, chỉ đạo các khoa tổ chức cho CBQL, giảng viên, cán bộ cố vấn học tập gặp gỡ sinh viên; phổ biến quy chế đào tạo, nội quy, và đặc biệt là CĐR nghề đào tạo				
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động tuyển sinh đầu khóa học để có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và xử lý các sai phạm.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

4. Quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong quá trình đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động của giảng viên được phân công giảng dạy các môn học/ mô đun trong quá trình triển khai khoá đào tạo.				
2	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên giảng dạy các môn học/mô đun lựa chọn giáo trình, hoàn thiện giáo trình đã có hoặc soạn giáo trình mới, sưu tầm tài liệu tham khảo				
3	Tổ chức, chỉ đạo thành lập và họp các Hội đồng thẩm định giáo trình mới và Hội đồng nghiệm thu giáo trình mới để trình ký quyết định ban hành sử dụng trong đào tạo.				
4	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên soạn kế hoạch giảng dạy (giáo án) theo chương trình chi tiết môn học/ mô đun mà giảng viên đảm nhận trong quá trình triển khai khóa đào tạo.				
5	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên giảng dạy lý thuyết, thực hành theo kế hoạch giảng dạy (giáo án) môn học/mô đun mà họ đã đảm nhận trong triển khai quá trình khóa đào tạo.				
6	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập nghề tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch của khóa đào tạo đã có				
7	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học tập và sau khi kết thúc môn học/ mô đun trong quá trình dạy học				
8	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành quả nghiên cứu KH&CN vào giảng dạy trong quá trình triển khai khóa đào tạo.				
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên để có quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

5. Quản lý hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động học tập và các hoạt động bổ trợ cho hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra				
2	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên thiết lập kế hoạch học tập cá nhân đối với môn học/ mô đun theo học kỳ, năm học và khóa học phù hợp với kế hoạch khóa học của trường.				
3	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên học tập các giờ lý thuyết đối với mỗi môn học/ mô đun trong chương trình đào tạo theo đúng các quy định trong quy chế đào tạo.				
4	Tổ chức và chỉ đạo sinh viên thực hành tại phòng thí nghiệm hoặc phòng thực hành đối với mỗi môn học/mô đun trong chương trình đào tạo để rèn luyện các kỹ năng và hình thành thái độ theo yêu cầu của CĐR;				
5	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên tự học tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá hoặc nhà riêng để tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ theo CĐR.				
6	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo kế hoạch đào tạo để đạt tới yêu cầu năng lực, kỹ năng và thái độ theo CĐR.				
7	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên nghiên cứu KH&CN, tham gia hội thi sáng tạo nghề nghiệp của trường, ngành và quốc tế để bổ trợ kiến thức, kỹ năng và thái độ theo CĐR.				
8	Tổ chức, chỉ đạo sinh viên tự đánh giá về kết quả học tập, rèn luyện của bản thân theo các tiêu chí đã xác định trong CĐR khóa đào tạo đã được công bố.				
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động học tập của sinh viên để có quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý sai phạm.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

6. Quản lý các hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về đảm bảo CSVC&TBĐT	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo phục vụ cho quản lý, giảng dạy và học tập của khoá đào tạo				
2	Tổ chức, chỉ đạo các phòng chức năng, khoa hoặc tổ bộ môn xác định nhu cầu sử dụng kinh phí, CSVC&TBĐT phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập				
3	Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động đánh giá thực trạng về kinh phí, số lượng và chất lượng CSVC&TBĐT so với nhu cầu sử dụng trong quản lý, giảng dạy và học tập				
4	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động huy động nguồn lực vật chất từ ngân sách, sự đầu tư của các tổ chức, cá nhân; học phí, lệ phí tuyển sinh; hợp tác đào tạo, KH&CN sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; tài trợ, viện trợ.				
5	Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động xây dựng các nhà xưởng, dự trù và mua sắm TBĐT phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo theo CĐR.				
6	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động hướng dẫn tính năng, tác dụng, cách thức vận hành CSVC&TBĐT vào hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo				
7	Tổ chức, chỉ đạo giảng viên, sinh viên và của các phòng chức năng bảo quản, thanh lý CSVC&TBĐT theo đúng quy chuẩn kỹ thuật và quy định quản lý tài sản của Nhà nước				
8	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động phát triển về số lượng, cơ cấu, chất lượng CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa phù hợp với yêu cầu đào tạo theo CĐR				
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động về CSVC&TBĐT để có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

7. Quản lý hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về hoạt động phát huy và hạn chế tác động của môi trường đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động tạo dựng môi trường thuận lợi phát huy thế mạnh và hạn chế các bất thuận của môi trường đào tạo theo CĐR				
2	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động xây dựng môi trường văn hóa với hệ thống những niềm tin, giá trị, chuẩn mực xử sự, kỳ vọng, thói quen, truyền thống và thương hiệu của trường				
3	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động tạo dựng môi trường pháp lý công khai, minh bạch, mọi người quản lý và bị quản lý đồng thuận và và nỗ lực thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra				
4	Tổ chức, chỉ đạo việc huy động mọi lực lượng giáo dục và đào tạo trong trường để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia vào quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra				
5	Tổ chức, chỉ đạo việc huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các cựu sinh viên tham gia vào xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia quá trình đào tạo				
6	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động liên kết và hợp tác với các cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước để góp ý xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và tham gia triển khai quá trình đào tạo theo CĐR				
7	Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động tranh thủ sự lãnh đạo và quản lý của Ngành và chính quyền địa phương để góp ý, phê duyệt chuẩn đầu ra và giúp đỡ trường trong triển khai quá trình đào tạo				
8	Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động nhằm hạn chế các tác động bất thuận từ môi trường tự nhiên và xã hội đối với quá trình đào tạo theo CĐR của nhà trường.				
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động tạo dựng môi trường đào tạo để có quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và xử lý các sai phạm.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

8. Quản lý hoạt động đánh giá kết quả đào tạo

TT	Các hoạt động quản lý cụ thể về đánh giá kết quả đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo và tham gia kiểm định ngoài				
2	Tổ chức, chỉ đạo xây dưng các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo (từng môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên) trên cơ sở nội dung của CĐR nghề đào tạo				
3	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động thu thập và xử lý các thông tin về kết quả đào tạo theo các các tiêu chí đánh giá môn học/mô đun và thi tốt nghiệp của sinh viên				
4	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động đánh giá kết quả từng khâu và kết quả tổng thể của quá trình đào tạo bằng cách so sánh các kết quả đó với các tiêu chí đánh giá đã xác định				
5	Tổ chức, chỉ đạo các khoa, bộ môn trực thuộc và các phòng chức năng trong trường tự giác và tích cực thực hiện đánh giá trong về chất lượng khóa đào tạo theo CĐR				
6	Tổ chức, chỉ đạo mọi đơn vị, cá nhân trong trường thảo luận để nhận biết kết quả, kinh nghiệm xây dựng kế hoạch đổi mới đào tạo theo kết luận của đánh giá ngoài.				
7	Tổ chức, chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường phát huy mặt tốt (các thành tựu đào tạo), tiếp tục duy trì trong quá trình đào tạo theo CĐR cho các khóa đào tạo tiếp theo.				
8	Tổ chức, chỉ đạo mọi đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện đổi mới hoặc cải tiến các hoạt động đào tạo theo kế hoạch cho các khóa đào tạo tiếp theo.				
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động đánh giá kết quả đào tạo để có các quyết định quản lý nhằm phát huy các mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

9. Quản lý các hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo

TT	Các hoạt động cụ thể về quản lý hoạt động đổi mới đào tạo sau mỗi khóa đào tạo	Các mức độ đánh giá			
		Tốt (4Đ)	Khá (3Đ)	Trung bình (2Đ)	Còn yếu (1Đ)
1	Thiết lập kế hoạch triển khai các hoạt động sau khoá đào tạo nhằm đổi mới công tác đào tạo cho các khoá đào tạo tiếp theo.				
2	Tổ chức, chỉ đạo thu thập, xử lý thông tin tự đánh giá của cựu sinh viên mức độ đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp (khi so sánh với CĐR)				
3	Tổ chức, chỉ đạo thu thập, xử lý các thông tin đánh giá của cơ quan quản lý ngành về mức độ đáp ứng yêu cầu về của "sản phẩm đào tạo" (khi so sánh với CĐR)				
4	Tổ chức, chỉ đạo thu thập, xử lý thông tin đánh giá của các tổ chức, cơ quan và chính quyền địa phương về mức độ đáp ứng yêu cầu của "sản phẩm đào tạo" (khi so sánh với chuẩn đầu ra)				
5	Tổ chức, chỉ đạo thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp về đối với mức độ đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo từng vị trí việc làm.				
6	Tổ chức, chỉ đạo thu thập và xử lý các thông tin từ cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra về các yêu cầu thái độ của họ theo từng vị trí việc làm;				
7	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện nội dung CĐR nghề đào tạo theo ý kiến tự đánh giá của cựu sinh viên, của ngành, của địa phương và đặc biệt là của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.				
8	Tổ chức, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung, nhằm đổi mới mục tiêu, chương trình, phương pháp và hình thức đào tạo, CSVC&TBĐT, môi trường đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo để áp dung cho các khóa đào tạo tiếp theo.				
9	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động sau khóa đào tạo để có các quyết định quản lý nhằm phát huy mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc và xử lý các sai phạm.				

Đề nghị quý Ông (Bà) cho biết nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn yếu của các hoạt động trên*(đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)*

Nguyên nhân thuộc về công tác quản lý của các nhà quản lý ☐

Nguyên nhân thuộc về các hoạt động thực thi của thuộc cấp ☐

Các nguyên nhân khác ☐

Nếu không có gì trở ngại đề nghị quý Ông (Bà) cho biết:

- Họ và tên: .....

- Chức vụ và nơi công tác:.....

.....

.....

.....

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác quý báu của Quý Ông (Bà)

Phụ lục 4

PHIẾU XIN Ý KIẾN

(Về mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ NN&PTNT)

Để giúp nhận biết được mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xin Ông (Bà) vui lòng đánh giá các mức độ đó đối với mỗi giải pháp dưới đây bằng cách đánh dấu ✓ hoặc cho điểm (Đ) vào cột ở các bảng dưới đây (Rất cần thiết: 2 Đ; Cần thiết: 1 Đ; Không cần thiết: 0 Đ).

1. Mức độ cần thiết của các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra

TT	Các giải pháp quản lý	Mức độ		
		Rất cần thiết (2Đ)	Cần thiết (1Đ)	Không cần thiết (0 Đ)
1	Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo			
2	Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo			
3	Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng chuẩn đầu ra			
4	Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra			
5	Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành nghề đào tạo			
6	Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường			

Các ý kiến khác của Ông (Bà) nếu có:

.....

.....

.....

.....

2. Mức độ tính khả thi của các giải pháp quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra

TT	Các giải pháp quản lý	Mức độ		
		Rất khả thi (2Đ)	Khả thi (1Đ)	Không khả thi (0 Đ)
1	Huy động trí tuệ các nhà khoa học, nhà quản lý của nhà trường và các doanh nghiệp để điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra trước khi triển khai khóa đào tạo			
2	Tổ chức hoạt động phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo			
3	Tập trung tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng lực giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực sinh viên để đáp ứng chuẩn đầu ra			
4	Tăng cường chỉ đạo các hoạt động đảm bảo phương tiện và điều kiện vật chất cho quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra			
5	Thường xuyên chỉ đạo việc cải tiến các hoạt động đào tạo nghề trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành nghề đào tạo			
6	Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực quản lý đào tạo theo chuẩn đầu ra cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của trường			

Các ý kiến khác của Ồng (Bà) nếu có:

.....

.....

.....

Nếu không có gì trở ngại, xin Ông (Bà) cho biết:

- Họ và tên:.....
- Chức vụ và nơi công tác: .....

.....

Xin trân trọng cảm ơn sự công tác và giúp đỡ quý báu của qúy Ông(Bà)!

Phụ lục 5

BẢNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM VỀ GIẢNG DẠY THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SINH VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA

Đề nghị quý Ông (Bà) lựa chọn một đáp án đúng trong các đáp án A, hoặc B, hoặc C đã có trong từng câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu ✓ vào cột bên phải của mỗi đáp án đó?

Câu hỏi 1. ***Những nhiệm vụ và giải pháp then chốt để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay?***

Các đáp án		Trả lời
A	Đổi mới tư duy giáo dục; Đổi mới quản lý giáo dục; Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục.	
B	Đổi mới quản lý giáo dục; Đổi mới kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục.	
C	Đổi mới quản lý giáo dục; phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; Đổi mới kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục.	

Câu hỏi 2. ***Những nhiệm vụ và giải pháp đột phá để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay?***

Các đáp án		Trả lời
A	Đổi mới tư duy giáo dục; Đổi mới quản lý giáo dục; Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục.	
B	Đổi mới quản lý giáo dục; phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; Đổi mới kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục.	
C	Đổi mới kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục.	

Câu hỏi 3. ***Yêu cầu chuyển đổi mạnh nhất đối với quá trình giáo dục để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn hiện nay?***

Các đáp án		Trả lời
A	Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng.	
B	Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.	
C	Chuyển sự quản lý của Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo sang hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục và đào tạo	

Câu hỏi 4. ***Những điều được coi là cam kết bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục và đào tạo; được coi là căn cứ giám sát, đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo?***

Các đáp án		Trả lời
A	Xác định được năng lực thực hiện của người học của từng chuyên ngành đào tạo và tổ chức đào tạo theo các năng lực thực hiện đó.	
B	Trên cơ sở mục tiêu đổi mới giáo dục và đào tạo, xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo.	
C	Chất lượng đào tạo thể hiển ở các tiêu chí kiến thức, kỹ năng và thái độ người học qua kiểm tra, đánh giá của cơ sở đào tạo.	

Câu hỏi 5. ***Điều cần thiết nhất trong đổi mới việc xác định mục tiêu đào tạo theo chuẩn đầu ra của các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay?***

Các đáp án		Trả lời
A	Xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo.	
B	Tập trung vào mục tiêu phát triển năng lực người học để sau khi ra trường họ đáp ứng được các yêu cầu của nghề nghiệp.	
C	Tập trung vào mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề.	

Câu hỏi 6. ***Năng lực của sinh viên trong đào tạo được hiểu như thế nào?***

Các đáp án		Trả lời
A	Là khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết nhiệm vụ học tập và các tình huống trong thực tiễn.	
B	Là khả năng vận dụng kỹ năng bản thân vào giải quyết nhiệm vụ học tập và các tình huống trong thực tiễn.	
C	Là khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ vào giải quyết nhiệm vụ học tập và các tình huống trong thực tiễn.	

Câu hỏi 7. ***Các yếu tố cấu thành năng lực của một sinh viên trong đào tạo?***

Các đáp án		Trả lời
A	Kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên sau khi họ được đào tạo (kết thúc khóa đào tạo).	
B	Các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm của sinh viên sau khi đào tạo đối với thực hành nghề nghiệp.	
C	Những tri thức lý luận và hoạt động thực tiễn của sinh viên sao đào tạo trong thực thi nghề nghiệp.	

Câu hỏi 8. ***Những năng lực chung phải có của sinh viên khi xác định mục tiêu đào tạo?***

Các đáp án		Trả lời
A	Năng lực tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực tính toán; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.	
B	Năng lực tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực tính toán; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.	
C	Năng lực tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác.	

Câu hỏi 9: ***Các năng lực cụ thể của giảng viên trường cao đẳng nghề?***

Các đáp án		Trả lời
A	Năng lực giảng dạy chuyên môn; Năng lực nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; Năng lực nghiên cứu khoa học.	
B	Năng lực nhậm biết các kiến thức chuyên môn; Năng lực vận dụng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; Năng lực phát triển nghề nghiệp.	
C	Năng lực chuyên môn; Năng lực sư phạm dạy nghề; Năng lực phát triển nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học.	

Câu hỏi 10. ***Năng lực sư phạm dạy nghề của giảng viên cao đẳng nghề được thể hiện ở các tiêu chí nào?***

Các đáp án		Trả lời
A	Trình độ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, thời gian tham gia giảng dạy; Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; Triển khai giảng dạy; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục; Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập; Hoạt động xã hội.	
B	Trình độ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; Thời gian tham gia giảng dạy; Chuẩn bị hoạt động giảng dạy; Thực hiện hoạt động giảng dạy; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; Quản lý hồ sơ dạy học; Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục; Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập; Hoạt động xã hội.	
C	Chuẩn bị hoạt động giảng dạy; Thực hiện hoạt động giảng dạy; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục; Quản lý người học, xây dựng môi trường giáo dục, học tập; Hoạt động xã hội	

Câu hỏi 11. ***Thế nào là chuẩn đầu ra một ngành, nghề đào tạo?***

Các đáp án		Trả lời
A	Chuẩn đầu ra là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo.	
B	Chuẩn đầu ra là sự khẳng định người học làm được những gì và kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi mà họ phải đạt được khi tốt nghiệp ở một ngành đào tạo hoặc ở một chương trình đào tạo.	
C	Chuẩn đầu ra là sự khẳng định người học có khả năng làm được những gì và có được kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi nào khi tốt nghiệp ở một ngành đào tạo hoặc ở một chương trình đào tạo.	

Câu hỏi 12. ***Mục đích xác định chuẩn đầu ra trong đào tạo nguồn nhân lực?***

Các đáp án		Trả lời
A	- Công khai với xã hội về năng lực đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng; - Thực hiện những cam kết của nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo; - Đổi mới quản lý đào tạo, phương pháp dạy học giảng dạy, kiểm tra đánh giá; - Công khai để người học biết các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành, một trình độ về chuẩn năng lực nghề nghiệp. - Tăng cường gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực.	
B	- Công khai với xã hội về chất lượng đào tạo; - Cam kết của nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo; - Đổi mới quản lý mọi hoạt động trong đào tạo. - Người học biết sẽ được trang bị gì về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề. - Tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực.	
C	- Công khai với xã hội về năng lực đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng để: người học, phụ huynh, nhà tuyển dụng biết và giám sát; - Thực hiện những cam kết của nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo để CBQL, giảng viên và người học nỗ lực vươn lên trong quản lý, giảng dạy và học tập.	

	- Đổi mới quản lý đào tạo, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; đồng thời, xác định rõ nghĩa vụ và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ CBQL, giảng viên và nhân viên trong quản lý, giảng dạy, phục vụ giảng dạy nhằm giúp người học đạt chuẩn đầu ra. - Công khai để người học biết các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành, một trình độ về chuẩn năng lực nghề nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. - Tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.	

Câu hỏi 13. ***Các yêu cầu cơ bản của chuẩn đầu ra một ngành, nghề đào tạo?***

Các đáp án		Trả lời
A	- Tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp; - Kỹ năng cứng và kỹ năng mềm trong thực thi nghề nghiệp; - Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ.	
B	- Kiến thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp,… - Thái độ: Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ; Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.	
C	- Kiến thức: tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp,… - Kỹ năng cứng (Kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề,…); kỹ năng mềm (Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, …) - Thái độ: Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ; Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.	

Câu hỏi 14. ***Các điều kiện đảm bảo cho đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Chương trình đào tạo, thư viện giáo trình, cơ sở vật chất thiết bị, thí nghiệm, thực hành, thực tập, đội ngũ CBQL và giảng viên, phương pháp và hình thức giảng dạy, thi kiểm tra, đánh giá, liên kết giữa trường với doanh nghiệp và các hoạt động xã hội nghề nghiệp khác.	

B	Chương trình đào tạo, cơ sở vật chất thiết bị thí nghiệm và thực hành, đội ngũ giảng viên, thi kiểm tra và đánh giá, vai trò của các doanh nghiệp và các hoạt động xã hội nghề nghiệp khác.	
C	Chương trình đào tạo, cơ sở vật chất thiết bị, thí nghiệm, thực hành, thực tập, đội ngũ giảng viên, thi kiểm tra, đánh giá, liên kết giữa trường với doanh nghiệp và các hoạt động xã hội nghề nghiệp khác.	

Câu hỏi 15. ***Dạy học theo tiếp cận năng lực người học được hiểu như thế nào?***

Các đáp án		Trả lời
A	Quá trình truyền đạt và lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ để người học có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và thái độ một cách hợp lý để thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập, đồng thời giải quyết hiệu quả những vấn đề thực tiễn trong cuộc sống.	
B	Quá trình cộng tác của người dạy và người học nhằm truyền đạt và lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ để người học có khả năng vận dụng liên kết tổ hợp những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và thái độ một cách hợp lý để thực hiện tốt các nhiệm vụ đặt ra trong quá trình học tập, đồng thời giải quyết hiệu quả những vấn đề thực tiễn trong cuộc sống.	
C	Quá trình truyền đạt kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ để người học có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và thái độ một cách hợp lý để thực hiện tốt các nhiệm vụ đặt ra trong quá trình học tập, đồng thời giải quyết hiệu quả những vấn đề thực tiễn trong cuộc sống.	

Câu hỏi 16. ***Những biểu hiện chủ yếu về năng lực của giảng viên đối với phát triển chương trình đào tạo trong đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Khả năng chỉ ra đúng các tồn tại của chương trình nghề đào tạo đã có về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, điều kiện và phương tiện, thời lương thực hiện để đạt tới các mục tiêu trang bị kiến thức cho sinh viên theo chuẩn đầu ra; từ đó có các đề xuất bổ sung để hoàn thiện các yêu cầu đó.	
B	Khả năng chỉ ra đúng các tồn tại của chương trình nghề đào tạo đã có về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, điều kiện và phương tiện, thời lương thực hiện để đạt tới các mục tiêu trang bị kỹ năng cho sinh viên theo chuẩn đầu ra; từ đó có các đề xuất bổ sung để hoàn thiện các yêu cầu đó.	

C	Khả năng chỉ ra đúng các tồn tại của chương trình nghề đào tạo đã có về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, điều kiện và phương tiện, thời lương thực hiện để đạt tới các mục tiêu trang bị năng lực cho sinh viên theo chuẩn đầu ra; từ đó có các đề xuất bổ sung để hoàn thiện các yêu cầu đó.	

Câu hỏi 17. ***Dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học khác dạy học theo định hướng nội dung ở các điểm nào?***

Các đáp án		Trả lời
A	Khả năng nhận biết về quan niệm, mục tiêu dạy học, hình thức tổ chức dạy học, CSVC&TBDH, phương tiện và điều kiện dạy học, đánh giá kết quả dạy học theo chương trình định hướng nội dung với chương trình dạy học theo phát triển năng lực sinh viên.	
B	Khả năng nhận biết sự khác nhau về quan niệm, mục tiêu dạy học, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, CSVC&TBDH, phương tiện và điều kiện dạy học, đánh giá kết quả dạy học theo chương trình định hướng nội dung với chương trình dạy học theo phát triển năng lực sinh viên.	
C	Khả năng nhận biết sự khác nhau về quan niệm, mục tiêu dạy học, phương pháp dạy học, CSVC&TBDH, phương tiện và điều kiện dạy học, đánh giá kết quả dạy học theo chương trình định hướng nội dung với chương trình dạy học theo phát triển năng lực sinh viên.	

Câu hỏi 18. ***Những biểu hiện chủ yếu về năng lực của giảng viên đối với thiết lập mục tiêu môn học/mô đun trong đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Khả năng lựa chọn các năng lực chung và năng lực chuyên biệt của sinh viên phải có được trong chương trình chi tiết môn học/ mô đun để góp phần làm cho sinh viên đạt được các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ như quy định của chuẩn đầu ra.	
B	Khả năng lựa chọn các năng lực chung của sinh viên phải có được trong chương trình chi tiết môn học/ mô đun để góp phần làm cho sinh viên đạt được các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ như quy định của chuẩn đầu ra.	
C	Khả năng lựa chọn các năng lực chuyên biệt của sinh viên phải có được trong chương trình chi tiết môn học/ mô đun để góp phần làm cho sinh viên đạt được các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ như quy định của chuẩn đầu ra.	

Câu hỏi 19. ***Những biểu hiện chủ yếu về năng lực của giảng viên đối với lựa chọn nội dung giảng dạy theo định hướng nội dung của chương trình chi tiết môn học/ mô đun trong đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Khả năng lựa chọn nội dung kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau theo định hướng nội dung môn học/mô đun có trong chương trình chi tiết để sinh viên đạt được các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	
B	Khả năng lựa chọn nội dung kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau theo định hướng nội dung môn học/mô đun có trong chương trình chi tiết để sinh viên đạt được các kiến thức và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	
C	Khả năng lựa chọn nội dung kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau theo định hướng nội dung môn học/mô đun có trong chương trình chi tiết để sinh viên đạt được các kỹ năng và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	

Câu hỏi 20. ***Những biểu hiện chủ yếu về năng lực của giảng viên đối với lựa chọn và sở dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn học/mô đun trong đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Khả năng lựa chọn để sử dụng đúng các phương pháp dạy học để truyền đạt các nội dung môn học/mô đun đã được định hướng và lựa chọn để sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	
B	Khả năng lựa chọn để sử dụng các phương pháp dạy học để truyền đạt các nội dung môn học/mô đun đã được định hướng và lựa chọn để sinh viên có được các kiến thức, và yêu cầu thái độ theo quy định của CĐR.	
C	Khả năng lựa chọn để sử dụng đúng và có hiệu quả các phương pháp dạy học để truyền đạt các nội dung môn học/mô đun đã được định hướng và lựa chọn để sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	

Câu hỏi 21. ***Những biểu hiện chủ yếu về năng lực của giảng viên đối với lựa chọn và sử dụng thiết bị dạy học môn học/mô đun trong đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Khả năng lựa chọn các thiết bị dạy học lý thuyết, thực tập nghề nghiệp để sử dụng phù hợp với nội dung và phương pháp dạy học để sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	
B	Khả năng lựa chọn các thiết bị dạy học lý thuyết, các thiết bị kỹ thuật thực hành, thực tập nghề nghiệp để sử dụng phù hợp với nội dung và phương pháp dạy học để sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	
C	Khả năng lựa chọn các thiết bị dạy học lý thuyết, các thiết bị kỹ thuật thực hành để sử dụng phù hợp với nội dung và phương pháp dạy học để sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	

Câu hỏi 22. ***Những biểu hiện chủ yếu về năng lực của giảng viên đối với thiết lập môi trường dạy học môn học/mô đun trong đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Khả năng tạo dựng và tận dụng các lợi thế của môi trường giáo dục và đào tạo trong dạy học môn học/mô đun nhằm thực hiện có hiệu quả các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm làm cho sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	
B	Khả năng tạo dựng và tận dụng các lợi thế của môi trường giáo dục và đào tạo trong dạy học môn học/mô đun nhằm thực hiện có hiệu quả các phương pháp dạy học nhằm làm cho sinh viên có được các kiến thức và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	
C	Khả năng tạo dựng và tận dụng các lợi thế của môi trường giáo dục và đào tạo trong dạy học môn học/mô đun nhằm thực hiện có hiệu quả các hình thức tổ chức dạy học nhằm làm cho sinh viên có được các kỹ năng và yêu cầu thái độ theo quy định của chuẩn đầu ra.	

Câu hỏi 23. ***Những biểu hiện chủ yếu về năng lực của giảng viên đối với đánh giá kết quả học tập môn học/mô đun của sinh viên trong đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Khả năng xác định các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên trên cơ sở mục tiêu dạy học môn học/mô đun theo chuẩn đầu ra; khả năng lựa chọn các phương pháp thu thập và xử lý thông tin để đưa ra các nhận định chính xác về kết quả đó.	
B	Khả năng xác định các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên trên cơ sở mục tiêu dạy học môn học/mô đun theo chuẩn đầu ra; khả năng lựa chọn các phương pháp thu thập và xử lý thông tin để đánh giá chính xác kết quả học tập của sinh viên, đồng thời đưa ra các nhận định chính xác về kết quả đó.	
C	Khả năng xác định các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên trên cơ sở mục tiêu dạy học môn học/mô đun theo chuẩn đầu ra; khả năng lựa chọn các phương pháp thu thập và xử lý thông tin để đánh giá chính xác kết quả học tập của sinh viên.	

Câu hỏi 24. ***Những biểu hiện chủ yếu về năng lực của giảng viên đối với tham gia quản lý hoạt động tự học của sinh viên trong đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Khả năng chỉ ra đúng các hướng dẫn tự học cho sinh viên về yêu cầu kiến thức cần đạt được, các kỹ năng phải rèn luyện cần phải có khi thực hiện các hình thức tự học của sinh viên.	
B	Khả năng chỉ ra đúng các hướng dẫn tự học cho sinh viên về yêu cầu các kỹ năng phải rèn luyện, các thái độ cần phải có khi thực hiện các hình thức tự học của sinh viên.	
C	Khả năng chỉ ra đúng các hướng dẫn tự học cho sinh viên về yêu cầu kiến thức cần đạt được, các kỹ năng phải rèn luyện, các thái độ cần phải có khi thực hiện các hình thức tự học của sinh viên.	

Câu hỏi 25. ***Những biểu hiện chủ yếu về năng lực của giảng viên đối với nghiên cứu KH&CN để bổ trợ cho hoạt động giảng dạy trong đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Khả năng tham gia nghiên cứu các đề tài KH&CN trong đó có các nội dung bổ trợ cho hoạt động giảng dạy môn học/mô đun; khả năng vận dụng các kết quả nghiên cứu của các đề tài KH&CN vào hoạt động giảng dạy môn học/ mô đun.	
B	Khả năng tự nghiên cứu hoặc tham gia nghiên cứu các đề tài KH&CN trong đó có các nội dung bổ trợ cho hoạt động giảng dạy môn học/mô đun; khả năng vận dụng các kết quả nghiên cứu của các đề tài KH&CN vào hoạt động giảng dạy môn học/ mô đun.	
C	Khả năng tự nghiên cứu các đề tài KH&CN trong đó có các nội dung bổ trợ cho hoạt động giảng dạy môn học/mô đun; khả năng vận dụng các kết quả nghiên cứu của các đề tài KH&CN vào hoạt động giảng dạy môn học/ mô đun.	

TỔNG HỢP CÁC ĐÁP ÁN ĐÚNG CỦA TỪNG CÂU HỎI

(Nội dung này không gửi tới người trả lời câu hỏi trắc nhiệm)

Câu hỏi **1: A**	Câu hỏi **6: C**	Câu hỏi **11: A**	Câu hỏi **16: C**	Câu hỏi **21: B**
Câu hỏi **2: C**	Câu hỏi **7: A**	Câu hỏi **12: C**	Câu hỏi **17: B**	Câu hỏi **22: A**
Câu hỏi **3: B**	Câu hỏi **8: B**	Câu hỏi **13: C**	Câu hỏi **18: A**	Câu hỏi **23: B**
Câu hỏi **4: B**	Câu hỏi **9: C**	Câu hỏi **14: A**	Câu hỏi **19: A**	Câu hỏi **24: C**
Câu hỏi **5: A**	Câu hỏi **10: B**	Câu hỏi **15: B**	Câu hỏi **20: C**	Câu hỏi **25: B**

Phụ lục 6

BẢNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHẬN THỨC VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Đề nghị quý Ông (Bà) *lựa chọn một đáp án đúng* trong các đáp án A hoặc B, hoặc C đã có trong từng câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu ✓ vào cột bên phải của mỗi đáp án đó ?

Câu hỏi 1. ***Những nhiệm vụ và giải pháp then chốt để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay?***

Các đáp án		Trả lời
A	Đổi mới tư duy giáo dục; Đổi mới quản lý giáo dục; Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục.	
B	Đổi mới quản lý giáo dục; Đổi mới kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục.	
C	Đổi mới quản lý giáo dục; phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; Đổi mới kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục.	

Câu hỏi 2. ***Những nhiệm vụ và giải pháp đột phá để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay?***

Các đáp án		Trả lời
A	Đổi mới tư duy giáo dục; Đổi mới quản lý giáo dục; Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục.	
B	Đổi mới kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục.	
C	Đổi mới quản lý giáo dục; phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; Đổi mới kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục.	

Câu hỏi 3: ***Yêu cầu chuyển đổi mạnh nhất đối với quá trình giáo dục để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn hiện nay ?***

Các đáp án		Trả lời
A	Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng.	
B	Chuyển sự quản lý của Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo sang hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục và đào tạo	
C	Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.	

Câu hỏi 4. ***Tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá uy tín, chất lượng của cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và là căn cứ để định hướng phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo và ngành nghề đào tạo?***

Các đáp án		Trả lời
A	Hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo.	
B	Coi sự chấp nhận của thị trường lao động đối với người học là tiêu chí quan trọng nhất.	
C	Chất lượng đào tạo thể hiển ở các tiêu chí kiến thức, kỹ năng và thái độ người học qua kiểm tra, đánh giá của cơ sở đào tạo	

Câu hỏi 5. ***Điều cần thiết nhất trong đổi mới việc xác định mục tiêu đào tạo của các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay?***

Các đáp án		Trả lời
A	Xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo.	
B	Tập trung vào đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề.	
C	Tập trung vào đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề.	

Câu hỏi 6. ***Các chức năng cơ bản của quản lý?***

Các đáp án		Trả lời
A	Kế hoạch hoá; Tổ chức; Bố trí biên chế; Chỉ đạo; Phối hợp: Tổng kết; Quyết toán ngân sách.	
B	Kế hoạch hoá; Tổ chức; Chỉ đạo, ra lệnh (hay chỉ huy); phối hợp; Kiểm tra.	
C	Kế hoạch hóa; Tổ chức; Chỉ đạo; Kiểm tra.	

Câu hỏi 7. ***Các phương pháp quản lý chủ yếu của người quản lý?***

Các đáp án		Trả lời
A	Phương pháp tổ chức - hành chính; Phương pháp tâm lý - xã hội; Phương pháp dùng lợi ích kinh tế.	
B	Phương pháp quản lý bằng pháp trị; Phương pháp quản lý bằng đức trị; Phương pháp tổ chức - hành chính; Phương pháp tâm lý - xã hội.	
C	Phương pháp tổ chức - hành chính; Phương pháp quản lý bằng pháp trị; Phương pháp tâm lý - xã hội; Phương pháp dùng lợi ích kinh tế.	

Câu hỏi 8. ***Các nguyên tắc cơ bản của quản lý giáo dục?***

Các đáp án		Trả lời
A	Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng; Tập trung dân chủ; Phân cấp quản lý; Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý lãnh thổ; Phối hợp hiệu quả các phương pháp quản lý; Toàn diện và tập trung xử lý khâu yếu; Tiết kiệm và hiệu quả.	
B	Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng; Tập trung dân chủ; Phân cấp quản lý; Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý lãnh thổ; Kết hợp hài hòa các lợi ích; Phối hợp hiệu quả các phương pháp quản lý; Toàn diện và tập trung xử lý khâu yếu; Tiết kiệm và hiệu quả.	
C	Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng; Tập trung dân chủ; Kết hợp hài hòa các lợi ích; Phối hợp hiệu quả các phương pháp quản lý; Toàn diện và tập trung xử lý khâu yếu; Tiết kiệm và hiệu quả.	

Câu hỏi 9. ***Các nhóm kỹ năng quản lý cần phải có của người quản lý?***

Các đáp án		Trả lời
A	Nhóm kỹ năng kỹ thuật; Nhóm kỹ năng liên nhân cách; Nhóm kỹ năng khái quát hóa, Nhóm kỹ năng giao tiếp.	
B	Nhóm các kỹ năng cứng (gồm kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành các hoạt động quản lý, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề ....); Nhóm các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học....).	
C	Nhóm kỹ năng chuyên môn; Nhóm kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống, Nhóm kỹ năng giao tiếp và liên nhận cách.	

Câu hỏi 10. ***Các bước để giải quyết tình huống có vấn đề trong quản lý?***

Các đáp án		Trả lời
A	Nhận biết đó là một vấn đề; Xác định trách nhiệm giải quyết vấn đề; Phân tích vấn đề và lựa chọn giải pháp giải quyết vấn đề; Theo dõi, đánh giá kết quả triển khai giải pháp và ra các quyết định điều chỉnh.	
B	Nhận biết tình huống có vấn đề trong quản lý; Xác định trách nhiệm giải quyết vấn đề; Phân tích vấn đề để tìm nguyên nhân; Tìm và triển khai giải pháp; Đánh giá kết quả triển khai giải pháp và ra các quyết định điều chỉnh.	
C	Nhận biết tình huống có vấn đề trong quản lý; Xác định chủ sở hữu (trách nhiệm) giải quyết vấn đề; Phân tích vấn đề để tìm nguyên nhân; Tìm và lựa chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề; Thực thi (triển khai) giải pháp; Theo dõi, đánh giá kết quả triển khai giải pháp và ra các quyết định điều chỉnh.	

Câu hỏi 11. ***Các thành tố của quá trình đào tạo nguồn nhân lực theo lý luận giáo dục học?***

Các đáp án		Trả lời
A	Mục tiêu; Chương trình; Nội dung; Phương pháp; Hình thức tổ chức; Lực lượng đào tạo; Hoạt động dạy học; CSVC&TBĐT; Điều kiện đào tạo; Kết quả đào tạo.	
B	Mục tiêu đào tạo; Chương trình đào tạo; Tuyển sinh; Lực lượng đào tạo (người quản lý, người dạy, người học và người phục vụ); Dạy và học trong quá trình đào tạo; CSVC&TBĐT; Môi trường đào tạo; Đánh giá kết quả đào tạo.	
C	Mục tiêu đào tạo; Chương trình và nội dung đào tạo; Tuyển sinh; Lực lượng đào tạo; Giảng dạy và học tập trong quá trình đào tạo; Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo; Môi trường đào tạo; Đánh giá kết quả đào tạo.	

Câu hỏi 12. ***Các thành tố trong mô hình CIPO của UNESCO về đào tạo nguồn nhân lực ?***

Các đáp án		Trả lời
A	Đầu vào (*Chương trình và nội dung đào tạo, Đội ngũ nhân lực, CSVC&TBĐT, Tuyển sinh*); Quá trình (*dạy và học*); Đầu ra (*kết quả đào tạo*); Tác động của môi trường (*bối cảnh thời đại, sự phát triển của KH&CN, sự tham gia các tổ chức sử dụng nguồn nhân lực*).	
B	Đầu vào (*Nhu cầu đào tạo, Chương trình, Đội ngũ nhân lực, CSVC&TBĐT, Tuyển sinh*); Quá trình (*Dạy học*); Đầu ra (*Đánh giá kết quả đào tạo, Các hoạt động sau đào tạo*); Tác động của môi trường (*Bối cảnh thời đại, Chính sách và pháp luật*).	
C	Đầu vào (*Nhu cầu đào tạo, Chương trình, Đội ngũ nhân lực, CSVC&TBĐT, Tuyển sinh*); Quá trình (*Giảng dạy của người dạy, Học tập của người học*); Đầu ra (*Đánh giá kết quả đào tạo, Các hoạt động sau đào tạo*); Tác động của môi trường đào tạo (*Bối cảnh thời đại, Sự phát triển của KH&CN, Sự tham gia của các tổ chức sử dụng nguồn nhân lực*).	

Câu hỏi 13. ***Các vai trò của người hiệu trưởng trường học trong thời đại ngày nay?***

Các đáp án		Trả lời
A	Nhà lãnh đạo đương đại *(Hoạch định sự phát triển, đề xướng sự thay đổi, phát triển các nguồn lực, thúc đẩy sự phát triển, duy trì sự phát triển bền vững)*; Nhà quản lý đương đại (*Đại diện cho chính quyền về thực thi luật pháp, hạt nhân phát triển và điều hành đội ngũ, chủ sự quản lý nguồn lực vật chất, tác nhân tạo dựng môi trường giáo dục, chủ thể quản lý hệ thống thông tin quản lý giáo dục)*; Nhà giáo đương đại *(Nhà giáo dục toàn cầu , nhà tư vấn tâm lý, nhà khoa học giáo dục, nhà văn hóa trường học, nhà đạo đức học).*	
B	Nhà lãnh đạo *(Hoạch định sự phát triển, đề xướng sự thay đổi, phát triển các nguồn lực, thúc đẩy sự phát triển, duy trì sự phát triển)*; Nhà quản lý (*Đại diện cho chính quyền về luật pháp, hạt nhân phát triển và điều hành đội ngũ, chủ sự quản lý nguồn lực vật chất, tác nhân tạo dựng môi trường, chủ thể quản lý hệ thống thông tin).*	
C	Nhà lãnh đạo *(Hoạch định sự phát triển, đề xướng sự thay đổi, phát triển các nguồn lực, thúc đẩy sự phát triển, duy trì sự phát triển)*; Nhà quản lý (*Đại diện cho chính quyền về luật pháp, hạt nhân phát triển đội ngũ, chủ sự quản lý nguồn lực vật chất, tác nhân để tạo dựng môi trường, chủ thể quản lý hệ thống thông tin)*; Nhà giáo *(dạy học và giáo dục).*	

Câu hỏi 14. ***Các năng lực chung của cán bộ quản lý trường học?***

Các đáp án		Trả lời
A	Năng lực về vận dụng luật pháp; Năng lực tổ chức bộ máy và điều hành nguồn nhân lực; Năng lực về quản lý kinh tế (tài chính - CSVC&TBĐT); Năng lực về giao tiếp (để xây dựng môi trường đào tạo thuận lợi); Năng lực công nghệ thông tin.	
B	Năng lực cụ thể hóa và thực thi luật pháp; Năng lực thiết lập tổ chức bộ máy và điều hành nguồn nhân lực ; Năng lực quản lý kinh tế (tài chính – CSVC&TBĐT); Năng lực giao tiếp để xây dựng môi trường đào tạo); Năng lực quản lý Hệ thống thông tin quản lý trường học.	
C	Năng lực về thực thi luật pháp; Năng lực tổ chức và điều hành bộ máy quản lý; Năng lực về quản lý CSVC&TBĐT; Năng lực về giao tiếp; Năng lực công nghệ thông tin.	

Câu hỏi 15. ***Các năng lực cụ thể của cán bộ quản lý trường học trong triển khai các chức năng cơ bản của quản lý quá trình đào tạo nguồn nhân lực?***

Các đáp án		Trả lời
A	Thiết lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, chỉ đạo thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực; kiểm tra thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực.	
B	Các năng lực về kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra các thành tố của quá trình đào tạo nguồn nhân lực (xác định nhu cầu và mục tiêu đào tạo, thiết lập chương trình đào tạo, chuẩn bị các nguồn lực, tuyển sinh, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo, triển khai các hoạt động sau đào tạo).	
C	Kế hoạch hóa hoạt động đào tạo, tổ chức hoạt động đào tạo, chỉ đạo hoạt động đào tạo; kiểm tra và đánh giá hoạt động đào tạo .	

Câu hỏi 16. ***Hoạt động chủ yếu của chủ thể quản lý trường học đối với xác định nhu đào tạo nguồn nhân lực?***

Các đáp án		Trả lời
A	- Tổ chức, chỉ đạo các bộ phận chức năng điều tra xã hội học về: + Nhu cầu học tập của người học; + Nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực. - Tổ chức, chỉ đạo thiết lập Báo cáo phân tích về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực.	
B	- Tổ chức, chỉ đạo các bộ phận chức năng điều tra xã hội học về: + Nhu cầu học tập của người học; + Nhu cầu sử dụng lao động . - Tổ chức, chỉ đạo thiết lập Báo cáo phân tích về nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực.	
C	- Tổ chức, chỉ đạo các bộ phận chức năng điều tra xã hội học về: + Nhu cầu học tập của người học; + Nhu cầu của các tổ chức sử dụng nguồn nhân lực về kiến thức, kỹ năng và thái độ theo chuyên môn nghề đào tạo. - Tổ chức, chỉ đạo hoạt động thiết lập Báo cáo phân tích về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực để sử dụng trong xác định mục tiêu và chương trình đào tạo.	

Câu hỏi 17. ***Hoạt động chủ yếu của chủ thể quản lý trường học đối với xác định mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Tổ chức, chỉ đạo Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường nghiên cứu Báo cáo phân tích về nhu cầu đào tạo; từ đó định hướng các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần có của người học sau tốt nghiệp.	
B	Tổ chức, chỉ đạo việc phối hợp Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường và đại diện các tổ chức sử dụng nguồn nhân lực nghiên cứu Báo cáo phân tích về nhu cầu đào tạo; từ đó định hướng các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần có của người học sau tốt nghiệp (chuẩn đầu ra) theo từng chuyên ngành đào tạo.	
C	Tổ chức và chỉ đạo các nhà khoa học, các nhà quản lý của Trường và của các tổ chức, doanh nghiệp định hướng các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần có của người học sau tốt nghiệp (chuẩn đầu ra) theo từng chuyên ngành đào tạo.	

Câu hỏi 18. ***Hoạt động chủ yếu của chủ thể quản lý trường học đối với phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Tổ chức và chỉ đạo: - Thiết lập chương trình đào tạo; - Ban hành chương trình; - Triển khai chương trình; - Đánh giá chương trình và điều chỉnh.	
B	Tổ chức và chỉ đạo: - Dự thảo chương trình đào tạo; - Thẩm định dự thảo chương trình đào tạo; - Ban hành chương trình; - Triển khai chương trình;	
C	Tổ chức và chỉ đạo: - Dự thảo chương trình đào tạo; - Thẩm định dự thảo chương trình để có chương trình chính thức; - Ban hành chương trình; - Triển khai chương trình; - Đánh giá chương trình sau khóa đào tạo và tiếp tục điều chỉnh.	

Câu hỏi 19. ***Hoạt động chủ yếu của chủ thể quản lý trường học đối với tuyển sinh trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Tổ chức và chỉ đạo: - Xác định chỉ tiêu trên cơ sở nhu cầu đào tạo và năng lực đào tạo của trường - Báo cáo và xét duyệt chỉ tiêu - Tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển theo chỉ tiêu - Đón tiếp sinh viên - Phổ biến quy chế đào tạo	
B	Tổ chức và chỉ đạo: - Xác định chỉ tiêu trên cơ sở nhu cầu đào tạo - Báo cáo và xét duyệt chỉ tiêu - Tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển - Đón tiếp sinh viên	
C	Tổ chức và chỉ đạo: - Xác định chỉ tiêu trên cơ sở năng lực đào tạo của trường - Báo cáo xin duyệt chỉ tiêu - Tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển theo chỉ tiêu - Đón tiếp sinh viên	

Câu hỏi 20. ***Hoạt động chủ yếu của chủ thể quản lý trường học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên trong đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Tổ chức, chỉ đạo trưởng các Khoa (hoặc Bộ môn trực thuộc) để họ: - Giám sát giảng viên soạn kế hoạch dạy học, giảng dạy lý thuyết và hướng dẫn thực hành. - Giám sát giảng viên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sinh viên.	
B	Tổ chức, chỉ đạo trưởng các Khoa (hoặc Bộ môn trực thuộc) để họ chỉ đạo giảng viên: - Tham gia phát triển chương trình đào tạo; viết hoặc tham gia viết giáo trình môn học; đảm nhiệm dạy môn học/ modul - Soạn kế hoạch dạy học, triển khai kế hoạch đó; kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên. - Nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động bổ trợ cho dạy học	
C	Tổ chức, chỉ đạo trưởng các Khoa (hoặc Bộ môn trực thuộc): - Phân công giảng viên viết hoặc tham gia viết giáo trình môn học - Phân công giảng viên đảm nhiệm giảng dạy môn học/ modul - Giám sát hoạt động soạn kế hoạch dạy học, giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên.	

Câu hỏi 21. ***Hoạt động chủ yếu của chủ thể quản lý trường học đối với hoạt động học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Phối hợp các khoa (bộ môn trực thuộc) với các phòng chức năng và với ban cán sự các lớp để tổ chức và chỉ đạo sinh viên: - Thiết lập, phê duyệt kế hoạch học tập cá nhân - Thực hiện hiệu quả hoạt động học tập trên lớp - Thực hiện hiệu quả hoạt động thực hành và thực tập nghề nghiệp - Thực hiện hiệu quả hoạt động tự học tại Thư viện, Ký túc xá, ... - Tham gia các hoạt động xã hội để bổ trợ cho học tập.	
B	Tổ chức và chỉ đạo: - Thực hiện hiệu quả hoạt động học tập trên lớp - Thực hiện hiệu quả hoạt động thực hành và thực tập nghề - Thực hiện hiệu quả hoạt động tự học tại Thư viện, Ký túc xá,... - Tham gia các hoạt động xã hội để bổ trợ cho học tập.	
C	Tổ chức và chỉ đạo các khoa: - Phê duyệt kế hoạch học tập của cá nhân sinh viên - Giám sát có hiệu quả hoạt động học tập của sinh viên trên lớp - Giám sát hoạt động thực hành và thực tập nghề của sinh viên - Giám sát hoạt động tự học tại Thư viện, Ký túc xá	

Câu hỏi 22. ***Hoạt động chủ yếu của chủ thể quản lý trường học đối với quản lý CSVC&TBĐT theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Tổ chức, chỉ đạo các Phòng chức năng: - Quản lý sử dụng hết công suất CSVC&TBĐT - Quản lý hoạt động bảo quản CSVC&TBĐT - Quản lý hoạt động phát triển CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.	
B	Tổ chức, chỉ đạo các Phòng chức năng: - Mua sắm, trang bị kịp thời và đầy đủ CSVC&TBĐT. - Quản lý sử dụng hết công suất CSVC&TBĐT - Quản lý hoạt động bảo quản CSVC&TBĐT	
C	Tổ chức, chỉ đạo các Phòng chức năng: - Xây dựng, mua sắm, trang bị CSVC&TBĐT kịp thời và đầy đủ theo nhu cầu sử dụng trong đào tạo. - Quản lý sử dụng hết công suất CSVC&TBĐT - Quản lý hoạt động bảo quản CSVC&TBĐT - Quản lý hoạt động phát triển CSVC&TBĐT theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.	

Câu hỏi 23. ***Hoạt động chủ yếu của chủ thể quản lý trường học đối với quản lý môi trường đào tạo nguồn nhân lực theo chuẩn đầu ra?***

Các đáp án		Trả lời
A	Phối hợp với các Khoa, phòng chức năng, các tổ chức chính trị và đoàn thể ở trong và ngoài trường để tổ chức và chỉ đạo: - Thiết lập và duy trì môi trường pháp lý có hiệu lực; - Thiết lập và duy trì môi trường văn hóa nhà trường; - Liên kết và hợp tác trong nước và quốc tế về đào tạo; - Huy động mọi lực lượng giáo dục tham gia vào quá trình đào tạo.	
B	Phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức và chỉ đạo: - Thiết lập và duy trì môi trường pháp lý có hiệu lực; - Thiết lập và duy trì môi trường văn hóa nhà trường; - Huy động mọi lực lượng giáo dục tham gia vào quá trình đào tạo.	
C	Phối hợp với các Khoa, phòng chức năng, các tổ chức chính trị và đoàn thể ở trong và ngoài trường để tổ chức và chỉ đạo: - Thiết lập và duy trì môi trường pháp lý có hiệu lực; - Thiết lập và duy trì môi trường văn hóa nhà trường; - Liên kết và hợp tác trong nước và quốc tế về đào tạo.	

Câu hỏi 24. ***Hoạt động chủ yếu của chủ thể quản lý trường học đối với đánh giá kết quả đào tạo và kiểm định chương trình đào tạo?***

Các đáp án		Trả lời
A	Phối hợp với các Khoa, phòng chức năng để tổ chức và chỉ đạo: - Thực hiện có chất lượng hoạt động đánh giá trong một chương trình đào tạo; - Chịu sự đánh giá ngoài về chương trình đào tạo của tổ chức kiểm định chương trình đào tạo.	
B	Phối hợp với các Khoa, phòng chức năng để tổ chức và chỉ đạo: - Đánh giá kết qủa đào tạo (thi hết môn học, thi tốt nghiệp) trên cơ sở các tiêu chí của mục tiêu đào tạo; - Thực hiện có chất lượng đánh giá trong chương trình đào tạo; - Tiếp nhận kết quả đánh giá ngoài về chương trình đào tạo của tổ chức kiểm định chương trình đào tạo và cải tiến quá trình đào tạo.	
C	Phối hợp với các Khoa, phòng chức năng để tổ chức và chỉ đạo: - Đánh giá kết qủa đào tạo (thi hết môn học, thi tốt nghiệp) trên cơ sở các tiêu chí của mục tiêu đào tạo; - Thực hiện có chất lượng hoạt động đánh giá trong và đánh giá ngoài của tổ chức kiểm định; - Cải tiến chương trình đào tạo.	

Câu hỏi 25. ***Hoạt động chủ yếu của chủ thể quản lý trường học đối với các hoạt động sau khóa đào tạo nguồn nhân lực theo chuẩn đầu ra ?***

Các đáp án		Trả lời
A	Tổ chức, chỉ đạo việc phối hợp các khoa với phòng chức năng để: - Xin ý kiến đánh giá của các tổ chức tuyển dụng về mức độ thỏa mãn của họ đối với kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên; - Xin ý kiến của cựu sinh viên về mức độ đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ khi họ thực nghiệp; - Xin ý kiến của các cơ quan quản lý nguồn nhân lực về mức độ đáp ứng của sản phẩm đào tạo của trường; - Xác định nguyên nhân về thực trạng sản phẩm đào tạo; - Đề xuất, triển khai giải pháp đổi mới (cải tiến) đào tạo.	
B	Phối hợp các khoa và phòng chức năng để tổ chức và chỉ đạo: - Xin ý kiến đánh giá của các tổ chức sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp về mức độ thỏa mãn của họ kiến thức, kỹ năng và thái độ; - Xác định nguyên nhân về mức độ đáp ứng của sản phẩm đào tạo; - Đề xuất và triển khai các giải pháp đổi mới (cải tiến) hoạt động đào tạo của nhà trường.	
C	Phối hợp các khoa và phòng chức năng để tổ chức và chỉ đạo: - Xin ý kiến đánh giá của các tổ chức sử dụng sinh viên đã tốt nghiệp về mức độ thỏa mãn của họ kiến thức, kỹ năng và thái độ; - Xin ý kiến của cựu sinh viên về mức độ đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ khi họ thực nghiệp; - Đề xuất và triển khai các giải pháp đổi mới (cải tiến) hoạt động đào tạo của nhà trường.	

TỔNG HỢP CÁC ĐÁP ÁN ĐÚNG CỦA TỪNG CÂU HỎI

(Nội dung này không gửi tới người trả lời câu hỏi trắc nhiệm)

Câu hỏi **1: A**	Câu hỏi **6: C**	Câu hỏi **11: B**	Câu hỏi **16: C**	Câu hỏi **21: A**
Câu hỏi **2: B**	Câu hỏi **7: A**	Câu hỏi **12: C**	Câu hỏi **17: B**	Câu hỏi **22: C**
Câu hỏi **3: C**	Câu hỏi **8: B**	Câu hỏi **13: A**	Câu hỏi **18: C**	Câu hỏi **23: A**
Câu hỏi **4: B**	Câu hỏi **9: A**	Câu hỏi **14: B**	Câu hỏi **19: A**	Câu hỏi **24: B**
Câu hỏi **5: A**	Câu hỏi **10: C**	Câu hỏi **15: B**	Câu hỏi **20: B**	Câu hỏi **25: A**